

**TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**



**HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
(ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN)**

Tên ngành đào tạo: Tâm lý học

Mã số : 7310401

Trình độ đào tạo : Đại học

Tên cơ sở đào tạo : Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

HÀ NỘI, NĂM 2020

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	8
1. Giới thiệu khái quát về Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.....	8
2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành.....	9
2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.....	9
2.2. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng và quốc gia.....	Error! Bookmark not defined.
2.3. Một số thông tin về cơ hội việc làm của sinh viên ngành Tâm lý học	9
II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	11
1. Đội ngũ giảng viên.....	11
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	13
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	23
4. Về chương trình đào tạo (bao gồm đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu) và các điều kiện khác để thực hiện chương trình.....	25
5. Hội đồng khoa học đào tạo của Học viện đã thông qua đề án mở ngành đào tạo (<i>có Biên bản kèm theo</i>).	25
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	26
1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	26
2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO.....	28
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ.....	28
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	28
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	28
6. THANG ĐIỂM.....	28
7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	28
8. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY	32
11. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	37
11.1. Triết học	Error! Bookmark not defined.
11.2. Kinh tế chính trị	Error! Bookmark not defined.
11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	Error! Bookmark not defined.
11.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Error! Bookmark not defined.

11.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học	Error! Bookmark not defined.
11.7. Tâm lý học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
11.8. Tin học.....	Error! Bookmark not defined.
11.9. Tiếng Anh 1.....	Error! Bookmark not defined.
11.10. Tiếng Anh 2.....	Error! Bookmark not defined.
11.11. Tiếng Anh 3.....	Error! Bookmark not defined.
11.12. Giáo dục thể chất.....	129
11.13. Giáo dục quốc phòng an ninh	Error! Bookmark not defined.
11.14. Khoa học quản lý	Error! Bookmark not defined.
11.15. Xã hội học đại cương	Error! Bookmark not defined.
11.16. Kỹ năng giao tiếp	Error! Bookmark not defined.
11.17. Đạo đức học	Error! Bookmark not defined.
11.18. Cơ sở văn hóa Việt nam.....	Error! Bookmark not defined.
11.19. Logic học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
11.20. Sinh lý thần kinh	Error! Bookmark not defined.
11.21. Lịch sử tâm lý học.....	Error! Bookmark not defined.
11.22. Tâm lý học phát triển	Error! Bookmark not defined.
11.23. Tâm lý học nhân cách	Error! Bookmark not defined.
11.24. Tâm lý học quản lý.....	Error! Bookmark not defined.
11.25. Tâm lý học xã hội.....	Error! Bookmark not defined.
11.26. Tham vấn tâm lý.....	Error! Bookmark not defined.
11.27. Hành vi con người và môi trường xã hội.....	Error! Bookmark not defined.
11.28. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học.....	Error! Bookmark not defined.
11.29. Tâm lý học văn hóa.....	263
11.30. Chẩn đoán tâm lý	Error! Bookmark not defined.
11.31. Tâm lý học gia đình.....	Error! Bookmark not defined.
11.32. Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.....	Error! Bookmark not defined.
11.33. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	285
11.34. Tâm lý học trường học	Error! Bookmark not defined.
11.35. Tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm.....	Error! Bookmark not defined.

11.36. Tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập	Error! Bookmark not defined.
11.37. Thực tập Tâm lý học	Error! Bookmark not defined.
11.38. Dân số và phát triển.....	Error! Bookmark not defined.
11.39. Khởi nghiệp trong thanh niên	Error! Bookmark not defined.
11.40. Sức khỏe tâm thần.....	Error! Bookmark not defined.
11.41. Vũ quốc tế	Error! Bookmark not defined.
11.42. Phát triển cộng đồng.....	Error! Bookmark not defined.
11.43. Những vấn đề cơ bản về Đoàn Hội Đội.....	350
11.44. Nghiệp vụ công tác Đoàn Hội Đội.....	Error! Bookmark not defined.
11.64. Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	Error! Bookmark not defined.
11.46. Các trường phái trong tâm lý học	Error! Bookmark not defined.
11.47. Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi	Error! Bookmark not defined.
11.48. Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập ...	Error! Bookmark not defined.
11.49. Đánh giá nhân cách và can thiệp.....	Error! Bookmark not defined.
11.50. Tham vấn và trị liệu nhóm	Error! Bookmark not defined.
11.51. Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp.....	407
11.52. Chẩn đoán đánh giá và can thiệp cho thanh thiếu nhi	Error! Bookmark not defined.
11.53. Đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn ..	Error! Bookmark not defined.
11.54. Tham vấn hôn nhân và gia đình.....	Error! Bookmark not defined.
11.55. Tham vấn trẻ em.....	Error! Bookmark not defined.
11.56. Tham vấn trẻ chậm phát triển trí tuệ và trẻ khuyết tật	Error! Bookmark not defined.
11.57. Thực hành tham vấn.....	452
11.58. Giáo dục kỹ năng sống.....	Error! Bookmark not defined.
11.59. Kỹ năng làm việc nhóm	Error! Bookmark not defined.
11.60. Kỹ năng xây dựng kế hoạch.....	Error! Bookmark not defined.

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam (tiền thân là trường Huấn luyện cán bộ, được thành lập năm 1956) là đơn vị trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu về công tác Đoàn, phong trào thanh thiếu niên. Trong nhiều năm qua, với tư cách là một cơ sở duy nhất tổ chức giảng dạy và nghiên cứu hệ thống kiến thức khoa học đa ngành về thanh thiếu niên và phong trào thanh thiếu niên, các hoạt động của Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện) đã có những đóng góp tích cực cho công tác giáo dục và rèn luyện thế hệ trẻ Việt Nam, đóng góp cho công tác xây dựng và đổi mới các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác thanh thiếu niên; đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và các biện pháp công tác cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong từng giai đoạn, từng thời kỳ của đất nước.

Với bề dày truyền thống hơn 63 năm xây dựng và phát triển, Học viện đã khẳng định được vị thế của mình, đào tạo 5 khoá Cao cấp chuyên ngành lịch sử (hệ 4 năm); 01 khóa liên kết đào tạo cử nhân ngành Xã hội học với trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; 47 khoá Trung cấp Lý luận chính trị và nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội (hệ 2 năm); 23 khoá đào tạo cán bộ cho Đoàn Thanh niên của các nước Lào với 810 học viên và 400 cán bộ cho Hội liên hiệp Thanh niên Campuchia, trên 100 khoá bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ làm công tác thanh thiếu niên chủ chốt ở các địa phương từ cấp xã trở lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện đã góp phần cung cấp đội ngũ cán bộ không chỉ cho hệ thống của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh mà còn cung cấp cán bộ cho Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, Học viện còn là cơ quan đỡ đầu, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo cán bộ làm công tác thanh thiếu niên; công tác nghiên cứu về thanh niên và phong trào thanh niên cho các trường Đoàn cấp tỉnh, thành phố và các khoa Thanh vận của các trường Chính trị các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ trương của Chính phủ và theo đề nghị của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ngày 10/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1769/QĐ-TTg nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo, giao nhiệm vụ cho Học viện đào tạo 03 ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, ngành Công tác Thanh thiếu niên và ngành Công tác xã hội. Đến nay, Học viện đã tuyển sinh và đào tạo 06 khóa hệ cử nhân các ngành nêu trên. Kể từ ngày thành lập đến nay, Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng được gần 50.000 học viên, sinh viên, trong đó đào tạo hệ đại học tập trung là hơn 1.700 sinh viên, hệ đại học vừa làm vừa học là 400 sinh viên. Về đào tạo trình độ đại học, Học viện là cơ sở đào tạo độc lập theo Quy chế, Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiện nay, Học viện có 06 ngành đào tạo; hàng năm tuyển sinh khoảng 700 sinh viên hệ chính quy, văn bằng hai và 200 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Bên cạnh công tác đào tạo, Học viện cũng đã triển khai thực hiện tốt nhiều đề tài khoa học. Kể từ năm 1995 đến nay, Học viện đã thực hiện trên 240 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 15 đề tài cấp cơ sở, 220 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài cấp Nhà nước, đăng tải trên 1000 bài báo khoa học, xuất bản khoảng 200 giáo trình, tập bài giảng và đề cương bài giảng phục vụ công tác đào tạo đại học.

2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Sứ mệnh: Học viện Thanh thiếu niên là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học về công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với hệ thống chính trị và nhu cầu của xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng ứng dụng có uy tín, đạt tiêu chuẩn có một số tiêu chí vượt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và khu vực Đông Nam Á, có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Hiện nay, Học viện đang đào tạo trình độ đại học 6 ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Công tác Thanh thiếu niên, Công tác xã hội, Luật, Quản lý nhà nước và Quan hệ công chúng. Do sự giao thoa giữa Tâm lý học với các lĩnh vực khác như Công tác xã hội, Công tác Thanh thiếu niên... nên việc mở ngành đào tạo Tâm lý học ở Học viện sẽ là ưu thế và là cơ hội thuận lợi để kết nối sức mạnh và kế thừa kinh nghiệm đào tạo của các ngành có liên quan trong Học viện. Mặt khác, sự giao thoa này còn thể hiện ở các khối kiến thức trong chương trình đào tạo của Học viện sẽ bảo đảm tính đa ngành, liên ngành. Sinh viên ngành Tâm lý học của Học viện sau khi tốt nghiệp ngoài việc đảm bảo những tiêu chuẩn đầu ra giống như các trường khác sẽ có những thế mạnh chuyên sâu về tâm lý thanh thiếu niên, được trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng từ các ngành liên quan trong Học viện như Công tác thanh niên và Công tác xã hội. Thêm vào đó, việc tổ chức đào tạo ngành Tâm lý học ở Học viện có thể liên thông ngang với các chương trình đào tạo của các ngành khác và liên thông dọc trong chương trình tuyển sinh hiện hành của Học viện.

Trên cơ sở xác định rõ vị trí, vai trò trong việc đào tạo, giảng dạy các kiến thức, kỹ năng, hoạt động về thanh thiếu niên, nhiều năm qua, Học viện đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ về các lĩnh vực thuộc thanh thiếu niên.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: Tâm lý học là ngành đào tạo có sự gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, phù hợp với Chiến lược phát triển và năng lực đào tạo của Học viện. Việc

mở ngành Tâm lý học của Học viện không những đáp ứng nhu cầu đào tạo cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, mà còn giải quyết nhu cầu của xã hội, xuất phát từ thực tiễn yêu cầu của xã hội trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước. Mở ngành Tâm lý học tại Học viện là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam với mục tiêu phát triển giáo dục, nâng cao năng lực, ý thức pháp luật cho thanh niên và trách nhiệm của thanh niên đối với bản thân, gia đình, xã hội.

2.2. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng và quốc gia

Trong bối cảnh đất nước đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, xét về khía cạnh tâm lý, con người, nhất là thanh thiếu niên Việt Nam đang bị tác động mạnh mẽ, thể hiện ở sự thay đổi thang giá trị, chuẩn mực giá trị, thước đo giá trị, định hướng giá trị; nhiều vấn đề tâm lý xã hội đang đặt ra, nhất là đối với thanh thiếu niên cần được quan tâm giải quyết như: Bạo lực, phạm tội, trầm cảm, trẻ tự kỷ, tự tử tập thể, nghiện game.... Vì vậy, nhu cầu tư vấn tâm lý, trị liệu tâm lý ngày càng cao. Trong các trường học nhu cầu tư vấn tâm lý, tham vấn cho học sinh, sinh viên cũng đang trở thành nhu cầu cấp thiết để hỗ trợ cho các bạn trẻ.

Để thực hiện tốt các hoạt động tham vấn, tư vấn, nhất là tư vấn tâm lý cho các bạn trẻ, người tư vấn cần được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về tham vấn, tư vấn tâm lý. Vì vậy, việc đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên tâm lý chuyên nghiệp làm việc trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là tư vấn học đường, tư vấn cho thanh thiếu niên có nhu cầu rất lớn và cấp thiết. Với chức năng hiện có, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đào tạo đại học ngành tâm lý học là phù hợp, sinh viên được đào tạo ngành này sau khi tốt nghiệp ra trường có thể làm trong các cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp, cũng như trong các sở sở giáo dục và nhiều các cơ quan, tổ chức khác.

Học viện đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi nhu cầu nhân lực đối với ngành Tâm lý học trình độ đại học được thực hiện tại 03 tỉnh/thành phố đối với 55 cơ quan, tổ chức, trường học.. về nhu cầu tuyển dụng cử nhân ngành tâm lý học tại 03 tỉnh: Hà Nội, Hà Nam, Bắc Giang. Các cơ quan, đơn vị được khảo sát sẵn sàng tiếp nhận cử nhân tốt nghiệp ngành Tâm lý học có kiến thức, nghiệp vụ về tư vấn học đường, tư vấn thanh thiếu niên (có phiếu khảo sát và báo cáo kèm theo).

Có thể khẳng định, Tâm lý học là ngành đào tạo có sự gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, phù hợp với năng lực đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Việc mở ngành Tâm lý học tại Học viện không những đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, mà còn đáp ứng nhu cầu của xã hội, tham gia giải quyết các vấn đề đang nảy sinh trong đời sống xã hội.

Hiện nay, Học viện hoàn toàn có đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có đủ trình độ và kinh nghiệm quản lý đào tạo...để tổ

chức đào tạo ngành Tâm lý học. Do vậy, việc đào tạo cử nhân tâm lý ở Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là rất cần thiết, đáp ứng yêu cầu của công tác Đoàn, phong trào thanh thiếu nhi và sự phát triển của đất nước.

2.3. Một số thông tin về cơ hội việc làm của sinh viên ngành Tâm lý học

Đối với ngành Tâm lý học có một số chuyên sâu như: Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học nhận thức, Tâm lý học cộng đồng, Tâm lý học tham vấn, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học công nghiệp và Tâm lý học cơ khí (engineering psychologist), nhà tâm lý học môi trường, nhà tâm lý học tiến hóa, nhà tâm lý học thực nghiệm, nhà tâm lý học pháp lý, nhà tâm lý học sức khỏe (health psychologist), nhà tâm lý học công nghiệp, nhà tâm lý học thần kinh; nhà tâm lý học đo lường và định lượng; nhà tâm lý học phục hồi chức năng; nhà tâm lý học đường; nhà tâm lý học thể dục thể thao; nhà tâm lý học xã hội.

Tương ứng với mỗi phân ngành hoặc định hướng chuyên ngành như trên, sau khi tốt nghiệp, sinh viên học chuyên ngành Tâm lý học có thể làm việc trong một số môi trường như bệnh viện, trong tòa án, trong trường học, trong các trung tâm sức khỏe cộng đồng, trong nhà tù và trong các văn phòng công ty. Các nhà tâm lý học cũng làm việc với các nhà quản lý doanh nghiệp, những diễn viên, và các vận động viên để giảm thiểu sự căng thẳng và gia tăng thành quả. Các nhà tâm lý cũng cố vấn cho các luật sư trong việc lựa chọn ban bồi thẩm và hợp tác với các nhà giáo dục trong việc đổi mới trường học. Hoặc trong trường hợp ngay lập tức phản ứng với các thảm họa như rơi máy bay hoặc bị đánh bom, các nhà tâm lý học sẽ giúp nạn nhân và những người chứng kiến vượt qua các thương chấn, những cú sốc nặng được gây ra bởi các biến cố này. Trong bệnh viện, các nhà tâm lý học làm việc với bệnh nhân để giúp họ thay đổi các hành vi có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể lý của họ. Trên thế giới, các nhà tâm lý học có thể làm việc độc lập và cũng đồng thời làm việc trong nhóm với các chuyên gia khác như bác sĩ y khoa, luật sư, nhân sự trường học, chuyên gia máy tính, nhà xây dựng chính sách và các nhà quản lý.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện đáp ứng các điều kiện theo thông tư số 22/2017/TTBGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học. *(Minh chứng tại Phụ lục 2: Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện)*

Khoa Công tác Xã hội có đội ngũ giảng viên cơ hữu 23 giảng viên, trong đó có 08 Tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 03 cử nhân công tác tại 3 tổ bộ môn

Khoa Công tác xã hội được thành lập và phát triển từ khoa Khoa học cơ sở. Khoa được thành lập từ năm 1994 với nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy, hợp tác đào tạo các môn học là cơ sở ngành cho tất cả các ngành đào tạo và chuyên ngành của khoa Công tác xã hội. Đến tháng 12 năm 2019, khoa Công tác xã hội

đã đào tạo được 5 khóa trung cấp ngành Công tác xã hội đã tốt nghiệp và 4 khóa sinh viên trình độ đại học ra trường. Sinh viên sau khi tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo cao và một số sinh viên tiếp tục học sau đại học. Trình độ giảng viên của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của xã hội, sẵn sàng tiếp cận cái mới, phát triển theo kịp sự tiến bộ của xã hội.

Trình độ giảng viên của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của xã hội, sẵn sàng tiếp cận cái mới, phát triển theo kịp sự tiến bộ của xã hội. Cơ cấu giảng viên của khoa Công tác xã hội có số giảng viên cơ hữu là 23, trong đó có 02 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 03 cử nhân (trong đó có 01 đang học chuyển tiếp nghiên cứu sinh từ đại học, 01 giảng viên chính, 01 đang học thạc sĩ).

Giảng viên của Khoa tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu khoa học. Giảng viên của Khoa có 7 đề tài cấp Bộ, 14 đề tài cấp cơ sở, nhiều bài báo được xuất bản trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo quốc tế và quốc gia.

Chịu trách nhiệm chủ trì và tổ chức thực hiện chương trình ngành Tâm lý học gồm có các giảng viên cơ hữu của Khoa Công tác Xã hội gồm: 8 tiến sĩ, 9 thạc sĩ, 1 cử nhân đang học cao học cùng ngành, ngành gần sau đây tham gia (*có lý lịch khoa học và bản sao bằng tốt nghiệp kèm theo trong phụ lục*):

STT	Họ và tên	Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo
1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	PGS (2018) Tiến sĩ, Việt Nam 2008	Tâm lý học
2	Đỗ Ngọc Hà	Tiến sĩ, Việt Nam	Tâm lý học
3	Phạm Ngọc Linh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Tâm lý học
4	Lê Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Tâm lý học
5	Nguyễn Tuấn Anh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lý học
6	Vũ Kim Xuyên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lý học
7	Phan Thị Thảo	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Tâm lý học
8	Lê Thanh Khiết	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lý học
9	Vũ Long Khánh	Cử nhân, Việt Nam, 2016 (Đang học NCS)	Tâm lý học
10	Nguyễn Minh Chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Giáo dục học
11	Phạm Thị Thanh Mai	Thạc sĩ, Việt Nam 1998	Giáo dục học
12	Trần Quang Đức	Cử nhân, Việt Nam, 1989	Tâm lý giáo dục
13	Nguyễn Trọng Tiến	Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Quản lý giáo dục

14	Đặng Thị Ánh Tuyết	PGS (2016) Tiến sĩ, Việt Nam 2000	Xã hội học
15	Lê Thu Hiền	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Xã hội học
16	Phan Thanh Nguyệt	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Xã hội học
17	Nguyễn Thị Bình	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Xã hội học
18	Đào Thị Tinh	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công tác xã hội
19	Trần Thị Hà	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công tác xã hội
20	Nguyễn Ngọc Tùng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công tác xã hội
21	Ngô Thu Trà My	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công tác xã hội
22	Bùi Phương Thảo	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công tác xã hội
23	Vũ Hồng Nhung	Cử nhân, đang học thạc sĩ	Công tác xã hội

Giảng viên cơ hữu của Khoa Công tác xã hội và các khoa, đơn vị khác của Học viện (dạy các môn chung) đảm nhiệm giảng dạy 100% khối lượng chương trình đào tạo trong Kế hoạch giảng dạy dự kiến (phụ lục kèm theo Đề án).

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Học viện đã trang bị hệ thống phòng học, giảng đường, phòng chức năng, thực hành đủ đáp ứng cho nhu cầu học tập, nghiên cứu và tự học của sinh viên và giảng viên. Sinh viên ngành Tâm lý học có đầy đủ giáo trình, sách tham khảo và chuyên khảo được cung cấp tại Thư viện của Học viện.

2.1. Phòng học, giảng đường

Bảng 2: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m ²)
01	Phòng học, giảng đường:	50	6.050	Âm ly, loa, micro	50 bộ	Tất cả các	
				Máy chiếu, màn chiếu	50 bộ		

				Máy tính	50 bộ	học phần
				Bàn ghế	1.130 bộ	
				Điều hòa	68 chiếc	
	Hội trường lớn	01	2300	Âm ly, loa, micro	01 bộ	Hội nghị, Hội thảo
				Máy chiếu, màn chiếu	01 bộ	
				Máy tính	01 bộ	
				Bàn ghế	550 bộ	
				Điều hòa	08 chiếc	
03	Phòng máy tính	02	240	Máy tính	110 bộ	Các Học phần Tin học
				Máy chiếu, màn chiếu	02 bộ	

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo

Bảng 3: Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ
1	Phòng máy tính	240	Máy tính	120	Tin học đại cương Phục vụ giảng dạy, học tập
			Máy chiếu, màn chiếu	03	Phục vụ giảng dạy
2	Phòng thực hành	300	Điều hòa, Âm ly, loa đài, trang thiết bị phục vụ học tập các môn kỹ năng, Máy chiếu	02	Phục vụ giảng dạy các môn kỹ năng
3	Nhà tập đa	335	Máy tính, tai	45	Tiếng Anh

	năng		nghe	
			Điều hòa, Âm ly, loa đài, trang thiết bị phục vụ học tập các môn kỹ năng, Giáo dục thể chất	Phục vụ giảng dạy
				Phục vụ giảng dạy

2.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

2.3.1. Thư viện

Thư viện có diện tích 600 m², trong đó:

- + Diện tích phòng đọc: 400m²
- + Số chỗ ngồi: 90 chỗ
- + Số lượng máy tính phục vụ tra cứu 10 máy, có kết nối internet
- + Phần mềm quản lý thư viện: Ilib 4.6
- + Phần mềm tra cứu văn bản luật: 2
- + Số lượng sách, giáo trình các loại: 37.809 bản
- + Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo: trên 50 đầu sách

2.3.2. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Bảng 4: Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	Nxb Chính trị quốc gia	320	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 1, 2
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	Nxb Chính trị quốc gia	221	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	Nxb Chính trị quốc gia	336	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	2010	Nxb Giáo dục	152	Cơ sở văn hóa Việt Nam
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Vũ Hồng Tiến	2014	Nxb Thanh niên	55	Phương pháp nghiên cứu khoa học
6	Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	2011	Nxb Giáo dục	75	Logic học đại cương
7	Khoa học quản lý	Học viện tài chính	2008	Nxb Tài chính	180	Khoa học quản lý
8	Tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	2010	Nxb Đại học kinh tế quốc dân	30	Tin học
9	New English file, Elementary Student's book and workbook	Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Selison	2015	Oxford University Press	30	Tiếng anh A1
10	New English file, Elementary Student's book and workbook	Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Selison	2015	Oxford University Press	30	Tiếng anh A2
11	Oxenden, C. & Latham-Koenig, C	New English File – Intermediate Student's Book & Workbook	2016	Oxford University Press	30	Tiếng anh B1
12	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	2011	Nxb Đại học sư phạm	149	Tâm lý học đại cương
13	Xã hội học đại cương	Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng	2010	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội	210	Xã hội học đại cương

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
				Nội		
14	Đạo đức học	Phạm Khắc Chương - Nguyễn Thị Yên Phương	2010	Nxb Đại học sư phạm	202	Đạo đức học
15	Giáo dục Quốc phòng- an ninh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	Nxb Chính trị quốc gia	30	Giáo dục Quốc phòng- an ninh
	Tâm lý học xã hội	Thiệu Thị Minh Hương; Lý Thị Hàm; Bùi Xuân Mai	2010	Nxb Lao động - xã hội	30	Kỹ năng giao tiếp
16	Luật Hiến pháp Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	2016	Nxb Công an nhân dân	42	Luật Hiến pháp
17	Xây dựng văn bản pháp luật	Đại học Luật Hà Nội	2014	Nxb Công an nhân dân	90	Xây dựng văn bản pháp luật
18	Luật an sinh xã hội	Nguyễn Việt Tý	2014	Nxb Công an nhân dân	20	Luật an sinh xã hội
19	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uân - Nguyễn Văn Lũy - Đinh Văn Vang	2014	Nxb Sư Phạm		Tâm lý học đại cương
20	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức.	2014	Nxb Sư Phạm		Tâm lý học đại cương
21	Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	2008	Nxb Sư Phạm		Kỹ năng giao tiếp
22	Tâm lý học giao tiếp	Hoàng Anh	2005	Nxb Sư Phạm		
23	Lịch sử tâm lý học	Nguyễn Ngọc Phú	2006	Nxb ĐHQG Hà Nội		Lịch sử tâm lý học
24	Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học	Đào Thị Oanh	2007	Nxb Giáo dục		Tâm lý học nhân cách

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
	ngày nay					
25	Những trắc nghiệm tâm lý 1,2	Ngô Công Hoàn	2000	Nxb Đại học Quốc gia		Chẩn đoán tâm lý
26	Giáo trình Tâm lý học phát triển	Hà Thị Thu	2007	Nxb Lao động - Xã hội. Hà nội 2007		Tâm lý học phát triển
27	Giáo trình tâm lý học phát triển	Dương Thị Diệu Hoa	2008	Nxb Đại học sư phạm.		Tâm lý học phát triển
28	Các lý thuyết phát triển tâm lý người	Phan Trọng Ngọ	2003	Nxb Đại học Sư phạm		Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập
29	Bài tập thực hành tâm lý học	Trần Trọng Thủy	2002	Nxb Đại học Quốc gia Hà nội		Chẩn đoán tâm lý
30	Tâm lý học phát triển giai đoạn thanh niên đến tuổi già	Nguyễn Văn Đồng	2007	Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội		Tâm lý học phát triển
31	Khoa học chẩn đoán tâm lý	Trần Trọng Thủy	1992	Nxb Giáo dục		Chẩn đoán tâm lý
32	Giáo trình tâm thần học	Bùi Đức Trình	2010	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Sức khỏe tâm thần
33	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Vượng Viêt	2000	Nxb Giáo dục Hà Nội		Phương pháp nghiên cứu khoa học
34	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Phan Thị Mai Hương	2013	Nxb Khoa học xã hội		Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
35	Giáo trình tham vấn tâm lý	Trần Thị Minh Đức	2012	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Tham vấn tâm lý
36	Tư vấn tâm lý căn bản	Nguyễn Thơ Sinh	2006	Nxb Lao động		Tham vấn và xây dựng trường hợp
37	Giáo trình Tâm lý học gia đình	Ngô Công Hoàn	2006	Nxb Đại học Sư phạm		Tâm lý học gia đình
38	Tâm lý học ứng xử	Lê Thị Bùng	1997	Nxb GD		Kỹ năng giao tiếp
39	Giáo trình Tâm lý học gia đình	Ngô Công Hoàn	2006	Nxb Đại học Sư phạm		Tâm lý học gia đình
40	Lịch sử tâm lý học	Nguyễn Khắc Phó	2006	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Lịch sử tâm lý học
41	Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay.	Đào Oanh Thị	2007	Nxb Giáo dục		Tâm lý học nhân cách
42	Giáo trình Tâm lý học quản lý	Vũ Dũng	2007	Nxb Đại học Sư phạm		Tâm lý học quản lý
43	Tâm lý học xã hội	Phạm Văn Tư	2014	Nxb Đại học Sư phạm		Tâm lý học xã hội
44	Tâm lý học xã hội	Trần Quốc Thành	2011	Nxb Đại học Sư phạm		Tâm lý học xã hội
45	Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa	Phạm Minh Hạc	2001	Nxb Chính trị quốc gia		Tâm lý học văn hóa
46	Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam	Đặng Danh Ánh	2010	Nxb văn hóa thông tin, Hà		Tham vấn hướng nghiệp

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần
				nội		
47	Thực hành điều trị tâm lý	Võ Văn Bản	2002	Nxb Y học		Tâm lý học trường học
48	Pháp luật về lĩnh vực xã hội	Đại học Lao động xã hội	2014	Nxb Đại học Lao động xã hội	30	Pháp luật về phòng chống buôn bán người
49	Nội dung chủ yếu của pháp luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em	2006	Nxb Tư pháp	30	Pháp luật về thanh thiếu nhi
50	Quản lý Nhà nước về Công tác Thanh niên	Học viện Thanh niên Việt Nam	2017	Nxb Thanh niên	60	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên
51	Quản lý nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Võ Kim Sơn	2010	Nxb Thống kê	30	Quản lý nhà nước về công tác trẻ em
52	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Phan Chí Hiếu	2012	Nxb Công an nhân dân	10	Kỹ năng tư vấn pháp luật
53	Tâm lý học giáo dục	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	2009	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Các lý thuyết tham vấn, trị liệu trong trường học
54	Clinical supervision: A handbook for practitioners	Fall, M., & Sutton, Jr., J.M	2004	Boston, MA: Pearson		Giám sát trong TLH trường học
55	Công tác tham vấn trẻ em thực hành, tập 1,2	Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch)	2000	Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học,		Tham vấn trẻ em

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho học/học phần
				2000		
56	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Nguyễn Văn Siêm	2007	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên
57	Bài giảng sinh lý người và động vật (2 tập)	Lê Quang Long (chủ biên)	1996	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội		Sinh lý thần kinh
58	Thẻ đục	Trương Anh Tuấn		Nxb Giáo dục 2003	30	Giáo dục thẻ chất

Bảng 5: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
1	C.Mac và Ph. Ăng-ghe-n toàn tập	GS. Nguyễn Đức Bình GS. Đặng Xuân Kỳ	Nxb Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh	1999	40	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	
2	Giáo trình Triết học Mac-Lê - nin	Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh	2013	10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	
3	Giáo trình lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị-Hành chính	2009	02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
4	Giáo trình quản lý nhà nước về an	Nguyễn Xuân Yêm	Nxb Khoa học và kỹ	2013	29	Giáo dục quốc phòng	

	ninh quốc phòng		thuật				
5	Giáo trình Quốc phòng - An ninh	Học viện chính trị- hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia	2009	14	Giáo dục quốc phòng	
6	Giáo trình Quốc phòng - An ninh	Học viện chính trị- hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị - Hành chính Quốc gia	2009	14	Giáo dục quốc phòng	
7	Giáo trình Xã hội học đại cương	Nguyễn Sinh Huy	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	50	Xã hội học đại cương	
8	Giáo trình Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2012	10	Xã hội học đại cương, Phương pháp nghiên cứu khoa học về giới, Thống kê xã hội	
9	Quan điểm của Đảng, nhà nước và chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác thanh niên	Nhiều tác giả	Nxb Phụ nữ	2012	05	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	
10	Giáo trình tâm lý học phát triển	Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm	2012	20	Tâm lý học giới tính	
11	Giáo trình tâm lý học phát triển	Trương Khánh Hà	Nxb Đại học sư phạm	2013	20	Tâm lý học giới tính	
12	300 điều nên tránh trong giao tiếp	Palstasar – Gracian	Nxb Văn hóa thông tin	2002	01	Kỹ năng giao tiếp	
13	Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội	Phạm Văn Sáng Ngô Quang	Nxb Chính trị Quốc gia	2009	02	Luật An sinh xã hội	

		Minh Mai Văn Huyền Nguyễn Anh Dũng					
14	Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam- Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân	Nguyễn Hữu Minh – Trần Thị Vân Anh	Nxb Khoa học xã hội	2009	02	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	
15	Bạo lực gia đình sự thay đổi ở Việt Nam	Romedenn eMagali	UNFPA	2006	01	Phòng chống bạo lực gia đình	

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

3.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam luôn coi trọng công tác nghiên cứu khoa học, coi nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ chính trị quan trọng, bên cạnh công tác giảng dạy, đào tạo. Định hướng phát triển của Học viện nêu rõ quyết tâm phát triển các nghiên cứu liên ngành, các mạng lưới nghiên cứu quốc gia và quốc tế, hợp tác nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi cả nước.

Kể từ năm 1995, Viện Nghiên Thanh niên trở thành bộ phận trực thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Từ đó đến nay, Viện Nghiên cứu Thanh niên đã thực hiện trên 240 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 15 đề tài cấp cơ sở, 220 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài cấp Nhà nước. Một số chủ đề được tập trung nghiên cứu nhiều trong thời gian qua là: Các vấn đề luật pháp chính sách liên quan đến thanh thiếu nhi; các hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; các vấn đề về công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; các vấn đề về thanh thiếu nhi, đặc biệt vai trò của thanh thiếu nhi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, nổi bật là Nghiên cứu hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ của thanh niên giai đoạn hiện nay; Vai trò của Đoàn thanh niên trong truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản cho nữ công nhân lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất; Vai trò của Đoàn thanh niên tham gia giảm thiểu tình trạng hôn nhân cận huyết thống của dân tộc thiểu số; Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bình đẳng giới của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhằm phát triển nữ thanh niên; Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành Luật Thanh niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Cơ sở lý luận và thực tiễn về sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên năm 2005; Đánh giá tổng kết lý luận và thực tiễn 30 năm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia đổi mới đất nước; Một số giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong việc hỗ trợ thanh thiếu niên vi phạm pháp

luật tái hòa nhập cộng đồng; Giải pháp tăng cường hoạt động truyền thông phổ biến pháp luật cho thanh niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Vai trò của đoàn xã, phường, thị trấn trong thực hiện quyền trẻ em; “Vai trò của đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho thiếu nhi”.

Gần đây nhất, Học viện đã chủ trì xây dựng và thực hiện đề tài cấp bộ về nghiên cứu chính sách hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp; chương trình nghiên cứu cấp bộ về “Phát triển chương trình đào tạo tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”; sự thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành công tác xã hội sau khi tốt nghiệp; giải pháp xây dựng mô hình thanh niên phát triển kinh tế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay; hoạt động phòng ngừa bạo lực học đường của Đội TNTP Hồ Chí Minh ở trường THCS hiện nay; Đoàn thanh niên với việc đổi mới nội dung, phương thức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT giai đoạn hiện nay... nhằm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về chính sách phát triển thanh thiếu nhi, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu đã có những đóng góp quan trọng vào đề xuất chính sách, sửa đổi luật pháp về thanh thiếu nhi. Nhiều nghiên cứu can thiệp đã được triển khai có hiệu quả tại cộng đồng để hỗ trợ thanh thiếu nhi. Ngoài các nghiên cứu chuyên sâu, hàng năm, viện nghiên cứu đều thực hiện từ hai đến 5 nghiên cứu về nhu cầu đào tạo của đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội, Đội cán bộ làm công tác thanh niên để làm căn cứ cho phát triển, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên ngày càng được nâng cao thông qua việc tổ chức liên tục các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ nghiên cứu và tham gia trực tiếp vào các đề tài nghiên cứu khoa học.

3.2. Về hợp tác quốc tế

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam luôn chú trọng việc hợp tác, liên kết với các trường Đại học, Học viện nước ngoài, các tổ chức quốc tế để tiến hành các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Về hợp tác đào tạo: Học viện đã tổ chức chương trình đào tạo cho cán bộ chủ chốt của Đoàn Thanh niên cách mạng Lào, Hội liên hiệp Thanh niên Campuchia. Ngoài hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cũng chú trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Học viện, đã tổ chức thành công một số Hội thảo như “Thực tiễn và hội nhập trong phát triển Công tác xã hội ở Việt Nam” nhân kỷ niệm ngày công tác xã hội thế giới lần thứ 17 được tổ chức tại Học viện; hợp tác với trường Công tác xã hội thuộc Trường Đại học Tổng hợp South Carolina chia sẻ những kinh nghiệm chuyên sâu về đào tạo của ngành công tác xã hội... Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện ngày càng được hoàn thiện. Những hoạt động đó cũng là nền tảng vững chắc trong quá trình đào tạo đại học nói chung và đào tạo đại học ngành Tâm lý học nói riêng tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

4. Về chương trình đào tạo (bao gồm đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu) và các điều kiện khác để thực hiện chương trình

a) Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Tâm lý học được thiết kế gồm 133 tín chỉ, thời gian đào tạo 4 năm

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc trong lĩnh vực Tâm lý học nói chung và tham vấn tâm lý với thanh thiếu nhi nói riêng. Người học có sự hiểu biết lý luận và thực tiễn về các vấn đề như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học căn bản; nắm vững các kiến thức nền tảng của Tâm lý học và có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực tham vấn tâm lý với thanh thiếu nhi... đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước nói chung và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng.

Để xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học, tổ soạn thảo đã tham khảo các chương trình đào tạo Tâm lý học của các trường có kinh nghiệm và uy tín trong nước và quốc tế: chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý học của trường đại học Sư phạm Hà Nội, trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (đại học Quốc gia Hà Nội), Học viện Quản lý giáo dục, trường Đại học AUCKLAND - New Zealand, Trường Tâm lý học (school), Khoa Tâm lý giáo dục, Trường đại học Cambridge - Anh, Khoa Tâm lý học, Trường đại học CALGY - CANADA.

Bên cạnh đó cũng tham khảo các ý kiến của các chuyên gia đang làm việc tại các cơ sở có vị trí việc làm dành cho cử nhân ngành Tâm lý học như Viện nghiên cứu Tâm lý học, các tổ chức quốc tế, NGO, quản trị nhân sự, tổ chức giáo dục... Chương trình đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của Cử nhân Tâm lý học đáp ứng sự phát nhu cầu nhân lực xã hội, đảm bảo liên thông với các ngành Công tác xã hội, Giáo dục học trong Học viện cũng như đào tạo ở trình độ cao hơn.

Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu tuyển sinh: Đối tượng và điều kiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm đầu khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép là 50 sinh viên, các năm học tiếp theo tuyển sinh từ 80-100 sinh viên.

b) Đề cương chi tiết: Được xây dựng đầy đủ đảm bảo mục tiêu của Chương trình và chuẩn đầu ra, đảm bảo việc triển khai tổ chức đào tạo (*Phụ lục kèm theo Chương trình đào tạo*).

c) Chương trình đào tạo: Đã được Hội đồng thẩm định, Giám đốc ký quyết định ban hành.

d) Học viện có Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên là đơn vị chuyên trách quản lý đào tạo, đã ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5. Hội đồng khoa học đào tạo của Học viện đã thông qua đề án mở ngành đào tạo (có Biên bản kèm theo).

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 467/QĐ-HVTTNVN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

Tên chương trình	: Tâm lý học
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Tâm lý học
Mã số	: 7310401

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc trong lĩnh vực Tâm lý học nói chung và tham vấn nói riêng. Người học có sự hiểu biết lý luận và thực tiễn về các vấn đề như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học căn bản; nắm vững các kiến thức nền tảng của Tâm lý học và có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực tham vấn tâm lý với thanh thiếu nhi...đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước nói chung và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Nắm vững được hệ thống kiến thức nền tảng về khoa học xã hội để hình thành phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội và tư duy khoa học tâm lý.

Nắm vững được bản chất và các cơ chế, quá trình; các nguyên tắc cụ thể và các học thuyết tâm lý học nền tảng và tham vấn; những đặc điểm đặc trưng của loại hình tham vấn (cá nhân, gia đình, nhóm, học đường...) để từ đó có khả năng vận dụng lý luận vào thực hành tâm lý ứng dụng.

Nắm vững và có khả năng vận dụng những kiến thức nền tảng của tham vấn tâm lý như tham vấn tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên trong gia đình, bệnh viện, trường học... Nắm vững được các lý thuyết của kỹ năng, các nội dung về nguyên tắc đạo đức hành nghề Tâm lý học.

1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và giải thích các hiện tượng Tâm lý học; Lựa chọn và áp dụng đúng các kỹ năng, liệu pháp tâm lý để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tâm lý học nói chung và giải quyết các vấn đề của thân chủ nói riêng.

Có kỹ năng tham mưu, đề xuất, tham gia và phản biện xã hội về các hiện

tượng tâm lý người, tâm lý thanh thiếu nhi; giám sát việc ứng dụng các kiến thức tâm lý học vào trợ giúp con người nói chung và trợ giúp thanh thiếu nhi nói riêng.

Thực hành các kỹ năng đánh giá và can thiệp tâm lý như: Nhận diện và đánh giá mức độ trí tuệ, nhân cách, khí chất hoặc mức độ vấn đề của thân chủ; Đánh giá những tình huống liên quan đến đạo đức trong tham vấn; các kỹ năng tham vấn tâm lý.

Có các kỹ năng mềm như: Kỹ năng sử dụng tin và ngoại ngữ căn bản, truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm...từ đó biết kết nối các cơ sở dịch vụ, các nguồn lực phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của thân chủ một cách toàn diện

1.2.3. Về thái độ

Hình thành phẩm chất, thái độ chung: Có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong phù hợp với chuẩn xã hội và pháp luật, tận tụy trong công việc.

Hình thành phẩm chất, thái độ chuyên nghiệp của nhà tâm lý: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề tâm lý (giữ bí mật, vì lợi ích của thân chủ, trung thực, chân thành), có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp; Có ý thức cập nhật các thông tin khoa học chuyên ngành.

Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng. Tích cực chủ động tham gia các hoạt động xã hội nói chung, của Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tâm lý cho con người nói chung, cho thanh thiếu nhi và cho nghề Tâm lý.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

Trong các cơ sở đào tạo (làm giảng viên giảng dạy Tâm lý học tại các trường cao đẳng, đại học; cán bộ thực hành tư vấn, tham vấn tâm lý...).

Trong các cơ sở nghiên cứu (làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ dự án phát triển cộng đồng tại các viện, các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước...).

Trong các công ty, trung tâm làm dịch vụ tư vấn tâm lý (làm tư vấn viên, cán bộ trị liệu...).

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (nhân viên phòng nhân sự; phòng Marketing; thiết kế quảng cáo, nghiên cứu thị trường...).

Trong các bệnh viện (làm cán bộ trị liệu tâm lý cho trẻ em và người lớn).

Trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền (cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo...) ở các địa phương trong cả nước.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

1.2.5.1. Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014.

1.2.5.2. Trình độ Tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm, theo *Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (sửa đổi bổ sung theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/ 2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ

Tổng khối lượng toàn khóa là 133 tín chỉ (chưa tính học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tuyển sinh theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo phương án tuyển sinh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo *Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (sửa đổi bổ sung theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/ 2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo *Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (sửa đổi bổ sung theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/ 2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức tích lũy 133 tín chỉ (không tính Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

Trong đó:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 39 tín chỉ
- Các học phần tự chọn: 6 tín chỉ
- Giáo dục thể chất: cấp chứng chỉ riêng

- Giáo dục quốc phòng: cấp chứng chỉ riêng

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 61 tín chỉ

- Các học phần tự chọn: 17 tín chỉ

7.3. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế: 10 tín chỉ

8. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương : 45 tín chỉ (chưa kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)			
8.1.1. Phần bắt buộc chung: 39 tín chỉ			
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TLML01	Triết học	3
2	TLML02	Kinh tế chính trị	2
3	TLML03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	TLML04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	TLML05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
6	TLNC05	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	TLĐC06	Tâm lý học đại cương	3
8	TLGT03	Kỹ năng giao tiếp	2
9	TLXHH02	Xã hội học đại cương	2
10	TLCBDHD	Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội	3
11	TLNVDHD	Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội	3
12	TLTH07	Tin học	3
13	TLTA08	Tiếng Anh 1	3
14	TLTA09	Tiếng Anh 2	3
15	TLTA10	Tiếng Anh 3	4
Học phần giáo dục thể chất (3 TC)			
Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC)			
8.1.2. Phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 6/10 tín chỉ)			
16	TLQL01	Khoa học quản lý	2

17	TLDS01	Dân số và phát triển	2
18	TLĐĐH04	Đạo đức học	2
19	TLVH05	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
20	TLLG06	Logic học đại cương	2
8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ			
8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và ngành: 53 tín chỉ (trong đó: 7 tín chỉ thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc; 37 tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành bắt buộc và 9 tín chỉ thuộc kiến thức khối cơ sở ngành và ngành tự chọn)			
8.2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 7 tín chỉ			
21	TLCSSL01	Sinh lý thần kinh (sinh lý thần kinh cấp cao + giải phẫu sinh lý hệ thần kinh)	4
22	TLCSLS02	Lịch sử tâm lý học	3
8.2.1.2. Kiến thức khối ngành bắt buộc: 37 tín chỉ			
23	TLHPT01	Tâm lý học phát triển	2
24	TLHNC02	Tâm lý học nhân cách	2
25	TLHQL03	Tâm lý học quản lý	2
26	TLHXH04	Tâm lý học xã hội	2
27	TLTV01	Tham vấn tâm lý	2
28	TLHHV05	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
29	TLHPP06	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý	2
30	TLHVH07	Tâm lý học văn hóa	2
31	TLCD01	Chẩn đoán tâm lý	3
32	TLHGD08	Tâm lý học gia đình	2
33	TLHTP09	Các trường phái trong tâm lý học	2
34	TLHTH11	Tâm lý học trường học	2
35	TLĐGTT01	Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập	3
36	TLĐGNC02	Đánh giá nhân cách và can thiệp	2
37	TLTH01	Thực hành 1	3
38	TLTH02	Thực hành 2	3
8.2.1.3. Kiến thức khối cơ sở ngành và ngành tự chọn: 9/10 tín chỉ			
39	TLHTB10	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3
40	TLSK03	Sức khỏe tâm thần	3

41	TLVQT04	Vũ Quốc tế	2
42	TLPT05	Phát triển cộng đồng	3
8.2.2. Kiến thức chuyên ngành tâm lý học tham vấn: 25 tín chỉ (trong đó: 17 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn)			
8.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 17 tín chỉ			
43	TLCD02	Chẩn đoán đánh giá và can thiệp cho thanh thiếu niên	2
44	TLTV05	Đạo đức nghề Tham vấn	2
45	TLTV03	Tham vấn và trị liệu nhóm	2
46	TLTV07	Tham vấn trẻ em	2
47	TLTV04	Tham vấn hướng nghiệp	2
48	TLTH02	Thực hành Tham vấn	2
49	TLKN04	Kỹ năng tổ chức các hoạt động cho thanh thiếu nhi	3
50	TLKNTN	Khởi nghiệp trong thanh niên	2
8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 8/18 tín chỉ (cho cả 2 chuyên ngành)			
51	TLKN02	Giáo dục kỹ năng sống	2
52	TLKN03	Kỹ năng làm việc nhóm	2
53	TLKN05	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2
54	TLTV09	Tham vấn cho trẻ chậm phát triển và khuyết tật	2
55	TLTV10	Tham vấn giới tính, hôn nhân-gia đình	2
56	TLTV11	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	2
57	TLTV12	Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2
58	TLTV13	Tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm	2
59	TLTV14	Tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hoà nhập	2
8.2.3. Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ			
60	Thực tập tốt nghiệp	4	
61	Khóa luận tốt nghiệp	6	Đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp
62	Môn học thay thế	6	Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các học phần khối cơ sở ngành, ngành và chuyên sâu ngành chưa chọn còn lại

**9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1 - 2)**

HỌC KỲ 1			
TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Triết học	3	
2	Tiếng Anh 1	3	
3	Tin học	3	
4	Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội	3	
5	Tâm lý học đại cương	3	
6	Lịch sử tâm lý học	3	
	Giáo dục thể chất 1		
	Tổng	18	
HỌC KỲ 2			
TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị	2	
2	Tiếng Anh 2	3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
5	Tham vấn tâm lý	2	
6	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	
7	Kỹ năng giao tiếp	2	
8	Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội	3	
9	Giáo dục thể chất 2		
	Tổng	19	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)

HỌC KỲ 3			
TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Khoa học quản lý	2	
2	Tiếng anh 3	4	
3	Xã hội học đại cương	2	
4	Giáo dục kỹ năng sống	2	
5	Tâm lý học phát triển	2	
6	Tâm lý học xã hội	2	
7	Dân số và phát triển	2	
8	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý	2	
	Tổng	18	
HỌC KỲ 4			
TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Tâm lý học quản lý	2	
2	Tâm lý học nhân cách	2	
3	Tâm lý học văn hóa	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
6	Các trường phái trong tâm lý học	2	
7	Chẩn đoán tâm lý	3	
8	Kỹ năng tổ chức các hoạt động cho thanh thiếu nhi	3	
	Tổng	18	
NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)			
HỌC KỲ 5			

TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
2	Chẩn đoán đánh giá và can thiệp cho thanh thiếu niên	2	
3	Đạo đức nghề Tham vấn	2	
4	Kỹ năng làm việc nhóm	2	
5	Đánh giá nhân cách và can thiệp	2	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
7	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	
8	Thực hành 1	3	Học tại cơ sở
	Tổng	18	

HỌC KỲ 6

TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3	
2	Tâm lý học gia đình	2	
3	Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập	3	
4	Sức khỏe tâm thần	3	
5	Tâm lý học trường học	2	
6	Thực hành 2	3	
	Tổng	19	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7 - 8)

HỌC KỲ 7

TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Sinh lý thần kinh	4	
	Tham vấn và trị liệu nhóm	2	
2	Tham vấn trẻ em	2	
3	Tham vấn hướng nghiệp	2	
4	Tham vấn giới tính, hôn nhân-gia đình	2	
5	Phát triển cộng đồng	3	
6	Thực hành Tham vấn	2	
	Tổng	17	
HỌC KỲ 8			
TTT	Tên học phần	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập nghề nghiệp	4	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ Học các học phần thay thế thi tốt nghiệp	6	
	Tổng	10	

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

10.1. Về việc xây dựng nội dung chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định.

Căn cứ vào thực tiễn đào tạo và nội dung chương trình mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn.

10.2. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích

cực và sáng tạo, linh hoạt, rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên, gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận theo chủ đề, tình huống thực tế trong hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua việc giảng dạy ở các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng tư duy mang tính liên ngành...

- Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 01 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế của người làm thực hành tâm lý hoặc 01 buổi tham quan, tham dự hoạt động thực tiễn của người thực hành Tâm lý học.

10.3. Về đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/ 8/ 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Chú trọng đánh giá phần kỹ năng ứng dụng, thực hành của sinh viên, có các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành, qua trắc nghiệm đối với nội dung và yêu cầu thích hợp; đối với các môn học chuyên ngành, giảm bớt cách đánh giá nặng nề về thi cử, giảm trọng số điểm thi học phần, tăng thời lượng các bài tập tự nghiên cứu.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo thẩm định
chương trình đào tạo**

TS. Nguyễn Hải Đăng

11. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

11.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

1. Tên học phần

Tên tiếng Việt: **TRIẾT HỌC**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

- + Lý thuyết :30 tiết
- + Thảo luận, thực hành : 30 tiết
- + Kiểm tra giữa kỳ : 02 tiết
- + Tự học : 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phép biện chứng, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật về lịch sử.

6.2. Về kỹ năng: Hiểu và vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước và trên thế giới.

6.3. Về thái độ: Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có ý thức bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

7. Mô tả học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về: phạm trù vật chất, ý thức, hai nguyên lý, ba quy luật cơ bản, sáu cặp phạm trù, lý luận nhận thức, học thuyết hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và con người.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, Khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

3. Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

4. Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

5. Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

6. GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph. Ăngghen toàn tập, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

7. Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- | | |
|---|-------|
| - Chuyên cần | : 10% |
| - Kiểm tra giữa kỳ (1 bài lý thuyết, thời gian 90 phút) | : 20% |
| - Điểm thảo luận | : 10% |
| - Thi cuối kỳ (thi vấn đáp hoặc thi viết) | : 60% |

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 0 tiết

1.1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành

1.1.2. Khái lược sự ra đời và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin”

1.2.1. Đối tượng và mục đích của việc học tập, nghiên cứu

1.2.2. Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

Tự học: Đọc trước chương 1

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị Quốc gia. Trang 9 đến 32;
- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.
- Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lê – nin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.
- GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph.Ăngghen toàn tập, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 6 tiết

2.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng-hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật

2.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.2.1. Vật chất

2.2.2. Ý thức

2.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

1. Vấn đề cơ bản của triết học là gì? Tại sao nói đó là vấn đề cơ bản của triết học?

2. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Ý nghĩa rút ra trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân?

3. Vì sao trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn cần phải xuất phát từ thực tại khách quan.

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết.

Tự học: Đọc trước chương 2, chuẩn bị câu hỏi thảo luận chương 2.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia. Trang 33 đến 60;

- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia.

- Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác- Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia.

- GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph. Ăngghen toàn tập, NXB. Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia.

Chương 3

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thảo luận 6 tiết

3.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

3.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

3.1.2. Phép biện chứng duy vật

3.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

3.2.2. Nguyên lý về sự phát triển

3.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.3.1. Cái riêng và cái chung

3.3.2. Nguyên nhân và kết quả

3.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

3.3.4. Nội dung và hình thức

3.3.5. Bản chất và hiện tượng

3.3.6. Khả năng và hiện thực

3.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.4.1. Quy luật chuyên hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

3.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

3.4.3. Quy luật phủ định của phủ định

3.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

3.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

3.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Cơ sở lý luận và nội dung của các quan điểm: Lịch sử cụ thể, Toàn diện, Phát triển?

+ Bản chất của các quy luật: Mâu thuẫn, Lượng chất, Phủ định của phủ định?

+ Phân tích nội dung và rút ra ý nghĩa của sáu cặp phạm trù?

+ Con đường biện chứng của nhận thức và chân lý?

+ Vận dụng các kiến thức đã học vào phân tích các sự kiện, vấn đề đang diễn ra trong cuộc sống?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết

Tự học: Đọc trước chương 3, chuẩn bị câu hỏi thảo luận chương 3

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia. Trang 61 đến 124;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân; Trang 57 đến 110
- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.
- Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Lê Minh Nghĩa (2010, Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.
- GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph. Ăng-ghen toàn tập, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

Chương 4

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 7 tiết, thảo luận 16 tiết

- 4.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
 - 4.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
 - 4.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- 4.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - 4.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
 - 4.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 4.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
 - 4.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
 - 4.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
- 4.4. Hình thái kinh tế-xã hội và quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội.
 - 4.4.1. Khái niệm, cấu trúc hình thái kinh tế-xã hội
 - 4.4.2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội
 - 4.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế-xã hội.

4.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

4.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

4.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

4.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

4.6.1. Con người và bản chất của con người

4.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Mọi quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX?

+ Vai trò của phương thức sản xuất đối với sự phát triển của xã hội?

+ Mọi quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội? Ý nghĩa rút ra trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân?

+ Tại sao Các - Mác nói: “Sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên”?

+ Bản chất của con người?

+ Vai trò của vĩ nhân đối với xã hội?

+ Nguồn gốc hình thành giai cấp?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết.

Tự học: đọc trước Chương 4 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận và bài tập cuối trong Chương 4.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia. Trang 125 đến 182;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. NXB Đại học Kinh tế quốc dân; Trang 135 đến 207.

- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin NXB Chính trị Quốc Gia.

- Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

- GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph.Ăngghen toàn tập, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

11.2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. Tên học phần: Kinh tế chính trị

Tên tiếng Việt: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành : 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá : 1 tiết

+ Tự học : 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về Học thuyết giá trị, Học thuyết giá trị thặng dư, Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước của Lênin, Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, CNXH hiện thực và triển vọng.

6.2. Về kỹ năng: Vận dụng những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất TBCN và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật để hiểu và giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước và trên thế giới.

6.3. Về thái độ: Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.

7. Mô tả học phần:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Hệ thống cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN và về CNXH bao gồm: Học thuyết giá trị, Học thuyết giá trị thặng dư, Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước, Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, CNXH hiện thực và triển vọng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, Khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1 Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia.

10.2 Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

3. Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

4. Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

5. Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

6. Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lê nin, NXB Chính trị Quốc gia;

8. GS. Nguyễn Đức Bình, GS. Đặng Xuân Kỳ (1999), C.Mac và Ph. Ăng-ghen toàn tập, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- | | |
|---|-------|
| - Chuyên cần | : 10% |
| - Kiểm tra giữa kỳ (1 bài lý thuyết, thời gian 90 phút) | : 20% |
| - Điểm thảo luận | : 10% |
| - Thi cuối kỳ (thi vấn đáp hoặc thi viết) | : 60% |

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 6 tiết

- 1.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa
 - 1.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa
 - 1.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa
- 1.2. Hàng hóa
 - 1.2.1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa
 - 1.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa
 - 1.2.3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa
- 1.3. Tiền tệ
 - 1.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ
 - 1.3.2. Các chức năng của tiền tệ
- 1.4. Quy luật giá trị
 - 1.4.1. Nội dung của quy luật giá trị
 - 1.4.2. Tác động của quy luật giá trị

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Khái niệm về hàng hóa? Hai thuộc tính của hàng hóa? Giải thích tại sao hàng hóa lại có hai thuộc tính đó?

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?

+ Làm rõ bản chất và nguồn gốc của tiền tệ?

+ Phân tích nội dung quy luật giá trị và tác động của nó đến sản xuất hàng hóa?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, NXB Chính trị Quốc gia. Trang 185 đến 218

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lê nin, NXB Chính trị Quốc gia; Trang 53 đến 75

- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia

- Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh
- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh
- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia
- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lê nin, NXB Chính trị Quốc gia;

Chương 2

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 9 tiết, thảo luận 6 tiết

2.1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản

2.1.1. Công thức chung của tư bản

2.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

2.1.3. Hàng hóa sức lao động

2.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

2.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

2.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến

2.2.4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

2.2.5. Sản xuất ra giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

2.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản

2.3.1. Bản chất của tiền công

2.4. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – Tích lũy tư bản

2.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

2.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản

2.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

2.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

2.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

2.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội

2.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản

2.5. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư

2.5.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

2.5.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

2.5.3. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất

2.5.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Làm rõ tiền chuyển thành tư bản trong điều kiện nào?

+ Phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB?

+ Tại sao quy luật giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối trong CNTB?

+ Bản chất của tiền công trong CNTB?

+ Phân tích thực chất của tích tư bản và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích của tư bản?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB.Chính trị Quốc gia, trang 219 đến 308

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, NXB.Chính trị Quốc gia; Trang 83 đến 200

- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB.Chính trị Quốc Gia

- Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh

- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh

- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB. Chính trị Quốc Gia

- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia;

Chương 3

HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 5 tiết

3.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền

3.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại

3.3.1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất

3.3.2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức

3.3.3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp

3.3.4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn

3.3.5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường

3.3.6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế

3.3.7. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường

3.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

3.4.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

3.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản

3.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư?

+ Sự chuyển biến của CNTB tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền?

+ Nguyên nhân ra đời và bản chất của CNTB độc quyền Nhà nước?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 4 - 6 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia, trang 309 đến 350.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia; trang 201 đến 240.

- Phạm Văn Sinh (chủ biên); Phạm Quang Phan, Đoàn Đức (2014), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

- Học viện chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), Giáo trình Triết học Mac-Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Vũ Quang Tạo, Văn Đức Thanh (2010), Hỏi và đáp Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.

- Lê Minh Nghĩa (2010), Hỏi và đáp môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

- Kim Ngọc Đại (2008), Hướng dẫn ôn thi môn Triết học Mác Lênin, NXB Chính trị Quốc Gia.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, NXB Chính trị Quốc gia.

11.3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Tên học phần

Tên tiếng việt: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thảo luận : 10 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 1 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần

6.1 Về kiến thức:

Giúp sinh viên quán triệt những nhận thức của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam về XHXHCN và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nói chung và ở Việt Nam nói riêng, Thời kỳ quá độ, cách mạng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, nội dung cương lĩnh dân tộc, tôn giáo và gia đình.

6.2 Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng gắn lý luận và thực tiễn
- Tổng kết thực tiễn.
- Giúp sinh viên giải quyết tốt các vấn đề xã hội
- Giúp sinh viên giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra về CNXH nói chung và xây dựng CNXH ở Việt Nam nói riêng.

6.3 Về thái độ

Giúp sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, tin tưởng với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH

Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, có dũng khí đấu tranh chống lại các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, xét lại, các quan điểm sai trái phản động, nhằm bảo vệ Đảng và Chính quyền Nhà nước.

7. Mô tả tóm tắt học phần

Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học trực tiếp nhất trong việc trang bị một cách tổng hợp và toàn diện, những nhận thức về CNXHKKH, đặc biệt là trang bị lập trường tư tưởng chính trị của GCCN cho Đảng, giai cấp công nhân, nhân dân lao động.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị -Hành chính, năm 2012.

10.2 Tài liệu tham khảo:

Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2006.

11. Tiêu chuẩn đánh giá:

- Chuyên cần : 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 60 phút) : 20 %
- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân : 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Sự ra đời và phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thời cổ đại và trung đại

1. Khái niệm tư tưởng xã hội chủ nghĩa
 - a. Định nghĩa tư tưởng xã hội chủ nghĩa
 - b. Các biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa
2. Phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa
 - a. Phân loại theo lịch đại

b. Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo trình độ phát triển

II. Các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX

1. Tômat Moro (1477- 1535) – người mở đầu cho các trào lưu tư tưởng XHCN và Cộng sản chủ nghĩa thời cận đại.

2. Tư tưởng hội chủ nghĩa thế kỷ XVII

a. Tư tưởng XHCN của Tômat Campanela

b. Tư tưởng XHCN Giêrác Uynxteli

3. Tư tưởng XHCN thế kỷ XVIII

a. Tư tưởng XHCN của Ba Bóp (1760- 1797)

b. Tư tưởng XHCN của Ph.Môely (1717- 1778)

c. Tư tưởng G.Mêliê (1664- 1729)

4. Chủ nghĩa xã hội utopia- phê phán đầu thế kỷ XIX

a. Hoàn cảnh lịch sử

b. Các đại biểu xuất sắc

III. Giá trị và những hạn chế lịch sử của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trước Mác

1. Giá trị lịch sử

2. Hạn chế lịch sử

Tài liệu tham khảo: Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2006.

Chương 2. VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

I. Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. Khái niệm chung chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học

II. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. Đối tượng nghiên cứu của triết học và kinh tế học chính trị Mác- Lênin

2. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

III. Hệ thống khái niệm, phạm trù và quy luật của CNXH khoa học.

1. Lược khảo quá trình hình thành, phát triển hệ thống phạm trù, quy luật, các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

a. C.Mác- Ph. Ăngghen – những người sáng lập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

- b. Lênin phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học
- c. Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- 2. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học
 - a. Những nội dung cơ bản của CNXHKKH phân loại theo các lĩnh vực cơ bản hợp thành của hoạt động chính trị thực tiễn.
 - b. Những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo cấp độ của mục đích nghiên cứu sáng tạo.

IV. Phương pháp và ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- 1. Phương pháp chung của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- 2. Các phương pháp đặc trưng của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Xã hội khoa học.

Chương 3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

I. Quan niệm cơ bản về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

1. Khái niệm giai cấp công nhân

- a. Định nghĩa giai cấp công nhân
- b. Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân

2. Khái niệm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- a. Định nghĩa sứ mệnh lịch sử của GCCN
- b. Điều kiện cơ bản quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN

3. Nội dung cơ bản hợp thành sứ mệnh lịch sử của GCCN.

a. Thủ tiêu hoàn toàn và triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân về TLSX, xây dựng và không ngừng củng cố chế độ sở hữu xã hội đối với các TLSX.

b. Sứ mệnh lịch sử của GCCN là sự thống nhất biện chứng của hai quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới

c. Sứ mệnh lịch sử của GCCN là sứ mệnh lịch sử toàn thế giới.

II. Đảng cộng sản- nhân tố chủ yếu, quyết định đối với quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN.

1. Khái niệm ĐCS

- a. Định nghĩa ĐCS
- b. Đặc điểm cơ bản của ĐCS

2. Quy luật ra đời và phát triển ĐCS

a. Chủ nghĩa xã hội khoa học là hệ thống lý luận của phong trào đấu tranh của GCCN

b. Phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhu cầu cần có lý luận cách mạng

c. Đảng cộng sản là sản phẩm tất yếu của quá trình kết hợp lý luận CNXHKKH với phong trào công nhân

3. Vai trò quyết định của ĐCS đối với quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN

III. Sứ mệnh lịch sử của GCCN VN

1. Những đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân VN

2. Đảng cộng sản Việt nam và vai trò của Đảng trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN VN

Chương 4: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Quan niệm cơ bản về chủ nghĩa xã hội

1. Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa

a. Khái niệm HT KT-XH CSCN

b. Sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa.

2. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

a. Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội

b. Tính thống nhất và đa dạng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa.

II. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

1. Khái niệm thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

a. Định nghĩa “thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”

b. Các hình thức quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

c. Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

a. Nội dung kinh tế

b. Nội dung chính trị

c. Nội dung tư tưởng – văn hóa

d. Nội dung xã hội

3. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chương 5: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Quan niệm cơ bản về cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - a. Định nghĩa cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - b. Đặc điểm cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa
2. Giành chính quyền trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - a. Tính tất yếu của cuộc đấu tranh giành chính quyền của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - b. Những tiền đề khách quan để cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra và thắng lợi trong giai đoạn giành chính quyền
 - c. Bao lực cách mạng trong cuộc đấu tranh giành chính quyền của giai cấp công nhân khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - d. Tình thế và thời cơ cách mạng của cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - e. Vai trò nhân tố chủ quan để giành được chính quyền trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
3. Lý luận về sự phát triển không ngừng của cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - a. Quá trình hình thành, hoàn thiện lý luận về sự phát triển không ngừng của cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - b. Nội dung cơ bản của lý luận về sự phát triển không ngừng của cách mạng xã hội chủ nghĩa
4. Sự vận dụng lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II- Nội dung cơ bản của thời đại ngày nay

1. Khái niệm “thời đại ngày nay”
 - a. Định nghĩa
 - b. Đặc trưng cơ bản của thời đại ngày nay
2. Các mâu thuẫn và xu thế phát triển của thời đại ngày nay
 - a. Các mâu thuẫn cơ bản
 - b. Xu thế phát triển của thời đại ngày nay
3. Những đặc điểm cơ bản của giai đoạn hiện nay của thời đại ngày nay.
 - a. Đấu tranh giai cấp và dân tộc diễn ra gay gắt trên phạm vi thế giới
 - b. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang đưa tới những thay đổi to lớn trên thế giới
 - c. Những vấn đề toàn cầu đòi hỏi phải có sự hợp tác giải quyết của các quốc gia
 - d. Những xu thế chủ đạo của thời đại ngày nay
4. Thực trạng và triển vọng của chủ nghĩa xã hội
 - a. Thực trạng

b. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay

Chương 6: NỀN DÂN CHỦ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Định nghĩa

b. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Cấu trúc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Chủ thể quyền lực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là toàn thể nhân dân.

b. Hệ thống các tổ chức.

c. Hệ thống cơ chế, công cụ, phương tiện ... thực thi dân chủ.

3. Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

a. Dân chủ trên lĩnh vực kinh tế

b. Dân chủ trên lĩnh vực chính trị

c. Dân chủ trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng, xã hội

II. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

1. Quan niệm cơ bản về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

2. Vai trò của hệ thống chính trị trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Vai trò của toàn bộ hệ thống chính trị đối với quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

b. Vai trò của từng tổ chức chính trị- xã hội trong hệ thống chính trị đối với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

III. Phương hướng đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, phát triển dân chủ ở Việt Nam hiện nay

1. Căn cứ xác định phương hướng cơ bản đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay.

a. Căn cứ lý luận

b. Căn cứ vào thực trạng đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, phát huy dân chủ ở Việt Nam trong hơn hai mươi năm đổi mới vừa qua

2. Phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay

a. Phương hướng và giải pháp cơ bản nâng cao năng lực lãnh đạo chính trị và sức chiến đấu của đảng với phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay

b. Phương hướng cơ bản và những giải pháp chủ yếu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay

c. Phương hướng và giải pháp cơ bản đổi mới các đoàn thể chính trị- xã hội của nhân dân trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Chương 7: CƠ CẤU XÃ HỘI-GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1- Khái niệm cơ cấu xã hội – giai cấp của xã hội – xã hội chủ nghĩa

a. Khái niệm cơ cấu xã hội.

b. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

2. Xu thế cơ bản trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

a. Một cơ cấu xã hội – giai cấp mới phức tạp, đa dạng

b. Quá trình biến đổi cơ cấu xã hội- giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội .

c. Sự liên minh của giai cấp công nhân với các giai cấp và tầng lớp nhân dân khác.

II. Liên minh của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm “liên minh giai cấp của giai cấp công nhân” trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

a. Định nghĩa liên minh của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa:

b. Đặc trưng cơ bản của liên minh giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2. Liên minh của giai cấp công nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Liên minh của giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức

b. Nội dung liên minh của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Phương hướng củng cố liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt Nam hiện nay

a. Thực trạng việc thực hiện liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt Nam thời gian qua.

b. Phương hướng chủ yếu tăng cường khối liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Chương 8: NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. Quan niệm cơ bản về nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

1. Các khái niệm cơ bản

a. khái niệm văn hóa và nền văn hóa

b. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

c. Các chức năng cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

2. Quy luật cơ bản của sự hình thành và phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

a. Những tiền đề cho sự ra đời của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

b. Những điều kiện khách quan cho nền văn hóa

c. Văn hóa XHCN là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực của sự nghiệp xây dựng CNXH

d. Nội dung nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

II. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN

1. Văn hóa VN thực trạng và những vấn đề đặt ra

a. Những thành tựu

b. Những hạn chế yếu kém

2. Những quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta

3. Phương hướng và giải pháp cơ bản trong chiến lược xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở VN

Chương IX: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VỀ CON NGƯỜI VÀ PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Quan niệm cơ bản về con người và phát huy nhân tố con người.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về con người

a. Con người là sản phẩm của xã hội của lịch sử là tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

b. Con người là mục tiêu là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Khái niệm nhân tố con người và phát huy nhân tố con người

a. Khái niệm nhân tố con người

b. Khái niệm phát huy nhân tố con người

II. Phát huy nhân tố con người trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao chất lượng con người

2. Các nhân tố quy định phát huy nhân tố con người ở VN hiện nay.

III. Phát huy nhân tố con người trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN

1. Thực trạng nhân tố con người và phát huy nhân tố con người trong cách mạng VN

a. Những thành tựu về xây dựng con người và nhân tố con người VN

b. Những vấn đề đặt ra trong việc phát huy nhân tố con người VN hiện nay

2. Quan điểm cơ bản của quá trình xây dựng và phát huy nhân tố con người ở VN hiện nay

Chương 10: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VỀ DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Quan niệm cơ bản về dân tộc, quan hệ giai cấp dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm dân tộc

2. Xu hướng cơ bản của quá trình hình thành dân tộc

a. Xu hướng liên kết các dân tộc

b. Xu hướng phân lập của các dân tộc

3. Quan hệ dân tộc – giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

a. Giai cấp công nhân và lợi ích giai cấp công nhân trong quan hệ với lợi ích dân tộc

b. Lợi ích dân tộc và văn hoá dân tộc trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa

II. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

2. Các dân tộc được quyền tự quyết

3. Liên hiệp công nhân các dân tộc

III. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Căn cứ lý luận và thực tiễn của chính sách dân tộc ở Việt Nam

a. Căn cứ vào quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và mối quan hệ dân tộc

b. Căn cứ vào tình hình đặc điểm dân tộc Việt Nam

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta

a. Mục tiêu cơ bản của chính sách dân tộc

b. Nội dung cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Chương 11: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VỀ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Quan niệm cơ bản về tín ngưỡng và tôn giáo

1. Khái niệm tín ngưỡng

a. Định nghĩa tín ngưỡng

b. Cấu trúc tín ngưỡng

1. Khái niệm tôn giáo

a. Định nghĩa tôn giáo

b. Nguồn gốc của tôn giáo

c. Đặc trưng cơ bản của tôn giáo

d. Chức năng cơ bản của tôn giáo

II. Nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trong giải quyết các vấn đề tôn giáo

1. Khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của tín ngưỡng tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

2. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

3. Cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo

4. Cần phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

5. Giải quyết các vấn đề tôn giáo phải hướng vào củng cố khối đoàn kết nhân dân tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

III. Chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

1. Căn cứ để xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo

- a. Quán triệt các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc giải quyết các vấn đề tín ngưỡng , tôn giáo
- b. Căn cứ tình hình đặc điểm tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam và quốc tế
- c. Căn cứ vào thành tựu và thiếu sót của quá trình thực hiện chính sách tôn giáo trong những năm đổi mới

2. Nội dung cơ bản của chính sách tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Chương 12: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Quan niệm cơ bản về gia đình, chức năng xã hội của gia đình

1. Khái niệm gia đình

- a. Định nghĩa gia đình
- b. Các mối quan hệ cơ bản của gia đình

2. Các chức năng xã hội cơ bản của gia đình

- a. Chức năng tái sản xuất con người
- b. Chức năng giáo dục của gia đình
- c. Chức năng tổ chức đời sống gia đình
- d. Chức năng kinh tế của gia đình
- e. Chức năng cân bằng các nhu cầu tâm sinh lý , tình cảm con người

II. Những nhân tố tác động và thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay

1. Một số yếu tố ảnh hưởng tới gia đình Việt Nam hiện nay

a. Những giá trị tích cực và những nhân tố tiêu cực của gia đình Việt Nam trước đây

b. Những tác động của kinh tế thị trường, mở cửa, giao lưu và hội nhập đến gia đình Việt Nam hiện nay

2. Thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay

- a. Một số thành tựu
- b. Những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay

III. Phương hướng và giải pháp để xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

1. Một số quan điểm cơ bản và phương pháp xây dựng gia đình trong TKQĐ lên CNXH

- a. Một số quan điểm
- b. Phương hướng xây dựng gia đình Việt Nam

2. Một số giải pháp để xây dựng gia đình Việt Nam văn hóa

- a. Phát triển kinh tế đảm bảo gia đình no ấm
- b. Xây dựng gia đình bình đẳng hoà thuận trên cơ sở giữ vững những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình
- c. Xây dựng gia đình tiến bộ
- d. Xây dựng gia đình hạnh phúc và bền vững
- e. Hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả luật pháp, các chính sách của nhà nước

11.4. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần

Tiếng Việt: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành : 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá : 2 tiết

+ Tự học : 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. *Về kiến thức:* Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin được Hồ Chí Minh vận dụng trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam

6.2. *Về kỹ năng:* Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những hiểu biết về nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam và của cách mạng nước ta. Qua môn học, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực góp phần giải quyết những vấn đề trên các lĩnh vực theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

6.3. *Về thái độ:* Hình thành được thái độ đúng đắn trong nghiên cứu, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức của người công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam.

7. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp khái quát nguồn gốc, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam, bao gồm những vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, đại đoàn kết, đạo đức cách mạng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp

- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2010), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), *Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Lê Văn Tích (chủ biên) (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia.

4. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Bộ giáo dục và đào tạo (2007), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 60 phút) : 20 %
- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân : 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 60 phút) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận 2 tiết

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

1.2. Phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở phương pháp luận

1.2.2. Các phương pháp cụ thể

1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1.3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

1.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Nội dung khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Phân tích mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày quan điểm của mình

Tự học: đọc trước Chương mở đầu và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận trong Chương mở đầu.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; Trang 9 đến trang 24.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh trang 47 đến 52.

- Bộ giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng trong các trường đại học, cao đẳng), trang 21 đến 28.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (chủ biên) (2000), Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia.

Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 2 tiết

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Cơ sở khách quan

1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

1.2.2. Thời kỳ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

1.2.3. Thời kỳ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

1.2.4. Thời kỳ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách; Kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

1.2.5. Thời kỳ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh ?

- Cách thảo luận: Yêu cầu các nhóm trình bày trước lớp nội dung đã tự học ở nhà.

Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày quan điểm của mình

Tự học: đọc trước Chương 2 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận trong Chương 2

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; trang 9 đến trang 24

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008): Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 17 đến 47.

- Bộ giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng trong các trường đại học, cao đẳng), trang 7 đến 23.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (chủ biên) (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia.

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

2.2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

2.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

2.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc? Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc? Liên hệ thực tiễn

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày quan điểm của mình

Tự học: đọc trước chương 3 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận tại chương 3

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 57 đến trang 96.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 53 đến trang 90

- Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (2007), dùng trong các trường đại học, cao đẳng, trang 7 đến 28.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (chủ biên, 2000), Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia.

Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.1. Con đường

3.2.2. Biện pháp

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ? Liên hệ thực tiễn

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 97 đến trang 127

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác–Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 53 đến trang 131

- Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (2007), dùng trong các trường đại học, cao đẳng, trang 53 đến 83.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (2000), Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia.

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam

4.1.1. Về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

4.1.2. Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam

4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

4.1.4. Quan niệm về Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

4.2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam? Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh? Liên hệ thực tiễn

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 5 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận chương 5

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 128 đến trang 163.

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 132 đến trang 175.

- Bộ giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng trong các trường đại học, cao đẳng, trang 117 đến 135.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (2000), Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia.

Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

5.1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

5.1.3. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

5.2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

5.2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ? Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế ? Liên hệ thực tiễn

- Phương pháp thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 6 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận chương 6.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 164 đến trang 204, trang 299 đến 232

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 176 đến trang 207.

- Bộ giáo dục và đào tạo: Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (2007), dùng trong các trường đại học, cao đẳng), trang 84 đến 116.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (2000), Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia.

Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

6.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

6.1.3. Thực hành dân chủ

6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân

6.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước

6.2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

6.2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ? Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân? Liên hệ thực tiễn

- Phương pháp thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 7 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận của chương 7

Tài liệu tham khảo:

- Bộ giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 205 đến 233

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 256 đến trang 298

- Bộ giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng trong các trường đại học, cao đẳng), trang 135 đến 150.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lê Văn Tích (2000), Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia.

Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

7.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

7.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ? Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân ? Liên hệ thực tiễn

- Phương pháp thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tóm lược nội dung học phần và hướng dẫn ôn thi cuối khóa

Tài liệu tham khảo:

- Bộ giáo dục và đào tạo (2010), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 234 đến 288

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, trang 333 đến trang 488

- Bộ giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh(dùng trong các trường đại học, cao đẳng), trang 157 đến 204.

- Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2001), Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

11.5. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

2. Số tín chỉ: 2 (1.5,0.5)

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết. Trong đó, kiểm tra/ đánh giá: 2 tiết
- Thảo luận, thực hành: 10 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Quá trình ra đời và hoạt động lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay; những thành tựu nhân dân đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng
- Nội dung đường lối của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.
- Vai trò của Đảng; sự trưởng thành của Đảng về nhận thức và năng lực lãnh đạo trong tiến trình cách mạng.
- Những kinh nghiệm lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam.

6.2. Về kỹ năng:

- Biết trình bày, mô tả, phân kỳ lịch sử, phân tích, đánh giá sự kiện, so sánh, chứng minh, phân tích đường lối, chủ trương của Đảng.
- Biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.
- Trau dồi kỹ năng nói, viết logic, khoa học; kỹ năng làm việc nhóm.

6.3. Về thái độ:

- Tự hào và tin tưởng về lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Biết ơn đối với những người có công với cách mạng, với quê hương, đất nước.
- Tin tưởng mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.
- Có ý thức bảo vệ đường lối của Đảng, tổ chức Đảng, tham gia xây dựng Đảng, chống các thế lực phản động
- Tham gia xây dựng Đảng, tích cực thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến và xây dựng chế độ mới (1945 – 1975), Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986), Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986 đến nay), Những bài học kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trên cơ sở đó sinh viên phân tích được nguyên nhân, hoàn cảnh ra đời và bài học lịch sử về quá trình ra đời, phát triển của Đảng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2004

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

[3]. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, *Những thành công lớn của các Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới (1986-2006)*, Hà Nội, 2006.

[4]. *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương 1930-2002*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2003.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập (tất cả các tập)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[6]. PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên), *Các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[7]. *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1930 – 2016 (Qua các kỳ đại hội)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2016.

[8]. Một số trang web:

- dangcongsan.vn
- cpv.org.vn

- tapchicongsan.org.vn

- nlv.gov.vn

- chinhphu.vn

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 90 phút): 20%
- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết tiểu luận): 50%

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

I. Cuộc khủng hoảng về con đường cứu nước đầu thế kỷ XX

1. Xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam

- a. Chính sách thống trị, khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam.
- b. Sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở Việt Nam.

2. Phong trào giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

- a. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến
- b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản

II. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước

1. Quá trình tìm tòi con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc

2. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và chuẩn bị thành lập Đảng.

- a. Tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp, liên kết cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở các nước đế quốc
- b. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên
- c. Phác thảo đường lối cứu nước

III. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

1. Ba tổ chức Cộng sản

- a. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản
- b. Ba tổ chức Cộng sản ra đời

2. Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng

- a. Nội dung hội nghị
- b. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm

- a. Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam
- b. Một số kinh nghiệm của quá trình vận động thành lập Đảng

Chương II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1930 – 1945)

I. Đảng lãnh đạo cao trào cách mạng 1930-1931

1. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh

- a. Hoàn cảnh lịch sử
- b. Diễn biến, kết quả
- a. Ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử

2. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất (tháng 10-1930) và Luận cương chính trị của Đảng

- a. Hoàn cảnh lịch sử
- b. Nội dung Hội nghị
- c. Luận cương chính trị của Đảng

II. Khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và lãnh đạo quần chúng đấu tranh (1932 - 1935)

1. Phục hồi hệ thống tổ chức Đảng

2. Các hình thức đấu tranh

III. Đại hội Đại biểu lần thứ I của Đảng (3-1935).

1. Bối cảnh và nội dung của Đại hội

- a. Bối cảnh
- b. Nội dung Đại hội

2. Ý nghĩa của Đại hội

IV. Cao trào vận động Dân chủ (1936 -1939)

1. Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng

- a. Hoàn cảnh lịch sử
- b. Chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng

2. Các phong trào đấu tranh tiêu biểu

a. Đấu tranh đòi triệu tập Đông Dương Đại hội và đòi các quyền dân chủ, dân sinh

b. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh công khai hợp pháp trên báo chí và nghị trường

3. Ý nghĩa và kinh nghiệm của thời kỳ vận động dân chủ

a. Ý nghĩa

b. Kinh nghiệm

V. Cao trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945)

1. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và chủ trương giải phóng dân tộc của Đảng

a. Hoàn cảnh lịch sử

b. Chủ trương mới của Đảng

2. Xây dựng lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền

a. Xây dựng lực lượng chính trị

b. Xây dựng lực lượng vũ trang

3. Cao trào kháng Nhật, cứu nước

a. Chủ trương

b. Hành động

4. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945

a. Thời cơ khởi nghĩa.

b. Đảng phát động tổng khởi nghĩa

c. Diễn biến tổng khởi nghĩa

5. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm

a. Ý nghĩa lịch sử

b. Kinh nghiệm lịch sử

Chương III. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến và xây dựng chế độ mới (1945 – 1975)

I. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (THÁNG 9-1945 - THÁNG 12-1946)

1. Tình thế đất nước và khả năng giữ vững chính quyền cách mạng

a. Những thuận lợi

b. Những khó khăn

2. Vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tạm hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp (tháng 9-1945 – tháng 3-1946)

a. Chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc và phong trào cách mạng của quần chúng

* Chủ trương, biện pháp của Đảng

** Phong trào cách mạng của quần chúng*

b. Thực hiện sách lược hoà hoãn, nhân nhượng với quân Tưởng

** Mục đích*

** Nội dung nhân nhượng*

3. Tạm hoà hoãn với thực dân Pháp, chuẩn bị kháng chiến toàn quốc (tháng 3-1946 – tháng 12-1946)

a. Tạm hoà hoãn với Pháp, đẩy nhanh quân Tưởng về nước

** Bối cảnh*

** Nội dung hoà hoãn*

b. Tập dụng khả năng hoà hoãn, chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc

** Xây dựng lực lượng chính trị*

** Xây dựng lực lượng vũ trang*

** Xây dựng kinh tế*

** Xây dựng văn hoá*

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm

a. Ý nghĩa

b. Kinh nghiệm

II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ CAN THIỆP MỸ (1946 – 1954)

1. Đường lối kháng chiến và sự chỉ đạo của Đảng trong những năm đầu kháng chiến

a. Đường lối kháng chiến của Đảng

b. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

c. Xây dựng thực lực kháng chiến (1948-1950)

d. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950

2. Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951)

a. Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951)

** Hoàn cảnh lịch sử*

** Nội dung và ý nghĩa của Đại hội*

b. củng cố hậu phương, đẩy mạnh tiến công địch, giữ vững quyền chủ động chiến lược (1951-1953)

** Củng cố hậu phương về mọi mặt*

** Đẩy mạnh tiến công địch, giữ vững quyền chủ động chiến lược*

3. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954. Chiến thắng Điện Biên Phủ. Hiệp định Giơnevơ

a. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 với đỉnh cao chiến thắng Điện Biên Phủ

b. Hiệp định Giơnevơ

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

a. Ý nghĩa

b. Bài học kinh nghiệm

III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954-1975)

1. Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

a. Tình hình miền Nam sau tháng 7-1954 và đường lối cách mạng Việt Nam

b. Từng bước làm thất bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

** Đánh bại chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mỹ (1954-1960)*

** Đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961-1965)*

** Đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1969)*

** Đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1975)*

c. Ý nghĩa lịch sử, kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

** Ý nghĩa lịch sử*

** Kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*

2. Đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc và quá trình thực hiện

a. Đặc điểm của miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

b. Đường lối và quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1954 - 1975)

** Đảng lãnh đạo hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ, khôi phục kinh tế (1954 - 1957)*

** Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội (1958 - 1960)*

** Đại hội III của Đảng (9-1960) và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)*

** Chuyển hướng phát triển kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cả nước có chiến tranh (1965 - 1975)*

c. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

Chương IV. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986)

I. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước

1. Yêu cầu lịch sử của đất nước sau 30 năm chiến tranh
2. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước

II. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976)

1. Nội dung Đại hội
2. Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

III. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và Biên giới phía Bắc

1. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam
2. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới phía Bắc

IV. Đổi mới từng phần - Bước đột phá tìm con đường đổi mới

1. Những bước đột phá đầu tiên
2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982)
3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V

Chương V. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986 đến nay)

I. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) hoạch định đường lối đổi mới

1. Nội dung Đại hội VI
2. Nội dung đường lối đổi mới
3. Vượt qua khó khăn, mở đầu quá trình đổi mới toàn diện (1986-1990)

a. Tình hình thế giới và trong nước

b. Thực hiện đường lối Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI

II. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Hoàn cảnh và nội dung Đại hội

a. Hoàn cảnh

b. Nội dung Đại hội

2. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Từng bước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII

4. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1-1994). Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội

- a. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1-1994)
- b. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội

III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996) và nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

1. Nội dung Đại hội
2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII

VI. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4-2001)

1. Nội dung Đại hội
2. Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

V. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4-2006)

1. Nội dung Đại hội
2. Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

VI. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (tháng 1-2011), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011)

1. Nội dung Đại hội
2. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011)
3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI

VII. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016).

1. Nội dung Đại hội
2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII

Chương VI. Những bài học kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo Cách mạng của Đảng

I. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

1. Cơ sở lý luận của bài học
2. Cơ sở thực tiễn của bài học

II. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

1. Cơ sở lý luận của bài học
2. Cơ sở thực tiễn của bài học

III. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết

1. Cơ sở lý luận của bài học
2. Cơ sở thực tiễn của bài học

IV. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

1. Cơ sở lý luận của bài học
2. Cơ sở thực tiễn của bài học

V. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1. Cơ sở lý luận của bài học
2. Cơ sở thực tiễn của bài học

11.6. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

2. Số tín chỉ: 2 (1.5,0.5)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 1/2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 20 tiết. Trong đó, kiểm tra/ đánh giá: 2 tiết
- Thảo luận, thực hành: 15 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: cung cấp cho sinh viên hệ thống lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành một đề tài khoa học, trình bày và báo cáo một công trình khoa học.

6.2. Về kỹ năng: sinh viên có các kỹ năng để tiến hành nghiên cứu khoa học, phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học.

6.3. Về thái độ: sinh viên ý thức về vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập, có ý thức trong việc rèn luyện nâng cao khả năng thiết kế và thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề cơ bản của phương pháp luận nghiên cứu khoa học và rèn luyện các kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu, thiết kế bộ công cụ, khảo sát thực địa, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu định lượng, định tính và kỹ năng viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên biết cách trình bày và thuyết trình một công trình khoa học. Từ đó, sinh viên sử dụng các kiến thức, kỹ năng này để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học mà trước hết là tiến hành và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học – Khoa CTXH

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Vũ Hồng Tiến (2014), *Tập bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

1. Vũ Cao Đàm (2008), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- Phạm Việt Vượng (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 90 phút): 20%
- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết tiểu luận): 50%

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Phân bổ thời gian: lý thuyết 3 tiết, thảo luận 3 tiết

1.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học

1.1.1. Khái niệm khoa học

1.1.2. Khái niệm nghiên cứu khoa học

1.1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học

1.1.3. Phân loại nghiên cứu khoa học

1.2. Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc nghiên cứu khoa học

1.2.1. Mục đích của nghiên cứu khoa học

1.2.2. Nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học

1.2.3. Các nguyên tắc của nghiên cứu khoa học

1.3. Một số sản phẩm đặc trưng của nghiên cứu khoa học

- 1.3.1. Bài báo khoa học
- 1.3.2. Thông báo khoa học và tổng luận khoa học
- 1.3.3. Công trình khoa học
- 1.3.4. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học
- 1.3.5. Luận văn khoa học

1.4. Các bước tiến hành nghiên cứu khoa học

- 1.4.1. Lựa chọn đề tài
- 1.4.2. Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu
- 1.4.3. Thu thập và xử lý thông tin
- 1.4.4. Viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài
- 1.4.5. Đánh giá và nghiệm thu đề tài

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: đọc một ấn phẩm bất kỳ (tài liệu in, bài báo thường, bài báo khoa học...), phân tích và nhận diện thế nào là một sản phẩm của nghiên cứu khoa học ?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm đọc ấn phẩm của mình, phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Đàm (2008), Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Thế giới, Hà Nội, trang 139 đến 192.

Chương 2: THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

Phân bổ thời gian: lý thuyết 5 tiết, thảo luận/Thực hành 4 tiết

2.1. Lựa chọn và đặt tên đề tài nghiên cứu khoa học

- 2.1.1. Khái niệm đề tài
- 2.1.2. Lựa chọn đề tài
- 2.1.3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu
- 2.1.4. Đặt tên đề tài

2.2. Giả thuyết khoa học

- 2.2.1. Khái niệm “giả thuyết khoa học”
- 2.2.2. Vai trò của giả thuyết trong nghiên cứu khoa học
- 2.2.3. Tiêu chí xem xét một giả thuyết khoa học
- 2.2.4. Thuộc tính cơ bản của giả thuyết khoa học
- 2.2.5. Kiểm chứng giả thuyết khoa học

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp lấy mẫu

2.3.1. Đại cương về chọn mẫu và cỡ mẫu

2.3.2. Một số kỹ thuật chọn mẫu

2.3.3. Xác định cỡ mẫu trong nghiên cứu

2.4. Xây dựng cơ sở lý luận

2.4.1. Khái niệm “cơ sở lý luận của đề tài”

2.4.2. Nội dung cơ sở lý luận của đề tài

2.4.3. Phương pháp xây dựng luận cứ lý thuyết

2.5. Xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết

2.5.1. Khái niệm đề cương nghiên cứu

2.5.2. Ý nghĩa của việc xây dựng đề cương nghiên cứu

2.5.3. Cấu trúc của một đề cương nghiên cứu khoa học

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: lựa chọn một đề tài nghiên cứu: tên đề tài, đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm lựa chọn tên đề tài, xác định đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu của đề tài và trình bày, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Đàm (2008), Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Thế giới, Hà Nội, trang 51 đến 64.

Chương 3: THU THẬP THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU

Phân bổ thời gian: lý thuyết 4 tiết, thảo luận, thực hành 4 tiết

3.1. Thu thập thông tin định lượng

3.1.1. Công cụ thu thập thông tin định lượng bằng bảng hỏi cá nhân

3.1.2. Kỹ thuật thiết kế bảng hỏi

3.1.3. Kỹ thuật phỏng vấn bảng hỏi

3.2. Thu thập thông tin định tính

3.2.1. Phỏng vấn sâu

3.2.2. Thảo luận nhóm tập trung

3.2.3. Hội nghị

3.3. Quy trình triển khai khảo sát thực địa

3.3.1. Lập kế hoạch triển khai khảo sát

3.3.2. Tiến hành khảo sát thực địa

3.3.3. Viết báo cáo kết quả khảo sát thực địa

3.4. Phương pháp xử lý dữ liệu định lượng

3.4.1. Phương pháp xử lý dữ liệu định lượng

3.4.2. Phương pháp xử lý dữ liệu định tính

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: xây dựng công cụ thu thập thông tin định lượng bằng bảng hỏi cá nhân cho đề tài nghiên cứu khoa học

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm xây dựng công cụ và trình bày, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Đàm (2008), Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Thế giới, Hà Nội.

- Hội LHPN Việt Nam, Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương (2009), Phương pháp nghiên cứu khoa học, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, trang 69 đến 124.

Chương 4: VIẾT BÁO CÁO VÀ TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân bổ thời gian: lý thuyết 5 tiết, thảo luận/ thực hành 4 tiết

4.1. Cách viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

4.1.1. Nội dung cơ bản của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

4.1.2. Hướng dẫn cách viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

4.1.3. Báo cáo tóm tắt

4.2. Trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học

4.2.1. Lựa chọn cách trình bày số liệu bằng bảng, biểu đồ

4.2.2. Cách trình bày số liệu bằng bảng

4.2.3. Cách trình bày số liệu bằng biểu đồ

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: thiết kế một đề cương nghiên cứu đã có tên đề tài, giả thuyết khoa học của đề tài

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm thiết kế đề cương và trình bày, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Hướng dẫn thực hành:

- Câu hỏi thực hành: Trên cơ sở dữ liệu đã được xử lý, hãy trình bày những số liệu đó bằng bảng, biểu đồ và phân tích sơ bộ những số liệu đã có.

- Cách thực hành: thực hành theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày nội dung giải quyết câu hỏi thực hành nói trên.

11.7. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thảo luận : 10 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho học viên những kiến thức về: cơ sở hình thành, phát triển và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý; cách thức để nhận biết tâm lý người; hoạt động nhận thức; đặc điểm, cấu trúc và sự hình thành phát triển nhân cách.

6.2. Về kỹ năng:

- Học viên có được kỹ năng nhận biết về tâm lý của bản thân và những người xung quanh, từ đó biết cách bộc lộ và điều chỉnh tâm lý của bản thân và người khác theo hướng tích cực trong hoạt động sống và công tác của cá nhân.

6.3. Về thái độ:

- Định vị đúng môn học từ đó gắn kết kiến thức của môn học với các học phần khác trong hệ thống các môn học thuộc chương trình đào tạo cử nhân hành chính.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Tâm lý học đại cương nhằm trình bày những vấn đề cơ bản nhất về tâm lý con người như cảm giác, tri giác, tình cảm, lý trí...trên cả phương diện lý thuyết và thực tiễn. Tâm lý học đại cương là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tâm lý con người. Nội dung thể hiện cụ thể qua 4 chương của môn học bao gồm: Chương 1: Khái quát chung về khoa học tâm lý; Chương 2: Cơ sở hình thành của tâm lý; Chương 3: Sự phát triển của tâm lý; Chương 4: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở công tác xã hội - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, semina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), *Tâm lý học đại cương* (2014), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Hà nội

2. Trần Trọng Thủy (chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lý học*. Nxb ĐHQG HN, 2002. Thư viện ĐHQG HN, phòng tư liệu khoa Tâm lý học.

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lịch sử tâm lý học (2001), Maurice Reuchlin, Nxb. Thanh niên, Hà nội

2. Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2003), Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Nxb Đại học sư phạm, Hà nội

3. Tâm lý học căn bản (2004) - Roberts Feldman, Nxb Văn hóa - Thông tin, TP.Hồ Chí Minh

4. Tâm lý học nhân cách (1998), Nguyễn Ngọc Bích, Nxb. Giáo dục Hà nội

5. Các thuộc tính tâm lý điển hình (2007), Lê Thị Bùng (Chủ biên) - Nxb. Đại học sư phạm, Hà nội

6. Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách (2004), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KHOA HỌC TÂM LÝ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 1 tiết

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1.1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý

1.2. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học

1.2.1. Thời cổ đại

1.2.2. Nửa thế kỷ trở về trước

1.2.3. Tâm lý học từ năm 1879 đến nay

- Tâm lý học trở thành khoa học độc lập

- Các quan điểm cơ bản trong tâm lý học hiện đại

1.3. Các phương pháp nghiên cứu trong TLHQL

1.3.1. Các phương pháp luận của tâm lý học

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học

1.4. Bản chất hiện tượng tâm lý con người

1.4.1. Bản chất hiện tượng tâm lý con người

1.4.2. Phân loại các hiện tượng tâm lý

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Các hiện tượng tâm lý con người?

+ Ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý con người ?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 8 - 10 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 2 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận của chương 2.

Tài liệu tham khảo:

1. Lịch sử tâm lý học (2001), Maurice Reuchlin, Nxb. Thanh niên, Hà nội

2. Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2003), Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Nxb Đại học sư phạm, Hà nội

3. Tâm lý học căn bản (2004) - Roberts Feldman, Nxb Văn hóa - Thông tin, TP.Hồ Chí Minh

4. Tâm lý học nhân cách (1998), Nguyễn Ngọc Bích, Nxb. Giáo dục Hà nội

5. Các thuộc tính tâm lý điển hình (2007), Lê Thị Bùng (Chủ biên) - NXB. Đại học sư phạm, Hà nội

6. Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách (2004), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH TÂM LÝ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 4 tiết

2.1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người

2.1.1. Não và tâm lý

2.1.2. Hoạt động thần kinh cấp cao

2.1.3. Các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao

2.1.4. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý

2.2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.

2.2.1. Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý con người

2.2.2. Hoạt động và sự hình thành, phát triển tâm lý người.

2.2.3. Giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lý người

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao?

+ Những vấn đề cần lưu ý trong giao tiếp tâm lý người ?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 8 - 10 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 3 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận của chương 3.

Tài liệu tham khảo:

1. Lịch sử tâm lý học (2001), Maurice Reuchlin, Nxb. Thanh niên, Hà nội

2. Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2003), Phan Trọng Ngọ (chủ biên), NXB Đại học sư phạm, Hà nội

3. Tâm lý học căn bản (2004) - Roberts Feldman, Nxb Văn hóa - Thông tin, TP.Hồ Chí Minh

4. Tâm lý học nhân cách (1998), Nguyễn Ngọc Bích, Nxb. Giáo dục Hà nội

5. Các thuộc tính tâm lý điển hình (2007), Lê Thị Bùng (Chủ biên), Nxb. Đại học sư phạm, Hà nội

6. Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách (2004), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia

Chương 3: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TÂM LÝ NGƯỜI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 4 tiết

3.1. Cảm giác và tri giác

3.1.1 Cảm giác

3.1.2. Tri giác

3.2. Tư duy và tưởng tượng

3.2.1 Tư duy

3.2.2 Tưởng tượng

3.3. Trí nhớ

3.3.1. Khái niệm trí nhớ

3.3.2. Vai trò của trí nhớ

3.3.3. Các giai đoạn của trí nhớ

3.4. Ý thức và Tình cảm

3.4.1. Ý thức

3.4.1.1 Khái niệm chung về ý thức

3.4.1.2. Các cấp độ ý thức

3.4.2. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức

3.5. Ý chí và hành động ý chí

3.5.1. Khái niệm ý chí

3.5.2. Các phẩm chất ý chí

3.5.3. Hành động ý chí

3.5.4. Hành động tự động hóa

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Các giai đoạn của trí nhớ?

+ So sánh hành động ý chí và hành động tự động hóa? Cho ví dụ ?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 8 - 10 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tự học: đọc trước chương 4 và chuẩn bị cho câu hỏi thảo luận của chương 4.

Tài liệu tham khảo:

1. Lịch sử tâm lý học (2001), Maurice Reuchlin, Nxb. Thanh niên, Hà nội
2. Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2003), Phan Trọng Ngọ (chủ biên)- Nxb Đại học sư phạm, Hà nội
3. Tâm lý học căn bản (2004) - Roberts Feldman, Nxb Văn hóa - Thông tin, TP.Hồ Chí Minh
4. Tâm lý học nhân cách (1998), Nguyễn Ngọc Bích, Nxb. Giáo dục Hà nội
5. Các thuộc tính tâm lý điển hình (2007), Lê Thị Bùng (Chủ biên), Nxb. Đại học sư phạm, Hà nội
6. Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách (2004), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia

Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 4 tiết

4.1. Khái niệm chung về nhân cách

4.2. Cấu trúc của nhân cách.

4.3. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người? Liên hệ thực tiễn?

- Phương pháp thảo luận:

+ Làm bài tập nhóm 8 - 10 người cùng thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Đại diện từng nhóm trình bày trên lớp.

+ Giảng viên và các nhóm khác đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến và tổng kết thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày

Tài liệu tham khảo:

1. Lịch sử tâm lý học (2001), Maurice Reuchlin, Nxb. Thanh niên, Hà nội
2. Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2003), Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Nxb Đại học sư phạm, Hà nội

3. Tâm lý học căn bản (2004) - Roberts Feldman, Nxb Văn hóa - Thông tin, TP.Hồ Chí Minh
4. Tâm lý học nhân cách (1998), Nguyễn Ngọc Bích, Nxb. Giáo dục Hà nội
5. Các thuộc tính tâm lý điển hình (2007), Lê Thị Bùng (Chủ biên), Nxb. Đại học sư phạm, Hà nội
6. Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách (2004), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia

11.8. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần

Tiếng Việt: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

2. Số tín chỉ: 3 (2,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết	: 30 tiết
+ Thảo luận, thực hành	: 28 tiết
+ Kiểm tra/ đánh giá	: 2 tiết
+ Tự học	: 75 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu học phần

6.1. *Về kiến thức*: sinh viên đạt trình độ tin học gần tương đương chứng chỉ A theo chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo qui định.

6.2. *Về kỹ năng*:

- Làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả.

- Có kiến thức cơ bản về việc sử dụng máy tính dựa trên các phần học từ Windows, Winword, Excel đến khả năng sử dụng internet.

- Hiểu rõ cách thức hoạt động của máy tính. Nắm chắc qui trình làm việc và sử dụng máy đúng cách.

- Biết ứng dụng kiến thức đã học một cách tổng hợp để giải quyết tốt các bài tập và bài toán được giao.

- Tổng hợp sử dụng tin học như là công cụ phục vụ cho việc học tập trong chuyên ngành.

6.3. *Thái độ, chuyên cần*: yêu cầu tham gia đủ số giờ lý thuyết. Tích cực tự học và rèn luyện kỹ năng làm việc trên máy tính

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản làm việc trên máy tính. Cấu trúc chương trình được biên soạn hướng đến chuẩn trình độ chứng chỉ A Tin học của Bộ GD&ĐT.

Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả.

Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính.

Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tin học, Khoa Khoa học cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Làm bài tập thực hành trên máy được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Hàn Viết Thuận (2010), *Giáo trình tin học đại cương*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. PGS. TS Bùi Thế Tâm (2012), *Tin học văn phòng*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, Giáo trình

3. KS. Nguyễn Thanh Hải (2007), *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ (01 bài, thời gian kiểm tra 60 phút) : 20 %
- Thi cuối kỳ (thực hành trên máy tính, thời gian 90 phút) : 70 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

Phân bổ thời gian: 12 tiết. Trong đó, lý thuyết 6, thực hành 12 tiết

1.1. Thông tin và xử lý thông tin

1.1.1. Thông tin

1.1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử

- 1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử
 - 1.2.1. Phần cứng (hardware)
 - 1.2.2. Phần mềm (software)
- 1.3. Hệ điều hành windows
 - 1.3.1. Khái niệm về hệ điều hành
 - 1.3.2. Các đối tượng do hệ điều hành quản lý
 - 1.3.3. Giới thiệu hệ điều hành windows
 - 1.3.4 Thay đổi cấu hình máy tính
 - 1.3.5. Máy in
- 1.4. Quản lý dữ liệu bằng windows explorer
 - 1.4.1. Giới thiệu
 - 1.4.2. Thao tác với các thư mục và tập tin
 - 1.4.3. Thao tác với các lối tắt (shortcuts)
- 1.5. Sử dụng tiếng việt trong windows
 - 1.5.1. Giới thiệu các chương trình hỗ trợ tiếng việt
 - 1.5.2 Sử dụng vietkey
 - 1.5.3 Sử dụng unikey
 - 1.5.4 Luyện đánh máy với kp typing tutor
- 1.6. Bảo vệ dữ liệu và phòng chống virus
 - 1.6.1. Bảo vệ dữ liệu
 - 1.6.2. Virus máy tính và các biện pháp phòng chống
 - 1.6.3. Giới thiệu Chương trình diệt virus

Hướng dẫn thực hành:

- Tóm tắt nội dung chính/câu hỏi cần thực hành: thực hành thao tác với các thư mục và tập tin; Luyện đánh máy với kp typing tutor

- Tóm tắt cách thực hành: thực hành trên máy tính

Tài liệu tham khảo:

- PGS. TS Bùi Thế Tâm (2012), Giáo trình tin học văn phòng, NXB Văn hóa – Thông tin; trang 3 đến 15.

- PGS. TS Bùi Thế Tâm (2010), Giáo trình tin học đại cương, NXB Thời đại, trang đến 9, trang 15 đến 27.

- PGS. TS Hàn Viết Thuận (2010), Giáo trình tin học đại cương, NXB kinh tế quốc dân, trang 7 đến 61, trang 96 đến 126.

Chương 2

XỬ LÝ VĂN BẢN TRONG MICROSOFT WORD

Phân bổ thời gian: 18 tiết. Trong đó, lý thuyết 9, thực hành 9 tiết

2.1. Làm quen với MS-Word 2000

2.1.1. Bước đầu làm việc với MS Word

2.1.2. Điều khiển cửa sổ làm việc

2.2. Các thao tác soạn thảo văn bản

2.2.1. Vấn đề tiếng Việt

2.2.2. Nhập nội dung văn bản

2.2.3. Các xử lý với văn bản: sao chép, di chuyển, xoá

2.2.4. Tìm kiếm và thay thế

2.3. Thao tác định dạng

2.3.1. Định dạng ký tự

2.3.2. Các định dạng cho đoạn (Paragraph)

2.3.3. Định dạng trang

2.3.4. Dấu ngắt – Break

2.3.5. Tạo tiêu đề Header/Footer

2.3.6 Định dạng văn bản dạng cột (Column)

2.4. Đối tượng bảng biểu và hình ảnh

2.4.1. Thao tác với bảng biểu

2.4.2. Kết hợp hình ảnh trong tài liệu

2.5. Tiện ích in ấn

Hướng dẫn thực hành:

- Tóm tắt nội dung chính/câu hỏi cần thực hành: thực hành thao tác soạn thảo văn bản; Thao tác định dạng; thao tác với bảng biểu và hình ảnh.

- Tóm tắt cách thực hành: thực hành trên máy tính 15 bài tập theo mẫu, lưu vào Folder thực hành.

Tài liệu tham khảo:

- PGS.TS Hàn Viêt Thuận (2010), Giáo trình tin học đại cương, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, trang 131 đến 176.

- PGS.TS Bùi Thế Tâm (2012), Giáo trình tin học văn phòng, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 31 đến 75

Chương 3

XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MICROSOFT EXCEL

Phân bổ thời gian: 24 tiết. Trong đó, lý thuyết 12 tiết, thực hành 10 tiết

3.1. Giới thiệu tổng quan về EXCEL

3.1.1. Các thao tác cơ bản với EXCEL

3.1.2. Các thao tác với cửa sổ ứng dụng Excel

3.1.3. Qui định cấu hình hệ thống (Sử dụng Regional & Language Option trong Control Panel)

3.1.4. Tổ chức dữ liệu trong Excel

3.1.5. Nhập dữ liệu trong Excel

3.1.6. Bài tập

3.2. Thao tác với Workbook, WorkSheet

3.2.1. Nhập dữ liệu

3.2.2. Một số kỹ thuật xử lý nhanh

3.2.3. Công thức và các toán tử cơ bản

3.2.4. Bài tập

3.3. Xử lý dữ liệu (tt)-Một số hàm thông dụng

3.3.1. Thao tác trên dòng, cột

3.3.2. Một số lệnh trong menu Edit

3.3.3. Tác dụng 1 số nút công cụ

3.3.4. Giới thiệu và sử dụng các hàm

3.3.5. Bài tập

3.4. Quản lý môi trường làm việc- Một số hàm thông dụng (tt)

3.4.1. Quản lý môi trường làm việc

3.4.2. Qui định một số tham số tùy chọn trong trình đơn Tools > Options

3.4.3. Sử dụng các lệnh trong trình đơn Window

3.4.4. Hàm thống kê

3.4.5. Hàm ngày/giờ

3.4.6. Bài tập

3.5. Làm việc với nhiều bảng tính

3.5.1. Sao chép dữ liệu

3.5.2. Xây dựng công thức tham chiếu đến các Sheet khác nhau

3.5.3. Hàm xử lý chuỗi

3.5.4. Sự phối hợp các hàm

3.5.5. Bài tập

3.6. Hàm tìm kiếm, tham chiếu

- 3.6.1. Hàm chuyển đổi kiểu dữ liệu
- 3.6.2. Hàm dò tìm, tham chiếu
- 3.7. Định dạng trang và in ấn
 - 3.7.1. Giới thiệu
 - 3.7.2. Xem trước khi in
 - 3.7.3. In ấn
 - 3.7.4. Qui định các thông số về trang in
- 3.8. Đồ thị
 - 3.8.1. Quy trình vẽ đồ thị
 - 3.8.2. Định dạng đồ thị
 - 3.8.3. Hàm thống kê theo điều kiện

COUNTA, COUNTIF, SUMIF (Sử dụng với biểu thức điều kiện là một hằng trị, sử dụng các ký tự thay thế trong biểu thức điều kiện)

Hướng dẫn thực hành:

- Tóm tắt nội dung chính/câu hỏi cần thực hành: thực hành thao tác Workbook, WorkSheet; Thao tác Một số hàm thông dụng (tt)

- Tóm tắt cách thực hành: thực hành trên máy tính 20 bài tập theo mẫu, lưu vào Folder thực hành

Tài liệu tham khảo:

- PGS. TS Bùi Thế Tâm (2012), Tin học văn phòng, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 76 đến 177.

- PGS.TS Hàn Viết Thuận (2012), Tin học ứng dụng, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, trang 81 đến 206.

Chương 4

SOẠN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO VỚI MICROSOFT POWERPOINT

Phân bổ thời gian: 4 tiết. Trong đó, lý thuyết 2, thực hành 2 tiết

4.1. Giới thiệu PowerPoint

4.1.1. Giới thiệu PowerPoint

4.1.2. Tạo một trình diễn cơ bản

4.2. Hiệu chỉnh trình diễn

4.2.1. Các thao tác soạn trình bày Slide

4.2.2. Chèn các đối tượng vào Slide

4.3. Tạo các hiệu ứng - Trình bày bài báo cáo và các kỹ thuật trình bày với MS PowerPoint

4.3.1. Tạo hiệu ứng

4.3.2. Trình diễn & Các kỹ thuật trình diễn

4.3.3. Trình diễn

Hướng dẫn thực hành:

- Tóm tắt nội dung chính/câu hỏi cần thực hành: thực hành thao tác các soạn trình bày Slide, chèn các đối tượng vào Slide, tạo hiệu ứng và trình diễn

- Tóm tắt cách thực hành: thực hành cá nhân trên máy tính, soạn 02 bài tập lưu vào Folder thực hành theo yêu cầu

Tài liệu tham khảo:

- PGS.TS Bùi Thế Tâm (2012), Giáo trình tin học đại cương, NXB thời đại, trang 124 đến 132.

Chương 5

INTERNET VÀ EMAIL

Phân bổ thời gian: 2 tiết. Trong đó, lý thuyết 1, thực hành 1

5.1. Internet và dịch vụ world wide web

5.1.1. Giới thiệu internet

5.1.2. Một số khái niệm

5.1.3. Một số thành phần trên Internet

5.1.4. Các dịch vụ thông dụng trên internet

5.1.5. Trình duyệt web

5.2. Dịch vụ thư điện tử

5.2.1. Giới thiệu

5.2.2. Chương trình Mail Client

5.2.3. Sử dụng các webmail (hotmail, yahoomail, google)

Hướng dẫn thực hành:

- Tóm tắt nội dung chính/câu hỏi cần thực hành: thực hành tạo lập 01 hòm thư điện tử

- Tóm tắt cách thực hành: thực hành cá nhân trên máy tính, nén và gửi Folder thực hành vào địa chỉ email khác theo yêu cầu

Tài liệu tham khảo:

- PGS.TS Hàn Viết Thuận (2010), Giáo trình tin học đại cương, NXB Đại học kinh tế quốc dân, trang 298 đến 349.

11.9. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

1. Tên học phần:

Tên tiếng Anh: **TIẾNG ANH 1**

2. Số tín chỉ: 3 (1,2)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 15 tiết

(1 tiết giảng /1 tuần lễ)

+ Thảo luận, thực hành, kiểm tra : 60 tiết

(4 tiết thực hành, thảo luận / 1 tuần lễ)

+ Tự học : 75 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có thể:

- Hiểu được những câu và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày;

- Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp;

- Miêu tả một cách đơn giản về bản thân và về các hoạt động và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình;

6.2. Mục tiêu cụ thể

6.2.1. Về kiến thức:

Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Phát âm tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

- Có vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản;

- Sử dụng các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

- Có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

6.2.2. *Về kỹ năng*: sinh viên được phát triển 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Kỹ năng nghe:

- Nhận ra những từ quen thuộc và những cụm từ rất cơ bản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường sống quen thuộc khi người nói nói rõ ràng và chậm rãi;

- Hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng, chậm rãi; hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

Kỹ năng đọc:

- Hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày;

- Hiểu được các bài đọc ngắn, đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao: Đọc hiểu thư tín đơn giản về những chủ đề quen thuộc; Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh sách...; Đọc hiểu luật lệ và quy định khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi và với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày: thói quen hàng ngày, sở thích ...;

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi ...;

Kỹ năng viết:

- Viết thư cá nhân đơn giản;

- Viết các tin nhắn đơn giản;

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng những từ nối;

Các kỹ năng khác:

- Bắt đầu làm quen với việc làm việc theo nhóm. Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho việc học tập môn học.

6.3. *Về thái độ*:

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần;

- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng Internet...; Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học. Mô tả vắn tắt nội dung học phần được liệt kê trong bảng sau:

Ngữ pháp	Các thì: hiện tại đơn giản, quá khứ đơn giản; Động từ <i>Can</i> Tính từ; Tính từ sở hữu; Đại từ sở hữu; Sở hữu cách của danh từ Giới từ chỉ thời gian; trạng từ chỉ tần suất
Từ vựng	Số đếm Các ngày trong tuần; hoạt động hàng ngày Cụm động từ Đồ vật thông dụng; thông tin cá nhân
Phát âm	Bảng chữ cái và phiên âm quốc tế Nguyên âm, phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu Cách phát âm từ có tận cùng là , <i>s/es, ed</i> Các từ hợp vần.
Nghe nói	Chủ đề: các tình huống quen thuộc: ngày trong tuần, hỏi và nói về thời gian, làm quen, giải trí Kỹ năng: nghe và nắm ý chính, nghe thông tin cụ thể điền vào mẫu
Đọc hiểu	Đọc để tăng cường vốn từ về các chủ đề quen thuộc: bản thân, gia đình, bè bạn, đất nước, con người, công việc, cuộc sống, giải trí.
Viết	Viết theo mẫu: điền thông tin cá nhân; viết thư/email giới thiệu bản thân, miêu tả một người bạn.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ, Khoa Cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học;
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia trên lớp;
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison (2005), *New English file, Elementary Student's book and workbook*, Oxford University Press.
2. Jonathan Marks (2007), *English Pronunciation in Use Elementary*, Cambridge University Press.

10.2. Tài liệu tham khảo.

3. Murphy, Raymond (2012), *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin.
4. Michael McCarthy, Felicity O'Dell (2010), *English Vocabulary in Use Elementary*, Cambridge University Press.
5. The Windy (2009), *Ngữ pháp Tiếng Anh căn bản*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
	Tham gia học tập trên lớp: tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị và làm bài tập đầy đủ, nộp bài đúng hạn; không nghỉ học quá 20% số buổi học, không đi học muộn.	1 điểm	10%
	Bài kiểm tra tiến bộ số 1: đánh giá các kiến thức cấu trúc, ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng nghe, đọc, viết	Thi viết 90 phút	20%
	Bài kiểm tra tiến bộ số 2: đánh giá kỹ năng nói: tự giới thiệu, giới thiệu về bạn, thảo luận, thực hành phát âm.	Thi nói	10%
	Thi kết thúc học phần	Thi viết (90 phút)	60%

Lưu ý: Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu.

13. Thang điểm: thang điểm 10; làm tròn đến một chữ số thập phân (áp dụng với các điểm thành phần và điểm học phần)

14. Nội dung chi tiết học phần:

1.1 Lesson 1A (1-4)

1.1.1. Động từ be (khẳng định)

1.1.2. Đại từ nhân xưng

- 1.1.3. Số đếm 1- 20, các ngày trong tuần
- 1.1.4. Phát âm: nguyên âm, trọng âm trong từ
- 1.1.5. Giới thiệu bản thân
- 1.2. Lesson 1B
 - 1.2.1. Động từ be (phủ định, nghi vấn)
 - 1.2.2. Tên nước và quốc tịch
 - 1.2.3. Số đếm 20 – 1,000
 - 1.2.4. Phát âm: nguyên âm
 - 1.2.5. Chào hỏi, làm quen
- NEF student's book (p.4-7)
- English Pronunciation in Use (p.10 – 11)
- 1.3. Lesson 1C (1 – 4)
 - 1.3.1. Tính từ sở hữu
 - 1.3.2. Thông tin cá nhân
 - 1.3.3 Bảng chữ cái
 - 1.3.4. Một cuộc phỏng vấn
- 1.4. Lesson 1D
 - 1.4.1. Mạo từ a, an, số nhiều
 - 1.4.2. This, that, these, those
 - 1.4.3. Ngôn ngữ sử dụng trong lớp học, các đồ vật thông dụng
 - 1.4.4. Nghe: bài hát Eternal Flame
- 1.5. Practical English
- 1.6. Writing: completing a form
- NEF student's book (p.8-15)
- English Pronunciation in Use (p.130 – 131)
- 2.1. Lesson 2A (1-4)
 - 2.1.1. Thì hiện tại đơn giản
 - 2.1.2. Cụm động từ, động từ bất quy tắc
 - 2.1.3. Phát âm: phụ âm, âm tận cùng là s (ngôi thứ ba)
- 2.2. Lesson 2B
 - 2.2.1. Các cụm động từ thông dụng
 - 2.2.2. Phát âm: phụ âm

2.2.3. Đọc: giới thiệu, làm quen trên mạng internet

2.3. Lesson 2C

2.3.1. Mạo từ a, an , danh từ chỉ nghề nghiệp

2.3.2. Phát âm: phụ âm

English Grammar in Use (p.10 -12; 256 - 259)

NEF student's book (p.16 – 21)

English Pronunciation in Use (p.34-35; 44-45; 110)

2.4. Lesson 2D (1-4)

2.4.1. Sở hữu cách của danh từ

2.4.2. Danh từ về gia đình

2.4.3. Kể về gia đình

2.5. Practical English

2.6. Writing: informal e-mail/letter

3.1. Lesson 3A

3.1.1. Tính từ

3.1.2. Phát âm: nguyên âm

3.1.3. Miêu tả người nổi tiếng

NEF student's book (p.22 – 31)

English Vocabulary in Use (p.8-9)

3.2. Lesson 3B (1-4)

3.2.1. Thì hiện tại đơn giản

3.2.2. Cách nói về thời gian

3.2.3. Các hoạt động hàng ngày

3.3. Lesson 3C

3.3.1. Trạng từ chỉ tần suất

3.3.2. Từ và cụm từ chỉ thời gian

3.3.3. Phát âm: h

3.4. Lesson 3D

3.4.1. Giới từ chỉ thời gian

3.4.2. Trọng âm trong từ

NEF student's book (p.32 -35)

English Grammar in Use (p.369- 371)

English Pronunciation in Use (p.38-39; 48- 49)

3.5. Practical English – File 3 (1-4)

3.6. Writing: Kể về thời gian yêu thích

NEF student's book (p.36 -43)

4.1. Lesson 4A (1-4)

4.1.1. Động từ can/can't

4.1.2. Cụm động từ

4.1.3. Trọng âm trong câu

4.1.4. Nghe nói: tìm hiểu tính cách

4.2. Lesson 4B

4.2.1. Động từ like + V-ing

4.2.2. Hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi

4.2.3. Phát âm: trọng âm câu

NEF student's book (p.44 - 47)

English Pronunciation in Use, p.12 - 13

English Grammar in Use p. 260- 262

4.3. Lesson 4C (1-4)

4.3.1. Đại từ làm tân ngữ

4.3.2. Phát âm: /i/ và /i:/

4.4.3. Đọc: 5 câu chuyện tình nổi tiếng

4.5.4. Từ vựng: chuyện tình yêu

NEF student's book (p.48 - 51)

4.4. Lesson 4D (1-4)

4.4.1. Đại từ sở hữu

4.4.2. Âm nhạc

4.4.3. Phát âm: các từ hiệp vần

4.4.4. Nghe: bài hát Unchanged melody

4.5. Practical English – In a clothes shop

4.6. Writing: tả một người bạn

5.1. Lesson 5A (1-4)

5.1.1. Thì quá khứ đơn giản: động từ be

5.1.2. Cách thành lập từ

- 5.1.3. Phát âm: trọng âm câu
- 5.1.4. Nghe nói: tổng thống Mỹ
NEF student's book (p.48 - 51)
- 5.2. Lesson 5B (1-4)
 - 5.2.1. Thì quá khứ đơn giản: động từ có quy tắc
 - 5.2.2. Từ/cụm từ chỉ quá khứ
 - 5.2.3. Phát âm: - ed endings
- 5.3. Lesson 5C (1-4)
 - 5.3.1. Thì quá khứ đơn giản: động từ bất quy tắc
 - 5.3.2. Từ vựng: cụm động từ: go, have, get
 - 5.3.3. Phát âm: trọng âm câu
 - 5.3.4. Nghe - nói: A night out; Dancing Queen
English Grammar in Use, p. 37 - 39
- 5.4. Lesson 5D (1-4)
 - 5.4.1. Thì quá khứ: động từ có quy tắc và bất quy tắc
 - 5.4.2. Phát âm: các động từ quá khứ
 - 5.4.3. Nghe nói: phỏng vấn về ngày hôm qua
 - 5.4.4. Đọc: Murder in a country house
- 5.5. Practical English: In a gift shop
- 5.6. Social English
- 5.7. Writing: a holiday report
- 5.8. Ôn tập
NEF student's book, p.62- 63.

11.10. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH A2

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **TIẾNG ANH A2**

Tên tiếng Anh: ENGLISH A2

2. Số tín chỉ : 3 (1,2)

3. Trình độ: SV năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành, kiểm tra : 60 tiết (4 tiết /1tuần lễ)

+ Tự học : 75 giờ

5. Điều kiện tiên quyết : Tiếng Anh A1

6. Mục tiêu của học phần:

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với văn cảnh;
- Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống;
- Trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng Anh.

6.1. Về kiến thức: kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Phân biệt cách phát âm chuẩn và không chuẩn; phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế;

- Nắm vững vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản như các cấu trúc câu (câu bị động, câu điều kiện, so sánh ...), các thì trong tiếng Anh (hiện tại, quá khứ, tương lai) để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường;

- Có một vốn từ vựng đủ để thể hiện mình trong các tình huống giao tiếp về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; nắm được cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ.

6.2. Về kỹ năng: sinh viên được phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Kỹ năng nghe:

- Nghe hiểu ý chính trong những bài nói về những chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày, trong công việc, học tập, giải trí ..;

- Nghe và nắm bắt được những nội dung chính trong các chương trình TV/đài về các chủ đề quen thuộc
- Nghe và phát hiện một số thông tin chi tiết

Kỹ năng đọc:

- Đọc hiểu những văn bản thông thường như quảng cáo, bảng biểu, thực đơn, v.v
- Đọc lướt các văn bản tương đối dài (khoảng từ 250 đến 300 từ) để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao;
- Đọc hiểu nội dung trong thư cá nhân miêu tả sự kiện, cảm xúc, mong muốn nhằm trao đổi thư với bạn bè nước ngoài;
- Đọc hiểu và xác định cấu trúc của một đoạn văn trong tiếng Anh;

Kỹ năng nói:

- Thực hiện các cuộc hội thoại không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra;
- Sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình du lịch ở nơi ngôn ngữ đó được sử dụng như đặt vé máy bay, đặt phòng, hỏi đường ...;
- Kết hợp các cụm từ thành câu và sử dụng các cấu trúc câu tương ứng để miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, ước mơ, hi vọng, tham vọng, đưa ra và giải thích cho đề xuất, lý do, ý kiến, kế hoạch mà mình đã đưa ra;
- Tường thuật lại một câu chuyện, một bộ phim đơn giản và bày tỏ cảm xúc, ấn tượng của mình về tác phẩm đó.

Kỹ năng viết:

- Viết thư cá nhân đơn giản; viết thư công việc;
- Viết đoạn văn tả cảnh, tả người, miêu tả ngôi nhà, kể chuyện;
- Viết đoạn văn ngắn theo cấu trúc đã học, trình bày quan điểm của mình về một chủ đề trong đời sống hàng ngày.

Các kỹ năng khác:

- Tổ chức và làm việc theo nhóm
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho việc học tập môn học.

7.3. Về thái độ:

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học, có ý thức rèn luyện, nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống, học tập, công việc;

- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet ...;

- Thiết lập được một hệ thống các học liệu liên quan phục vụ cho việc học tập môn học.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này củng cố và mở rộng những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học. Dưới đây là mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Từ vựng	<p>Động từ nguyên thể; động từ + <i>ing</i>;</p> <p>Đồ dùng gia đình; thức ăn; danh từ số ít/số nhiều</p> <p>Các bộ phận cơ thể; trang phục</p> <p>Cụm động từ</p> <p>Giới từ chỉ địa điểm; giới từ chỉ thời gian và địa điểm</p> <p>Các trạng từ thường dùng; phân từ quá khứ; tính từ trái nghĩa</p>
Phát âm	<p>Trọng âm câu</p> <p>Cách phát âm một số âm tiết và nguyên âm đôi</p> <p>Nhóm phụ âm</p> <p>Phân từ quá khứ bất quy tắc</p>
Nghe nói	<p>Chủ đề: các tình huống quen thuộc trong đời sống hàng ngày: ăn uống, du lịch, thời tiết</p> <p>Kỹ năng: nghe và phát hiện một số thông tin chi tiết</p>
Đọc hiểu	<p>Đọc lướt nắm ý chính về các chủ đề quen thuộc</p>
Viết	<p>Viết theo mẫu: bưu thiếp, hướng dẫn hoạt động, đặt phòng khách sạn, viết một đoạn văn ngắn miêu tả bản thân, kể về một bức ảnh yêu thích</p>

9. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ, Khoa Cơ bản

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học;
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia trên lớp;
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu học tập

11.1. Tài liệu bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison (2007), New English file, Elementary Student's book and workbook, Oxford University Press.

2. Jonathan Marks (2007), English Pronunciation in Use Elementary, Cambridge University Press.

11.2. Tài liệu tham khảo.

3. Michael McCarthy, Felicity O'Dell (2010), English Vocabulary in Use Elementary, Cambridge University Press.

4. Murphy, Raymond (2012), English Grammar in Use, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa - Thông tin.

5. The Windy (2009), Ngữ pháp Tiếng Anh căn bản, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Tham gia học tập trên lớp: tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị và làm bài tập đầy đủ, nộp bài đúng hạn; không nghỉ học quá 20% số buổi học, không đi học muộn.	1 điểm	10%
2	Bài kiểm tra tiến bộ số 1: đánh giá các kiến thức cấu trúc, ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng nghe, đọc, viết	90 phút	20%
3	Bài kiểm tra tiến bộ số 2: đánh giá kỹ năng nói: tự giới thiệu, giới thiệu về bạn, thảo luận, thực hành phát âm, trả lời và tranh luận về chủ đề đã chọn.		10%
3	Thi kết thúc học phần (4 kỹ năng)		60%

Lưu ý: Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu.

13. Thang điểm: Thang điểm 10; làm tròn đến một chữ số thập phân (áp dụng với các điểm thành phần và điểm học phần)

14. Nội dung chi tiết học phần:

1.1. Lesson 6A (NEF Elementary) (2-8)

- 1.1.1. There is, there are, some, any
- 1.1.2. Danh từ chỉ đồ đạc trong nhà
- 1.1.3. Phát âm: trọng âm câu
- 1.1.4. Nghe nói: nhà cửa, đồ đạc trong nhà

1.2. Lesson 6B

- 1.2.1. There was, there were
- 1.2.2. Giới từ chỉ địa điểm
- 1.2.3. Phát âm: chữ cái không được phát âm
- 1.2.4. Nghe nói: nhà cửa

NEF S's book, p.64 – 67

English Pronunciation in Use, p.56 - 63

English Vocabulary in Use, p.58 – 59

2.1. Lesson 6C (2-8)

- 2.1.1. Thì hiện tại tiếp diễn
- 2.1.2. Từ vựng: Cụm động từ (make a noise)
- 2.1.3. Phát âm: V-ing
- 2.1.4. Nghe nói: suy đoán, thì hiện tại tiếp diễn

2.2. Lesson 6D

- 2.2.1. Phân biệt thì hiện tại tiếp diễn và hiện tại đơn
- 2.2.2. Từ vựng: các địa điểm trong thành phố
- 2.2.3. Phát âm: tên các thành phố
- 2.2.3. Nghe nói: du lịch

2.3. Practical English: Hỏi đường

2.4 Writing: a postcard

NEF S's book, p.68 – 75

English Grammar in Use, p.313 - 318

English Pronunciation in Use, p.74 – 75

3.1. Lesson 7A (1-4)

- 3.1.1. Ngữ pháp: a/an, some/any
- 3.1.2. Danh từ: thức ăn, đồ uống, danh từ đếm được/ danh từ không đếm được
- 3.1.3. Phát âm: ea
- 3.1.4. Nghe nói: Can men cook?

3.2. Lesson 7B

3.2.1. Ngữ pháp: how much, how many, quantifiers

3.2.2. Danh từ: đồ uống

3.2.3. Phát âm: /w/, /v/, /b/

3.2.4. Nghe nói, Đọc: Nước

Ôn tập: ngữ pháp, từ vựng

NEF student's book, p.76 – 79

English Pronunciation in Use, p.76 – 77

4.1. Lesson 7C (2-8)

4.1.1. Thì tương lai đơn (be going to)

4.1.2. Từ vựng: kỳ nghỉ

4.1.3. Phát âm: trọng âm trong câu

4.1.4. Nghe, nói, đọc: Kỳ nghỉ

4.2. Lesson 7D

4.2.1. Be going to – phỏng đoán

4.2.2. Từ vựng: cụm động từ: get married

4.2.3. Phát âm: nguyên âm

4.2.4. Nghe- nói- đọc: dự đoán tương lai

4.3. Practical English: Tại nhà hàng

4.4. Viết: viết hướng dẫn cách nấu món ăn yêu thích

4.7. Ôn tập file 7

NEF student's book, p.80 – 87

5.1. Lesson 8A (2-8)

5.1.1. So sánh hơn của tính từ

5.1.2. Tính từ chỉ tính cách

5.1.3. Nghe nói: màu sắc và tính cách

5.2. Lesson 8B

5.2.1. So sánh tuyệt đối của tính từ

5.2.2. Thời tiết

5.2.3. Phát âm: chuỗi phụ âm

NEF S's book, p.88 – 91

English Pronunciation in Use, p.56 - 63

English Vocabulary in Use, p.58 – 59

6.1. Lesson 8C (2-8)

6.1.1 Would like to/ like

6.1.2 Từ vựng: Phiêu lưu

6.1.3 Nghe nói: chọn mua quà tặng

6.2. Lesson 8D

6.2.1. Trạng từ

6.2.2. Phát âm: trọng âm trong tính từ và trạng từ

6.2.3. Viết: đặt phòng nghỉ

NEF S's book, p.92 - 95

English Grammar in Use, p.313 - 318

English Pronunciation in Use, p.74 – 75

7.1. Practical English file 8 – going home (1-4)

7.2 Writing: email đặt phòng nghỉ

7.3. Revision file 7: ngữ pháp, từ vựng

NEF S's book, p.96 – 99

8.1. Lesson 9A (2-8)

8.1.1. Thì hiện tại tiếp diễn

8.1.2. Từ vựng: been to

8.1.3. Phát âm: trọng âm trong câu

8.2. Lesson 9B

8.2.1. Phân biệt thì hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn giản

8.2.2. Phân từ quá khứ

8.2.3. Nghe nói: phim và sách

NEF student's book, p.100 - 103

English Pronunciation in Use, p.76 – 77

9. Ôn tập (1-4)

Ngữ pháp, từ vựng, phát âm – trình độ sơ cấp

NEF student's book, p.104 – 109.

11.11. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 3

2. Số tín chỉ: 4

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 45 tiết

+ Thảo luận, thực hành, kiểm tra : 30 tiết

+ Tự học : 90 giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

Ngữ âm

- Kết thúc chương trình, sinh viên có thể nhận diện được các phát âm, phiên âm tiếng Anh để có thể tự đọc và nói đúng;

Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Sử dụng được các thì tiếng Anh trong giao tiếp thông thường; biết sử dụng động từ tình thái, câu chủ động, câu bị động, câu điều kiện, câu trực tiếp, câu gián tiếp;

- Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ có tính ‘công thức’, hay dùng thường ngày và các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc.

Từ vựng

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Có đủ vốn từ để giao tiếp với nhiều chủ đề khác nhau: cá nhân, gia đình, công việc, tính cách, tiền bạc, thể thao, giải trí, đồ ăn, ...

- Sử dụng đúng các loại từ: tính từ, trạng từ thông dụng, danh từ, từ nối,

6.2. Về kỹ năng:

- Hiểu các thông tin sự kiện đơn giản về các đề tài phổ biến hàng ngày, các đề tài liên quan đến công việc; xác định được cả thông điệp chính các các ý chi tiết

- Duy trì hợp lý và trôi chảy những bài miêu tả ngắn về nhiều kiểu đề tài yêu thích; giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân;

- Tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về đề tài quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân.

- Viết được bài miêu tả chi tiết theo các dạng khác nhau: tường thuật, miêu tả sự kiện, bài luận ngắn, báo cáo, tóm tắt, viết thư, ghi chú cá nhân.

6.3. Về thái độ người học:

- Có ý thức tự học và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống quen thuộc.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên trình độ trung cấp việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu ...

- Những từ vựng cơ bản được sử dụng trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Phương pháp thuyết trình khoa học.

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Khoa học cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài;

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp;

- Tham gia thảo luận tại lớp;

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân được giao, nộp bài đúng hạn;

- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, bài thi theo quy định.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), *New English File - Intermediate Student's Book & Workbook*, Oxford: Oxford University Press.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles (2008), *Destination B1 – Grammar and Vocabulary*, Macmillan.

3. Solorzano, H. & Frazier, L. (2004), *Contemporary Topics 1*. Longman ELT, 2004 (2nd).

4. Oshima, A & Hogue, A. *Writing Academic English* Longman ELT.

5. The WindyNgữ pháp Tiếng Anh căn bản, NXB Đại học quốc gia Hà Nội (2009).

6. Websites:

<http://www.englishpage.com>

<http://www.iteslj.org/links/>

<http://www.a4esl.org>

<http://www.englishclub.com>

<http://www.learnenglish.org.uk>

<http://www.world-english.org>

<http://www.oup.com/elt/global/products/englishfile/intermediate/>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần : 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (Nghe, Đọc, Viết - 1 bài, thời gian 90 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (Nói) : 10%
- Thi cuối kỳ (4 kỹ năng) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

FOOD: FUEL OR PLEASURE

Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 2 tiết; thảo luận, thực hành: 4 tiết

1.1. Các kỹ năng

1.1.1. Reading

1.1.1.1. Đoán trước thông tin rồi đọc nhanh để kiểm tra

1.1.1.2. Đoán nghĩa từ trong văn cảnh

1.1.2. Listening

1.1.2.1. Nghe và điền thông tin vào bảng phân loại

1.1.3. Speaking

1.1.3.1. Trò chuyện về thói quen ăn uống

1.1.3.2. Phỏng vấn với một người đầu bếp

1.1.4. Writing

1.1.3.1 Tả người.

1.2. Kiến thức ngôn ngữ

1.2.1. Ngữ âm: phát âm của nhóm từ chuyên ngành ở tài liệu học chuyên ngành tương ứng

1.2.2. Ngữ pháp: thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn; động từ chỉ hành động và động từ không chỉ hành động

1.2.3. Từ vựng: thói quen, tính cách; từ vựng chuyên ngành qua bài đọc liên quan

Tài liệu tham khảo:

- Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 4-7.

Chương 2

IF YOU REALLY WANT TO WIN, CHEAT

Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 2 tiết; thảo luận, thực hành: 4 tiết

2.1. Các kỹ năng

2.1.1. Reading

2.1.1.1. Đọc và tìm thông tin chi tiết

2.1.1.2. Đoán nghĩa từ trong văn cảnh

2.1.2. Listening

2.1.2.1. Nghe và điền từ vào chỗ trống

2.1.2.2. Nghe lấy thông tin (số cụ thể)

2.1.3. Speaking

2.1.3.1. Trao đổi về thể thao

2.1.4. Writing

2.1.3.1 Miêu tả người.

2.2. Kiến thức ngôn ngữ

2.2.1. Ngữ âm: phân biệt nguyên âm ngắn - dài

2.2.2. Ngữ pháp: các thì quá khứ

2.2.3. Từ vựng: thể thao

Tài liệu tham khảo:

- Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 8-11.

Chương 3

RACE TO THE SUN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết; thảo luận, thực hành 4 tiết

3.1. Các kỹ năng

3.1.1. Reading

3.1.1.1. Đọc và tìm thông tin chi tiết

3.1.1.2. Đoán nghĩa từ trong văn cảnh

3.1.2. Listening

3.1.2.1. Nghe và điền từ vào chỗ trống

3.1.2.2. Nghe lấy thông tin (số cụ thể)

3.1.3. Speaking

3.1.3.1. Hội thoại trao đổi thông tin: an toàn giao thông

3.1.4. Writing

3.1.3.1. Kể một câu chuyện.

3.2. Kiến thức ngôn ngữ

3.2.1. Ngữ âm: phát âm của nhóm từ chuyên ngành ở tài liệu học chuyên ngành tương ứng

3.2.2. Ngữ pháp: so sánh hơn và so sánh cao nhất

3.2.3. Từ vựng: giao thông

Tài liệu tham khảo:

Oxenden, C. & Latham-Koenig, C, New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, 2008, trang 28-35.

Chương 4

IF AT FIRST YOU DON'T SUCCEED

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận, thực hành 2 tiết

4.1. Các kỹ năng

4.1.1. Reading

4.1.1.1. Xác định ý chính của bài

4.1.1.2. So sánh đối chiếu thông tin

4.1.2. Listening

4.1.2.1. Nghe và ghép thông tin với người nói

4.1.2.2. Xác định quan điểm của người nói

4.1.2.3. Lấy thông tin chi tiết để trả lời câu hỏi

4.1.3. Speaking

4.1.3.1 Thảo luận về khả năng

4.1.4. Writing

4.1.3.1 Viết thư cá nhân.

4.2. Kiến thức ngôn ngữ

4.2.1. Ngữ âm: phát âm trọng âm câu

4.2.2. Ngữ pháp: diễn đạt nghĩa khả năng (ability, possibility) với can, could, be able to

4.2.3. Từ vựng: tính từ chủ động, tính từ bị động

Tài liệu tham khảo:

Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 44-49.

Chương 5

BACK TO SCHOOL, AGED 35

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận, thực hành 8 tiết

5.1. Các kỹ năng

5.1.1. Reading

5.1.1.1. Suy đoán trước khi đọc

5.1.1.2. Đọc tìm thông tin chi tiết,

5.1.1.3 Suy luận nghĩa của từ trong văn cảnh

5.1.2. Listening

5.1.2.1. Suy đoán thông tin trước khi nghe

5.1.2.2. Nghe và kiểm tra thông tin

5.1.2.3. Nghe để lấy thông tin chi tiết cần thiết

5.1.2.4. Nghe trả lời câu hỏi

5.1.3. Speaking

5.1.3.1. Thảo luận về chủ đề giáo dục

5.1.4. Writing

5.1.3.1. Miêu tả ngôi nhà hoặc căn hộ.

5.2. Kiến thức ngôn ngữ

5.2.1. Ngữ âm: /ju:/

5.2.2. Ngữ pháp: câu điều kiện loại 1 và mệnh đề tương lai + when, until, etc. .

5.2.3. Từ vựng: giáo dục

Tài liệu tham khảo:

Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 52-55.

Chương 6

STILL FRIENDS?

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận, thực hành 2 tiết

6.1. Các kỹ năng

6.1.1. Reading

6.1.1.1. Đọc tìm lý do

6.1.1.2. Đoán nghĩa của từ

6.1.2. Listening

6.1.2.1. Nghe và ghép nội dung với tranh đúng, ghép với người nói .

6.1.3. Speaking

6.1.3.1. Thảo luận về tình bạn; về người bạn thân

6.1.4. Writing

6.1.3.1 Tả ngôi nhà hay căn hộ.

6.2. Kiến thức ngôn ngữ

6.2.1. Ngữ âm: /s/ hay /z/

6.2.2. Ngữ pháp: usually và used to.

6.2.3. Từ vựng: tình bạn

Tài liệu tham khảo:

- Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File – Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 60-63, 65.

Chương 7

SLOW DOWN, YOU MOVE TOO FAST

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận, thực hành 2 tiết

7.1. Các kỹ năng

7.1.1. Reading

7.1.1.1. Đọc lấy ý kiến tác giả

7.1.2. Listening

7.1.2.1. Nghe lấy thông tin điền vào bảng tổng hợp

7.1.2.2 Nghe điền từ vào chỗ trống

7.1.3. Speaking

7.1.3.1. Phản bác lại một ý kiến có trước

7.1.3.2. Đưa ra ý kiến và giải thích

7.1.4. Writing

7.1.4.1. Viết sơ yếu lý lịch và thư xin việc

7.2. Kiến thức ngôn ngữ

7.2.1. Ngữ âm: phát -ough, -augh

7.2.2. Ngữ pháp: thành lập danh từ.

7.2.3. Từ vựng: từ/cụm từ chỉ số lượng

Tài liệu tham khảo:

Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File - Intermediate Student's Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 68-71, 81.

Chương 8

LOVE IN THE SUPERMARKET

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận, thực hành 4 tiết

8.1. Các kỹ năng

8.1.1. Reading

8.1.1.1. Xác định ý chính và tiêu đề của từng đoạn

8.1.1.2 Tìm từ cụ thể trong bài

8.1.2. Listening

8.1.2.1. Nghe bài dài, lấy thông tin trả lời câu hỏi

8.1.3. Speaking

8.1.3.1 Bảng hỏi về thói quen mua sắm

8.1.3.2 Đưa ra ý kiến phản nàn

8.1.4. Writing

8.1.3.1 Viết tóm tắt giới thiệu phim

8.2. Kiến thức ngôn ngữ

8.2.1. Ngữ âm: phát âm các phụ âm vô thanh

8.2.2. Ngữ pháp: câu gián tiếp: câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến

8.2.3. Từ vựng: mua bán

Tài liệu tham khảo:

- Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File – Intermediate Student’s Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 84-87, 97.

Chương 9

MURDER MYSTERIES

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận, thực hành 4 tiết

9.1. Các kỹ năng

9.1.1. Reading

9.1.1.1. Đọc tìm thông tin chi tiết.

9.1.2. Listening

9.1.2.1. Nghe để trả lời câu hỏi

9.1.2.2. Nghe và ghi lại thông tin cần thiết

9.1.3. Speaking

9.1.3.1 Phỏng vấn dựa vào bảng câu hỏi

9.1.4. Writing

9.1.4.1 Viết nhận xét về một bộ phim yêu thích

9.2. Kiến thức ngôn ngữ

9.2.1. Ngữ âm: phát âm của nhóm từ chuyên ngành ở tài liệu học chuyên ngành tương ứng

9.2.2. Ngữ pháp: thể bị động: be + phân từ quá khứ

9.2.3. Từ vựng: phim ảnh; từ vựng chuyên ngành qua bài đọc liên quan

Tài liệu tham khảo:

- Oxenden, C. & Latham-Koenig, C (2008), New English File – Intermediate Student’s Book & Workbook. Oxford: Oxford University Press, trang 88-91.

11.12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3 (1,2)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

- + Lý thuyết : 15 tiết
- + Thảo luận, thực hành : 60 tiết
- + Kiểm tra/ đánh giá : 5 tiết
- + Tự học : 0 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. *Về kiến thức:* Sinh viên biết về những kiến thức cần thiết về vận động thể lực, phối hợp tập thể trong tập luyện và thi đấu.

6.2. *Về kỹ năng:* Hình thành kỹ năng thực hiện kỹ thuật các động tác và vận dụng vào chiến thuật thi đấu.

6.3. *Về thái độ người học:* Nâng cao trình độ phát triển của các tổ chất vận động cho sinh viên, tăng cường sức khỏe. Có thái độ tự giác tích cực trong tập luyện, có ý thức tự nâng cao thể lực cho bản thân.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học bao gồm 3 phần: Thực hành thể dục phát triển chung; bóng chuyền, bóng rổ. Thực hành thể dục phát triển chung tập bài thể dục 56 động tác. Bóng chuyền: tập luyện những kỹ thuật cơ bản chiến thuật, luật bóng chuyền. Bóng rổ: tập luyện những kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật bóng rổ; luyện tập cầu lông.

8. **Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Giáo dục thể chất, Khoa Khoa học cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thực hành tại lớp
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Trương Anh Tuấn (2003), *Giáo trình thể dục*, NXB giáo dục, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bùi Ngọc Thọ, Lê Văn Cường, Lý Kế Cường, Lê Văn Nam, Lã Thanh Lịch, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Anh Minh, Phạm Khánh Ninh, Thái Việt Hưng (2003), *Giáo trình giáo dục thể chất*, Trường Đại học Mỏ Địa chất.

3. Ủy ban thể dục thể thao (2007), *Luật thể dục, thể thao*, NXB Thể dục thể thao

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian cho mỗi bài 60 phút): 20 %
- Điểm thực hành cá nhân : 10%
- Thi cuối kỳ (thi thực hành) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG

Phân bổ thời gian: 15 tiết (lý thuyết 6 tiết, thực hành 18 tiết)

1.1. Thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất

1.1.1. Khái niệm, mục đích ý nghĩa của Giáo dục thể chất

1.1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.2. Mục đích

1.1.1.3. Ý nghĩa

1.1.2. Thực trạng giáo dục thể chất ở Việt Nam

1.2. Thể dục phát triển chung

1.2.1. Bài tập tay không 56 động tác

1.2.2. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác

1.2.3. Bài tập liên hoàn 40 động tác

Hướng dẫn thực hành:

- Nội dung thực hành: Tập các bài thể dục tay không với 56 động tác, 32 động tác, 40 động tác

- Cách thực hành: Giáo viên giới thiệu một lượt các động tác thể dục, sinh viên tập theo sau đó tự tập cho nhau theo từng nhóm

Tài liệu Tham khảo:

- Bùi Ngọc Thọ, Lê Văn Cường, Lý Kế Cường, Lê Văn Nam, Lã Thanh Lịch, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Anh Minh, Phạm Khánh Ninh, Thái Việt Hưng(2003) - Giáo trình giáo dục thể chất- Trường Đại học Mở Địa chất, Trang 63 đến 120

- Ủy ban thể dục thể thao (2007), Luật thể dục, thể thao, NXB Thể dục thể thao, Trang 5 đến 325

Chương 2

MÔN BÓNG CHUYỀN

Phân bổ thời gian: 20 tiết: lý thuyết 8 tiết, thực hành 24 tiết

2.1. Lịch sử môn bóng chuyền trên thế giới và trong nước

2.1.1. Sự ra đời của môn bóng chuyền

2.1.2. Quá trình triển môn bóng chuyền ở Việt Nam

2.2. Kỹ thuật và phương pháp tập luyện

2.2.1. Tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.1.1. Tư thế chuẩn bị

2.2.1.2. Di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay

2.2.2.1. Chuyền bóng cao tay trước mặt

2.2.2.2. Chuyền bóng cao tay ra phía sau

2.2.2.3. Nhảy chuyền bóng

2.2.2.4. Ngã chuyền bóng

2.2.3. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay

2.2.3.1. Đệm bóng lên trước mặt

2.2.3.2. Đệm bóng ra sau đầu

2.2.3.3. Lăn ngã đệm bóng bằng một tay

2.2.4. Kỹ thuật đập bóng

2.2.4.1. Kỹ thuật chạy đà

2.2.4.2. Kỹ thuật dậm nhảy

2.2.4.3. Kỹ thuật đập bóng

2.2.4.4. Kỹ thuật tiếp đất

2.2.5. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.5.1. Chắn bóng cá nhân

2.2.5.2. Chắn bóng tập thể

2.2.6. Kỹ thuật phát bóng

2.3. Chiến thuật và phương pháp tập luyện

2.3.1. Chiến thuật tấn công

2.3.2. Chiến thuật phòng thủ

2.3.2.1. Đội hình đỡ phát bóng

2.3.2.2. Chấn và phòng thủ hàng sau

2.4. Nội dung cơ bản của luật Thi đấu bóng chuyền

2.4.1. Sân bãi, dụng cụ

2.4.2. Luật về tổ chức đội bóng

2.4.3. Luật thi đấu

2.4.4. Ký hiệu của trọng tài

Hướng dẫn thực hành:

- Nội dung thực hành: Kỹ thuật, chiến thuật bóng chuyền

- Cách thực hành: Sinh viên lập thành các đội tập, có thể thi đấu với nhau

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Ngọc Thọ, Lê Văn Cường, Lý Kế Cường, Lê Văn Nam, Lã Thanh Lịch, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Anh Minh, Phạm Khánh Ninh, Thái Việt Hưng (2003), Giáo trình giáo dục thể chất, Trường Đại học Mở Địa chất, Trang 01 đến 33.

Chương 3

MÔN BÓNG RỔ

Phân bổ thời gian: 20 tiết: lý thuyết 8 tiết, thực hành 24 tiết

3.1. Lịch sử phát triển môn bóng rổ thế giới và Việt Nam

3.1.1. Sơ lược về lịch sử phát triển

3.1.2. Bản chất, ý nghĩa và tác dụng của bóng rổ

3.2. Kỹ thuật bóng rổ

3.2.1. Kỹ thuật tấn công

3.2.1.1. Kỹ thuật di chuyển

3.2.1.2. Kỹ thuật ném rổ

3.2.1.3. Kỹ thuật chuyên bắt bóng

3.2.1.4. Kỹ thuật dẫn bóng

3.2.1.5. Kỹ thuật đột phá

3.2.1.6. Kỹ thuật yểm hộ

3.2.1.7. Kỹ thuật cướp bóng bật bảng

- 3.2.2. Kỹ thuật phòng thủ
 - 3.2.2.1. Kỹ thuật di động
 - 3.2.2.2. Kỹ thuật cướp phá bóng
 - 3.2.2.3. Kỹ thuật cắt bóng
 - 3.2.2.4. Kỹ thuật phòng thủ đối phương
 - 3.2.2.5. Kỹ thuật cướp bóng bật bảng
- 3.3. Chiến thuật bóng rổ
 - 3.3.1. Chiến thuật tấn công
 - 3.3.1.1. Chiến thuật tấn công nhanh
 - 3.3.1.2. Chiến thuật tấn công phá phòng thủ kèm người
 - 3.3.2. Chiến thuật phòng thủ
 - 3.3.2.1. Phòng thủ kèm người toàn sân
 - 3.3.2.2. Phòng thủ kèm người 1/2 sân
 - 3.3.2.3. Phòng thủ kèm người bó hẹp
- 3.4. Nội dung cơ bản của luật Thi đấu bóng rổ
 - 3.4.1. Sân bãi, dụng cụ
 - 3.4.2. Luật về tổ chức đội bóng
 - 3.4.3. Luật thi đấu
 - 3.4.4. Ký hiệu của trọng tài

Hướng dẫn thực hành:

- Nội dung thực hành: Kỹ thuật, chiến thuật bóng rổ
- Cách thực hành: Sinh viên lập thành các đội tập, có thể thi đấu với nhau

Tài liệu Tham khảo:

- Bùi Ngọc Thọ, Lê Văn Cường, Lý Kế Cường, Lê Văn Nam, Lã Thanh Lịch, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Anh Minh, Phạm Khánh Ninh, Thái Việt Hưng (2003), Giáo trình giáo dục thể chất, Trường Đại học Mở Địa chất, Trang 43 đến 93.

Chương 4

LUYỆN TẬP MÔN CẦU LÔNG

Phân bổ thời gian: 20 tiết: lý thuyết 8 tiết, thực hành 24 tiết

- 4.1. Tư thế và kỹ thuật di chuyển
 - 4.1.1. Đánh cầu thấp: thuận tay, trái tay
 - 4.1.2. Đánh cầu cao: thuận tay, trái tay

4.1.3. Kỹ thuật phát cầu

4.2. Luật cầu lông

4.2.1. Giới thiệu chiến thuật đánh đôi

4.2.2. Kiểm tra kỹ thuật cầu lông

Hướng dẫn thực hành:

- Nội dung thực hành: Các tư thế và kỹ thuật phát cầu, đánh cầu
- Cách thực hành: Sinh viên thực hành với nhau theo từng cặp

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Ngọc Thọ, Lê Văn Cường, Lý Kế Cường, Lê Văn Nam, Lã Thanh Lịch, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Anh Minh, Phạm Khánh Ninh, Thái Việt Hưng (2003), Giáo trình giáo dục thể chất, Trường Đại học Mở Địa chất, Hà Nội; Trang 42 đến 100

11.13. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH

1. Tên học phần

Tiếng Việt: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH

Mã học phần:

2. Tổng số tiết: 165 tiết

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- + Lý thuyết : 79 tiết
- + Thực hành : 82 tiết
- + Kiểm tra/ đánh giá : 4 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. *Về kiến thức:* Sinh viên biết các kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

6.2. *Về kỹ năng:* Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6.3. *Về thái độ:* Học phần GDQP-AN góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về Đường lối quân sự của Đảng, Công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược

"diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn rèn luyện các kỹ năng Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục quốc phòng - An ninh, Khoa Khoa học cơ bản.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thực hành tích cực tại lớp
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng- an ninh, tập 1,2*; NXB Chính trị Quốc gia.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Vĩnh Thắng (chủ biên) (2010), *Quốc phòng - an ninh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia;

3. Đại tá Lê Văn Nghệ (chủ biên) (2010), *Phương pháp giảng dạy Giáo dục quốc phòng an ninh*, NXB Quân đội nhân dân;

4. *Giáo trình Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 3 khối Bộ, ngành trung ương* (2012), NXB Quân đội nhân dân;

5. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật Quốc phòng*, NXB Lao động - xã hội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian cho mỗi bài: 90 phút): 30 %
- Thi cuối kỳ (thi thực hành) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

**ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH**

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 0 tiết

1.1. Mục đích, yêu cầu

- 1.1.1. Mục đích
- 1.1.2. Yêu cầu
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu
 - 1.2.1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng
 - 1.2.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng - an ninh
 - 1.2.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết
- 1.3. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu
 - 1.3.1. Cơ sở phương pháp luận
 - 1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu
- 1.4. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng - an ninh
 - 1.4.1. Đặc điểm môn học
 - 1.4.2. Chương trình
 - 1.4.3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất thiết bị dạy học
 - 1.4.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Tài liệu tham khảo:

- Đại tá Lê Văn Nghệ (chủ biên) (2010), Phương pháp giảng dạy Giáo dục quốc phòng an ninh. NXB Quân đội nhân dân; Trang 7 đến 25.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 4 đến 13.

Chương 2

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

2.1. Mục đích yêu cầu

- 2.1.1. Mục đích
- 2.1.2. Yêu cầu

2.2. Nội dung

2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2.2.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2.2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2.2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội

2.2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

2.2.3.1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

2.2.3.2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

2.2.3.3. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội

2.2.3.4. Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

2.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

2.2.4.1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

2.2.4.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

2.2.4.3. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại

2.2.4.4. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 17/4/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động Diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; Trang 9 đến 11.

- Nghị định số 77/ NĐ- CP ngày 12.7.2010 “về việc phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”; Trang 5 đến 9.

Chương 3

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN AN NINH NHÂN DÂN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

3.1. Mục đích yêu cầu

3.1.1. Mục đích

3.1.2. Yêu cầu

3.2. Nội dung

3.2.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

3.2.1.1. Vị trí

3.2.1.2. Đặc trưng

3.2.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

3.2.2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

3.2.2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

3.2.2.3. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

3.2.2.4. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

3.2.2.5. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc

3.2.3. Một số biện pháp chính xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

3.2.3.1. Luôn luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng an ninh

3.2.3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

3.2.3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Tài liệu tham khảo:

- Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Trung ương VIII khóa IX (7-2003), Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Trang 34 đến 60.

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2006), Luật Quốc phòng, NXB. Lao động - xã hội; Trang 5 đến 22.

Chương 4

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

4.1. Mục đích, yêu cầu

4.1.1. Mục đích

4.1.2. Yêu cầu

4.2. Nội dung

4.2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.2.1.2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc

4.2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực.

4.2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.

4.2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

4.2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh.

4.2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn.

4.2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

4.2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

4.2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

4.2.3.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 44 đến 51.

- Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Trung ương VIII khóa IX (7-2003), Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Trang 46 đến 67.

Chương 5

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thực hành 0 tiết

5.1. Mục đích, yêu cầu

5.1.1. Mục đích

5.1.2. Yêu cầu

5.2. Nội dung

5.2.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

5.2.1.1. Khái niệm

5.2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

5.2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

5.2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

5.2.2.1. Xây dựng Quân đội nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

5.2.2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

5.2.2.3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

5.2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

5.2.3.1. Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân

5.2.3.2. Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam

5.2.3.3. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân

5.2.3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt

5.2.3.5. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 52 đến 61.

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật nghĩa vụ quân sự, NXB. Chính trị quốc gia; Trang 6 đến 14.

Chương 6

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thực hành 0 tiết

6.1. Mục đích, yêu cầu

6.1.1. Mục đích

6.1.2. Yêu cầu

6.2. Nội dung

6.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam

6.2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

6.2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

6.2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay

6.2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

6.2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

6.2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

6.2.2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ tổ quốc

6.2.2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

6.2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay

6.2.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh

6.2.3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh cho các đối tượng

6.2.3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trong thời kỳ mới

6.2.3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trong thời kỳ mới

6.2.3.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 62 đến 84.

Chương 7

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 5 tiết, thực hành 0 tiết

7.1. Mục đích, yêu cầu

7.1.1. Mục đích

7.1.2. Yêu cầu

7.2. Nội dung

7.2.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

7.2.1.1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

- 7.2.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc
- 7.2.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược
- 7.2.1.4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta
- 7.2.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo
 - 7.2.2.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam
 - 7.2.2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo
- 7.2.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên
 - 7.2.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công
 - 7.2.3.2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc
 - 7.2.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế
 - 7.2.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch
 - 7.2.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu
 - 7.2.3.6. Trách nhiệm của sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 86 đến 108.
- Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 17/4/2009 của BBTƯĐ “Về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động diễn biến hòa bình lĩnh vực tư tưởng văn hóa; Trang 15 đến 24.

Chương 8

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC ‘DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH’ BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

8.1. Mục đích, yêu cầu

8.1.1. Mục đích

8.1.2. Yêu cầu

8.2. Nội dung

8.2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

8.2.1.1. Khái niệm

8.2.1.2. Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hoà bình”

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 109 đến 119.

- Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 17/4/2009 của BBTƯĐ “Về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; Trang 25 đến 30.

Chương 9

PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

9.1. Mục đích, yêu cầu

9.1.1. Mục đích

9.1.2. Yêu cầu

9.2. Nội dung

9.2.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

9.2.1.1. Khái niệm

9.2.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

9.2.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

9.2.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao

9.2.2.1. Biện pháp thụ động

9.2.2.2. Biện pháp chủ động

Tài liệu tham khảo:

- Thông báo số 21-TB/TU ngày 25.4.2011 của Ban Bí thư “về tăng cường công tác nghiên cứu, đấu tranh chống thông tin, quan điểm sai trái, thù địch”; Trang 5 đến 10

- Học viện Chính trị Quân sự, Công văn đến số 1333, ngày 20/6/2007, Đặc điểm của chiến tranh thời đại mới, công nghệ cao, chiến tranh do Mỹ tiến hành những năm gần đây.

Chương 10

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 5 tiết, thực hành 0 tiết

10.1. Mục đích, yêu cầu

10.1.1. Mục đích

10.1.2. Yêu cầu

10.2. Nội dung

10.1.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

10.1.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

10.1.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

10.1.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

10.1.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

10.1.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò, những quan điểm nguyên tắc

10.1.2.2. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

10.1.2.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

10.1.2.4. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

10.1.2.5. Một số nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

10.1.2.6. Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định 116/2006/CP về Động viên Quốc phòng

- Pháp lệnh Dự bị động viên (2010). NXB Quân đội nhân dân; Trang 2 - 6

Chương 11

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

11.1. Mục đích, yêu cầu

11.1.1. Mục đích

11.1.2. Yêu cầu

11.2. Nội dung

11.2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

11.2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

11.2.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

11.2.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

11.2.2.1. Biên giới quốc gia

11.2.2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

11.2.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ

quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

11.2.3.1. Quan điểm

11.2.3.2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 178 đến 201.

- Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Trung ương VIII khóa IX (7-2003), Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Trang 57 đến 60.

Chương 12

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

12.1. Mục đích, yêu cầu

12.1.1. Mục đích

12.1.2. Yêu cầu

12.2. Nội dung

12.2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

12.2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

12.2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

12.2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

12.2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

12.2.2.2. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

12.2.2.3. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

12.2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

12.2.3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

12.2.3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

12.2.3.3. Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Tài liệu tham khảo:

- Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên) (2006), Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay, NXB. Lý luận chính trị; Trang 8 đến 20.

Chương 13

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

13.1. Mục đích, yêu cầu

13.1.1. Mục đích

13.1.2. Yêu cầu

13.2. Nội dung

13.2.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.1.1. Các khái niệm cơ bản

13.2.1.2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

13.2.2.1. Một vài nét về tình hình an ninh quốc gia

13.2.2.2. Tình hình về trật tự, an toàn xã hội

13.2.. Dự báo tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới

13.2.3.1. Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn

13.2.3.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định

13.2.3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới

13.2.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.4.1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

13.2.4.2. Đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội

13.2.4.3. Các tai nạn, tệ nạn xã hội

Một số quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực

lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

13.2.5.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.6. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.6.1. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

13.2.6.2. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Tài liệu tham khảo:

-Thông báo số 21-TB/TU' ngày 25.4.2011 của Ban Bí thư “về tăng cường công tác nghiên cứu, đấu tranh chống thông tin, quan điểm sai trái, thù địch”.

Chương 14

XÂY DỰNG PHÒNG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

14.1. Mục đích, yêu cầu

14.1.1. Mục đích

14.1.2. Yêu cầu

14.2. Nội dung

14.2.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

14.2.1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc.

14.2.1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

14.2.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

14.2.2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

14.2.2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

14.2.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc

14.2.3.1. Mọi học sinh, sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc.

14.2.3.2. Mỗi học sinh, sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.

14.2.3.3. Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương.

14.2.3.4. Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết.

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 77/ NĐ- CP ngày 12.7.2010 về việc phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ an ninh quốc gia, Trật tự an toàn xã hội.

Chương 15

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thực hành 0 tiết

15.1. Mục đích, yêu cầu

15.1.1. Mục đích

15.1.2. Yêu cầu

15.2. Nội dung

15.2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

15.2.1.1. Khái niệm phòng chống tội phạm

15.2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

15.2.1.3. Chủ thể, những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

15.2.1.4. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm

15.2.1.5. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

15.2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

15.2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

15.2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

15.2.2.3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống

Tài liệu tham khảo:

- GS.TS Nguyễn Xuân Yêm cùng tập thể tác giả (2003), Mại dâm, ma túy, cờ bạc, tội phạm thời hiện đại, NXB Công an nhân dân; Trang 3 đến 17.

Chương 16

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 0 tiết, thực hành 8 tiết

16.1. Mục đích, yêu cầu

16.1.1. Mục đích

16.1.2. Yêu cầu

16.2. Nội dung

16.2.1. Đội ngũ tiểu đội

16.2.1.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang

16.2.1.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc

16.2.2. Đội ngũ trung đội

16.2.2.1. Đội hình trung đội hàng ngang

16.2.2.2. Đội hình trung đội hàng dọc

16.2.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

16.2.3.1. Tổ chức

16.2.3.2. Phương pháp

16.2.3.2.1 Giảng viên

16.2.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục, Hà Nội; trang 5 đến 17.

- Điều lệnh đội ngũ

Chương 17

SỬ DỤNG BẢN ĐỒ QUÂN SỰ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 6 tiết

17.1. Mục đích, yêu cầu

17.1.1. Mục đích

17.1.2. Yêu cầu

17.2. Nội dung

17.2.1. Khái niệm, Ý nghĩa

17.2.1.1. Khái niệm

17.2.1.2. Ý nghĩa

17.2.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình

17.2.2.1. Tỷ lệ bản đồ

17.2.2.2. Phép chiếu bản đồ

17.2.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình

17.2.3.1. Phân loại

17.2.3.2. Đặc điểm

17.2.3.3. Công dụng

17.2.3.4. Đặc điểm khung bản đồ và ghi chú xung quang

17.2.4. Cách ghi mảnh, ghi số hiệu bản đồ

17.2.4.1. Theo phương pháp chiếu Gauss

17.2.4.2. Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ UTM

17.2.5. Nội dung bản đồ

17.2.5.1. Kí hiệu dáng đất

17.2.5.2. Kí hiệu địa vật

17.2.6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ

17.2.7. Sử dụng bản đồ

17.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

17.3.1. Tổ chức

17.3.2. Phương pháp

17.3.2.1. Giảng viên

17.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 18 đến 27.

Chương 18

GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 4 tiết

18.1. Mục đích, yêu cầu

18.1.1. Mục đích

18.1.2. Yêu cầu

18.2. Nội dung

18.2.1. Súng tiểu liên AK

18.2.2. Súng trường CKC

18.2.3. Súng trung liên RPD

18.2.4. Súng diệt tăng B40 và B41

18.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

18.3.1. Tổ chức

18.3.2. Phương pháp

18.3.2.1. Giảng viên

18.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 28 đến 37.

- Điều lệnh đội ngũ

Chương 19

THUỐC NỔ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 0 tiết

19.1. Mục đích, yêu cầu

19.1.1. Mục đích

19.1.2. Yêu cầu

19.2. Nội dung

19.2.1. Thuốc nổ và các đồ dùng gây nổ

19.2.1.1. Khái niệm, tác dụng yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ

19.2.1.2. Một số loại thuốc nổ thường dùng

19.2.1.3. Đồ dùng gây nổ

19.2.1.4. Quy tắc kiểm tra, giữ gìn vận chuyển

19.2.2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu

19.2.3. Ứng dụng trong sản xuất

19.3. Tổ chức và phương pháp huấn luyện

19.3.1. Tổ chức

19.3.2. Phương pháp

19.3.2.1. Giảng viên

19.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 28 đến 39.

- Điều lệnh quản lý bộ đội

Chương 20

PHÒNG CHỐNG VŨ KHÍ HUỶ DIỆT LỚN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 4 tiết

20.1. Mục đích, yêu cầu

20.1.1. Mục đích

20.1.2. Yêu cầu

20.2. Nội dung

20.2.1. Vũ khí hạt nhân

20.2.1.1. Khái niệm

20.2.1.2. Phân loại và phương tiện sử dụng

20.2.1.3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân

20.2.1.4. Các nhân tố sát thương, phá hoại và cách phòng chống

20.2.2. Vũ khí hóa học

20.2.2.1. Khái niệm

20.2.2.2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống

20.2.2.3. Phòng chống vũ khí sinh học

20.2.3. Vũ khí sinh học

20.2.3.1. Khái niệm

20.2.3.2. Phân loại

20.2.3.3. Đặc điểm tác hại cơ bản của vũ khí hóa học

20.2.3.4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống

20.2.4. Vũ khí lửa

20.2.4.1. Khái niệm

20.2.4.2. Phân loại chất cháy

20.2.4.3. Một số loại chất cháy chủ yếu

20.2.4.5. Tác hại của chất cháy

20.2.4.6. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa

20.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

20.3.1. Tổ chức

20.3.2. Phương pháp

20.3.2.1. Giảng viên

20.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 40 đến 47.

Chương 21

CẤP CỨU BAN ĐẦU VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thực hành 6 tiết

21.1. Mục đích, yêu cầu

21.1.1. Mục đích

21.1.2. Yêu cầu

21.2. Nội dung

21.2.1. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó chuyển thương

21.2.1.1. Nguyên tắc băng

21.2.1.2. Các kiểu băng cơ bản

21.2.1.3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên cơ thể

21.2.1.4. Chuyển thương

21.2.2. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh

21.2.2.1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh

21.2.2.2. Cấp cứu ban đầu do vũ khí nổ

21.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

21.3.1. Tổ chức

21.3.2. Phương pháp

21.3.2.1. Giảng viên

21.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 48 đến 57.

Chương 22

BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thực hành 6 tiết

22.1. Mục đích, yêu cầu

22.1.1. Mục đích

22.1.2. Yêu cầu

22.2. Nội dung

22.2.1. Điều lệ

22.2.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu

22.2.1.2. Trách nhiệm quyền hạn của người dự thi

22.2.1.3. Trách nhiệm quyền hạn của người dự thi

22.2.1.4. Thủ tục khiếu nại

22.2.1.5. Xác định thành tích xếp hạng

22.2.2. Quy tắc thi đấu

22.2.2.1. Quy tắc chung

22.2.2.2. Quy tắc thi đấu các môn

22.2.2.3. Cách tính thành tích

22.3. Tổ chức phương pháp huấn luyện

22.3.1. Tổ chức

22.3.2. Phương pháp

22.3.2.1. Giảng viên

22.3.2.2. Sinh viên

Tài liệu tham khảo:

- Điều lệnh đội ngũ

- Điều lệnh quản lý bộ đội

Chương 23

TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU TIẾN CÔNG

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thực hành 8 tiết

23.1. Mục đích, yêu cầu

23.1.1. Mục đích

23.1.2. Yêu cầu

23.2. Nội dung

23.2.1. Giới thiệu nguyên tắc chung.

23.2.2. Thực hành đánh chiếm các mục tiêu.

23.2.3. Tổng kết.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 68 đến 77.

Chương 24: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thực hành 8 tiết

24.1. Mục đích, yêu cầu

24.1.1. Mục đích

24.1.2. Yêu cầu

24.2. Nội dung

24.2.1. Giới thiệu nguyên tắc chung

24.2.2. Thực hành phòng ngự

24.2.3. Tổng kết

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 80 đến 89.

Chương 25: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

Phân bổ thời gian: lý thuyết 2 tiết, thực hành 32 tiết

25.1. Mục đích, yêu cầu

25.1.1. Mục đích

25.1.2. Yêu cầu

25.2. Nội dung

25.2.1. Một số nội dung về lý thuyết bắn

25.2.2. Luyện tập

25.2.3. Kiểm tra bắn mục tiêu cố định ban ngày

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Giáo trình giáo dục quốc phòng, tập 2 (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng), NXB Giáo dục; Trang 90 đến 112.

11.14. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHOA HỌC QUẢN LÝ

1. Tên học phần: Khoa học quản lý

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành : 28 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá : 2 tiết

+ Tự học : 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Trang bị và cung cấp các kiến thức trọng yếu về quản lý tổ chức như các yếu tố cấu thành, vai trò và vị trí của nhà quản lý trong tổ chức, các chức năng của quản lý, ra quyết định và sử dụng thông tin trong quản lý, đổi mới tư duy quản lý.

6.2. Về kỹ năng: Rèn tập các kỹ năng có liên quan như kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức phân công công việc, quản lý nhân sự, kiểm soát hoạt động, ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý sự thay đổi.

6.3. Về thái độ: Sau khi kết thúc môn học, học viên nhìn nhận được đúng vị trí, vai trò của quản lý và nhà quản lý trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức. Từ đó, xác định được các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, học tập, rèn luyện về cả kiến thức và phẩm chất để góp phần vào quá trình quản lý tổ chức trong tương lai.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần gồm 6 chương: Khái quát về quản lý và nhà quản lý, Các tư tưởng và học thuyết quản lý, các nguyên tắc và phương pháp quản lý, quyết định quản lý, thông tin trong quản lý, chức năng quản lý.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Pháp luật và quản lý nhà nước - Khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.

- Tham gia thảo luận, ceminia
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

- Học viện Hành chính: Giáo trình *Quản lý học đại cương*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2009.
- PGS.TS Nguyễn Hữu Hải (chủ biên), *Quản lý học đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, 2014.

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. James H. Donnelly Jr., James L. Gibson và John M. Ivancevich (2001). *Quản trị học căn bản*. NXB Thống kê. Tp. HCM.
2. Nguyễn Hải Sản: *Quản trị học*, Nhà xuất bản Thống kê, 2000
3. Đại học Kinh tế quốc dân: Giáo trình *Quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012;
4. Nguyễn Thành Vinh, *Khoa học quản lý đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012
5. Harold Koontz và các tác giả: *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học kỹ thuật, 1994
6. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý, *Tinh hoa quản lý – 25 tác giả và tác phẩm nổi tiếng nhất về quản lý trong thế kỷ XX*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2003;
7. Ken Langdon và Christina Osborne (2004): *Đánh giá năng lực nhân viên*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh;
8. Nguyễn Ngọc Quân (2006): *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Lao Động Xã Hội, Hà Nội;
9. Nguyễn Hữu Thân (2008): *Quản trị nhân sự*, tái bản lần thứ 9, NXB Lao động – xã hội, Hà Nội;
10. Chester I. Barnard, "Các chức năng của nhà quản trị" (Cambridge, Mass: Đại học Harvard xuất bản năm 1938).
11. Chester I. Barnard, "Tổ chức và quản lý" (Cambridge, Mass: Đại học Harvard xuất bản năm 1948).
12. Human resource management - Essential perspectives – Mathis and Jackson – South – Western, 2005;

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (*lấy một số thập phân*)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ VÀ NHÀ QUẢN LÝ

1. Khái quát về quản lý
 - 1.1. Nguồn gốc ra đời, khái niệm quản lý
 - 1.2. Các yếu tố cấu thành quản lý
 - 1.3. Vai trò của quản lý
 - 1.4. Đặc điểm của quản lý
 - 1.5. Các dạng quản lý cơ bản
2. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý
 - 2.1. Yếu tố con người
 - 2.2. Yếu tố chính trị
 - 2.3. Yếu tố tổ chức
 - 2.4. Yếu tố quyền lực
 - 2.5. Yếu tố thông tin
 - 2.6. Yếu tố văn hóa tổ chức
3. Nhà quản lý
 - 3.1. Định nghĩa
 - 3.2. Các cấp độ của nhà quản lý
 - 3.3. Vai trò của nhà quản lý
 - 3.4. Những yêu cầu về năng lực đối với nhà quản lý
 - 3.5. Những phẩm chất cần có của nhà quản lý

CHƯƠNG 2. CÁC TƯ TƯỞNG VÀ HỌC THUYẾT QUẢN LÝ

1. Các tư tưởng quản lý Phương Đông
 - 1.1. Tư tưởng Đức trị của Khổng Tử
 - 1.2. Tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi
2. Các học thuyết quản lý Phương Tây
 - 2.1. Thuyết quản lý theo khoa học
 - 2.2. Thuyết quản lý hành chính

CHƯƠNG 3. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

1. Nguyên tắc quản lý
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Đặc điểm của nguyên tắc quản lý
 - 1.3. Yêu cầu đối với nguyên tắc quản lý
 - 1.4. Nội dung các nguyên tắc quản lý
2. Các phương pháp quản lý
 - 2.1. Khái niệm, vai trò
 - 2.2. Nội dung các phương pháp quản lý

CHƯƠNG 4. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ

1. Khái quát về quyết định quản lý
 - 1.1. Định nghĩa quyết định quản lý
 - 1.2. Vai trò của quyết định quản lý
 - 1.3. Những yêu cầu đối với quyết định quản lý
2. Phân loại quyết định quản lý
 - 2.1. Phân loại theo cấp quản lý
 - 2.2. Phân loại theo lĩnh vực điều chỉnh
 - 2.3. Phân loại theo thời gian có hiệu lực
 - 2.4. Phân loại theo tính chất ban hành
 - 2.5. Phân loại theo tính chất và nội dung của quyết định
 - 2.6. Phân loại theo mức độ tiêu chuẩn hoá
3. Quy trình ban hành và tổ chức thực hiện 01 quyết định quản lý
 - 3.1. Những nhân tố ảnh hưởng tới quá trình ra quyết định
 - 3.2. Quy trình ban hành quyết định quản lý
 - 3.3. Quy trình tổ chức thực hiện quyết định

CHƯƠNG 5. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ

1. Khái quát về thông tin trong quản lý
 - 1.1. Khái niệm về thông tin và thông tin trong quản lý
 - 1.2. Vai trò của thông tin
 - 1.3. Yêu cầu đối với thông tin quản lý
2. Chu trình thông tin trong quản lý

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Các dòng thông tin trong tổ chức
- 2.3. Những rào cản với quá trình thông tin
- 3. Hệ thống thông tin trong tổ chức
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Thiết lập thông tin trong quản lý
 - 3.3. Hệ thống thông tin trong quản lý

CHƯƠNG 6. CHỨC NĂNG QUẢN LÝ

- 1. Khái quát về chức năng quản lý
 - 1.1. Khái niệm chức năng, chức năng quản lý
 - 1.2. Các cách phân loại chức năng quản lý
- 2. Các chức năng quản lý
 - 2.1. Chức năng lập kế hoạch
 - 2.2. Chức năng tổ chức
 - 2.3. Chức năng nhân sự
 - 2.4. Chức năng lãnh đạo
 - 2.5. Chức năng kiểm soát

11.15. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần:

Tiếng Việt: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Mã môn học: DHXH06

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành : 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá : 2

+ Tự học : 75 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin.

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương và xã hội học giới: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai một nghiên cứu xã hội học.

6.1. Về kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng đọc các tư liệu xã hội học; phân tích, đánh giá các sự kiện xã hội; phân tích mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm và xã hội, trên cơ sở đó đưa ra các nhận định, đánh giá về các mối quan hệ xã hội nhằm tìm cách giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh. Sinh viên có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin; biết triển khai một nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.

6.3. Về thái độ người học:

Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng,

nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học; các lĩnh vực nghiên cứu, một số lý thuyết xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

Các bài giảng được thực hiện với định hướng chú trọng vận dụng lý luận và thực tế với các ví dụ, bài tập tình huống xác định cho một đối tượng cụ thể, hoàn cảnh cụ thể để người học dễ vận dụng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Lương Văn Úc (chủ biên) (2008), Hướng dẫn học tập môn Xã hội học, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa(2012) (Nhóm dịch giả), Từ điển Xã hội học Oxford, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Nguyễn Sinh Huy (2008), Xã hội học đại cương, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Lê Ngọc Hùng (2014), Lý thuyết xã hội học hiện đại, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần : 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút) : 20 %
- Điểm bài tập cá nhân : 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút) : 50 %

12. Thang điểm: Theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 3 tiết

1.1. Xã hội học là khoa học

1.1.1. Quy luật tự nhiên trong xã hội học

1.1.2. Nguyên nhân tự nhiên trong xã hội học

1.1.3. Phương pháp nghiên cứu và bộ máy khái niệm trong xã hội học

1.1.4. Tính sáng tạo và chất thực tiễn trong xã hội học

1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.2.1. Khái niệm xã hội học

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học và những cuộc tranh luận trong xã hội học

1.3. Cơ cấu xã hội học - phân loại xã hội học

1.3.1. Xã hội học lý thuyết, xã hội học thực nghiệm và xã hội học ứng dụng

1.3.2. Xã hội học đại cương và chuyên ngành

1.3.3. Cơ cấu các ngành xã hội học

1.3.4. Xã hội học vĩ mô và xã hội học vi mô

1.4. Quan hệ của xã hội học với các khoa học khác

1.4.1. Quan hệ giữa xã hội và triết học

1.4.2. Quan hệ giữa xã hội học với tâm lý học và lịch sử học

1.4.3. Xã hội học và kinh tế học

1.4.4. Xã hội học và nhân chủng học

1.4.5. Xã hội học và luật

1.4.6. Xã hội học và khoa học chính trị

1.5. Chức năng của xã hội học

1.5.1. Chức năng nhận thức

1.5.2. Chức năng tư tưởng

1.5.3. Chức năng thực tiễn

1.6. Nhiệm vụ của xã hội học

1.6.1. Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận

1.6.2. Nhiệm vụ nghiên cứu thực nghiệm

1.6.3. Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Xã hội học là gì? Trình bày về đối tượng nghiên cứu của xã hội học;

+ Phân loại xã hội học;

+ Trình bày về mối quan hệ giữa xã hội học với các ngành khoa học khác;

+ Trình bày về chức năng và nhiệm vụ của xã hội học.

- Phương pháp thảo luận:

+ Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 2 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 2

Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Lương Văn Úc (chủ biên) (2008), Hướng dẫn học tập môn Xã hội học, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

- Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa(2012) (Nhóm dịch giả), Từ điển Xã hội học Oxford, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Sinh Huy (2008), Xã hội học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Lê Ngọc Hùng (2014), Lý thuyết xã hội học hiện đại, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 2

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 5 tiết

2.1. Tính tất yếu của sự ra đời của xã hội học

2.1.1. Biến đổi kinh tế xã hội và nhu cầu thực tiễn

2.1.2. Biến đổi chính trị xã hội và tư tưởng

2.1.3. Biến đổi về mặt lý luận và phương pháp luận nghiên cứu

2.2. Xã hội học của Auguste Comte (1798 -1857)

2.2.1. Sơ lược tiểu sử

2.2.2. Phương pháp luận xã hội học Comte

2.2.3. Quan niệm về cơ cấu của xã hội

2.3. Xã hội học Karl Marx (1818-1883)

2.3.1. Sơ lược tiểu sử

2.3.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Lý luận và phương pháp luận XHH Marx

- 2.3.3. Quan niệm về bản chất của xã hội và con người
- 2.3.4. Quy luật phát triển lịch sử xã hội
- 2.4. Xã hội học Hervbert Spencer (1820 -1903)
 - 2.4.1. Sơ lược tiểu sử
 - 2.4.2. Các nguyên lý cơ bản của xã hội học Spencer
- 2.5. Xã hội học Emile Durkheim (1858-1917)
 - 2.5.1. Sơ lược tiểu sử
 - 2.5.2. Quan niệm của Durkheim về xã hội học
 - 2.5.3. Phương pháp luận nghiên cứu của xã hội học Durkheim
 - 2.5.4. Các khái niệm cơ bản trong xã hội học Durkheim
- 2.6. Xã hội học Max Weber (1864 - 1920)
 - 2.6.1. Sơ lược tiểu sử
 - 2.6.2. Bối cảnh lịch sử xã hội và phương pháp luận
 - 2.6.3. Quan điểm phương pháp luận của xã hội học Weber
 - 2.6.4. Quan niệm của Weber về xã hội học
 - 2.6.5. Lý thuyết hành động của xã hội
 - 2.6.6. Lý thuyết về chủ nghĩa tư bản và phân tầng xã hội

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

- + Trình bày hoàn cảnh ra đời của xã hội học;
- + Trình bày về xã hội học của Auguste Comte;
- + Trình bày về xã hội học của Karl Marx;
- + Trình bày về xã hội học của Hervbert Spencer ;
- + Trình bày về xã hội học của Emile Durkheim;
- + Trình bày về xã hội học của Max Weber.

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 3 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 3.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Lê Ngọc Hùng (2002), Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Gunter Endruweit (1999), Các lý thuyết xã hội học hiện đại, Nhà xuất bản Thế giới.

Chương 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 5 tiết

3.1. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu

3.1.1. Xác định đề tài nghiên cứu

3.1.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu

3.2. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu và thao tác hóa khái niệm

3.2.1. Xây dựng giả thuyết

3.2.2. Xác định các biến

3.2.2. Thao tác hóa khái niệm (cụ thể hóa khái niệm)

3.3. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu xã hội học

3.1.1. Bảng hỏi và vai trò bảng hỏi

3.1.2. Các loại câu hỏi

3.4. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu xã hội học

3.4.1. Nghiên cứu tổng thể

3.4.2. Nghiên cứu trường hợp (case study)

3.4.3. Nghiên cứu chọn mẫu

3.5. Các phương pháp cụ thể để thu thập thông tin

3.5.1. Phương pháp quan sát (Observation)

3.5.2. Phương pháp trưng cầu ý kiến (Inquiry)

3.5.3. Phương pháp phỏng vấn (Interview)

3.5.4. Các phương pháp khác

3.5.5. Xử lý thông tin

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Trình bày về cách xác định một đề tài nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu;

+ Trình bày về cách xây dựng giả thuyết nghiên cứu;

+ Thế nào là một nghiên cứu chọn mẫu;

+ Trình bày về các phương pháp thu thập thông tin trong một nghiên cứu xã hội học

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh

viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 3 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 3.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2012), Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Chương 4

HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TƯƠNG TÁC XÃ HỘI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 5 tiết

4.1. Khái niệm hành động xã hội

4.1.1. Hành vi và hành động xã hội

4.1.2. Hành động vật lý - bản năng và hành động xã hội

4.2. Cấu trúc của hành động xã hội

4.2.1. Các thành phần của hành động xã hội

4.2.2. Hành động xã hội và những hậu quả không chủ định

4.3. Những yếu tố quy định hành động xã hội

4.3.1. Các yếu tố tự nhiên

4.3.2. Quá trình xã hội hóa và cơ cấu xã hội

4.3.3. Hành động xã hội là sự trao đổi xã hội

4.3.4. Hành động xã hội là sự tuân theo (conformity)

4.3.5. Hành động xã hội là phản ứng với xung quanh

4.4. Phân loại hành động xã hội

4.4.1. Phân loại theo mức độ ý thức của hành động

4.4.2. Phân loại theo động cơ

4.4.3. Phân loại theo định hướng giá trị

4.5. Tương tác xã hội

4.5.1. Khái niệm tương tác xã hội là quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau tác động

4.5.2. Tương tác xã hội và lý thuyết tương tác biểu trưng (Symbollic Interactionism)

4.5.3. Lý thuyết trao đổi xã hội và tương tác xã hội

4.5.4. Lý thuyết kịch

4.5.5. Phương pháp luận dân tộc học về tương tác xã hội

4.6. Các loại hình tương tác xã hội

4.6.1. Phân loại dựa vào mối liên hệ xã hội giữa các chủ thể xã hội

4.6.2. Phân loại theo các dạng hoạt động chung

4.6.3. Phân loại theo chủ thể hành động trong tương tác

4.6.4. Phân loại theo mục tiêu, ý nghĩa xã hội của tương tác

4.7. Quan hệ xã hội

4.7.1. Khái niệm

4.7.2. Chủ thể quan hệ giao tiếp

4.7.3. Quan hệ “tình cảm” thuần túy

4.7.4. Các loại quan hệ xã hội

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Thế nào là một hành động xã hội, cấu trúc của hành động xã hội;

+ Trình bày về các yếu tố quyết định hành động xã hội;

+ Có những loại hành động xã hội nào, hãy trình bày cụ thể;

+ Thế nào là tương tác xã hội, trình bày về các loại hình tương tác xã hội;

+ Trình bày khái niệm quan hệ xã hội và các loại quan hệ xã hội

- Phương pháp thảo luận:

+ Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 4 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 4.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

Chương 5

TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ THIẾT CHẾ XÃ HỘI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 2 tiết

5.1. Nhóm xã hội

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhóm

5.1.3. Phân loại nhóm

5.2. Tổ chức xã hội

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Phân loại tổ chức xã hội

5.3. Trật tự xã hội

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Một số lý thuyết về trật tự xã hội

5.3.3. Kiểm soát xã hội

5.4. Thiết chế xã hội

5.4.1. Khái niệm thiết chế xã hội

5.4.2. Đặc trưng của thiết chế xã hội

5.4.3. Chức năng của thiết chế xã hội

5.4.4. Các loại thiết chế xã hội

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Trình bày các khái niệm: Nhóm xã hội, tổ chức xã hội, trật tự xã hội và thiết chế xã hội;

+ Trình bày các loại nhóm xã hội và các loại tổ chức xã hội;

+ Trình bày các lý thuyết về trật tự xã hội;

+ Chức năng của thiết chế xã hội là gì;

+ Trình bày về các loại thiết chế xã hội

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 5 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 5.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

Chương 6

CƠ CẤU XÃ HỘI

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 2 tiết

6.1. Cơ cấu xã hội và xã hội

6.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội

6.1.2. Khái niệm xã hội và các kiểu xã hội

6.2. Các yếu tố chủ yếu của cơ cấu xã hội

6.2.1. Các địa vị

6.2.2. Các vai trò

- 6.2.3. Các nhóm xã hội
- 6.2.4. Các mạng lưới xã hội
- 6.3. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội
- 6.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản
 - 6.4.1. Cơ cấu xã hội - dân số
 - 6.4.2. Cơ cấu dân số lứa tuổi
 - 6.4.3. Cơ cấu xã hội - lãnh thổ
 - 6.4.4. Cơ cấu xã hội - học vấn, nghề nghiệp
 - 6.4.5. Cơ cấu xã hội - giai cấp
- 6.5. Giai cấp xã hội
 - 6.5.1. Khái niệm
 - 6.5.2. Quan niệm của Marx về giai cấp
 - 6.5.3. Quan niệm của Weber về giai cấp xã hội
- 6.6. Bất bình đẳng xã hội
 - 6.6.1. Khái niệm
 - 6.6.2. Cơ sở tạo nên bất bình đẳng
 - 6.6.3. Một vài quan điểm về bất bình đẳng xã hội
- 6.7. Phân tầng xã hội
 - 6.7.1. Khái niệm
 - 6.7.2. Lý thuyết về phân tầng xã hội
 - 6.7.3. Một số hình thức của phân tầng xã hội
- 6.8. Di động xã hội
 - 6.8.1. Khái niệm
 - 6.8.2. Hình thức di động xã hội
 - 6.8.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến di động xã hội

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:
 - + Trình bày các khái niệm: Cơ cấu xã hội, giai cấp xã hội, bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội và di động xã hội;
 - + Các yếu tố chủ yếu của cơ cấu xã hội bao gồm những gì, trình bày các lý thuyết về cơ cấu xã hội;
 - + Trình bày về các cơ cấu xã hội cơ bản;
 - + Trình bày các quan niệm về giai cấp xã hội của Marx và của Weber;

- + Trình bày các quan điểm về bất bình đẳng xã hội;
- + Trình bày các lý thuyết về phân tầng xã hội
- + Trình bày về các hình thức di động xã hội và các yếu tố ảnh hưởng tới di động xã hội.

- Cách thảo luận:

- + Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 6 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 6.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa(2012) (Nhóm dịch giả), Từ điển Xã hội học Oxford, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Sinh Huy (2008), Xã hội học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 7

VĂN HÓA

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận 3 tiết

7.1. Khái niệm

7.2. Cơ cấu của văn hóa

7.3. Các loại hình văn hóa

7.4. Chức năng của văn hóa

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Thế nào là văn hóa;

+ Trình bày về cơ cấu, các loại hình và chức năng của văn hóa

- Phương pháp thảo luận:

- + Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 7 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận chương 7

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa(2012) (Nhóm dịch giả), Từ điển Xã hội học Oxford, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Sinh Huy (2008), Xã hội học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 8

XÃ HỘI HÓA

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 1 tiết, thảo luận 3 tiết

8.1. Khái niệm

8.2. Môi trường xã hội hóa

8.3. Phân đoạn quá trình xã hội hóa

8.3.1. Vấn đề phân đoạn

8.3.2. Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Thế nào là xã hội hóa;

+ Trình bày về môi trường xã hội hóa và các quá trình xã hội hóa;

- Phương pháp thảo luận:

+ Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Các nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Ôn tập và chuẩn bị thi học kỳ

Tài liệu tham khảo

- Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa (2012) (Nhóm dịch giả), Từ điển Xã hội học Oxford, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Sinh Huy (2008), Xã hội học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11.16. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG GIAO TIẾP

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành : 30 tiết

- Trong đó, kiểm tra/ đánh giá : 2 tiết

+ Tự học : 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: trình bày được các khái niệm và các nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng giao tiếp thông thường và kỹ năng thuyết trình.

6.2. Về kỹ năng: kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng viết và nói; kỹ năng thuyết trình cá nhân và thuyết trình theo nhóm...

6.3. Về thái độ: hình thành ở người học sự tự tin, chủ động trong giao tiếp, biết cách tôn trọng đối tượng giao tiếp và hợp tác trong quá trình làm việc.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, từ đó giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ và giao tiếp phi ngôn ngữ.

Cụ thể, sinh viên sẽ được học các kỹ năng giao tiếp cơ bản, các kỹ năng giao tiếp thông thường và rèn luyện sự tự tin khi nói trước công chúng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Khoa Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu liên quan

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động, các mối quan hệ

- Tích cực xây thảo luận tại lớp, hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm

- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ

- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1 Giáo trình bắt buộc:

1. Đỗ Thị Tường Vi (Chủ biên), Tập bài giảng Kỹ năng giao tiếp, Nxb Thanh niên (2014)

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Gabor, D.(2004), Nghệ thuật nói chuyện và kết bạn, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

3. Đặng Tùng Hoa (chủ biên) (2012), Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

4. Dương Thị Liễu(2009), Kỹ năng thuyết trình, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10 %

- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút) : 20 %

- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân : 10%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút) : 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 4 tiết

1.1. Khái niệm, cấu trúc của giao tiếp

1.1.1. Khái niệm giao tiếp

1.1.2. Cấu trúc của giao tiếp

1.2. Vai trò của giao tiếp

1.2.1. Vai trò của giao tiếp đối với cá nhân

1.2.2. Vai trò của giao tiếp đối với đời sống xã hội

1.3. Phân loại giao tiếp

1.3.1 Căn cứ vào phương thức giao tiếp

1.3.2. Căn cứ vào qui cách giao tiếp

- 1.3.3. Căn cứ vào phạm vi giao tiếp
- 1.3.4. Căn cứ vào phương tiện giao tiếp
 - 1.3.4.1. Giao tiếp ngôn ngữ
 - 1.3.4.2. Giao tiếp phi ngôn ngữ
- 1.4. Phương tiện giao tiếp
 - 1.4.1. Ngôn ngữ
 - 1.4.2. Các phương tiện phi ngôn ngữ
- 1.5. Nguyên tắc giao tiếp
 - 1.5.1. Khái niệm nguyên tắc giao tiếp
 - 1.5.2. Các nguyên tắc giao tiếp
- 1.6. Phong cách giao tiếp
 - 1.6.1. Phong cách dân chủ
 - 1.6.2. Phong cách độc đoán
 - 1.6.3. Phong cách tự do

Hướng dẫn thực hành:

- Trò chơi: Đoán ý đồng đội

Cách chơi: Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội tìm ra 10 từ khóa (không vượt quá bốn âm tiết) để đố nhau. Đội nhận thách đố cử 1 đại diện lên nhận từ khóa và diễn tả lại cho đồng đội của mình bằng những yếu tố phi ngôn ngữ. Đội nào tìm được nhiều đáp án hơn sẽ là đội thắng cuộc

- Đóng vai: thể hiện phong cách giao tiếp

Cách tiến hành: chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm xây dựng 1 tiểu phẩm ngắn và thể hiện. Học viên chỉ ra phong cách giao tiếp của từng nhân vật, những ưu, nhược điểm của từng phong cách

Tài liệu tham khảo

- Đặng Tùng Hoa (chủ biên) (2012), Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội; trang 3 đến 14.

- Trịnh Quốc Trung (chủ biên), (2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động- Xã hội; trang 11 đến 70.

Chương 2

CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN

Số tiết giảng: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 8 tiết

2.1. Kỹ năng giao tiếp trực tiếp

2.1.1. Kỹ năng lắng nghe

2.2.3. Kỹ năng đặt câu hỏi

2.1.3. Kỹ năng phản hồi

2.2. Kỹ năng giao tiếp gián tiếp

2.2.1. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín

2.2.2. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp qua văn bản

Hướng dẫn thực hành:

- Hoạt động 1:

+ Mời 1 sinh viên lên bảng kể một câu chuyện, lớp cùng lắng nghe;

+ Mời 3 sinh viên kể lại câu chuyện cho cả lớp nghe lại;

+ Cả lớp sẽ bình chọn sinh viên nghe có hiệu quả nhất

- Hoạt động 2: Trò chơi “Truyền tin”

+ GV chuẩn bị sẵn 4 mẫu tin. Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện truyền tin bằng cách:

+ Cử 1 thành viên lên vị trí đầu tiên (nơi có bản tin), đọc nhanh bản tin (theo hiệu lệnh của GV)

+ Lần lượt các thành viên khác của nhóm lên nghe nội dung tin: thành viên thứ nhất truyền cho thành viên thứ 2, thành viên thứ 2 truyền cho thành viên thứ 3...cho đến thành viên cuối cùng.

+ Thành viên cuối cùng ghi nội dung tin mà mình nghe được lên bảng lớp.

- Hoạt động 3:

- Tình huống: Có một hội viên phụ nữ tìm đến chị với vẻ mặt buồn rầu. Với vai trò là chủ tịch Hội phụ nữ xã, chị hãy đặt 5 câu hỏi để biết được nhiều thông tin nhất về người hội viên đó?

- Mỗi học viên đặt 5 câu hỏi, đại diện 2 đến 3 người viết câu hỏi lên bảng, cả lớp cùng phân tích.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Tùng Hoa (chủ biên) (2012), Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội; trang 18 đến 68.

- Trịnh Quốc Trung (chủ biên)(2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động- Xã hội; trang 133 đến 188.

Chương 3

MỘT SỐ KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG THƯỜNG

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận/thực hành 10 tiết

3.1. Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu

3.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của ấn tượng ban đầu

3.1.2. Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu

3.2. Kỹ năng khen, phê bình, từ chối

3.2.1. Kỹ năng khen

3.2.2. Kỹ năng phê bình

3.2.3. Kỹ năng từ chối

3.3. Kỹ năng trò chuyện, kể chuyện

3.3.1. Kỹ năng trò chuyện

3.3.2. Kỹ năng kể chuyện

3.4. Kỹ năng tặng quà, nhận quà

3.4.1. Kỹ năng tặng quà

3.4.2. Kỹ năng nhận quà

3.5. Kỹ năng thuyết phục

3.5.1. Thuyết phục là gì?

3.5.2. Những điểm cần lưu ý khi thuyết phục người khác

3.5.3. Quy trình thuyết phục

Hướng dẫn thực hành:

- Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm chuẩn bị nội dung và luận điểm để thuyết phục một nhóm khác, đồng thời phải chuẩn bị lý lẽ để đối phó với một nhóm đó: Nhóm 1 thuyết phục nhóm 2, Nhóm 2 thuyết phục nhóm 3, Nhóm 3 thuyết phục nhóm 4, Nhóm 4 thuyết phục nhóm 1.

- Các tình huống thuyết phục: Nhóm 1 thuyết phục lãnh đạo phê duyệt một kế hoạch hoạt động (VD: tổ chức ngày 8/3); nhóm 2 thuyết phục bạn tình dùng bao cao su; nhóm 3 thuyết phục một người thân nghiện thuốc lá từ bỏ thuốc lá; nhóm 4 thuyết phục chồng đi thất ông dẫn tình thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

(tiêu chí đánh giá: Lý lẽ, dẫn chứng có hợp tình, hợp lý không? Cách dùng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ?)

Tài liệu tham khảo

- Đặng Tùng Hoa (chủ biên)(2012), Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội; trang 15 đến 18

- Trịnh Quốc Trung (chủ biên)(2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động- Xã hội; trang 189 đến 325

Chương 4

KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 8 tiết

4.1. Khái niệm thuyết trình

4.2. Chuẩn bị buổi thuyết trình

4.2.1. Đánh giá đúng bản thân

4.2.2. Tìm hiểu người nghe

4.2.3. Xác định mục tiêu bài thuyết trình

4.2.4. Xây dựng đề cương bài thuyết trình

4.2.4.1. Chuẩn bị phần mở đầu

4.2.4.2. Chuẩn bị phần nội dung

4.2.4.3. Chuẩn bị phần kết

4.3. Các kỹ năng trong thuyết trình

4.3.1. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong thuyết trình

4.3.2. Kỹ năng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ

4.3.3. Kỹ năng sử dụng các công cụ trực quan hỗ trợ trong thuyết trình

4.3.4. Kỹ năng kiểm soát tâm lý trong thuyết trình

4.3.5. Kỹ năng xử lý các tình huống trong thuyết trình

4.3.6. Kỹ năng kết thúc buổi thuyết trình.

Hướng dẫn thực hành:

- Mỗi học viên chuẩn bị một chủ đề trình bày (thời gian trình bày không quá 5 phút)

- Học viên khác nhận xét, cho điểm dựa trên các tiêu chí: nội dung, phong cách trình bày, cách sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ

Tài liệu tham khảo

- Dương Thị Liễu (2009), Kỹ năng thuyết trình, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội; trang 21 đến 67

- Đặng Tùng Hoa (chủ biên), 2012, Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội; trang 69 đến 100.

11.17. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐẠO ĐỨC HỌC

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: ĐẠO ĐỨC HỌC

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- + Lý thuyết :
- + Trong đó, kiểm tra, đánh giá :
- + Thảo luận/Thực hành : tiết
- + Tự học : tiết

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1 Về kiến thức:

- + Nêu được khái niệm, đối tượng nghiên cứu của đạo đức học; nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức học trong đời sống xã hội.
- + Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái ý thức xã hội; các phạm trù cơ bản của đạo đức học
- + Nêu được những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

6.2 Về kỹ năng

- + Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc đánh giá, xem xét các hiện tượng đạo đức đã và đang xảy ra trong xã hội.
- + Có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cơ bản của đạo đức học ở mức chuyên sâu nhằm giải quyết các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn đang đặt ra của đạo đức xã hội hiện nay.

6.3 Về thái độ:

- + Thông qua môn học, góp phần giáo dục đạo đức cho sinh viên trên cơ sở hình thành những quan điểm đạo đức mới khoa học và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo con người mới trong sự nghiệp CNH, HDH đất nước.
- + Giúp sinh viên biết tôn trọng và đồng tình với cái đúng, có đạo đức và phê phán, đấu tranh với cái xấu, phi đạo đức, góp phần vào việc xây dựng nền đạo đức mới mang tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tìm hiểu những vấn đề cơ bản về đạo đức học, nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức học trong đời sống xã hội. Mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái ý thức xã hội; các phạm trù cơ bản của đạo đức học. Những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn hóa, khoa Khoa học cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các buổi học
- Tham gia thảo luận nhóm, sưu tầm hiện vật văn hóa theo yêu cầu của giảng viên
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kì
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

- Giáo trình Đạo đức học, Phạm Khắc Chương và Nguyễn Thị Yến Phương, NXB Đại học Sư phạm, năm 2010.

- Giáo trình Đạo đức học, Học viện CTHCQG Hồ CM, phân viện Hà Nội, PGS,TS Vũ Ngọc Dung, NXB CTQG, năm 2005.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Đạo đức học, Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ, NXB Sư phạm, năm 2008.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10%
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút) : 30%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút) : 60%

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẠO ĐỨC HỌC

I. Đối tượng, nhiệm vụ của đạo đức học

1. Khái niệm

a. Khái niệm đạo đức

b. Khái niệm đạo đức học

2. Đối tượng nghiên cứu của đạo đức học

- a. Đối tượng nghiên cứu
- b. Cấu trúc của đạo đức học
- 3. Nhiệm vụ của đạo đức học
- II. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức
 - 1. Nguồn gốc của đạo đức
 - 2. Bản chất của đạo đức
 - a. Bản chất xã hội
 - b. Bản chất giai cấp
 - 3. Chức năng của đạo đức
 - a. Chức năng giáo dục
 - b. Chức năng điều chỉnh hành vi
 - c. Chức năng nhận thức

CHƯƠNG 2: MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẠO ĐỨC VÀ CÁC HÌNH THÁI Ý THỨC XÃ HỘI

- I. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị
 - 1. Sự khác nhau giữa đạo đức và chính trị
 - 2. Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị
- II. Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật
 - 1. Điểm giống và khác nhau giữa đạo đức và pháp luật
 - 2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật
- III. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo
 - 1. Điểm giống và khác nhau giữa đạo đức và tôn giáo
 - 2. Mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo
- IV. Mối quan hệ giữa đạo đức và khoa học
 - 1. Điểm thống nhất giữa đạo đức và khoa học
 - 2. Sự tác động qua lại giữa đạo đức và khoa học

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC

- I. Đặc điểm của phạm trù đạo đức
 - 1. Phạm trù
 - 2. Phạm trù đạo đức
- II. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học

1. Phạm trù hạnh phúc
 - a. Quan niệm trước Mác về hạnh phúc
 - b. Quan niệm của chủ nghĩa Mác Lê nin về hạnh phúc
 - c. Tính chất của phạm trù hạnh phúc
2. Phạm trù nghĩa vụ
 - a. Quan niệm trước Mác về nghĩa vụ
 - b. Quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin về nghĩa vụ
 - c. Vai trò của giáo dục ý thức nghĩa vụ đạo đức với việc hình thành ý thức đạo đức cá nhân
3. Phạm trù lẽ sống (ý nghĩa cuộc sống)
 - a. Quan niệm trước Mác về lẽ sống
 - b. Quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin về lẽ sống
4. Phạm trù lương tâm
 - a. Quan niệm trước mác về lương tâm
 - b. Quan niệm của chủ nghĩa Mác lênin về lương tâm
5. Thiện và ác
 - a. Phạm trù Thiện
 - b. Phạm trù Ác
 - c. Quan hệ giữa thiện và ác

CHƯƠNG 4

NHỮNG TRUYỀN THÔNG ĐẠO ĐỨC TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC

- I. Tôn trọng lao động
 1. Vai trò của lao động
 2. Nội dung cơ bản cần bồi dưỡng về lao động
 - a. Nhấn mạnh tính tất yếu của lao động sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội
 - b. Khắc phục sự cách biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay
 - c. Coi lao động là tiêu chuẩn quyết định giá trị xã hội của con người
 3. Các biện pháp giáo dục lòng hăng say lao động
 - a. Kích thích vật chất đối với người lao động
 - b. Kích thích đạo đức đối với người lao động
 - c. Kích thích sáng tạo trong lao động
- II. Lòng yêu nước

1. Khái niệm và nguồn gốc của lòng yêu nước

2. Nội dung của lòng yêu nước

3. Biện pháp giáo dục lòng yêu nước

III. Trọng nhân nghĩa

1. Khái niệm nhân, nghĩa

2. Nội dung nhân nghĩa

3. Biện pháp giáo dục rèn luyện để có lòng nhân nghĩa

IV. Trọng lễ độ

1. Khái niệm

2. Biểu hiện của lễ độ trong các mối quan hệ

3. Biện pháp giáo dục rèn luyện để có đức lễ độ

V. Trọng chữ tín

1. Khái niệm

2. Một số biểu hiện của chữ tín

3. Biện pháp giáo dục rèn luyện đức tín

VI. Cần kiệm, liêm chính

1. Cần, kiệm

2. Liêm chính

3.

CHƯƠNG 5: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC MỚI CHO THANH NIÊN HIỆN NAY

I. Đạo đức mới trong học tập

1. Học tập là nhu cầu khách quan của xã hội và loài người

a. Vai trò của việc học tập

b. Học tập là một nhu cầu khách quan

2. Đạo đức mới trong học tập

a. Trong xã hội chủ nghĩa học tập là nghĩa vụ đạo đức của tuổi trẻ

b. Tuổi trẻ cần có hoài bão và ước mơ

c. Học tập là một quá trình chủ động

d. Bác Hồ dạy thanh niên trong học tập

II. Đạo đức mới trong tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình

1. Đạo đức mới trong tình bạn

a. Điểm xuất phát của tình bạn

- b. Cơ sở đạo đức của tình bạn
- c. Đạo đức mới trong tình bạn
- 2. Đạo đức mới trong tình yêu
 - a. Khái niệm tình yêu nam nữ
 - b. Cơ sở đạo đức của tình yêu
 - c. Đạo đức mới trong tình yêu
 - d. Tình yêu là một hiện tượng luôn biến đổi và phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế xã hội
- 3. Đạo đức mới trong hôn nhân và gia đình
 - a. Cơ sở đạo đức của hôn nhân và gia đình
 - b. Các chức năng của gia đình
 - Chức năng giáo dục
 - Chức năng kinh tế
 - Chức năng duy trì và phát triển nòi giống
 - c. Các mối quan hệ cơ bản trong gia đình
 - Các mối quan hệ cơ bản trong gia đình
 - Những giá trị đạo đức của gia đình Việt Nam truyền thống
 - Vấn đề ly hôn xảy ra khi nào?

III. Các hình thức giáo dục đạo đức cho thanh niên

- 1. Tự giáo dục
- 2. Nêu gương sáng và uy tín
- 3. Giáo dục truyền thống

IV. Các phẩm chất đạo đức cơ bản cần giáo dục cho thanh niên

- 1. Tính trung thực
- 2. Tính nguyên tắc
- 3. Tính khiêm tốn
- 4. Lòng dũng cảm
- 5.

CHƯƠNG 6: GIÁO DỤC THANH NIÊN THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

I. Tại sao chúng ta cần giáo dục thanh niên học tập và làm theo tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Cuộc đời hoạt động của chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương trong sáng tuyệt vời về sự phấn đấu cho lý tưởng đạo đức cao cả nhất của con người

2. Mỗi thế hệ chúng ta đều coi việc học tập, nghiên cứu và noi theo tấm gương đạo đức của Bác là nghĩa vụ đạo đức của mình, là con đường để chúng ta tự hoàn thiện đạo đức cá nhân

II. Những nội dung chủ yếu

1. Lòng yêu nước nồng nàn, tuyệt đối trung thành với tổ quốc, quyết tâm phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc

a. Lòng yêu nước trong Bác bao hàm lòng yêu con người, yêu nhân dân lao động.

b. Lòng trung thành với tổ quốc, quyết tâm phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc

2. Chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập, tự chủ

a. Chí khí cách mạng kiên cường của Bác được thể hiện bằng niềm khát khao, mơ ước bằng mọi cách giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

b. Hồ Chí Minh là nhà triết học hành động, nói đi đôi với làm, gắn lý luận với thực tiễn, gắn đạo đức với cuộc sống.

c. Lòng nhân ái cao cả và tình nghĩa thủy chung son sắt

3. Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư

a. Cần kiệm

b. Liêm chính

c. Chí công vô tư

4. Khiêm tốn, giản dị, học tập rèn luyện suốt đời

a. Đức giản dị

b. Đức khiêm tốn trung thực

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Đạo đức học, Phạm Khắc Chương và Nguyễn Thị Yến Phương, NXB Đại học Sư phạm, năm 2010.

- Giáo trình Đạo đức học, Học viện CTHCQG Hồ Chí Minh, phân viện Hà Nội, PGS, TS Vũ Ngọc Dung, NXB CTQG, năm 2005.

- Giáo trình Đạo đức học, Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ, NXB Sư phạm, năm 2008.

11.18. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết : 30 tiết.

+ Trong đó, kiểm tra, đánh giá : 2 tiết

+ Thảo luận/Thực hành : 0 tiết

+ Tự học : 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, một hành trang văn hóa Việt Nam nhằm hiểu rõ hơn về dân tộc mình, nền văn hóa của mình, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hóa, về vai trò của văn hóa trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.

6.2. Về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể.

6.3. Về thái độ người học:

Hình thành ở sinh viên niềm tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tìm hiểu những vấn đề cơ bản về văn hóa Việt Nam như: khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, chức năng của văn hóa; cơ sở hình thành văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố cơ bản của nền văn hóa Việt Nam. Học phần cũng sẽ tìm hiểu về đặc trưng văn hóa tiêu biểu của một số dân tộc anh em trong cộng đồng văn hóa Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn hóa, khoa Khoa học cơ bản

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các buổi học
- Tham gia thảo luận nhóm, sưu tầm hiện vật văn hóa theo yêu cầu của giảng viên
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kì
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bùi Ngọc Sơn (2002), *Việt Nam tinh hoa đạo đức*, NXB Hà Nội.

3. Vũ Ngọc Khánh (2004) *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số Việt nam (tập 1+2)*, NXB Thanh niên.

3. GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Bùi Đình Phong (2008), *Văn hóa và triết lý phát triển*, NXB Chính trị quốc gia.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần : 10%
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút) : 30%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút) : 60%

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 5 tiết, thảo luận 7 tiết

1.1. Văn hóa và văn hóa học

1.1.1. Con người - chủ/khách thể của văn hóa

1.1.2. Con người Việt Nam, chủ/khách thể của văn hóa Việt Nam

1.1.3. Khái niệm văn hóa và các khái niệm khác

1.1.4. Định nghĩa văn hóa của UNESCO

1.2. Văn hóa và môi trường tự nhiên

- 1.2.1. Tự nhiên là cái có trước
 - 1.2.2. Tự nhiên là cái ngoài ta: môi trường
 - 1.2.3. Cái tự nhiên trong ta - bản năng
 - 1.2.4. Thích nghi và biến đổi tự nhiên
 - 1.2.5. Đặc điểm môi trường tự nhiên, hệ sinh thái Việt Nam với vấn đề bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa Việt Nam
 - 1.3. Văn hóa và môi trường xã hội
 - 1.3.1. Xã hội: tổ chức các quan hệ người - người
 - 1.3.2. Cá nhân và xã hội
 - 1.3.3. Sự xã hội hóa cá nhân và sự nhập thân văn hóa
 - 1.3.4. Phổ hệ (cơ cấu) xã hội Việt Nam cổ truyền
 - 1.3.5. Biến đổi xã hội và biến đổi văn hóa
 - 1.4. Tiếp xúc vào giao lưu văn hóa
 - 1.4.1. Khái niệm
 - 1.4.2. Giao lưu và tiếp biến trong văn hóa Việt Nam
- Tài liệu tham khảo:
- Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, từ trang 3 đến trang 65.
 - Bùi Ngọc Sơn (2002), Việt Nam tinh hoa đạo đức, NXB Hà Nội, từ trang 27 đến trang 49.
 - GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Bùi Đình Phong (2008), Văn hóa và triết lý phát triển, NXB Chính trị quốc gia, từ trang 13 đến trang 48.

Chương 2

CẤU TRÚC, CÁC THIẾT CHẾ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 7 tiết

- 2.1. Một số thành tố cơ bản
 - 2.1.1. Ngôn ngữ
 - 2.1.2. Tôn giáo
 - 2.1.3. Tín ngưỡng
 - 2.1.4. Lễ hội
- 2.2. Chức năng và cấu trúc của văn hóa
 - 2.2.1. Chức năng của văn hóa
 - 2.2.2. Cấu trúc của văn hóa

Tài liệu tham khảo:

- Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, từ trang 67 đến trang 118.

- Bùi Ngọc Sơn (2002), Việt Nam tinh hoa đạo đức, NXB Hà Nội, từ trang 70 đến trang 120.

- GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Bùi Đình Phong (2008), Văn hóa và triết lý phát triển, NXB Chính trị quốc gia, từ trang 149 đến trang 170.

Chương 3

DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 7 tiết

3.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử

3.1.1. Thời tiền sử

3.1.2. Thời sơ sử

3.2. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên

3.2.1. Văn hóa ở châu thổ Bắc Bộ thời Bắc thuộc

3.2.2. Văn hóa Chămpa

3.2.3. Văn hóa Óc Eo

3.2.4. Kết luận

3.3. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ

3.3.1. Bối cảnh văn hóa lịch sử

3.3.2. Đặc trưng của văn hóa thời Lý - Trần

3.3.3. Đặc trưng văn hóa thời Minh Thuộc và hậu Lê

3.3.4. Đặc trưng của văn hóa từ thế kỉ XVI đến năm 1858

3.3.5. Kết luận

3.4. Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945

3.4.1. Bối cảnh lịch sử văn hóa

3.4.2. Đặc trưng văn hóa giai đoạn năm 1858 đến năm 1945

3.4.3. Kết luận

3.5. Văn hóa Việt Nam từ năm 1945 đến nay

3.5.1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa

3.5.2. Đặc điểm của văn hóa từ năm 1945 đến nay

Tài liệu tham khảo:

- Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, từ trang 119 đến trang 219.

- Bùi Ngọc Sơn (2002), Việt Nam tinh hoa đạo đức, NXB Hà Nội, từ trang 145 đến trang 176.

- GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Bùi Đình Phong (2008), Văn hóa và triết lý phát triển, NXB Chính trị quốc gia, từ trang 171 đến trang 250.

Chương 4

KHÔNG GIAN VĂN HÓA VIỆT NAM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thảo luận 7 tiết

4.1. Vùng văn hóa Tây Bắc

4.1.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội

4.1.2. Đặc điểm của vùng văn hóa Tây Bắc

4.2. Vùng văn hóa Việt Bắc

4.2.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội

4.2.2. Đặc điểm của vùng văn hóa Việt Bắc

4.3. Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ

4.3.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên và xã hội

4.3.2. Đặc điểm vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ

4.4. Vùng văn hóa Trung Bộ

4.4.1. Đặc điểm tự nhiên xã hội

4.4.2. Đặc điểm của vùng văn hóa trung bộ

4.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên

4.5.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội

4.5.2. Đặc điểm vùng văn hóa Tây Nguyên

4.6. Vùng văn hóa Nam Bộ

4.6.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên và xã hội

4.6.2. Đặc điểm của vùng văn hóa Nam Bộ

4.7. Văn hóa và phát triển

4.7.1. Những hằng số của văn hóa Việt Nam

4.7.2. Văn hóa và phát triển

4.7.3. Tương lai phát triển văn hóa Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

- Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, từ trang 219 đến trang 298.

- Bùi Ngọc Sơn (2002), Việt Nam tinh hoa đạo đức, NXB Hà Nội, từ trang 200 đến trang 249.

- GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Bùi Đình Phong (2008), Văn hóa và triết lý phát triển, NXB Chính trị quốc gia, từ trang 67 đến trang 175.

11.19. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 1/2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết. Trong đó, kiểm tra/đánh giá: 2 tiết
- Thảo luận, thực hành: 10 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về logic học đại cương qua đó hình thành và phát triển tư duy logic đúng đắn và sáng tạo.

6.2 Về kỹ năng: kỹ năng phát triển tư duy logic, đổi mới cách nghĩ, sáng tạo phương pháp hành động, hình thành thói quen lập luận chặt chẽ, khoa học.

6.3 Về thái độ người học: Suy nghĩ tích cực và vận dụng thực tiễn.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần khái quát về lôgic học truyền thống (khái niệm, đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của lôgic học), nghiên cứu cụ thể về các hình thức của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận), các quy luật cơ bản của tư duy (quy luật đồng nhất, quy luật mâu thuẫn, quy luật bài trung và quy luật lý do đầy đủ), các cách chứng minh, bác bỏ... qua đó cung cấp cho người học những kiến thức ban đầu về logic học, làm cơ sở để từ đó nếu người học quan tâm có thể đi sâu nghiên cứu những khuynh hướng khác nhau của logic học hiện đại.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận Mác Lênin - Khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ

- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1 Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo- TS Nguyễn Như Hải (2011), *Giáo trình logic học đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb CTQG HN.

10.2 Tài liệu tham khảo:

2. Vương Tất Đạt (2002), *Logic học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

3. Bùi Văn Mưa (2003), *Nhập môn lôgic học*, Nxb ĐHQG TP HCM..

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10 %

- Kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian cho mỗi bài 60 phút): 20 %

- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân: 10%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA CỦA LOGIC HỌC

Phân bổ thời gian: lý thuyết 3 tiết, thảo luận 1 tiết

1.1. Thuật ngữ lôgic học

1.1.1. Nghĩa thứ nhất của thuật ngữ

1.1.2. Nghĩa thứ hai của thuật ngữ

1.2. Tư duy, tư duy logic và ngôn ngữ

1.2.1. Tư duy và tư duy logic

1.2.2. Ngôn ngữ

2.1.3. Mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ

1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của lôgic học

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của lôgic học

1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học

1.4.1. Đối với đời sống con người

1.4.2. Đối với hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học

1.4.3. Đối với hoạt động hành pháp và lập pháp

Tài liệu tham khảo :

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 5 đến 21.
- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 8 đến 23

Chương 2 : KHÁI NIỆM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 5 tiết, thảo luận 2 tiết

2.1. Đặc điểm chung của khái niệm

2.1.1. Đặc tính và dấu hiệu của sự vật hiện tượng

2.1.2. Khái niệm của sự vật hiện tượng

2.2. Hình thức ngôn ngữ thể hiện của khái niệm

2.2.1. Hình thức ngôn ngữ thể hiện của khái niệm là gì ?

2.2.1. Mối quan hệ giữa khái niệm và từ

2.3. Kết cấu logic của khái niệm

2.3.1 Nội hàm khái niệm

2.3.2. Ngoại diên khái niệm

2.3.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên khái niệm

2.4. Các loại khái niệm

2.4.1. Phân loại khái niệm theo nội hàm

2.4.2. Phân loại khái niệm theo ngoại diên

2.5. Quan hệ giữa các khái niệm

2.5.1. Quan hệ hợp

2.6. Các thao tác logic đối với ngoại diên

2.6.1. Phép hợp (cộng) giữa các khái niệm

2.6.2. Phép giao (nhân) giữa các khái niệm

2.6.3. Phép trừ giữa các khái niệm

2.6.4. Phép bù (phủ định) khái niệm

2.6.5. Giới hạn khái niệm

2.6.6. Mở rộng khái niệm

2.7. Định nghĩa khái niệm

2.7.1. Bản chất của định nghĩa khái niệm

2.7.2. Kết cấu của định nghĩa khái niệm

2.7.3. Các loại định nghĩa khái niệm

2.7.4. Các quy tắc định nghĩa khái niệm

2.8. Phân chia khái niệm

2.8.1. Định nghĩa phân chia khái niệm

2.8.2. Kết cấu của phép phân chia khái niệm

2.8.4. Các quy tắc phân chia khái niệm

Tài liệu tham khảo :

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 24 đến 59.

- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 25 đến 40.

Chương 3: PHÁN ĐOÁN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thảo luận 2 tiết

3.1. Đặc điểm chung của phán đoán

3.1.1. Chức năng của phán đoán

3.1.2. Chất và lượng của phán đoán

3.1.3. Giá trị của phán đoán

3.2. Hình thức ngôn ngữ thể hiện của phán đoán

3.2.1. Hình thức ngôn ngữ thể hiện của phán đoán là gì

3.2.2. Môi quan hệ giữa câu và phán đoán

3.3. Các loại phán đoán

3.3.1. Phán đoán đơn

3.4.2. Phán đoán phức

3.4. Phán đoán đơn đặc tính (nhất quyết đơn)

3.4.1. Định nghĩa

3.4.2. Kết cấu của phán đoán đơn đặc tính

3.4.3. Các loại phán đoán đơn đặc tính

3.5. Tính chu diên của các thuật ngữ

3.5.1. Tính chu diên là gì?

3.5.2. Tính chu diên của các thuật ngữ phán đoán

3.6. Quan hệ giữa các phán đoán đơn

3.6.1. Quan hệ mâu thuẫn

3.6.2. Quan hệ đối lập chung

3.6.3. Quan hệ đối lập riêng

- 3.6.4. Quan hệ chi phối phụ thuộc
- 3.6.5. Lập bảng giá trị của mối quan hệ giữa các phán đoán
- 3.7. Hình vuông logic
 - 3.7.1. Định nghĩa
 - 3.7.2. Sơ đồ hình vuông logic
 - 3.7.3. Điều kiện để đưa các phán đoán vào hình vuông logic
 - 3.7.4. Ý nghĩa của hình vuông logic
- 3.8. Phán đoán phức
 - 3.8.1 Định nghĩa phán đoán phức
 - 3.8.2 Phân loại phán đoán phức
- 3.9. Phán đoán đa phức
 - 3.9.1. Định nghĩa
 - 3.9.2. Giá trị của phán đoán đa phức
 - 3.9.3. Phép phủ định của phán đoán
- 3.10. Tính đẳng trị của phán đoán

Tài liệu tham khảo :

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 70 đến 108.

- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 44 đến 90

Chương 4 : CÁC QUY LUẬT LÔGIC HÌNH THỨC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thảo luận 2 tiết

- 4.1. Khái niệm
 - 4.1.1. Quy luật và các loại quy luật
 - 4.1.2. Quy luật của logic hình thức
- 4.2. Các quy luật lôgic hình thức
 - 4.2.1. Quy luật đồng nhất
 - 4.2.2. Quy luật không mâu thuẫn
 - 4.2.3. Quy luật bài trừ cái thứ ba
 - 4.2.4. Quy luật lý do đầy đủ

Tài liệu tham khảo :

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 113 đến 123.

- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 45 đến 90

Chương 5 : SUY LUẬN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 4 tiết, thảo luận 1 tiết

5.1. Khái quát về suy luận

5.1.1. Suy luận là gì

5.1.2. Đặc điểm của suy luận

5.1.3. Các loại suy luận

Tài liệu tham khảo :

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 128 đến 194.

- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 100 đến 123

Chương 6 : CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết; thảo luận 1 tiết

6.1. Chứng minh

6.1. Chứng minh là gì?

6.2. Kết cấu của chứng minh

6.2. Bác bỏ

6.2.1 Bác bỏ là gì

6.2.2. Các cách bác bỏ

Tài liệu tham khảo:

- TS Nguyễn Như Hải (2011), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 200 đến 213.

- Vương Tất Đạt (2002), Logic học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 123 đến 134

Chương 7 : GIẢ THUYẾT

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 2 tiết, thảo luận 1 tiết

7.1. Giả thuyết là gì

7.2. Phân loại giả thuyết

7.2.1. Dựa vào phạm vi phản ánh

7.3. Quá trình hình thành và phát triển giả thuyết

7.3.1. Xây dựng các giả định

7.3.2. Chứng minh giả định

11.20. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ THẦN KINH

1. Tên học phần: SINH LÝ THẦN KINH

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 4

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

+ Nghe giảng lý thuyết: 29 giờ

+ Bài tập: 2 giờ

+ Thảo luận: 8 giờ

+ Tự học: 6 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Về kiến thức:

Nắm được đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của môn học “Hoạt động thần kinh cấp cao”.

Phân biệt được hai khái niệm: hoạt động thần kinh cấp cao và hoạt động thần kinh cấp thấp.

Người học cần hiểu được nội dung các khái niệm cơ bản của môn học, nắm được ý nghĩa và mối liên hệ của hoạt động thần kinh cấp cao với các hiện tượng tâm lý người. Lịch sử nghiên cứu HĐTKCC. Hiểu và phân tích được các nguyên tắc, các quy luật của HĐTKCC.

Trình bày và phân tích được phương pháp nghiên cứu phản xạ có điều kiện, cơ chế thành lập phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ trong đời sống nói chung và hiện tượng tâm lý nói riêng để chứng minh và phân tích đặc điểm cũng như vai trò của phản xạ có điều kiện. Nắm vững học thuyết về hệ thống chức năng của Anôkhin: khái niệm, cơ sở khoa học, cấu trúc của một hệ thống chức năng, ý nghĩa của học thuyết đối với Tâm lý học. Nắm được đặc điểm của hai quá trình thần kinh là ức chế và hưng phấn. Lý giải được cơ chế sinh lý của giấc ngủ, chiêm bao và thôi miên. Phân tích được các đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người. Phân tích được các biểu hiện bệnh lý của HĐTKCC. Giải thích được cơ chế sinh lý của một số hiện tượng tâm lý (cảm giác, tri giác, chú ý, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, xúc cảm ...).

6.2 Về kỹ năng: Sử dụng tốt các kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị xemina và trình bày một vấn đề sinh lý học. Có khả năng làm việc theo nhóm

Kỹ năng giải thích được cơ sở HĐTKCC của các hiện tượng tâm lý. Kỹ năng phân tích các bài tập tình huống dưới góc độ của HĐTKCC.

6.3 Về Thái độ: Tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, chuẩn bị tốt các bài thảo luận và bài tập do giáo viên yêu cầu, tích cực phát biểu trên lớp, trong các giờ xemina; Có thái độ khách quan về mối quan hệ giữa sinh lý và tâm lý.

7. Tóm tắt nội dung học phần.

Môn học nghiên cứu các nguyên tắc, các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao của não bộ – là cơ sở sinh lý làm nảy sinh các hiện tượng tâm lý như: quy luật hình thành phản xạ có điều kiện, hoạt động phân tích và tổng hợp kích thích từ môi trường bên ngoài, sự nảy sinh các ức chế và vai trò của chúng trong hoạt động sống nói chung và hoạt động tâm lý của con người nói riêng, các đặc điểm của hoạt động thần kinh cấp cao ở người – là cơ sở để giải thích nguồn gốc sinh học của các hiện tượng tâm lý. Môn học cũng nghiên cứu một số rối loạn hoạt động thần kinh cấp cao mà con người thường mắc phải trong cuộc sống hiện đại.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, xemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Đỗ Công Huỳnh. Giáo trình Hoạt động thần kinh cấp cao. Hà Nội, 2007. Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, phòng đọc Khoa.
2. Pavlov I.P. Tuyển tập. Nhà xuất bản ngoại ngữ Matxcova, 1964.
3. Trần Trọng Thủy. Sinh lý học thần kinh. Tài liệu dành cho sinh viên và học viên cao học Tâm lý học.
4. Lê Quang Long (chủ biên). Bài giảng sinh lý người và động vật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996. 2 tập. Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội,
5. Trịnh Hữu Hằng & Đỗ Công Huỳnh. Sinh lý học người và động vật. Nxb Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội, 2001.

10.2. Học liệu tham khảo

6. Phạm Minh Hạc (tuyển lựa và tổng chủ biên). Tâm lý học Liên Xô. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, 1978. Phòng đọc Khoa.

7. Tạ Thuý Lan. Sinh lý học thần kinh. Tập 1. Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2003.

8. Bộ môn Sinh lý học, Trường đại học y Hà Nội. Sinh lý học. Tập 2. Nxb. Y học, Hà Nội, 2001.

9. Lê Giảng (Biên soạn) Khoa học với những giấc mơ. Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999.

10. Lê Quang Long, Nguyễn Quang Vinh. Sinh lý thần kinh và giác quan. Nhà xuất bản Bộ giáo dục và đào tạo, Hà Nội, 1993.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. vị trí của sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao trong các khoa học sinh lý học

1.1.1. Khái niệm về sinh lý học và đối tượng nghiên cứu của nó.

1.1.2. Khái niệm về sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao. Phân biệt hoạt động thần kinh cấp cao với hoạt động thần kinh cấp thấp.

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của môn Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao.

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.2.3. Ý nghĩa của môn Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao

1.2.4. Mối quan hệ giữa sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao và Tâm lý học.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao.

1.3.1. Những tư tưởng và nghiên cứu về sinh lý học não bộ trước I. M. Xetrenốp.

a. Những quan điểm duy tâm

b. Những quan điểm duy vật

1.3.2. Những nghiên cứu của I.M. Xetrenốp về sinh lý học não bộ

a. Những tiền đề dẫn đến nghiên cứu của I.M. Xetrenốp về hoạt động của não bộ.

b. Những nghiên cứu của Xetrenốp về các quá trình ức chế của hệ thần kinh trung ương.

1.3.3. Học thuyết của I.P. Páplốp về hoạt động thần kinh cấp cao.

a. Những cơ sở khoa học của Học thuyết I.P. Páplốp về hoạt động thần kinh cấp cao.

b. Nội dung cơ bản của Học thuyết về hoạt động thần kinh cấp cao.

- Nguyên tắc quyết định luận

- Nguyên tắc phân tích và tổng hợp

- Nguyên tắc cấu trúc

c. Ý nghĩa của học thuyết I.P. Páplốp

- Ý nghĩa lý luận

- Ý nghĩa thực tiễn.

CHƯƠNG 2. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CÁC QUY LUẬT HĐTKCC

2.1. Những khái niệm cơ bản

2.1.1. Phản xạ

a. Định nghĩa về phản xạ

b. Định nghĩa, đặc điểm và phân loại phản xạ không điều kiện (PXKĐK)

c. Định nghĩa, đặc điểm và phân loại phản xạ có điều kiện (PXCĐK)

2.1.2. Cung phản xạ

a. Định nghĩa về cung phản xạ

b. Các loại cung phản xạ

c. Cấu tạo của một cung phản xạ

2.1.3. Vòng phản xạ

a. Định nghĩa về vòng phản xạ

b. Thí nghiệm của Anôkhin

c. Đặc điểm của vòng phản xạ.

2.1.4. Điểm ưu thế và phản xạ có điều kiện

a. Định nghĩa điểm ưu thế

b. Cấu tạo và chức năng của điểm ưu thế

- c. Tính chất của điểm ưu thế
- d. Mối liên hệ giữa điểm ưu thế và PXCĐK

2.1.5. Bản năng

- a. Định nghĩa
- b. Đặc điểm
- c. Cơ chế xuất hiện bản năng

2.2. Những quy luật cơ bản của hoạt động thần kinh cấp cao

- 2.2.1. Quy luật chuyển từ hưng phấn sang ức chế.
- 2.2.2. Quy luật tương quan giữa cường độ kích thích và cường độ phản xạ.
- 2.2.3. Quy luật về tính hệ thống trong hoạt động của võ não.
- 2.2.4. Quy luật lan toả và tập trung.
- 2.2.5. Quy luật cảm ứng qua lại.

CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO

3.1. Khái quát về các phương pháp nghiên cứu hoạt động thần kinh cấp cao

- 3.1.1. Phương pháp điện sinh lý
- 3.1.2. Phương pháp hoá học thần kinh
- 3.1.3. Phương pháp phẫu thuật thần kinh.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu cơ bản.

- 3.2.1. Phương pháp nghiên cứu phản xạ tiết nước bọt có điều kiện của I.P. Páplóp.
- 3.2.2. phương pháp nghiên cứu phản xạ công cụ.

CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP CỦA VỎ NÃO

4.1. Hoạt động phân tích và tổng hợp trong quá trình thành lập PXCĐK đối với kích thích đơn giản

- 4.1.1. Giai đoạn khái quát
- 4.1.2. Giai đoạn chuyên hoá.

4.2. Hoạt động phân tích và tổng hợp trong quá trình thành lập PXCĐK đối với các kích thích phức tạp. Hệ thống chức năng.

- 4.2.1. Khái niệm về hệ thống chức năng của Anôkhin.
- 4.2.2. Cơ sở của học thuyết về hệ thống chức năng.
- 4.2.3. Cấu trúc của hệ thống chức năng.
- 4.2.4. Sự giống nhau và khác nhau giữa hệ thống chức năng và cung phản xạ.

4.2.5. Nhận xét, đánh giá chung và kết luận.

CHƯƠNG 5. CÁC QUÁ TRÌNH ỨC CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO. GIẤC NGỦ; CHIÊM BAO; THÔI MIÊN

5.1. Các quá trình ức chế trong hoạt động thần kinh cấp cao

5.1.1. Ức chế không điều kiện

5.1.2. Ức chế có điều kiện

5.1.3. Vị trí và cơ chế phát sinh ức chế có điều kiện

5.2. Sinh lý giấc ngủ

5.2.1. Biểu hiện về mặt sinh lý lúc ngủ

5.2.2. Sự biến đổi các sóng điện não khi ngủ

5.2.3. Hai pha của giấc ngủ

5.2.4. Cơ chế thức - ngủ

5.2.5. Ý nghĩa của giấc ngủ

5.3. Chiêm bao

5.3.1. Định nghĩa

5.3.2. Đặc điểm của các giấc chiêm bao

5.3.3. Cơ chế sinh lý thần kinh của chiêm bao

5.3.4. Ý nghĩa sinh học của chiêm bao.

5.4. Thôi miên

5.4.1. Định nghĩa

5.4.2. Quan điểm của I.P. Páplóp về cơ chế của hiện tượng thôi miên

5.4.3. Ba giai đoạn của thôi miên

5.4.4. Ý nghĩa của thôi miên.

CHƯƠNG 6. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHẤT HOÁ HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA VỎ NÃO

6.1. Vai trò của các chất dẫn truyền thần kinh (neurotransmitters)

6.1.1. Acetylcholi,

6.1.2. Noradrenalin

6.1.3. Dopamin

6.1.4. Serotomin

6.2. Vai trò của các neuropeptid và các hormon

6.2.1. Enkephalin

6.2.2. Endorphin

6.2.3. ACTH (Ademo-cortico-trepin-hormon)

6.2.4. Vasopressin.

6.3. Vai trò của các chất điều biến (modulators)

6.3.1. Prostaglandin

6.3.2. Rostaglandin

CHƯƠNG 7. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO Ở NGƯỜI

7.1. Đặc điểm của phản xạ có điều kiện ở người và động vật.

7.1.1. Sự giống nhau

7.1.2. Sự khác nhau

7.2. Khái niệm về tín hiệu và hệ thống tín hiệu

7.2.1. Khái niệm về tín hiệu

7.2.2. Các loại tín hiệu

7.2.3. Khái niệm về hệ thống tín hiệu

7.3. Đặc điểm của hệ thống tín hiệu thứ hai.

7.3.1. Ngôn ngữ là một tác nhân kích thích có điều kiện

7.3.2. Ngôn ngữ tác động lên con người bằng nội dung, ý nghĩa.

7.3.3. Ngôn ngữ có tác dụng thay thế hệ thống tín hiệu thứ nhất.

7.3.4. Ngôn ngữ có tác dụng tăng cường, ức chế và thay đổi các tín hiệu cụ thể.

7.3.5. Ngôn ngữ có tính khái quát và trừu tượng.

7.3.6. Tín hiệu thứ hai hình thành sau tín hiệu thứ nhất nhưng khi võ não bị ức chế thì tín hiệu thứ hai lại mất trước tín hiệu thứ nhất.

7.4. Mối quan hệ giữa hai hệ thống tín hiệu

7.4.1. Hệ thống tín hiệu thứ hai được hình thành trên cơ sở của hệ thống tín hiệu thứ nhất.

7.4.2. Sự liên hệ giữa hai hệ thống tín hiệu trên võ não

7.4.3. Sự ảnh hưởng của hệ thống tín hiệu thứ hai đối với hệ thống tín hiệu thứ nhất.

7.5. Vai trò của hệ thống tín hiệu thứ hai trong hoạt động tư duy của con người

7.6. Sự hình thành và phát triển hệ thống tín hiệu thứ hai ở con người.

7.6.1. Cơ chế hình thành ngôn ngữ

7.6.2. Sự hình thành ngôn ngữ trong năm đầu tiên của cuộc đời.

7.6.3. Sự hình thành và phát triển ngôn ngữ ở trẻ từ 12 – 36 tháng tuổi.

7.6.4. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 3 – 5 tuổi.

7.7. Vai trò của các vùng võ não đối với chức năng của hệ thống tín hiệu thứ hai.

7.7.1. Phương pháp nghiên cứu

7.7.2. Vùng Broca

7.7.3. Trung khu Wernicke.

7.7.4. Các trung khu 3,4 ở thùy đỉnh

7.7.5. Các trung khu 5,6 ở thùy đỉnh và thùy trán

7.7.6. Các trung khu 7,8 ở thùy chẩm (theo sơ đồ của Penfield và Jasper)

7.8. Các loại hình thần kinh

7.8.1. Tiêu chí để phân loại các loại hình thần kinh.

7.8.2. Các loại hình thần kinh cơ bản .

7.8.3. Đặc điểm của các loại hình thần kinh.

7.8.4. Các loại hình thần kinh ở người.

7.8.5. Vấn đề di truyền và giáo dục các loại hình thần kinh ở con người.

CHƯƠNG 8. RỐI LOẠN BỆNH LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO VÀ STRESS

9.1. Rối loạn bệnh lý trong hoạt động thần kinh cấp cao

9.1.1. Loạn thần kinh chức năng do kích thích quá mạnh.

9.1.2. Loạn thần kinh chức năng do ức chế bị quá căng thẳng.

9.1.3. Loạn thần kinh chức năng do căng thẳng tính linh hoạt của các quá trình thần kinh.

9.2. Stress

9.2.1. Khái niệm về stress.

9.2.2. Các kích thích gây stress.

9.2.3. Các giai đoạn của trạng thái stress.

9.3.4. Sơ đồ về cơ chế thần kinh-nội tiết diễn ra trong trường hợp cơ thể bị stress.

9.2.4. Mối quan hệ giữa phản ứng stress và các đặc điểm cá nhân.

9.2.5. Cách phòng chống và giải toả stress.

11.21. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC

1. Tên học phần: LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

+ Nghe giảng lý thuyết:	18t
+ Bài tập trên lớp:	6
+ Thảo luận:	18t
+ Thùc hành, thùc tập :	0
+ Hoạt động theo nhóm:	0
+ Tù hác:	90t

5. Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

6. Mục tiêu học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Sinh viên nắm tắt lịch sử phát triển của tâm lý học từ thời cổ đại cho đến thời hiện đại.

- Phân tích nội dung quan trọng của các trường phái tâm lý học khác nhau khi bạn về bản chất, chức năng của các ngành tâm lý học.

- Qua học phần sinh viên cần nắm quan trọng của nền tảng duy vật biện chứng khi tiếp cận nghiên cứu, hiểu biết về các ngành tâm lý học.

- Sinh viên nắm tắt xu thế phát triển của tâm lý học hiện đại trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng, trên cơ sở đã có các thực tiễn phát triển khoa học tâm lý ở Việt Nam.

6.2. Về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng từ học, từ nghiên cứu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào giải thích các hiện tượng tâm lý học trong hoạt động trong quan hệ xã hội trên quan trọng của tâm lý học duy vật biện chứng.

- Hình thành kỹ năng phân tích, tăng hứng khởi thực
tìm lý học mọi loại người. thu thập các tài liệu quan
điểm duy vật biện chứng, vận dụng chúng vào trong
cuộc sống một cách khoa học

- Các các kỹ năng vận dụng hiểu biết vào bản chất
con người, các sinh tìm lý của nhà thực tiễn loại
người. tích lũy các tài liệu để nay vào hoạt động
của người làm công tác quản lý nhân sự.

- Các các hình thành một số kỹ năng cơ bản của
người làm công tác quản lý lao động: Kỹ năng sơ đồ
nguyên nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm tòi tài liệu
học tập, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm làm
tiền đề cho kỹ năng làm công tác quản lý, công nghệ
các hoạt động sau này.

6.3. Về thi nghiệm:

Qua học phần, sinh viên thấy các ý nghĩa, tầm
quan trọng, tác dụng của kiến thức tìm lý học trong
các sinh, các biết luận trong quan hệ xã hội.

Hình thành thi nghiệm các các ví dụ về các học tập
mọi tìm lý học.

Các các học hỏi học tập và từng tham luận yêu
nghề.

7. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần bao gồm các tài liệu tìm lý học qua các
thời kỳ khác nhau từ thời kỳ các các năm các các
19- trước khi tìm lý học trẻ hình thành ngành khoa học
các các. Tìm lý học ra đời về các luận một ngành
khoa học các các về các các năm 1879 trong lịch sử
phát triển của tìm lý học. Các các phần tìm lý học
khác nhau: Phần tìm học, Tìm lý học hình thức, Tìm lý
học Gestalt. Về hình thành tìm lý học Mac xít. Về hình
thành phát triển Tìm lý học VN.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương,
bài

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.

- Tham gia thảo luận, seminar

- Làm bài tập của nhóm, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Hãc liÖu :

10.1. Hãc liÖu b³t buéc

1. NguyÖn Ngãc Phó. LPch sö tÖm lý hãc. NXB SHQG Hù Néi. 2006.

2. Ph¹m Minh H¹c. NhËp m«n TÖm lý hãc. NXBGD. 1980

10.2. Hãc liÖu tham kh¶o

1. Vã ThÞ Minh TrÝ. LPch sö tÖm lý hãc. NXB GD. 2004.

2. Ph¹m Minh H¹c. Hùnh vi vù ho¹t ®éng. ViÖn khoa hãc Gi, o dôc. 1985

3. Ph¹m Minh H¹c. TuyÖn tËp TÖm lý hãc. NXB ChÝnh trÞ Quèc gia. HN 2005.

4. TriÖt hãc. TËp 1. NXB CTQG (Dìng cho NCS vù hãc viªn cao hãc kh«ng thuéc chuyªn ngùnh triÖt hãc)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập của nhóm (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Ch--ng 1. C, c t- t-ëng tÖm lý hãc thêi kú Cæ ®¹i

1. C, c t- t-ëng TÖm lý hãc ph--ng S«ng cæ ®¹i

1.1. C, c t- t-ëng TÖm lý hãc Trung Hoa cæ ®¹i

1.1.1. C, c t- t-ëng TÖm lý hãc

1.1.1.1. Khæng tö. (551-479 TCN)

1.1.1.2. M¹nh tö. (371-289 TCN)

- 1.1.1.3. Tu©n tö. (298-238 TCN)
 - 1.1.2. §¹o gia vụ c,c t- t-ëng T©m lý häc
 - 1.1.2.1.L·o tö. (604-531 TCN)
 - 1.1.2.2.Trang tö (369-286 TCN)
 - 1.1.3. MÆc gia vụ t- t-ëng T©m lý häc
 - 1.1.4. Ph,p gia vụ t- t-ëng T©m lý häc
 - 1.2. C,c t- t-ëng T©m lý häc çn Sé cæ ®¹i
 - 2. C,c t- t-ëng T©m lý häc Hy L¹p cæ ®¹i
 - 2.1.Häc thuyÖt vò t©m hân cña Democrit
 - 2.2.Häc thuyÖt vò t©m hân cña Platon
 - 2.3.Häc thuyÖt vò t©m hân cña Aristot
- §,nh gi, chung

CHƯƠNG 2. CÁC TƯ TƯỞNG TÂM LÝ CÁC THỜI KỲ TRUNG CỔ VÀ PHỤC HƯNG

- 2.1. T- t-ëng t©m lý häc thêi kú Trung cæ
 - 2.1.1. T- t-ëng t©m lý häc cña c,c n-íc ¶ rËp
 - 2.1.2. T- t-ëng t©m lý häc ë Ch©u ©u
- 2.2. T- t-ëng t©m lý häc thêi kú Phôc h-ng
 - 2.2..1. T- t-ëng T©m lý häc ë Italia
 - 2.2..2. T- t-ëng T©m lý häc ë T©y Ban Nha

Ch--ng 3. C,c t- t-ëng t©m lý häc thÖ kü 17, 18

- 3.1. C,c thụng tâu t- t-ëng T©m lý häc thÖ kü 17
 - 3.1.1. VÊn ®Ò b¶n chÊt cña t©m lý
 - 3.1.2. Häc thuyÖt ph¶n x¹ cña Descartes
 - 3.1.2. ThuyÖt nhËn thức vụ thuyÖt li^an t-ëng
 - 3.2. C,c thụng tâu t- t-ëng T©m lý häc thÖ kü 18
 - 3.2.1 T- t-ëng T©m lý häc li^an t-ëng ë Anh
 - 3.2.2. T- t-ëng T©m lý häc duy vËt Ph,p
 - 3.2.3. T- t-ëng T©m lý häc ë §øc
- §,nh gi, chung

**Chương 4. Các t- t-êng tâm lý hác nòa @Çu thõ kü 19.
Sù ra @êi cña tâm lý hác vúi t- c, ch lụ khoa hác @éc
lĒp**

4.1. T- t-êng tâm lý hác nòa @Çu thõ kü 19

4.1.1. Hác thuyỐt phĒn x¹

4.1.2. Hác thuyỐt vò c- quan cĒm gi, c

4.1.3. Hác thuyỐt vò @¹i n. o

4.1.4. Tâm lý hác li^an t-êng

4.2. Sù ra @êi cña tâm lý hác vúi t- c, ch lụ khoa hác @éc lĒp

4.2.1. TiÒn @Ò cho sù ra @êi cña khoa hác Tâm lý

4.2.1.1. Tâm sinh lý hác gi, c quan

4.2.1.2. Tâm vĒt lý hác

4.2.1.3. Nghi^an còu thĒi gian phĒn ỏng

4.2. 2. Tâm lý hác ra @êi vúi t- c, ch lụ khoa hác @éc lĒp

4.2.2.1. W. Wudt vụ phĒng thùc nghiÒm tâm lý hác @Çu ti^an tr^an thõ giúi

4.2.2.2. N^{ăm} 1879 trong tâm lý hác

S, nh gi, chung.

Chương 5. Tâm lý hác thõ kü 20

5.1. Sù tan r. cña tâm lý hác duy tâm

5.2. Các đĒng Tâm lý hác thõ kü 20

5.2.1. Tâm lý hác hụnh vi

5.2.2. Tâm lý hác Gestal

5.2.3. Tâm lý hác phón tâm

5.3. Sù h^xnh thụnh vụ ph, t trión cña tâm lý hác Macxit

**Chương 6. Sù h^xnh thụnh vụ ph, t trión tâm lý hác Ē
ViỐt Nam**

6.1. Sù xuĒt hiỐn chuy^an ngụnh Tâm lý hác

6.2. Các thụnh tầu @ụo t¹o tâm lý hác tồ sau c, ch m¹ng th, ng T, m @Ốn nay

6.3. Các thụnh tầu nghi^an còu vụ ỏng đõng tâm lý hác

6.4. Xu h-íng ph, t triÓn cña Tâm lý hăc ViÖt Nam

11.22. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN

Tên học phần: TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN

Mã học phần:

1. Số tín chỉ: 3

2. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

3. Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20

Thực hành/làm việc nhóm: 10

Hướng dẫn tự học, nghiên cứu: 5

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Mục tiêu học phần:

6.1. Kiến thức:

- Nắm vững (có thể trình bày, phân tích, lấy ví dụ được) các kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và lịch sử phát triển của Tâm lý học phát triển.

- Trình bày khái quát được khái niệm chung về sự phát triển tâm lý, các quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý cá nhân.

- Nắm vững (có thể trình bày, phân tích, khái quát hoá, lấy được ví dụ) những điều kiện và sự phát triển tâm lý ở tất cả các giai đoạn trong suốt cuộc đời con người từ giai đoạn bào thai đến giai đoạn tuổi già.

- Chỉ ra được các đặc điểm tâm lý cơ bản và nổi bật của từng giai đoạn tuổi.

6.2. Kỹ năng:

- Trên cơ sở các kiến thức lí luận, giúp người học có được tư duy khoa học và khả năng liên hệ được với thực tiễn sự phát triển tâm lý của các giai đoạn tuổi khác nhau.

- Định hướng và làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu những học phần tiếp sau.

- Hình thành các kỹ năng đánh giá hiện tượng tâm lý trong các giai đoạn phát triển khác nhau.

- Vận dụng kiến thức Tâm lý học phát triển vào công việc và cuộc sống của bản thân nhằm tìm ra các cách thức tác động có hiệu quả và rút ra bài học giáo dục cần thiết đối với từng giai đoạn tuổi.

- Vận dụng được các kiến thức về Tâm lý học phát triển vào công tác giáo dục thanh, thiếu nhi và công tác xã hội có hiệu quả.

6.3. Thái độ:

- Đánh giá đúng vai trò của việc ứng dụng kiến thức của Tâm lý học phát triển vào cuộc sống và công việc từ đó thể hiện thái độ tích cực trong quá trình học tập.

- Có ý thức quan tâm tới việc cải tạo và thay đổi các điều kiện xã hội tích cực tới sự phát triển tâm lý cá nhân.

- Có niềm tin vào sự phát triển tâm lý của con người

7. Mô tả học phần

Học phần Tâm lý học phát triển sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tâm lý học phát triển bao gồm : Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học phát triển; Lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học phát triển; Quan niệm về các giai đoạn phát triển tâm lý cá nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý ở các giai đoạn đó; Quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển về thể chất và tâm lý, nhận thức và cả những nguyên nhân của sự thay đổi của con người, cơ chế tác động tạo ra sự biến đổi tích cực của quá trình sống của con người trong từng giai đoạn tuổi khác nhau một cách khoa học và có hệ thống.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, cemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Lao động xã hội. *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Lao động – Xã hội (2009)

10.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm (2008)

[2]. Nguyễn Văn Đồng. *Tâm lý học phát triển*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật. (2012).

[3]. Nguyễn Văn Đồng. *Tâm lý học phát triển*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật. (2009).

[4]. Vũ Thị Nho. *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học quốc gia (2000).

[5].Đinh Thị Kim Thoa. Tâm lý học phát triển. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. (2009)

[6].Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về Tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa thông tin (1989)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN (6 tiết)

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học phát triển

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học phát triển

1.1.2. Nhiệm vụ của Tâm lý học phát triển

1.1.3. Mối quan hệ giữa Tâm lý học phát triển và các khoa học khác

1.1.4. Ý nghĩa của Tâm lý học phát triển

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học phát triển

1.2.1 Thế kỷ XVIII

1.2.2. Thế kỷ XIX

1.2.3. Thế kỷ XX

1.3. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học phát triển

1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu

1.4. Khái niệm chung về sự phát triển tâm lý

1.4.1. Khái niệm phát triển tâm lý

1.4.2. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý cá nhân

1.4.3. Một số quan điểm về nguồn gốc của sự phát triển tâm lý

1.5. Các quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý

1.5.1. Các đặc trưng của một giai đoạn phát triển và những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý cá nhân

1.5.2. Các quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý cá nhân

Chương II. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM SINH LÝ GIAI ĐOẠN TRƯỚC TUỔI HỌC (0 đến 6 tuổi) (8 tiết)

2.1. Giai đoạn thai nhi

2.1.1. Sự thụ thai

2.1.2. Quá trình phát triển thai nhi

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng lên thai nhi

2.1.4. Quá trình sinh nở

2.1.5. Sự phát triển cảm giác

2.2. Giai đoạn tuổi sơ sinh (0 – 12 tháng)

2.2.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý tuổi sơ sinh

Chương III: SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ GIAI ĐOẠN TUỔI NHI ĐỒNG VÀ TUỔI THIẾU NIÊN (6 – 16 tuổi) (7 tiết)

3.1. Giai đoạn tuổi nhi đồng (6-11 tuổi) (học sinh bậc tiểu học)

3.1.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý tuổi nhi đồng

3.1.2. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi nhi đồng

3.2. Giai đoạn tuổi thiếu niên (12-15 tuổi) (học sinh bậc trung học cơ sở)

3.2.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý lứa tuổi thiếu niên

3.2.2. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi thiếu niên

Câu hỏi ôn tập chương IV

Chương IV: SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ GIAI ĐOẠN TỪ 16 - 40 TUỔI (7 tiết)

4.1. Giai đoạn đầu tuổi thanh niên (16-18 tuổi) (học sinh bậc THPT)

4.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi đầu thanh niên

4.1.2. Đặc điểm tâm lý đầu tuổi thanh niên

4.2. Giai đoạn tuổi thanh niên (từ 18 – 25 tuổi)

4.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi thanh niên

4.2.2. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi thanh niên

4.3. Giai đoạn tuổi trưởng thành (25 – 40 tuổi)

4.3.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý lứa tuổi trưởng thành

4.3.2. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi trưởng thành

Câu hỏi ôn tập chương V

Chương V : SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ GIAI ĐOẠN TỪ 40 TUỔI TRỞ LÊN (7 tiết)

5.1. Giai đoạn tuổi trung niên

5.1.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý tuổi trung niên

5.1.2. Đặc điểm tâm lý giai đoạn tuổi trung niên

5.2. Giai đoạn người cao tuổi (Từ 60 tuổi trở lên)

5.2.1. Điều kiện của sự phát triển tâm lý người cao tuổi

5.2.2. Đặc điểm tâm lý người cao tuổi

5.2.3. Cách nhìn nhận hiện nay về người cao tuổi

11.23. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH

1. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thảo luận : 10 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Xác định và phân tích được những nội dung cơ bản của các quan điểm Tâm lý học Phương Tây, Tâm lý học Liên Xô và Tâm lý học Phương Đông về bản chất, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách.

- Phân tích để chỉ ra được những ưu, nhược điểm của từng quan điểm. Trên cơ sở đó xác định được những cống hiến của các tác giả đối với sự phát triển của Tâm lý học nhân cách nói riêng và Tâm lý học nói chung.

- Xác định được các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách và trình bày vai trò của từng yếu tố đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của con người.

- Chỉ ra được động lực, các xu hướng và các giai đoạn hình thành, phát triển nhân cách.

- Giải thích được cơ chế tâm lý và phân tích được các con đường hình thành, phát triển nhân cách.

- Phân tích được các kỹ năng sống và đưa ra được các mô hình nhân cách con người Việt Nam.

- Mô tả được nội dung của các trắc nghiệm và cách thức tiến hành để đo lường, nghiên cứu nhân cách.

6.2. Về kỹ năng:.

Sinh viên:

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý học nhân cách vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và trong đời sống một cách khoa học.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý học nhân cách vào việc nghiên cứu, hình thành nhân cách con người ở các độ tuổi khác nhau trong công tác tư vấn tâm lý.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý học nhân cách vào việc nghiên cứu, phát huy tính tích cực con người trong công tác QTNS..

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý học nhân cách vào việc hình thành, phát triển nhân cách của bản thân.

- Hình thành được kỹ năng vận dụng phương pháp trắc nghiệm vào nghiên cứu nhân cách con người trong công tác tư vấn tâm lý, quản trị nhân sự.

6.3. Về thái độ:

- Nghiên cứu môn học, sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng và tác dụng của kiến thức tâm lý học nhân cách trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Tâm lý học nhân cách.

- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tâm lý học nhân cách trình bày các quan điểm cơ bản trong Tâm lý học (Phương Tây, Liên Xô, Phương Đông) về bản chất, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách. Một số vấn đề lý luận về sự hình thành và phát triển nhân cách trong tâm lý học ngày nay như các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách (sinh học, môi trường, giáo dục, hoạt động, giao tiếp); động lực thúc đẩy sự phát triển nhân cách; các xu hướng phát triển cơ bản của nhân cách; cơ chế tâm lý của sự hình thành, phát triển nhân cách; các giai đoạn và con đường hình thành, phát triển nhân cách; một số vấn đề về kỹ năng sống và xây dựng mô hình nhân cách con người Việt nam. Đồng thời trình bày một số phương pháp nghiên cứu cơ bản về nhân cách.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.

- Tham gia thảo luận, cemina

- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao

- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ

- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1 Tài liệu bắt buộc:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.

3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.

10.2 Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.

5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.

6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %

- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%

- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%

- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN CÁCH TRONG TÂM LÝ HỌC PHƯƠNG TÂY

1. Trường phái Phân tâm học về nhân cách.

1.1. Phân tâm học của S.Freud về nhân cách.

1.2. Phân tâm học mới về nhân cách.

1.2.1. Quan điểm của Carl Jung về nhân cách.

1.2.2. Quan điểm của Afred Adler về nhân cách.

2. Trường phái Tâm lý học hành vi về nhân cách.

3. Trường phái Tâm lý học Gestalt về nhân cách.

4. Trường phái Tâm lý học nhận thức về nhân cách. (J. Piaget)

5. Trường phái Tâm lý học nhân văn về nhân cách (A. Maslow)

* Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.
3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.
4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.
5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.
6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

CHƯƠNG 2: LÝ LUẬN VỀ NHÂN CÁCH TRONG TÂM LÝ HỌC Ở LIÊN XÔ (CŨ)

1. Các nguyên tắc nghiên cứu nhân cách của các trường phái TLH ở Liên Xô
2. Những quan niệm về nhân cách của các trường phái TLH ở Liên Xô..
 - 2.1. L.X. Vurgôtxki với vấn đề nhân cách.
 - 2.2. Quan điểm của B.G. Ananiev về nhân cách.
 - 2.3. Quan điểm của A..N. Leonchiev về nhân cách.
 - 2.4. Luận điểm của K.K. Platônov về nhân cách.

* Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.
3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.
4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.
5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.
6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

CHƯƠNG 3: QUAN NIỆM VỀ NHÂN CÁCH CỦA TÂM LÝ HỌC PHƯƠNG ĐÔNG VÀ VIỆT NAM

1. Các tư tưởng Phương Đông về nhân cách.
2. Một vài đặc điểm nhân cách của người phương Đông.

3. Quan niệm về nhân cách của các nhà TLH Việt Nam.

3.1. Vấn đề nghiên cứu nhân cách ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Một số định nghĩa nhân cách.

3.3. Quan điểm về cấu trúc nhân cách.

* Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.

3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.

4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.

5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.

6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

CHƯƠNG 4: LÝ LUẬN VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TRONG TÂM LÝ HỌC HIỆN NAY

1. Các yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển nhân cách.

1.1. Yếu tố sinh học.

1.2. Yếu tố môi trường.

1.3. Yếu tố giáo dục.

2.4. Yếu tố hoạt động.

1.5. Giao tiếp.

2. Các động lực thúc đẩy sự phát triển nhân cách.

3. Các xu hướng phát triển của nhân cách.

4. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách.

5. Cơ chế tâm lý của sự hình thành và phát triển nhân cách.

6. Các con đường hình thành, phát triển nhân cách.

7. Sự hình thành và phát triển kỹ năng sống với tư cách là một mặt quan trọng của đời sống con người hiện đại.

8. Vấn đề xây dựng mô hình nhân cách con người Việt Nam.

* Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.
3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.
4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.
5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.
6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU NHÂN CÁCH

1. Các phương pháp nghiên cứu nhân cách.
 - 1.1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu nhân cách.
 - 1.2. Một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu nhân cách đặc biệt.
 2. Một số phương pháp trắc nghiệm trong nghiên cứu nhân cách.
 - 2.1. Trắc nghiệm nghiên cứu kiểu nhân cách của H. J. Eysenok.
 - 2.2. Trắc nghiệm về tính độc lập, tự chủ của nhân cách..
 - 2.3. Trắc nghiệm Rosenzweig về mức độ thất vọng thất vọng (hoặc hằng hụi hay ám ức của nhân cách).
 - 2.4. Trắc nghiệm nghiên cứu động cơ học tập ở đại học.
- Xác định và mô tả được cách tiến hành trắc nghiệm nghiên cứu kiểu nhân cách của H.J. Eysenok, trắc nghiệm Rosenzweig về mức độ thất vọng.
- Chuẩn bị giấy, bút để thực hành trắc nghiệm.

* Tài liệu tham khảo:

1. Đào Thị Oanh. Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
2. Nguyễn Ngọc Bích. Tâm lý học nhân cách. NXB giáo dục 1998.
3. Ngô Công Hoàn: Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II. Trắc nghiệm nhân cách). NXB Đại học Quốc gia 2000.
4. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB Đại học sư phạm 2007.
5. Trần Trọng Thủy . Bài tập Thực hành tâm lý học. NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2002.
6. A.N. Lêonchiev. Hoạt động - ý thức - Nhân cách. NXB Giáo dục 1987.

11.24. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

1. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết

- Thảo luận : 10 tiết

- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết

- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý và bản chất của quản lý, lãnh đạo.

- Phân tích được các đặc điểm tâm lý, nhân cách người lãnh đạo, quản lý; phong cách, uy tín của cán bộ lãnh đạo; đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý; đồng thời phân tích được các hiện tượng tâm lý xã hội trong tập thể lao động và những vấn đề tâm lý của người lao động.

- Xác định được bản chất giao tiếp trong quản lý, các hình thức giao tiếp trong quản lý, lãnh đạo, những bí quyết đảm bảo cho sự thành công trong các quá trình giao tiếp quản lý, lãnh đạo.

- Phân tích được những vấn đề tâm lý trong công tác cán bộ, trong đánh giá cán bộ, những khía cạnh tâm lý của công tác lựa chọn cán bộ.

6.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức tâm lý học quản lý vào việc giải thích các vấn đề quản lý con người trong các tổ chức xã hội.

- Lập kế hoạch quản lý, giao tiếp của cá nhân, giải quyết các tình huống trong giao tiếp, giải quyết xung đột trong tổ chức và kỹ năng đánh giá cán bộ trong tổ chức.

- Tổ chức hoạt động học tập và các hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp sau này.

6.3. Về thái độ:

- Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức về tâm lý học quản lý trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học quản lý, có ý thức rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho bản thân đáp ứng với yêu cầu của nghề nghiệp. .

- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản sau: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý, bản chất của quản lý, lãnh đạo; Vai trò của người quản lý; Đặc điểm tâm lý, nhân cách của người lãnh đạo như các phẩm chất, những năng lực, uy tín và phong cách của người lãnh đạo, đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý của người lãnh đạo; Đặc điểm tâm lý, nhân cách của người dưới (nhu cầu, động cơ, nguyện vọng, và một số nét tâm lý đặc trưng của người lao động theo các loại hình lao động khác nhau); Những quy luật tâm lý mà nhà lãnh đạo cần quan tâm khi làm việc với người dưới quyền; Đặc điểm tâm lý xã hội của tập thể lao động, những hiện tượng tâm lý xã hội trong thể lao động, các biện pháp tác động đến người lao động và tập thể lao động, xung đột và giải quyết xung đột trong tập thể lao động; Chức năng, hình thức giao tiếp trong công tác quản lý; Tâm lý học với việc quản lý sử dụng con người và công tác tổ chức cán bộ.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, cemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. *Giáo trình tâm lý học quản lý*. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. *Giáo trình Tâm lý học quản lý*. NXBDHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chính - Phạm Ngọc Uyển. *Tâm lý học quản lý*. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. *Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.*

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. *37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội. Hà nội-2005.*

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 4 tiết

1. Khái niệm về tâm lý học quản lý.
2. Các căn cứ khoa học của tâm lý học quản lý.
3. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học quản lý
 - 3.1. Đối tượng của tâm lý học quản lý.
 - 3.2. Nhiệm vụ của tâm lý học quản lý.
4. Vai trò, vị trí, ý nghĩa của tâm lý học quản lý.
5. Một số phương pháp nghiên cứu của tâm lý học quản lý.
 - 5.1. Phương pháp quan sát trực tiếp.
 - 5.2. Phương pháp trưng cầu dân ý.
 - 5.3. Phương pháp nghiên cứu sự hoạt động và kết quả hoạt động.
 - 5.4. Phương pháp nghiên cứu phân tích các văn bản và tài liệu trong quản lý.
 - 5.5. Phương pháp đo đạc xã hội học.
6. Lịch sử phát triển của tâm lý học quản lý.
 - 6.1. Những tiền đề để hình thành tâm lý học quản lý.
 - 6.2. Thuyết quản lý theo khoa học của Frederich Winslow Taylor.
 - 6.3. Tâm lý học quản lý trở thành một khoa học.
 - 6.4. Sự phát triển tâm lý học quản lý ở Việt Nam.

Hướng dẫn thảo luận:

- *Câu hỏi thảo luận:*

+ Phân tích, cho ví dụ về các phương pháp nghiên cứu tâm lý học quản lý?

- *Phương pháp thảo luận:* Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 2 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận của chương 2.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chính - Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

CHƯƠNG 2

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 4 tiết

1. Vị trí, vai trò của người lãnh đạo.

2. Những phẩm chất cần thiết của người cán bộ lãnh đạo.

2.1. Những phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức.

2.2. Tính nguyên tắc của người lãnh đạo.

2.3. Tính nhạy cảm của người lãnh đạo.

2.4. Sự đòi hỏi cao đối với người dưới quyền.

2.5. Tính đúng mực, tự chủ, có văn hóa của người lãnh đạo.

3. Năng lực quản lý.

3.1. Năng lực quản lý là gì ?

3.2. Các loại năng lực quản lý.

3.2.1. Năng lực tổ chức.

3.2. 2. Năng lực chuyên môn.

3.2.3. Năng lực hợp tác với mọi người.

4. Uy tín của cán bộ quản lý.

4.1. Bản chất của uy tín.

4.2. Các loại uy tín.

4.3. Những biện pháp cơ bản xây dựng và nâng cao uy tín.

5. Phong cách lãnh đạo.

5.1. Phong cách lãnh đạo là gì?

5.2. Các loại phong cách lãnh đạo.

6. Những đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý.

6.1. Khái niệm về quyết định quản lý.

6.2. Những yêu cầu về tâm lý đối với việc thông qua quyết định.

6.3. Những yêu cầu tâm lý trong tổ chức thực hiện quyết định quản lý..

6.4. Những đặc điểm tâm lý trong kiểm tra thực hiện quyết định quản lý..

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích những biện pháp cơ bản để xây dựng và nâng cao uy tín?

+ Yêu cầu tâm lý trong tổ chức thực hiện quyết định quản lý? Cho ví dụ

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 3 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận của chương 3.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khối. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chính - Phạm Ngọc Uyên. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

CHƯƠNG 3

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ, NHÂN CÁCH NGƯỜI DƯỚI QUYỀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 4 tiết

1. Bản chất của con người.

2. Động cơ hoạt động của con người .

2.1. Khái niệm về động cơ.

2.2. Các quy luật của động cơ.

2.3. Nhu cầu của con người.

2.3.1. Khái niệm chung về nhu cầu.

2.3.2. Phân loại nhu cầu.

3. Những nguyện vọng chủ yếu của người lao động.

3.1. Ham muốn có đời sống kinh tế khá giả, ổn định.

3.2. Nhu cầu công bằng xã hội.

3.3. Nhu cầu ham thích tự do.

3.4. Mong muốn có một gia đình hạnh phúc.

3.5. Mong muốn có nhà quản lý, lãnh đạo vừa giỏi vừa tốt.

4. Một số nét tính cách người lao động mà nhà quản lý cần quan tâm.

5. Một số thay đổi về định hướng giá trị của người lao động hiện nay.

6. Những quy luật tâm lý mà nhà lãnh đạo cần quan tâm khi làm việc với người dưới quyền.

6.1. Quy luật về hành vi con người.

6.2. Quy luật về lợi ích kinh tế.

6.3. Quy luật tâm lý về tình cảm.

6.4. Quy luật tâm lý về dùng người.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích, cho ví dụ về quy luật hành vi con người?

+ Liên hệ thực tiễn những nguyện vọng chủ yếu của người lao động?

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 2 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận của chương 2.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chính - Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

CHƯƠNG 4

NHỮNG HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ TẬP THỂ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 3 tiết

1. Khái niệm và cấu trúc của tập thể lao động.

1.1. Khái niệm về tập thể lao động.

1.2. Cấu trúc về tập thể lao động.

2. Đặc điểm tâm lý của tập thể lao động.

3. Những hiện tượng tâm lý phổ biến trong tập thể lao động.

3.1. Sự lây lan tâm lý trong tập thể lao động.

3.2. Truyền thống tập thể.

3.3. Dư luận xã hội.

3.3. Bầu không khí tâm lý tập thể.

4. Xung đột và cách giải quyết xung đột trong tập thể lao động.

4.1. Khái niệm, bản chất của xung đột.

4.2. Nguyên nhân của xung đột.

4.3. Những biện pháp ngăn chặn xung đột tiêu cực và giải quyết các xung đột trong tập thể.

4.4. Khuyến khích các xung đột có tính chất xây dựng.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích những biện pháp ngăn chặn xung đột tiêu cực và giải quyết các xung đột trong tập thể?

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 5 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận của chương 5.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chinh - Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

CHƯƠNG 5

GIAO TIẾP TRONG QUẢN LÝ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 2 tiết

1. Khái niệm chung về giao tiếp trong quản lý.

1.1. Giao tiếp là gì.

1.2. Giao tiếp trong quản lý là gì.

1.3. Chức năng của giao tiếp trong quản lý.

1.4. Phương tiện giao tiếp trong quản lý.

2. Các nguyên tắc giao tiếp trong quản lý.

2.1. Tôn trọng nhân cách của nhau.

2.2. Đôi bên cùng nhau bàn bạc tìm ra quan điểm chung để hợp tác.

2.3. Sống phải biết điều.

3. Các hình thức trong giao tiếp quản lý.

3.1. Hợp hành là một hình thức trong giao tiếp chính thức.

3.2. Tọa đàm với cấp dưới.

3.3. Mít tinh và các buổi lễ.

3.4. Lãnh đạo giao nhiệm vụ cho những người dưới quyền.

3.5. Giao tiếp trong tiếp khách.

4. Những bí quyết đảm bảo cho sự thành công trong các quá trình giao tiếp quản lý.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích, cho ví dụ về các nguyên tắc giao tiếp trong quản lý?

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Đọc trước chương 6 và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận của chương 6.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chinh - Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

CHƯƠNG 6

TÂM LÝ HỌC VỚI VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON NGƯỜI NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ HỌC TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 3 tiết, thảo luận 3 tiết

1. Khái niệm về công tác tổ chức - cán bộ.

2. Những vấn đề tâm lý trong công tác tổ chức.

2.1. Khái niệm tổ chức.

2.2. Những đặc điểm về cấu trúc của tổ chức.

2.3. Những vấn đề tâm lý của tổ chức.

3. Những vấn đề tâm lý của công tác cán bộ.

3.1. Vấn đề cán bộ và công tác cán bộ

3.2. Những vấn đề tâm lý trong công tác cán bộ.

3.2.1. Tâm lý học về đánh giá cán bộ.

3.2.2. Những khía cạnh tâm lý của công tác lựa chọn cán bộ.

3.2.3. Những vấn đề tâm lý học của việc bố trí, bổ nhiệm cán bộ.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích, liên hệ thực tiễn những khía cạnh tâm lý của công tác lựa chọn cán bộ?

- Phương pháp thảo luận: Thảo luận chung hoặc theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) và từng nhóm trình bày. Cách nhóm khác nghe, phản biện và đánh giá

Tự học: Ôn tập thi học kỳ

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Xuân. Chủ biên. Giáo trình tâm lý học quản lý. Trường ĐH tổng hợp Hà nội. Khoa luật - 1994.

2. TS.Võ Thành Khôi. Tâm lý học lãnh đạo, quản lý. NX Bản chính trị Quốc gia - 2005.

3. PGS.TS. Vũ Dũng. Giáo trình Tâm lý học quản lý. NXBĐHSP. Năm 2007.

10.2.Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đình Chính - Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học quản lý. NXBGD - Năm 1998.

5. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học xã hội trong quản lý. Nhà XBĐH quốc gia. Hà Nội - 1997.

6. Lê Văn Cường - Nguyễn Kim Chi. 37 Tình huống quản lý nhân sự điển hình trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản lao động - xã hội . Hà nội-2005.

11.25. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

1. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thảo luận : 10 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Hiểu và phân tích được các kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội, thấy được vị trí, ý nghĩa của Tâm lý học xã hội trong cuộc sống và hoạt động

- Trình bày được nội dung các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và phân tích được quy luật, cơ chế hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội

- Phân tích được tâm lý nhóm: Nhóm lớn và một số đặc điểm tâm lý xã hội nhóm lớn; nhóm nhỏ, tập thể và các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ, vấn đề lãnh đạo nhóm nhỏ.

- Phân tích được cấu trúc nhân cách, sự suy thoái nhân cách, các kiểu nhân cách xã hội; bản chất của quan hệ xã hội, quan hệ liên nhân cách và tác động của nó đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người

6.2. Về kỹ năng:

- Hình thành được kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý xã hội vào nghiên cứu các vấn đề tâm lý xã hội.

- Biết vận dụng kiến thức Tâm lý xã hội vào giải thích các hiện tượng tâm lý xảy ra trong đời sống xã hội.

- Rèn luyện các kỹ năng vận dụng các kiến thức Tâm lý học xã hội để giải quyết tốt các tình huống trong các mối quan hệ xã hội, trong đời sống và trong công tác nghề nghiệp sau này.

- Quá trình học tập còn hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng giao tiếp - ứng xử, kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, ...

6.3. Về thái độ:

- Qua môn học, sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Tâm lý học xã hội trong học tập, trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học xã hội.

- Hình thành hứng thú học tập, sự say mê nghiên cứu các lĩnh vực TLH xã hội và tăng thêm lòng yêu nghề.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tâm lý học xã hội giới thiệu những kiến thức khái quát chung về tâm lý học xã hội với tư cách là một khoa học: Đối tượng nghiên cứu, các nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội; Bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản và quy luật, cơ chế hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội; Các kiến thức cơ bản về nhóm như nhóm lớn và đặc điểm tâm lý xã hội nhóm lớn, nhóm nhỏ, tập thể và các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ; Vấn đề nhân cách xã hội: Khái niệm, cấu trúc, sự suy thoái nhân cách, các kiểu nhân cách xã hội; bản chất của quan hệ xã hội, quan hệ liên nhân cách và tác động của nó đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, cemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Phạm Văn Tư. *Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Sư phạm (2014)

10.2. Giáo trình tham khảo

[1]. Trần Quốc Thành – Nguyễn Đức Sơn. *Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Sư phạm (2011)

[2].Bùi Văn Huệ (Chủ biên) – Vũ Dũng. *Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà nội (2003)

[3].Th.s. Tiêu Thị Minh Hương, Th.s. Lý thị Hàm, Th.s. Bùi Thị xuân Mai (Đồng chủ biên). *Giáo trình Tâm lý học xã hội, Tập 1*. NXB Lao động – xã hội Hà nội (2007)

[5].Phương Kỳ Sơn (chủ biên). *Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia, Hà nội (2001).

[5].Trần Hiệp (chủ biên). *Tâm lý học xã hội - những vấn đề lý luận*. NXB Khoa học xã hội (1997)

[6]. Trần Thị Minh Đức. *Giáo trình Tâm lý học xã hội*. Đại học Tổng hợp Hà nội (1994)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG I: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI LÀ MỘT KHOA HỌC

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

1. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

- a. Quan điểm của các nhà tâm lý học Phương Tây
- b. Quan điểm của các nhà Tâm lý học Xô Viết
- c. Quan điểm của các nhà Tâm lý học Việt Nam

2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

- a. Nghiên cứu lý luận
- b. Nghiên cứu ứng dụng

3. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển Tâm lý học xã hội

- a. Những tiền đề nảy sinh Tâm lý học xã hội
 - Tiền đề triết học
 - Những học thuyết về kế ước xã hội

- b. Tâm lý học xã hội hình thành như một khoa học độc lập

- Những hình thức đầu tiên của Tâm lí học xã hội
- + Cơ sở ra đời
- + Những hình thức đầu tiên của Tâm lí học xã hội
- Giai đoạn thực nghiệm của Tâm lí học xã hội
- + Thuyết Hành vi
- + Thuyết nhận thức
- + Thuyết tương tác
- Tâm lí học Macxit

II. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của Tâm lí học xã hội.

1. Các nguyên tắc trong nghiên cứu tâm lí học xã hội

- a. Nguyên tắc quyết định luận duy vật biện chứng
- b. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan
- c. Nguyên tắc phải nghiên cứu các hiện tượng tâm lí xã hội trong sự vận động và phát triển của chúng
- d. Nguyên tắc nghiên cứu các hiện tượng tâm lí xã hội trong mối liên hệ với các hiện tượng xã hội, với môi trường và tính tích cực

e. Phải nghiên cứu các hiện tượng tâm lí xã hội trong chỉnh thể trọn vẹn

2. Các phương pháp nghiên cứu

- a. Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- b. Phương pháp quan sát
- c. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi
- d. Phương pháp trắc đạc xã hội
- e. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động
- f. Phương pháp thực nghiệm xã hội
- g. Phương pháp đánh giá của nhóm về cá nhân

III. Vị trí, ý nghĩa của Tâm lí học xã hội trong cuộc sống và hoạt động

1. Vị trí của Tâm lí học xã hội trong hệ thống các khoa học

- a. Tâm lí học xã hội với Triết học
- b. Tâm lí học xã hội với Xã hội học
- c. Tâm lí học xã hội với Tâm lí học đại cương
- d. Tâm lí học xã hội với Công tác xã hội

2. Ý nghĩa của tâm lí học xã hội trong cuộc sống và hoạt động của con người

Câu hỏi ôn tập chương I

Chương II. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI VÀ QUY LUẬT HÌNH THÀNH

I. Khái niệm về hiện tượng tâm lý xã hội.

1. Hiện tượng tâm lý xã hội là gì?
2. Bản chất và chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội
 - a. Bản chất hiện tượng tâm lý xã hội.
 - b. Chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội
 - c. Phân biệt các hiện tượng tâm lý xã hội với các hiện tượng xã hội
3. Phân loại các hiện tượng tâm lý xã hội

II. Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản

1. Các hiện tượng tâm lý xã hội tạo thành ý thức xã hội
 - a. Nhu cầu xã hội
 - Khái niệm
 - Đặc điểm của nhu cầu xã hội
 - Phân loại
 - b. Lợi ích xã hội
 - Khái niệm
 - Những nguyên tắc để thỏa mãn lợi ích cá nhân và nhóm
 - c. Tâm thế xã hội
 - Khái niệm
 - Các đặc điểm cơ bản của tâm thế xã hội
 - Cấu trúc của tâm thế xã hội
2. Các hiện tượng tâm lý xã hội tạo ra bản sắc dân tộc, cộng đồng
 - a. Truyền thống
 - Khái niệm
 - Đặc điểm của truyền thống
 - Nội dung của truyền thống
 - Vai trò của truyền thống
 - Sự hình thành và phát triển truyền thống
 - b. Phong tục
 - Khái niệm
 - Đặc điểm

- Chức năng của phong tục

3. Các hiện tượng tâm lí xã hội tạo ra sắc thái cảm xúc cho xã hội

a. Bầu không khí tâm lí xã hội

- Khái niệm

- Đặc trưng

- Biểu hiện

- Các chỉ tiêu đánh giá bầu không khí tâm lí

b. Tâm trạng xã hội

- Khái niệm

- Đặc trưng

- Điều kiện hình thành tâm trạng xã hội

- Phân loại tâm trạng xã hội

- Vai trò của tâm trạng xã hội

c. Dư luận xã hội

- Khái niệm

- Sự hình thành dư luận xã hội

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành dư luận xã hội

- Chức năng của dư luận xã hội

- Phân biệt dư luận xã hội với tin đồn

II. Các quy luật, cơ chế hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lí xã hội

1. Các quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lí xã hội

a. Quy luật các hiện tượng tâm lí xã hội được hình thành và phát triển từ nguồn gốc tồn tại xã hội

b. Quy luật cái chung, cái riêng và cái đơn nhất thống nhất trong các hiện tượng tâm lí xã hội

c. Quy luật kế thừa

d. Quy luật về mối quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau giữa con người với con người trong quá trình giao tiếp

2. Cơ chế hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lí xã hội

a. Cơ chế bắt chước

- Khái niệm

- Đặc điểm

- Vai trò của sự bắt chước

- b. Cơ chế lây lan
 - Khái niệm
 - Vai trò của cơ chế lây lan
- c. Cơ chế đồng nhất hóa
 - Khái niệm
 - Vai trò của cơ chế đồng nhất hóa
- d. Cơ chế ám thị
 - Khái niệm
 - Vai trò của cơ chế ám thị
- e. Cơ chế thỏa hiệp
 - Khái niệm
 - Vai trò của cơ chế thỏa hiệp

Câu hỏi ôn tập chương II

Chương III. TÂM LÝ NHÓM

- I. Khái niệm và phân loại nhóm xã hội
 - 1. Khái niệm nhóm xã hội
 - 2. Phân loại nhóm
 - a. Theo quy mô và mối liên hệ giữa các thành viên
 - b. Theo tính chất hoạt động
 - c. Theo trình độ phát triển
 - d. Theo giá trị
 - e. Theo thời gian tồn tại
- II. Nhóm lớn và một số đặc điểm tâm lý xã hội nhóm lớn
 - 1. Khái niệm nhóm lớn
 - a. Nhóm lớn là gì?
 - b. Đặc điểm chung của nhóm lớn
 - c. Phân loại nhóm lớn
 - 2. Tâm lý nhóm lớn
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm chung của tâm lý nhóm lớn
 - c. Nội dung tâm lý trong các nhóm lớn

- Phong tục
- Truyền thống
- Thị hiếu
- Nhu cầu

d. Đặc điểm tâm lí dân tộc, giai cấp, tầng lớp và các tổ chức xã hội

- Đặc điểm tâm lí dân tộc
- + Khái niệm dân tộc
- + Khái niệm tâm lí dân tộc
- + Đặc điểm tâm lí dân tộc
- Đặc điểm tâm lí giai cấp
- Đặc điểm tâm lí của các tầng lớp, nhóm và các tổ chức xã hội
- + Đặc điểm tâm lí của các tầng lớp xã hội
- + Đặc điểm tâm lí của các tổ chức xã hội

3. Đặc điểm tâm lí của một số nhóm yếu thế

a. Đặc điểm tâm lí của nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

- Đặc điểm tâm lí của nhóm trẻ em lang thang
- + Khái niệm trẻ em lang thang
- + Nguyên nhân dẫn đến trẻ em lang thang đường phố
- + Một số đặc điểm tâm lí của trẻ em lang thang.
- Đặc điểm tâm lí của nhóm trẻ nhiễm hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS
- + Khái niệm
- + Đặc điểm tâm lí và nhu cầu của trẻ em nhiễm HIV/AIDS do lây truyền từ mẹ sang con

+ Đặc điểm tâm lí của trẻ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

- Đặc điểm tâm lí của trẻ em làm trái pháp luật
- + Khái niệm
- + Nguyên nhân
- + Đặc điểm tâm lí của trẻ em làm trái pháp luật
- Đặc điểm tâm lí đặc trưng của trẻ em chậm phát triển trí tuệ
- + Khái niệm
- + Nguyên nhân

+ Đặc điểm tâm lí của trẻ em chậm phát triển trí tuệ

b. Đặc điểm tâm lí người hưu trí, người già cô đơn

- Đặc điểm tâm lí người hưu trí
- + Đặc điểm tâm lí
- + Hội chứng về hưu
- Đặc điểm tâm lí người già cô đơn
- + Quan niệm
- + Đặc điểm tâm lí

c. Đặc điểm tâm lí của người nghiện ma túy, người hành nghề mại dâm và người có HIV/AIDS

- Đặc điểm tâm lí của người nghiện ma túy
- + Quan niệm về nghiện ma túy
- + Đặc điểm tâm sinh lí của người nghiện ma túy
- Đặc điểm tâm lí của gái mại dâm
- + Khái niệm
- + Đặc điểm tâm lí của gái mại dâm
- Đặc điểm tâm lí của người có HIV/AIDS
- + Những đặc điểm tâm lí của người có HIV/AIDS
- + Các giai đoạn khủng hoảng tâm lí của người có HIV

III. Tâm lí nhóm nhỏ

1. Khái niệm chung về nhóm nhỏ

- a. Nhóm là gì?
- b. Các đặc trưng của nhóm nhỏ
- c. Phân loại nhóm nhỏ

2. Các hiện tượng tâm lí nhóm nhỏ

- a. Sự hình thành nhóm nhỏ
- b. Chuẩn mực nhóm
 - Khái niệm chuẩn mực nhóm
 - Vai trò và chức năng của chuẩn mực nhóm
 - Hiện tượng lệch chuẩn trong nhóm
- c. Sự cố kết của nhóm
 - Khái niệm
 - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự cố kết
 - Vai trò của sự cố kết nhóm
- d. Cấu trúc nhóm

- Khái niệm cấu trúc nhóm
- Biểu hiện của cấu trúc nhóm
- + Vai trong nhóm
- + Địa vị của cá nhân trong nhóm
- + Hoạt động truyền thông trong nhóm
- e. Hiện tượng áp lực của nhóm
 - Khái niệm
 - Ảnh hưởng của hiện tượng áp lực nhóm
- f. Sự tương hợp tâm lý
 - Khái niệm
 - Các kiểu tương hợp
 - Vai trò của sự tương hợp
- g. Xung đột nhóm
 - Khái niệm xung đột nhóm
 - Nguyên nhân và hình thức của xung đột nhóm
 - + Nguyên nhân
 - + Các hình thức của xung đột nhóm
 - + Phòng ngừa và giải quyết xung đột
 - Hậu quả của xung đột nhóm
- 3. Tập thể - một dạng nhóm đặc biệt
 - a. Khái niệm tập thể
 - b. Các giai đoạn phát triển của một tập thể
 - c. Những tiêu chuẩn để đánh giá một tập thể
- 4. Vấn đề lãnh đạo trong nhóm nhỏ
 - a. Khái niệm về lãnh đạo
 - b. Phân biệt người lãnh đạo với thủ lĩnh và với quản lí
 - Phân biệt người lãnh đạo với thủ lĩnh
 - Phân biệt khái niệm lãnh đạo với quản lí
 - c. Các phẩm chất cá nhân của người lãnh đạo
 - Năng lực tổ chức quản lí
 - Uy tín của người lãnh đạo
 - d. Phong cách lãnh đạo

- Khái niệm phong cách lãnh đạo
- Các kiểu phong cách lãnh đạo

Câu hỏi ôn tập chương III

Chương IV: QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH VÀ SỰ HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH

I. Khái niệm nhân cách trong tâm lí học xã hội

1. Quan niệm của các tác giả nước ngoài
2. Quan niệm của các nhà Tâm lý học Việt nam

II. Cấu trúc nhân cách

1. Cái tôi
 - a. Cái tôi chủ quan
 - b. Cái tôi được phản ánh
2. Vai xã hội của cá nhân
 - a. Khái niệm vai xã hội
 - b. Đặc điểm của vai xã hội
 - c. Phân loại vai xã hội
 - d. Ý nghĩa của việc đóng các vai xã hội

III. Sự suy thoái nhân cách

1. Khái niệm
2. Các mức độ suy thoái nhân cách

IV. Kiểu nhân cách xã hội

1. Khái niệm kiểu nhân cách
2. Sự khác nhau giữa hai khái niệm “nhân cách” và “kiểu nhân cách”
3. Phân biệt kiểu nhân cách xã hội với nhân vật điển hình của nghệ thuật

V. Quan hệ liên nhân cách

1. Quan hệ xã hội
 - a. Khái niệm
 - b. Các quan điểm khác nhau về vai trò của quan hệ xã hội đối với sự hình thành tâm lý người
 - Quan điểm của thuyết tiến hóa thực chứng luận
 - Quan điểm xã hội học đơn thuần
 - Quan điểm duy vật biện chứng

- c. Quá trình hình thành các mối quan hệ xã hội
 - Quá trình cá nhân tham gia vào các mối quan hệ xã hội
 - Sự gắn bó của cá nhân trong mối quan hệ xã hội
 - Xã hội hóa cá nhân trong mối quan hệ xã hội
2. Quan hệ liên nhân cách
- a. Khái niệm quan hệ liên nhân cách
 - b. Các yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách
 - c. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách

Câu hỏi ôn tập chương V

11.26. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAM VẤN TÂM LÝ

1. Tên học phần: THAM VẤN TÂM LÝ

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thảo luận : 10 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Hiểu, trình bày, phân tích được những vấn đề chung của tham vấn cơ bản: các khái niệm về tham vấn, thân chủ, vấn đề của thân chủ, nhà tham vấn, các mục đích của tham vấn, một số nguyên tắc đạo đức trong tham vấn.

- Chỉ ra được một số lý thuyết cơ bản trong tham vấn, phân biệt được sự khác nhau trong tham vấn cá nhân và nhóm.

- Lý thuyết của kỹ năng.

6.2 Về kỹ năng

- Phân tích vấn đề của thân chủ cần tham vấn (cá nhân, nhóm, gia đình)

- Thực hiện quy trình làm một ca tham vấn

- Bước đầu thực hiện được các KN tham vấn cá nhân, nhóm, gia đình

6.3 Về thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện đạo đức của một nhà tham vấn

- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của người yếu thế

- Sẵn sàng trợ cá nhân, nhóm, gia đình cần trợ giúp

- Tích cực rèn luyện các kỹ năng tham vấn

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học tham vấn cơ bản cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn; đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của tham vấn và mối quan hệ giữa

nhà tham vấn và thân chủ trong tham vấn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn. Hình thành ở sinh viên quy trình tham vấn trong trường hợp cụ thể. Giúp sinh viên có thể thực hành kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm trong các tình huống tham vấn. Sinh viên được áp dụng những kiến thức, lý thuyết, quy trình, kỹ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn An sinh xã hội - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, cemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Bùi Thị Xuân Mai. *Giáo trình tham vấn*. NXB Lao động – Xã hội (cập nhật bản tái bản mới nhất).

2. GS.TS. Trần Thị Minh Đức. *Giáo trình tham vấn tâm lý*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. (cập nhật bản tái bản mới nhất)

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Unicef. *Tài liệu tập huấn tham vấn cơ bản dành cho cộng đồng*, 2005.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG CỦA THAM VẤN

I. Tham vấn

1. Khái niệm tham vấn

2. Một số khái niệm liên quan

- a. Tư vấn
- b. Tư vấn tâm lý
- c. Cố vấn
- d. Giáo dục
- e. Tâm thần học
- f. Tâm lý học
- h. Công tác xã hội

3. Phân loại tham vấn

- a. Căn cứ theo nhóm đối tượng được tham vấn
- b. Căn cứ theo hình thức can thiệp tham vấn

II. Đối tượng, mục đích và nhiệm vụ của tham vấn

1. Đối tượng của tham vấn

- a. Với tư cách là một khoa học
- b. Đối với lĩnh vực thực hành tham vấn

2. Mục đích của tham vấn

- a. Mục đích chung của tham vấn
- b. Các mục tiêu cụ thể

3. Nhiệm vụ của tham vấn

- a. Nhiệm vụ chung của tham vấn
- b. Nhiệm vụ cụ thể của tham vấn

4. Sự hình thành nghề tham vấn

- a. Một vài nét về nghề tham vấn
- b. Sơ lược sự hình thành và phát triển nghề tham vấn trên thế giới
- c. Sự phát triển tham vấn ở Việt Nam

III. Mối quan hệ trong tham vấn

1. Nhà tham vấn và thân chủ

- a. Nhà tham vấn
- b. Thân chủ

2. Vấn đề của thân chủ

3. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của nhà tham vấn

- a. Giá trị đạo đức trong tham vấn

- b. Một số nguyên tắc đạo đức trong tham vấn
- 4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tham vấn
 - a. Về phía nhà tham vấn
 - b. Về phía thân chủ
 - c. Môi trường tham vấn

Chương 2. LÝ THUYẾT ÁP DỤNG TRONG THAM VẤN

I. Lý thuyết nhu cầu của Abraham Maslow

- 1. Thuyết phát triển nhu cầu con người của Abraham Maslow

2. Áp dụng lý thuyết nhu cầu của Abraham Maslow trong tham vấn

II. Lý thuyết về các giai đoạn phát triển của Erik Erikson

- 1. Các giai đoạn phát triển của Erik Erikson
- 2. Áp dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển của Erik Erikson trong tham vấn

III. Thuyết phân tâm (Sigmund Freud)

- 1. Bản năng
- 2. Cấu trúc của nhân cách
- 3. Quá trình phát triển nhân cách
- 4. Các cơ chế tự vệ
- 5. Các kỹ thuật can thiệp

IV. Thuyết thân chủ trọng tâm (Carl Rogers)

- 1. Lý thuyết thân chủ trọng tâm
- 2. Một số lưu ý khi áp dụng lý thuyết thân chủ trọng tâm

V. Thuyết Gestalt (Fritz Perls)

- 1. Một số khái niệm quan trọng trong lý thuyết Gestalt
- 2. Một số kỹ thuật sử dụng trong cách tiếp cận Gestalt

VI. Thuyết hành vi

- 1. Hướng tiếp cận và mục tiêu của cách tiếp cận hành vi trong tham vấn
- 2. Quy trình tham vấn
- 3. Các kỹ thuật can thiệp
- 4. Một số kỹ thuật can thiệp nhằm tạo ra những hành vi mong muốn của thân chủ

VII. Thuyết nhận thức (nhận thức – hành vi)

- 1. Mục đích của phương pháp tiếp cận nhận thức

2. Tiếp cận xúc cảm hợp lý: Mô hình trị liệu cảm xúc hợp lý (REBT: Rational Emotive Behaviour Therapy)

CHƯƠNG 3. THAM VẤN CÁ NHÂN

I. Khái niệm tham vấn cá nhân

1. Quan niệm của các tác giả trên thế giới
2. Quan niệm của các tác giả Việt Nam

II. Quy trình tham vấn cá nhân

1. Giai đoạn: Tạo lập mối quan hệ và lòng tin
2. Giai đoạn: Xác định vấn đề - Giúp thân chủ phát hiện vấn đề
3. Giai đoạn: Lựa chọn giải pháp
4. Giai đoạn: Triển khai giải pháp
5. Giai đoạn: Kết thúc
6. Giai đoạn: Theo dõi

III. Kỹ năng tham vấn cá nhân

1. Một số kỹ năng giao tiếp không lời
 - a. Giao tiếp bằng mắt
 - b. Nét mặt
 - c. Ngồi đối mặt với thân chủ
 - d. Thể hiện tư thế cởi mở
 - e. Khoảng cách và chiều cao giữa nhà tham vấn và thân chủ
 - f. Sự ăn mặc và chải chuốt
 - g. Âm giọng và tốc độ nói
 - h. Thể hiện sự thoải mái
 - i. Sự động chạm thân thể trong tham vấn
2. Kỹ năng lắng nghe
 - a. Khái niệm lắng nghe
 - b. Cách thực hiện kỹ năng lắng nghe
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng lắng nghe
3. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - a. Khái niệm đặt câu hỏi
 - b. Cách thực hiện kỹ năng đặt câu hỏi
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng đặt câu hỏi

4. Kỹ năng phản hồi
 - a. Khái niệm phản hồi
 - b. Cách thực hiện kỹ năng phản hồi
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng phản hồi
5. Kỹ năng thấu hiểu (thấu cảm)
 - a. Khái niệm thấu hiểu
 - b. Cách thực hiện kỹ năng thấu cảm
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng thấu cảm
6. Kỹ năng xử lý im lặng
 - a. Khái niệm im lặng
 - b. Cách thực hiện kỹ năng xử lý im lặng
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng xử lý im lặng
7. Kỹ năng cung cấp thông tin
 - a. Khái niệm về cung cấp thông tin
 - b. Cách thực hiện kỹ năng cung cấp thông tin
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng cung cấp thông tin
8. Kỹ năng giúp thân chủ trực diện với vấn đề
 - a. Giúp thân chủ trực diện với vấn đề là gì?
 - b. Cách thực hiện kỹ năng giúp thân chủ trực diện với vấn đề
 - c. Một số yêu cầu khi thực hiện kỹ năng giúp thân chủ trực diện với vấn đề.

CHƯƠNG 4. THAM VẤN NHÓM

- I. Khái niệm tham vấn nhóm
 1. Khái niệm tham vấn nhóm
 2. Mục đích tham vấn nhóm
 3. Các loại hình nhóm
- III. Tiến trình tham vấn nhóm
 1. Thiết lập nhóm
 2. Tiến hành hoạt động nhóm
 3. Kết thúc cuộc tham vấn nhóm
- IV. Một số kỹ năng trong tham vấn nhóm
 1. Kỹ năng mở đầu và kết thúc cuộc tham vấn nhóm

2. Kỹ năng lắng nghe và quan sát các thành viên trong nhóm
3. Kỹ năng phản hồi cho nhiều người trong nhóm
4. Kỹ năng điều phối sự tham gia của các thành viên trong nhóm
5. Kỹ năng đặt câu hỏi xoay vần trong nhóm
6. Một số kỹ năng xử lý tình huống khó khăn và hành vi lệch chuẩn trong nhóm
 - a. Kiểm soát xung đột
 - b. Xử lý tình huống khi có thành viên trong nhóm khác
 - c. Xử lý sự cố thủ
 - d. Xử lý sự im lặng không tham gia
 - e. Xử lý hành vi nói lảm át người khác
 - f. Xử lý những hành vi thù địch với các thành viên trong nhóm
 - g. Xử lý sự thách thức, gây hấn đối với nhà tham vấn
 - h. Xử lý những hành vi tiêu cực khác

11.27. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

1. Tên học phần: HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận : 27 tiết
- Kiểm tra/ đánh giá: 3 tiết
- Tự học: 90 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức:

- Mô tả được những vấn đề lí luận về hành vi con người, môi trường xã hội, sự tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội, hệ thống lí thuyết nền tảng về hành vi con người;

- Phân tích được hành vi của con người, môi trường xã hội, sự tương tác qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội trong suốt vòng đời của con người.

-Trình bày được quá trình hình thành hành vi ở con người và nhận thức về ảnh hưởng của môi trường xã hội để chủ động tạo ra những tác động tích cực của gia đình, nhóm, tổ chức và cộng đồng gắn liền thực tiễn Công tác xã hội; hiểu được vai trò của nhân viên xã hội trong thay đổi hành vi, vai trò của hành vi trong việc cải tạo và hoàn thiện môi trường xã hội.

6.2. Về kĩ năng:

- Phân tích được các vấn đề hành vi của con người trong mối quan hệ với môi trường xã hội

- Vận dụng kiến thức về phân tích hành vi con người để áp dụng giải quyết các vấn đề về hành vi của đối tượng thuộc lĩnh vực Công tác xã hội.

6.3. Về thái độ:

- Đánh giá đúng vai trò của việc ứng dụng kiến thức của Môn học Hành vi con người và môi trường vào cuộc sống và công việc từ đó thể hiện thái độ tích cực trong quá trình học tập.

- Có ý thức trong việc đánh giá đúng đắn hành vi của con người khi đặt trong mối liên hệ giữa cá nhân và môi trường xã hội.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học cung cấp những nội dung chính gồm: Vấn đề chung nhất về hành vi con người và môi trường xã hội như khái niệm về hành vi con người, phân loại hành vi, cơ sở sinh lý học và cơ sở xã hội của hành vi; mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi của con người; Khái niệm môi trường và phân loại môi trường; Các lý thuyết tiếp cận giải thích hành vi của con người sẽ giúp sinh viên lý giải được hành vi của con người ở nhiều góc độ khác nhau. Nội dung chiếm tỷ lệ lớn trong môn học đề cập đến mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người ở các giai đoạn phát triển và môi trường xã hội. Các yếu tố trong môi trường xã hội có thể tác động tới hành vi con người ở mọi giai đoạn của cuộc đời từ thai nhi, sơ sinh, nhà trẻ, mẫu giáo, thiếu niên, thanh niên, trưởng thành, trung niên và tuổi già. Bên cạnh việc mô tả sự tác động của môi trường đến con người, môn này còn nêu lên sự tác động của hành vi con người tới môi trường. Cuối cùng, môn học nói đến những vấn đề thực tiễn về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và con người ở Việt Nam, đó là: Cơ sở pháp lý; các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Việt Nam; đặc điểm môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và con người Việt Nam.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học cơ sở - Khoa Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận, cemina
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 2 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

- [1] Tập bài giảng của Khoa Công tác xã hội (Đang chờ nghiệm thu)
- [2]. Nguyễn Thị Hồng Nga (chủ biên), Trường Đại học Lao động xã hội. Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội. Nxb Lao động - Xã hội (2010)

10.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên). Giáo trình Tâm lý học phát triển. NXB Đại học Sư phạm (2008)

[2] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về Tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa thông tin (1989)

[3] Đại học mở bán công Thành phố HCM. Hành vi con người và môi trường xã hội. Tài liệu tập huấn. 1997

[4] Vũ Gia Thiều – Tâm lý học và chuẩn hành vi – NXB Lao động – Xã hội – 2005.

[5] Nguyễn Thơ Sinh – Các học thuyết tâm lý nhân cách , Nxb Lao động - Xã hội, 2008

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (2 bài, thời gian 45 phút): 20 %
- Điểm bài tập cá nhân (2 bài): 10%
- Điểm bài tập nhóm (2 bài): 10%
- Thi cuối kỳ (thi viết, trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút): 50 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

1.1 Hành vi con người

1.1.1. Khái niệm về hành vi con người

1.1.2. Phân loại hành vi

1.1.2.1. Dựa vào sự phát triển hành vi về phương diện loài

1.1.2.2. Dựa vào sự tham gia của ý thức

1.1.2.3. Dựa vào sự tham gia của ngôn ngữ

1.1.2.4. Dựa vào chuẩn mực

1.1.2.5. Hành vi tình dục và hành vi sinh đẻ

1.1.3. Cơ sở của hành vi con người

1.1.3.1. Cơ sở sinh lý học của hành vi

1.1.3.2. Cơ sở xã hội của hành vi

1.1.3.3. Mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi con người

1.2. Môi trường xã hội

1.2.1. Khái niệm môi trường

1.2.2. Các loại môi trường

1.2.2.1. Môi trường tự nhiên

1.2.2.2. Môi trường xã hội

1.3. Đặc điểm môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và con người Việt Nam

1.3.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên Việt nam

1.3.2. *Đặc điểm môi trường xã hội và con người Việt nam*

1.4. Một số dự báo về tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường Việt nam

1.4.1. *Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế*

1.4.2. *Tác động của biến đổi khí hậu đến những vấn đề xã hội*

1.4.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Chương II. MỘT SỐ LÝ THUYẾT CƠ BẢN VỀ HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

2.1. Lý thuyết hệ thống

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.1.2. Nội dung của lý thuyết

2.1.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.2. Lý thuyết hành vi

2.2.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.2.2. Nội dung của lý thuyết

2.2.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.3. Lý thuyết phân tâm

2.3.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.3.2. Nội dung của lý thuyết

2.3.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.4. Thuyết tâm lý học nhận thức

2.4.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.4.2. Nội dung của lý thuyết

2.4.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.5. Thuyết phát triển tâm lý xã hội

2.5.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.5.2. Nội dung của lý thuyết

2.5.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.6. Thuyết hoạt động

2.6.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.6.2. Nội dung của lý thuyết

2.6.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.7. Thuyết nhân văn

2.7.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.7.2. Nội dung của lý thuyết

2.7.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

2.8. Thuyết gắn bó của John Bowlby

2.8.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết

2.8.2. Nội dung của lý thuyết

2.8.3. Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu hành vi của con người

Chương III. MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

3.1. Ảnh hưởng của môi trường đến hành vi con người

3.1.1. Ảnh hưởng của môi trường vi mô

3.1.1.1. Giai đoạn thai nhi

3.1.1.2. Giai đoạn sơ sinh

3.1.1.3. Giai đoạn tuổi nhà trẻ

3.1.1.4. Giai đoạn tuổi mẫu giáo

3.1.1.5. Giai đoạn tuổi nhi đồng

3.1.1.6. Giai đoạn tuổi thanh thiếu niên

3.1.1.7. Giai đoạn tuổi trưởng thành

3.1.1.8. Giai đoạn tuổi trung niên

3.1.1.9. Giai đoạn tuổi già

3.1.2. Ảnh hưởng của môi trường trung mô đến hành vi con người

3.1.2.1. Ảnh hưởng của gia đình

3.1.2.2. Ảnh hưởng của nhóm bạn đến hành vi con người

3.1.3. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hành vi con người

3.1.3.1. Ảnh hưởng của môi trường Chính trị - pháp luật

- 3.1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường kinh tế
- 3.1.3.3. Ảnh hưởng của môi trường văn hóa
- 3.1.3.4. Ảnh hưởng của môi trường xã hội đến sức khỏe tâm thần
- 3.2. Ảnh hưởng của hành vi con người đến môi trường**
- 3.2. 1. Ảnh hưởng của hành vi con người tới môi trường tự nhiên
 - 3.2.1.1. Ảnh hưởng tích cực
 - 3.2.1.2. Ảnh hưởng tiêu cực
- 3.2. 2. Ảnh hưởng của hành vi con người tới môi trường xã hội
 - 3.2.2.1. Sự phát triển kinh tế
 - 3.2.2.2. Sự phát triển dân số
 - 3.2.2.3. Cơ cấu và phân tầng xã hội
 - 3.2.2.4. Quá trình đô thị hóa

11.28. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ

1. Tên Tiếng Việt: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- Trình bày và giải thích được các thuật ngữ trong nghiên cứu khoa học xã hội, yêu cầu về đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội; quy trình thực hiện một nghiên cứu; các tiêu chí đánh giá một công trình nghiên cứu.

- Hệ thống được khái niệm, cách thức triển khai, ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học xã hội; cách thức triển khai một nghiên cứu khoa học.

- Trình bày được quy trình xử lý và phân tích dữ liệu, diễn giải được các tham số thống kê của dữ liệu nghiên cứu

6.2. Về kỹ năng

- Xây dựng kế hoạch và triển khai được một nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực xã hội, cụ thể trong lĩnh vực tham vấn học đường.

- Vận dụng kiến thức về thống kê và phần mềm để phân tích, diễn giải và trình bày được kết quả nghiên cứu dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học.

6.3. Về thái độ

- Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

- Say mê nghiên cứu và tích cực áp dụng các kết quả nghiên cứu trong khoa học vào quá trình thực hành tham vấn.

- Đề cao và tuân thủ đạo đức nghiên cứu.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ. Đồng thời, học viên có khả năng đọc và đánh giá các nghiên cứu định tính và định lượng cụ thể liên quan đến tham vấn học đường. Học viên hiểu được kiến thức về phân tích thống kê và giải thích dữ liệu trong nghiên cứu cũng như có khả năng đánh giá nghiên cứu theo hướng lâm sàng về các vấn đề liên quan đạo đức.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Vũ Cao Đàm (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục.
2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2003), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB ĐHQGHN.
3. Phan Thị Mai Hương (2013), *Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học*, NXB Khoa học xã hội.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. John W. Creswel, *Research Design: Qualitative, Quantitative, and mixed methods*, Sage publication, second edition, 2003.
2. Goodwin, C. J. (2009). *Research in psychology: Methods and design*. John Wiley & Sons.
3. Howitt, D., & Cramer, D. (2007). *Introduction to research methods in psychology*. Pearson Education.
4. Kumar, R. (2005). *Research methodology: A step-by-step guide for beginners* Frenchs Forest: Pearson Education.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- 1.1. Khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học
- 1.2. Phân loại nghiên cứu khoa học
- 1.3. Tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học
- 1.4. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học
- 1.5. Quy trình nghiên cứu khoa học
- 1.6. Hướng nghiên cứu khoa học xã hội

CHƯƠNG 2

XÂY DỰNG ĐỀ KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU

- 2.1. Vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài
- 2.2. Xác định mục đích nghiên cứu
- 2.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu
- 2.4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu
- 2.5. Nhiệm vụ nghiên cứu
- 2.6. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu
- 2.7. Kết quả và kế hoạch nghiên cứu dự kiến

CHƯƠNG 3

CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

- 3.1. Phương pháp phân tích tài liệu
- 3.2. Phương pháp quan sát
- 3.3. Phương pháp điều tra

- 3.4. Phương pháp thực nghiệm
- 3.5. Phương pháp trắc nghiệm
- 3.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp
- 3.7. Phương pháp phỏng vấn
- 3.8. Kết hợp các phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 4

KỸ THUẬT TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ, PHÂN TÍCH THÔNG TIN VÀ TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 4.1. Đo lường và thang đo
- 4.2. Xử lý thông kê dữ liệu
- 4.3. Sử dụng các phần mềm phân tích dữ liệu nghiên cứu
- 4.4. Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ NGHIÊN CỨU

- 5.1. Tổ chức nghiên cứu
- 5.2. Đánh giá nghiên cứu

11.29. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TÂM LÝ HỌC VĂN HÓA

1. Tên Tiếng việt: TÂM LÝ HỌC VĂN HÓA

Mã số môn học:

2. Số tín chỉ: 2

3. Các môn học tiên quyết: Tâm lý học xã hội

4. Phân bổ thời gian:

+Nghe giảng: 18 giờ tín chỉ

+Thảo luận: 7 giờ tín chỉ.

+Bài tập: 2 giờ tín chỉ

+Tự học: 3 giờ tín chỉ.

5. Mục tiêu môn học

5.1. Kiến thức:

Người học cần hiểu được tâm lý học văn hóa là gì, sự hình thành và phát triển của tâm lý học văn hóa, các hiện tượng, quá trình, quy luật tâm lý trong tiếp nhận và sáng tạo các giá trị văn hóa, lối sống của các thế hệ khác nhau trong các giai đoạn phát triển của thời đại.

5.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng phân tích yếu tố văn hoá (khoa học, nghệ thuật) trong quá trình hình thành và phát triển tâm lý con người nói riêng và các cộng đồng nói chung.

Có kỹ năng đánh giá nội dung, cách dạy và học của giảng viên, sinh viên đối với môn Tâm lý học Văn hoá, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo tinh thần tiếp cận văn hóa

5.3. Thái độ:

Hình thành thái độ khoa học trong quá trình nghiên cứu và đánh giá các giá trị của các nền văn hoá khác nhau trên thế giới, tôn trọng các cá nhân thuộc về các nền văn hoá đó, tôn trọng giá trị và bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc trong xu thế giao lưu, tiếp biến văn hoá.

6. Tóm tắt nội dung môn học:

Cung cấp những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về văn hoá, đặc biệt là quan điểm, cách tiếp cận của tâm lý học trong nghiên cứu văn hoá, xác định rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học văn hoá. Chỉ ra được mối quan hệ giữa văn hoá và sự phát triển tâm lý con người, các yếu tố giá trị, định hướng giá trị, thế giới quan, nhân sinh quan...được thể hiện trong lối sống. Hoạt động khoa học và nghệ thuật chính là sự sáng tạo các giá trị văn hoá. Bản chất của quá trình duy trì và phát triển các giá trị văn hoá được thực hiện thông qua các hình thức truyền và tiếp nhận văn hoá.

7. Nội dung chi tiết môn học:

Bài 1: Văn hóa theo quan điểm của tâm lý học văn hóa.

1. Khái niệm văn hóa
 - 1.1. Các quan niệm khác nhau về văn hóa.
 - 1.2. Văn hóa dưới góc độ tâm lý học văn hóa.
 - 1.2.1. Quan điểm của một số nhà Tâm lý học về văn hóa
 - 1.2.2. Định nghĩa văn hóa dưới góc độ tâm lý học văn hóa.
2. Cấu trúc của văn hóa
3. Các đặc điểm của văn hóa.

Bài 2: Những vấn đề chung của Tâm lý học văn hóa

1. Một số xu hướng Tâm lý học trong nghiên cứu văn hóa.
 - 1.1. Tâm lý học các dân tộc
 - 1.2. Tâm lý học nhóm
 - 1.3. Phân tâm học
 - 1.4. Tâm lý học nhân văn
 - 1.5. Tâm lý học so sánh văn hóa
 - Tâm lý học văn hóa
 - Đối tượng nghiên cứu
 - Mục đích nghiên cứu
 - Nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu
 - Phương pháp nghiên cứu

Bài 3: Một số cách tiếp cận trong nghiên cứu Tâm lý học văn hóa

1. Sự phát triển tâm lý là kết quả của sự tương tác giữa kiểu gen- văn hóa- môi trường(môi trường sinh sống và hoạt động).
2. Hoạt động- giá trị- nhân cách
3. Cách tiếp cận xuyên văn hóa
4. Cách tiếp cận so sánh văn hóa
5. Cách tiếp cận liên văn hóa

Bài 4. Văn minh - đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học văn hóa

1. Văn minh.
 - 1.1. Một số quan niệm khác nhau về văn minh
 - 1.2. Mối quan hệ giữa văn hóa và văn minh.
 - 1.3. Định nghĩa văn minh dưới góc độ tâm lý học văn hóa
2. Một số nội dung của văn minh- đối tượng nghiên cứu của tâm lý học văn hóa.
 - 2.1. Thế giới quan, nhân sinh quan.
 - 2.2. Đạo đức
 - 2.3. Lương tâm
 - 2.4. Bản ngã.
 - 2.5. Giá trị và định hướng giá trị.
 - 2.6. Giáo dục giá trị.

Bài 5: Lối sống trong thời đại văn minh hiện nay

1. Các quan niệm khác nhau về lối sống
2. Các thành phần của lối sống
3. Định hướng chung về lối sống trong thời đại văn minh hiện nay

Bài 6: Hoạt động khoa học- sự sáng tạo các giá trị văn hóa

1. Khái niệm khoa học
2. Các mục tiêu cơ bản của khoa học.
3. Hoạt động khoa học là sự sáng tạo các giá trị văn hóa
4. Mối quan hệ giữa khoa học với các thành tố khác nhau của văn hóa:
 - 4.1. Mối quan hệ giữa khoa học với đạo đức.
 - 4.2. Mối quan hệ giữa khoa học với nghệ thuật
 - 4.3. Mối quan hệ giữa khoa học với lối sống.
5. Nhân cách của nhà khoa học.

Bài 7: Nghệ thuật- sự sáng tạo các giá trị văn hóa

1. Khái niệm nghệ thuật
2. Đặc điểm của nghệ thuật
 - 2.1. Tính sáng tạo.
 - 2.2. Tính phong phú

2.3. Nghệ sỹ sáng tạo là người định hướng chung cho sự thưởng thức các giá trị thẩm mỹ.

2.4. Tính gián tiếp

2.5. Nghệ thuật là nơi thể hiện sự khám phá của chủ thể sáng tạo và tiếp nhận.

3. Một số quá trình tâm lý thể hiện trong sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật.

3.1. Tri giác.

3.2. Xúc cảm và tình cảm thẩm mỹ.

3.3. Tưởng tượng sáng tạo.

4. Nhân cách của người nghệ sỹ.

Bài 8: Sự truyền tải và tiếp nhận văn hóa

1. Truyền tải văn hóa

1.1. Bản chất của sự truyền tải văn hóa

1.2. Phân loại truyền tải văn hóa

1.2.1. Truyền tải trực tiếp

1.2.2. Truyền tải gián tiếp

2. Tiếp nhận văn hóa.

3. Văn hóa học tập.

4. Xã hội học tập.

5. Văn hóa và xã hội hóa

6. Phòng ngừa và chống những biểu hiện phi văn hóa và phản văn hóa.

7. Học liệu

7.1. Học liệu bắt buộc

1. A.A.Belik, Những lý thuyết nhân học văn hóa, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, 2000.

2. Phạm Minh Hạc, Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa, NXB CTQG, 2001. Phòng tư liệu Khoa Tâm lý học.

3. Huỳnh Khái Vinh, Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội, NXBCTQG, 2001. Phòng tư liệu Khoa Tâm lý học.

4. Lê Đức Phúc, Bài giảng Tâm lý học văn hóa, Hà Nội 2006. Phòng tư liệu Khoa Tâm lý học.

5. Trần Ngọc Thêm, Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB TPHCM, 2000, Phòng tư liệu Khoa Tâm lý học.

6. L.X.Vurgotxki, Tâm lý học nghệ thuật, NXBKHXH, 1981. Phòng tư liệu Khoa Tâm lý học.

7.2. Học liệu tham khảo

7. Mai Văn Hai, Mai Kiệm, Xã hội học văn hóa, NXBĐHQGHN, 2005.

8. Phùng Minh Hiến, Nghệ thuật- một loại hình văn hóa đặc biệt, NXB Văn hóa Thông tin, 2002.

9. Đỗ Huy, xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay- Từ góc nhìn giá trị học, Viện Văn hóa và NXB Văn hóa Thông tin, 2001.

10. M.AR.Naudóp, Tâm lý học sáng tạo văn học, NXB Văn học 1978.

11. S.Freud, C.Jung, E.From và R.Assagioli, Phân tâm học và văn hóa tâm linh, NXB Văn hóa thông tin, 2002.

12. Hoàng Đình Phú, Khoa học và công nghệ với các giá trị văn hóa, NXBKHKT,1998.

13. E.B.Taylor, Văn hóa nguyên thủy, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2001.

11.30. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC CHẨN ĐOÁN TÂM LÝ

1. Tên học phần: Chẩn đoán tâm lý

Tiếng Việt: **CHẨN ĐOÁN TÂM LÝ**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

Sinh viên cần hiểu bản chất, các lý thuyết cơ bản, các phương pháp phổ biến về chẩn đoán tâm lý được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực tâm lý học và các khoa học lân cận với tâm lý học.

6.2. Về kỹ năng

Sinh viên được trang bị kỹ năng phân tích và tổng hợp, khái quát hóa những quan điểm lý luận của các nhà tâm lý học trong lĩnh vực chẩn đoán tâm lý. Hình thành ở sinh viên kỹ năng phân loại, sử dụng, đo đạc, phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu, đưa ra kết luận chẩn đoán tâm lý.

6.3. Về thái độ

Sinh viên cần có thái độ khách quan, khoa học, có trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp cao trong chẩn đoán tâm lý con người.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Chẩn đoán tâm lý cung cấp tri thức về cơ sở lý luận và các phương pháp và thủ tục chẩn đoán tâm lý về trí tuệ, nhân cách, nghề nghiệp, giáo dục, các nguyên tắc xây dựng, đo đạc, phân tích kết quả trong chẩn đoán tâm lý. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên cách thức sử dụng trắc nghiệm và phân tích kết quả chuẩn đoán tâm lý.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: An sinh xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Trần Trọng Thủy (chủ biên). Khoa học chẩn đoán tâm lý, Xxb GD 1998, phòng tư liệu khoa.
2. Trần Kiều (chủ biên), Trí tuệ và đo lường trí tuệ, Nxb CTQG, Hà nội, 2005 (sách dịch), Phòng tư liệu khoa
3. Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc, Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng, Nxb Quân đội nhân dân 2004 , phòng tư liệu khoa
4. Ngô Công Hoàn (chủ biên), Những trắc nghiệm tâm lý - những trắc nghiệm về trí tuệ, tập 1, Nxb ĐHQG Hà nội 1997-
Những trắc nghiệm tâm lý - những trắc nghiệm về nhân cách, tập 2, NXB ĐHQG Hà nội, 1997, Phòng tư liệu khoa.

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Anne Anastasi, Susana URbina, Psychological Testing, Prentice Hall, Inc USA, 1997, Phòng tư liệu khoa..
2. Kevin R Murphy, Charles O davidshofer Psychological Testing, Principles and applications, Prentice Hall, USA 1998, phòng tư liệu khoa.
3. L. Ph. Burlatruc. Tâm lý học Chẩn đoán (bằng tiếng Nga). Nxb Piter 2005, phòng tư liệu khoa.
4. A.Ph.Cudriasốp Những trắc nghiệm hay về nghề nghiệp . Nxb Ptrokoma Matsocova 1997, phòng tư liệu khoa.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 7 tiết, thảo luận 2 tiết

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của tâm lý học chẩn đoán.

1.2. Lịch sử của tâm lý học chẩn đoán.

1.3. Vấn đề phương pháp của tâm lý học chẩn đoán.

1.4. Trắc nghiệm-phương pháp chủ yếu của chẩn đoán tâm lý.

Chương 2

CHẨN ĐOÁN TRÍ TUỆ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 10 tiết, thảo luận 5 tiết

2.1. Những vấn đề lý luận của việc nghiên cứu trí tuệ bằng trắc nghiệm

2.1.1. Khái niệm trí tuệ và hệ số trí tuệ IQ.

2.1.2. Cấu trúc của trí tuệ.

2.1.3. Phân loại trí tuệ.

2.2. Các trắc nghiệm chẩn đoán trí tuệ

2.2.1. Trắc nghiệm trí thông minh của Stanford -Binet.

2.2.2. Trắc nghiệm trí thông minh của Wechsler(WAIS)

2.2.3. Trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn của Raven

2.2.4. Các trắc nghiệm nhóm về trí thông minh.

2.2.5. Một số trắc nghiệm khác về trí thông minh của trẻ em.

Chương 3

CHẨN ĐOÁN NHÂN CÁCH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 5 tiết, thảo luận 4 tiết

3.1. Những vấn đề lý luận của việc chẩn đoán nhân cách bằng trắc nghiệm.

3.1.1. Các lý thuyết về nhân cách và sự phát triển trắc nghiệm nhân cách.

3.1.2. Vấn đề soạn thảo trắc nghiệm nhân cách.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu nhân cách

Các phương pháp nghiên cứu nhân cách của H.J. Eysenck(EPI).

3.2.1. Phương pháp xác định của yếu tố nhân cách của Cattell (16PI).

3.2.2. Phương pháp kiểm kê nhân cách đa diện Minnesota(MMPI).

Chương 4

CÁC PHƯƠNG PHÁP PHỎNG NGOẠI TRONG NGHIÊN CỨU NHÂN CÁCH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 6 tiết, thảo luận 3 tiết

4.1. Cơ sở lý luận của phương pháp phỏng ngoại trong nghiên cứu nhân cách.

4.1.1. Khái niệm về phương pháp phỏng ngoại.

4.1.2. Các lý thuyết và ý nghĩa của phương pháp phỏng ngoại.

4.2. Trắc nghiệm tổng giác chủ đề(TAT).

4.2.1. Giới thiệu trắc nghiệm.

4.2.2. Cách tiến hành.

4.2.3. Xử lý kết quả.

4.2.4. Tài liệu và dụng cụ cần thiết.

4.3. Trắc nghiệm viết mực đen Rorschach.

4.3.1. Giới thiệu trắc nghiệm.

4.3.2. Cách tiến hành.

4.3.3. Xử lý kết quả.

4.3.4. Tài liệu và dụng cụ cần thiết.

4.4. Trắc nghiệm nghiên cứu phản ứng đối với sự hụt hẫng.

4.4.1. Giới thiệu trắc nghiệm.

4.4.2. Cách tiến hành.

4.4.3. Xử lý kết quả.

4.4.4. Tài liệu và dụng cụ cần thiết.

4.5. Trắc nghiệm ngôn ngữ.

4.5.1. Phương pháp liên tưởng bằng lời

4.5.2. Trắc nghiệm hoàn thiện câu.

4.6. Một số trắc nghiệm phỏng ngoại khác.

4.6.1. Trắc nghiệm Aiageddi.

4.6.2. Trắc nghiệm Duss

4.7. Vấn đề đánh giá trong trắc nghiệm phỏng ngoại.

4.8.

Chương 5

TRẮC NGHIỆM GIÁO DỤC

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 7 tiết, thảo luận 2 tiết

- 5.1. Sự phát triển của trắc nghiệm giáo dục.
 - 5.1.1. Khái niệm trắc nghiệm giáo dục.
 - 5.1.2. Ý nghĩa và hiện trạng của trắc nghiệm giáo dục.
- 5.2. Các trắc nghiệm giáo dục và nguyên tắc soạn thảo chung.
 - 5.2.1. Một số vấn đề kỹ thuật soạn thảo trắc nghiệm giáo dục.
 - 5.2.2. Phân loại trắc nghiệm giáo dục.
- 5.3. Trắc nghiệm nghề nghiệp.
- 5.4. Trắc nghiệm ứng dụng trong lâm sàng và tư vấn tâm lý.

11.31. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TÂM LÝ HỌC GIA ĐÌNH

1. Tên học phần: Tâm lý học gia đình.
2. Số tín chỉ học tập: 3.
3. Học phần tiên quyết: PP luận và PP nghiên cứu TLH (ĐH Tâm lý).

- Các học phần kế tiếp: Không

4. Phân bố thời gian

+ Lý thuyết: 18t

+ Thảo luận nhóm, BT: 24 t

+ Tự học: 90t.

5. Mục tiêu của học phần:

5.1. Về kiến thức:

Sinh viên:

- Phân tích được một số vấn đề cơ bản về gia đình như khái niệm, các loại, cơ cấu, chức năng của gia đình; Mối quan hệ giữa công việc và gia đình.

- Phân tích được khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cơ bản tạo nên bầu không khí tâm lý trong gia đình. Trình bày được những ảnh hưởng bầu không khí gia đình đối với sự phát triển tâm lý, nhân cách của con cái.

- Phân tích được những diễn biến tâm lý và các kiểu quan hệ vợ chồng có ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái;

- Trình bày được các nội dung tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen trong gia đình và các ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển nhân cách của con cái.

5.2. Về kỹ năng:

Sinh viên hình thành:

- Kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học gia đình vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống thực tiễn.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học gia đình để giải các bài tập và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học gia đình vào công tác nghề nghiệp sau này như tư vấn tâm lý, quản trị nhân sự....

5.3. Về thái độ:

Sinh viên:

- Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý diễn ra trong cuộc sống gia đình.

- Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học gia đình.

- Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp sau này như giáo dục, tư vấn tâm lý, quản trị nhân sự....

- Bản thân có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc.

6. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về gia đình như khái niệm, các loại gia đình, cơ cấu và chức năng của gia đình; mối quan hệ giữa công việc và gia đình. Một số vấn đề cơ bản về bầu không khí tâm lý trong gia đình: Khái niệm, đặc điểm và các yếu tố tạo nên bầu không khí tâm lý trong gia đình; Các loại bầu không khí gia đình và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển tâm lý của con cái.

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về diễn biến tâm lý và các kiểu quan hệ vợ chồng có ảnh hưởng đối với sự phát triển của con cái; Sự xuất hiện Stress ở trẻ em trong quan hệ gia đình. Các nội dung và sự tác động của tâm lý nếp sống, truyền thống, thói quen gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con cái; Ảnh hưởng những quan điểm của các thành viên trong gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về gia đình

1. Khái niệm chung về gia đình.

1.1. Gia đình là gì?

1.2. Cơ cấu gia đình và các loại gia đình.

1.2.1. Cơ cấu gia đình.

1.2.2. Kiểu gia đình theo các mối quan hệ giữa các thành viên.

2. Các chức năng của gia đình.

2.1. Chức năng tái sản xuất ra con người (chức năng sinh đẻ bảo tồn giống nòi)

- 2.2. Chức năng giáo dục con cái (xã hội hoá trẻ em).
- 2.3. Chức năng kinh tế.
- 2.4. Chức năng thoả mãn các nhu cầu tâm lý của các thành viên trong gia đình.
- 2.5. Chức năng chăm sóc sức khoẻ của người già.
3. Mối quan hệ giữa công việc và gia đình.

Chương II: Bầu không khí tâm lý trong gia đình

1. Khái niệm chung về bầu không khí tâm lý trong gia đình.
 - 1.1. Khái niệm bầu không khí tâm lý trong gia đình.
 - 1.2. Đặc điểm bầu không khí tâm lý trong gia đình.
2. Các yếu tố cơ bản tạo nên bầu không khí tâm lý trong gia đình.
 - 2.1. Tổ chức đời sống vật chất trong gia đình.
 - 2.2. Tổ chức đời sống tinh thần trong gia đình.
 - 2.2.1. Cơ sở tâm lý của quan hệ vợ chồng.
 - 2.2.2. Một số giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam.
 - 2.2.3. Tín ngưỡng trong gia đình.
 - 2.2.4. Tổ chức lễ, hội, tang ma, cưới xin, giỗ tết.
 - 2.2.5. Thoả nãn các nhu cầu cho các thành viên trong gia đình.
3. Các loại bầu không khí tâm lý trong gia đình và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển tâm lý con cái.
 - 3.1. Bầu không khí tâm lý trong gia đình trong sạch, lành mạnh, thuận lợi.
 - 3.2. Bầu không khí tâm lý trong gia đình không trong sạch, không lành mạnh và không thuận lợi.

Chương III: Những ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý gia đình đối với sự phát triển của con cái

1. Những diễn biến tâm lý của vợ, chồng ảnh hưởng đối với sự hình thành và phát triển thai nhi .

1.1. Những diễn biến tâm lý thuận lợi cho quá trình hình thành và phát triển thai nhi.

1.2. Những diễn biến tâm lý không thuận lợi cho quá trình hình thành và phát triển thai nhi.

2. Ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý ở các bà mẹ khi mang thai.

2.1. Sự phát triển thể chất của thai nhi.

2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý khi bà mẹ mang thai.

2.3. Một vài chỉ dẫn của ưu sinh.

3. Các kiểu quan hệ vợ chồng và ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển con cái.

3.1. Quan hệ dân chủ, bình đẳng.

3.2. Quan hệ vợ chồng kiểu gia trưởng, áp đặt.

3.3. Sự thiếu, vắng quan hệ vợ chồng (cha, mẹ) trong gia đình.

4. Stress ở trẻ trong quan hệ gia đình.

4.1. Stress là gì?

4.2. Những tác động gây stress trong gia đình.

4.2.1. Stress xuất hiện từ các xung đột trong gia đình.

4.2.2. Những bệnh tật của cha mẹ.

4.2.3. Những đặc điểm tổ chức sinh hoạt trong gia đình làm nảy sinh stress ở trẻ.

Chương IV: Nội dung tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen trong gia đình và sự hình thành nhân cách con cái

1. Khái niệm và nội dung về tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen.

1.1. Nếp sống.

1.1.1. Khái niệm nếp sống.

1.1.2. Nội dung nếp sống.

1.2. Truyền thống.

1.2.1. Truyền thống là gì?

1.2.2. Những nội dung truyền thống gia đình.

1.2.2.1. Các thành phần của truyền thống.

1.2.2.2. Những biểu hiện của truyền thống.

1.3. Thói quen.

1.3.1. Thói quen là gì?

1.3.2. Nội dung của thói quen.

2. Những ảnh hưởng của tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen của gia đình tới sự hình thành nhân cách con cái.

2.1. Những đặc trưng nhân cách.

2.2. Ảnh hưởng của tâm lý nếp sống, truyền thống, thói quen đối với sự phát triển nhân cách con cái.

2.2.1. Vô thức.

2.2.2. Ý thức.

2.2.3. Ngôn ngữ.

2.2.4. Trí tuệ.

2.2.5. Hành vi ứng xử.

3. Quan điểm của các thành viên trong gia đình đối với sự hình thành nhân cách con cái.

3.1. Sự thống nhất quan điểm giáo dục trong gia đình

3.2. Sự không thống nhất các quan điểm trong gia đình.

6. Học liệu:

* Học liệu bắt buộc:

1. Ngô Công Hoàn. *Tâm lý học gia đình*. Trường ĐHSP Hà nội I. Năm 1993.

2. Ngô Công Hoàn. *Giáo trình Tâm lý học gia đình*. NXB ĐHSP. Năm 2006.

* Học liệu tham khảo:

3. Hoàng Đức Nhuận (chủ biên). Đề cương bài giảng về giáo dục dân số. Dự án VIE/94/POI. Hà nội năm 1995.

4. ROBERT V. KAIL – JOHN C. CAVANAGH. (Người dịch: TS. Nguyễn Kiên Trường). Nghiên cứu về sự phát triển con người. NXB Văn hoá thông tin. Năm 2006.

- <http://ebook.edu.net.vn>

- <http://tamlyhoc.net>

11.32. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THAM VẤN CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

1. Tên học phần: Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Tiếng Việt: THAM VẤN CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Khái niệm, các vấn đề của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhà tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Mô tả được quy trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói chung và một số đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để tham vấn các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Môn học giúp sinh viên hiểu về quy trình tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.1.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.1.2. Tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.2. Một số vấn đề của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3.2.1. Giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tổn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUY TRÌNH THAM VẤN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

- 2.1. Thiết lập mối quan hệ
- 2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề
- 2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện
- 2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề
- 2.5. Lượng giá và kết thúc
- 2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận
- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
- + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

- 3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.1.1.1. Khái niệm
 - 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.1.2.1. Khái niệm
 - 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.4.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.1.6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
 - 3.2.1. Tổ chức trò chơi
 - 3.2.2. Hỏi tương – kể chuyện
 - 3.2.3. Tưởng tượng – kể chuyện
 - 3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh

3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

11.33. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên

1. Thông tin chung về môn học.

1.1. Tên môn học: Tâm bệnh học đại cương

1.2. Mã số môn học :

1.3. Số tín chỉ: 3

1.4. Môn học: **-Bắt buộc**

1.5. Các môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương 2

1.7. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

2. Nghe giảng lý thuyết: 28 giờ tín chỉ

3. Thảo luận: 6 giờ tín chỉ

4. Bài tập: 5 giờ tín chỉ

5. Tự học: 6 giờ tín chỉ

2. Mục tiêu môn học.

2.1. Mục tiêu chung

2.1.1. Kiến thức:

1. Hiểu được các khái niệm cơ bản, nguyên nhân gây bệnh, phân loại, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các bệnh lý tâm căn, loạn thần và các rối loạn ranh giới.

2. Nắm được các tiêu chuẩn chẩn đoán các thể bệnh theo các hệ thống phân loại bệnh.

2.1.2. Kỹ năng:

- Sử dụng được các bảng phân loại bệnh để chẩn đoán trên những tình huống, ví dụ cụ thể.

- Biết cách chẩn đoán phân biệt các triệu chứng, hội chứng

- Sử dụng những tác động tâm lý lên một vài nhóm bệnh cụ thể

2.1.3. Thái độ:

- Có một thái độ đúng về các bệnh tâm thần. Người học cần hình thành thái độ đánh giá công bằng, khách quan và tôn trọng khi tiếp xúc với bệnh nhân tâm thần.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Tâm bệnh học đại cương là môn học nghiên cứu các bệnh tâm thần riêng biệt và các phương pháp điều trị các bệnh này như bệnh tâm thần phân liệt, bệnh loạn thần hưng-trầm cảm, các rối loạn lo âu, rối loạn nhân cách, tính khí...

Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về tâm bệnh học, cách chẩn đoán và can thiệp đối với một số triệu chứng rối loạn chính. Sinh viên sẽ nắm được những đặc điểm lâm sàng và kỹ thuật đánh giá lâm sàng thông qua các trường hợp minh họa cụ thể, đồng thời cũng được giới thiệu một số trắc nghiệm tâm lý có liên quan đến từng nhóm rối nhiễu.

4. Nội dung chi tiết môn học

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM BỆNH HỌC

Chương 1. Nhập môn tâm bệnh học

1.1. Khái niệm, thuật ngữ

1.1.1. Tâm bệnh học

1.1.2. Tâm thần học

1.1.3. Sức khoẻ tâm thần

1.1.4. Chuẩn đoán lâm sàng

1.1.5. Triệu chứng, hội chứng

1.1.6. Rối loạn tâm thần

1.2. Đối tượng của tâm bệnh học

1.3. Sự liên quan giữa tâm bệnh học với các bộ môn khác của y học và các ngành khoa học xã hội khác

1.4. Lịch sử phát triển của tâm bệnh học

1.4.1. Trên thế giới

1.4.2. Ở Việt Nam

Chương 2. Nguyên nhân và phân loại các rối loạn tâm bệnh học

1.1. Nguyên nhân

1.1.1. Các yếu tố sinh học (gen, cấu trúc não, chức năng não, sinh lý, sinh hoá thần kinh)

1.1.2. Các yếu tố nội khoa (bệnh lý não, bệnh lý nội khoa, các chất có ảnh hưởng đến não)

1.1.3. Các yếu tố tâm lý (giải thích theo tiếp cận phân tâm, nhận thức, hành vi)

1.1.4. Các yếu tố xã hội (tình trạng kinh tế, tuổi, giới, cấu trúc xã hội, những sự kiện trong cuộc đời)

1.2. Phân loại các rối loạn tâm bệnh

1.2.1. Phân loại theo quan niệm bình thường và bệnh lý

1.2.2. Phân loại theo rối loạn tâm căn, ranh giới và loạn thần

1.2.3. Phân loại theo các hệ thống phân loại (ICD, và DSM)

CÁC NHÓM BỆNH CHÍNH

Chương 3. Tâm thần phân liệt

1.1. Tổng quan về tâm thần phân liệt

1.1.1. Khái niệm.

1.1.2. Số liệu dịch tễ

1.2. Lược sử bệnh tâm thần phân liệt

1.3. Nguyên nhân bệnh tâm thần phân liệt

- 1.3.1. Giả thuyết về di truyền
 - 1.3.2. Giả thuyết về tâm lý, xã hội và văn hoá
 - 1.3.3. Giả thuyết về sinh học
 - 1.3.4. Giả thuyết về bệnh lý thần kinh
 - 1.4. Lâm sàng bệnh tâm thần phân liệt
 - 1.4.1. Triệu chứng âm tính
 - 1.4.2. Triệu chứng dương tính
 - 1.5. Phân loại và chẩn đoán bệnh tâm thần phân liệt
 - 1.5.1. Phân loại theo DSMIV và ICD 10
 - 1.5.2. Chẩn đoán tâm thần phân liệt theo DSMIV và ICD10
 - 1.5.3. Chẩn đoán các thể lâm sàng (thể paranoid, thể thanh xuân, thể căng trương lực và thể di chứng)
 - 1.6. Điều trị tâm thần phân liệt
 - 1.6.1. Liệu pháp hoá dược
 - 1.6.2. Sốc điện
 - 1.6.3. Liệu pháp tâm lý xã hội
- Chương 4. Rối loạn lo âu**
- 1.1. Tổng quan về rối loạn lo âu
 - 1.1.1 Khái niệm
 - 1.1.2 Phân biệt lo âu bình thường và lo âu bệnh lý
 - 1.1.3 Các biểu hiện cơ thể của rối loạn lo âu
 - 1.1.4 Phân loại
 - 1.1.5 Đặc điểm lâm sàng
 - 1.2. Nguyên nhân gây rối loạn lo âu
 - 1.2.1. giả thuyết về di truyền
 - 1.2.2. Giả thuyết về các chất dẫn truyền thần kinh
 - 1.2.3. Các giả thuyết tâm lý
 - 1.3. Một số dạng rối loạn lo âu cụ thể
 - 1.3.1. Âm ảnh sợ khoảng trống
 - 1.3.2. Cơn hoảng sợ kịch phát

- 1.3.3. Âm ảnh sợ xã hội
- 1.3.4. Âm ảnh sợ biệt định
- 1.3.5. Rối loạn lo âu lan toả
- 1.3.6. Rối loạn ám ảnh cưỡng bức
- 1.4. Điều trị các rối loạn lo âu
- 1.4.1. Hoá dược liệu pháp
- 1.4.2. Tâm lý trị liệu

Chương 5. Rối loạn khí sắc-cảm xúc

- 1.1. Tổng quan về rối loạn khí sắc, cảm xúc
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Các số liệu dịch tễ
 - 1.1.3. Phân loại
- 1.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 1.2.1. Giả thuyết về di truyền
 - 1.2.2. Cơ chế sinh học
 - 1.2.3. Rối loạn nội tiết
 - 1.2.4. Các giả thuyết tâm lý
- 1.3. Đặc điểm lâm sàng
 - 1.3.1. Đặc điểm lâm sàng chung của các rối loạn trầm cảm và hưng cảm
 - 1.3.2. Giai đoạn rối loạn trầm cảm
 - 1.3.3. Loạn khí sắc
 - 1.3.4. Rối loạn cảm xúc lưỡng cực
 - 1.3.5. Rối loạn khí sắc chu kỳ
- 1.4. Điều trị, can thiệp
 - 1.4.1. Nguyên tắc chung
 - 1.4.2. Điều trị rối loạn hưng cảm
 - 1.4.3. Điều trị rối loạn trầm cảm
 - 1.4.4. Điều trị rối loạn cảm xúc lưỡng cực
 - 1.4.5. Điều trị các rối loạn khí sắc bằng tâm lý

1.5. Tự sát ở thanh thiếu niên, nguyên nhân và ý nghĩa tâm lý

Chương 6. Rối loạn nhân cách

1.1. Tổng quan về rối loạn nhân cách

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại

1.1.3. Nguyên tắc chuẩn đoán rối loạn nhân cách

1.2. Nguyên nhân gây bệnh

1.2.1. Bệnh lý thần kinh cấp cao

1.2.2. Tác nhân có hại từ môi trường

1.2.3. Yếu tố tâm lý

1.3. Các thể lâm sàng

1.3.1. Rối loạn nhân cách paranoid

1.3.2. Rối loạn nhân cách dạng phân liệt

1.3.3. Rối loạn nhân cách chống đối xã hội

1.3.4. Rối loạn nhân cách ranh giới

1.3.5. Rối loạn nhân cách hysteria (kịch tính)

1.3.6. Rối loạn nhân cách ám ảnh nghi thức

1.3.7. Rối loạn nhân cách lo âu

1.3.8. Rối loạn nhân cách phụ thuộc

1.3.9. Rối loạn nhân cách khép kín

1.4. Điều trị, can thiệp

1.4.1. Liệu pháp hoá dược

1.4.2. Liệu pháp tâm lý

1.4.3. Phòng bệnh

Chương 7. Phản ứng với stress và rối loạn sự thích ứng

1.1. Khái niệm

1.1.1. Stress

1.1.2. Sang chấn

1.1.3. Sơ đồ hình thành stress

- 1.1.4. Phân loại stress
- 1.2. Phản ứng stress cấp
 - 1.2.1. Định nghĩa
 - 1.2.2. Nguyên nhân và các yếu tố phục trợ
 - 1.2.3. Đặc điểm lâm sàng
 - 1.2.4. Chuẩn đoán
 - 1.2.5. Điều trị
- 1.3. Rối loạn stress sau sang chấn
 - 1.3.1. Định nghĩa
 - 1.3.2. Nguyên nhân
 - 1.3.3. Đặc điểm lâm sàng
 - 1.3.4. Chẩn đoán
 - 1.3.5. Điều trị, can thiệp
- 1.4. Rối loạn sự thích ứng
 - 1.4.1. Định nghĩa
 - 1.4.2. Đặc điểm lâm sàng
 - 1.4.3. Chẩn đoán
 - 1.4.4. Điều trị

Chương 8. Rối loạn dạng cơ thể

- 1.1. Khái niệm rối loạn dạng cơ thể
- 1.2. Đặc điểm lâm sàng
- 1.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán
- 1.4. Các tổn thương phối hợp
- 1.5. Chẩn đoán phân biệt
- 1.6. Các thể lâm sàng của rối loạn dạng cơ thể
 - 1.6.1. Rối loạn dạng cơ thể không biệt định
 - 1.6.2. Đau tâm căn
 - 1.6.3. Các rối loạn nghi bệnh
 - 1.6.4. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật dạng cơ thể

1.7. Điều trị và dự phòng

Chương 9. Rối loạn phân ly

- 1.1. Tổng quan về rối loạn phân ly
- 1.2. Nguyên nhân gây bệnh
- 1.3. Phân loại
- 1.4. Đặc điểm chung của rối loạn phân ly
- 1.5. Các thể lâm sàng chính
- 1.6. Điều trị và dự phòng

Chương 10. Rối loạn tình dục

- 1.1. Tổng quan về rối loạn tình dục
- 1.2. Phân loại rối loạn tình dục theo các bảng phân loại bệnh
- 1.3. Rối loạn chức năng tình dục
- 1.4. Loạn dục đa dạng
- 1.5. Rối loạn xác định giới tính

Chương 11. Lạm dụng chất gây nghiện

- 1.1. Nghiện rượu và rối loạn tâm thần do rượu
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán
 - 1.1.3. Đặc điểm lâm sàng
 - 1.1.4. Một số yếu tố thuận lợi cho nghiện rượu
 - 1.1.5. Điều trị
 - 1.1.6. Một số rối loạn tâm thần do rượu (sảng rượu, hoang tưởng, ảo giác)
- 1.2. Phụ thuộc và lạm dụng thuốc phiện
 - 1.2.1. Đặc điểm chung
 - 1.2.2. Các giai đoạn của phụ thuộc thuốc phiện
 - 1.2.3. Hậu quả do phụ thuộc thuốc phiện
 - 1.2.4. Say thuốc phiện bệnh lý
 - 1.2.5. Tiên lượng và điều trị nghiện thuốc phiện

5. Học liệu

5.1.Học liệu bắt buộc:

(1) PGS.TS. Ngô Ngọc Tản; PGS.TS Nguyễn Văn Ngân; PS.TS Nguyễn Sinh Phúc, Tâm thần học và Tâm lý học y học. Phòng tư liệu khoa

(2) Paul Bennet-Tâm lý học lâm sàng và dị thường- Biên dịch: PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc.

5.2.Học liệu tham khảo:

(3) Phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 (ICD -10) về các rối loạn tâm thần và hành vi, WHO- GENEVA 1992.

(4) Sidney Bloch và Bruce Singh - Cơ sở lâm sàng Tâm thần học – Biên dịch: Trần Viết Nghị và cộng sự , NXB Y học, 2004

(5) Nguyễn Minh Tuấn – Bệnh học tâm thần thực hành, NXB Y học, 2002. Phòng tư liệu Khoa.

(6) Nguyễn Việt, Tâm thần học, NXB Y học năm 1984. Phòng tư liệu Khoa

(7) Đặng Phương Kiệt (chủ biên), Tâm lý và sức khoẻ - NXB Văn hoá thông tin năm 2000. Phòng tư liệu Khoa

(8) Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc, Tâm lý y học, NXB Y học năm 2005. Phòng tư liệu Khoa.

(9) Một số tài liệu tham khảo trên trang web:
<http://www.cimsi.org.vn/Sach/Y%20hoc%20GD/mucluc.htm>
<http://www.ykhoanet.com/tamthan/>

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

TÂM LÝ HỌC TRƯỜNG HỌC

1. Tên học phần: **Tâm lý học trường học**

Tiếng Việt: **TÂM LÝ HỌC TRƯỜNG HỌC**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- Hiểu được về cơ chế can thiệp các vấn đề hướng ngoại và hướng nội nói chung

- Hiểu được triết lý can thiệp của từng kỹ thuật và các bước tiến hành can thiệp các vấn đề hướng nội và hướng ngoại trên lý thuyết

- Phân tích được các bằng chứng nghiên cứu về tính hiệu quả của các phương pháp can thiệp cho từng vấn đề hướng nội và hướng ngoại trên thực tế.

6.2. Về kỹ năng

Vận dụng và thực hành tốt các quy trình kỹ thuật can thiệp gồm a) Đào tạo cha mẹ; (b) Các kỹ năng xã hội và rèn các qui định đối với trẻ; (c) Hoạt hoá hành vi; (d) Giáo dục tâm lý xã hội; (e) Xây dựng hệ thống thưởng quy đổi; (f) Nhận diện các suy nghĩ không hợp lý; (g) Các kỹ thuật chánh niệm (mindfulness)

6.3. Về thái độ

- Không gây hại, từ tâm, tự chủ, công bằng, chính trực

- Có thái độ cầu thị, cởi mở và thấu cảm với học sinh và đồng nghiệp

- Ý thức trau dồi kiến thức chuyên môn và luyện tập thực hành thành thạo các kỹ năng giúp phân loại, nhận diện vấn đề nhanh chóng và đánh giá một cách chính xác

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để tham vấn can thiệp các vấn đề hướng ngoại (gồm vi chống đối, hành vi hung hăng và sự phạm tội) cũng như các vấn đề hướng nội (gồm lo âu, trầm cảm và rối loạn dạng cơ thể) cho học sinh và phụ huynh học sinh. Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng ngoại gồm (a) Đào tạo cha mẹ; (b) Các kỹ năng xã hội và rèn các quy định đối với trẻ. Môn học này liên quan đến việc xây dựng những hướng dẫn điều trị. Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng nội gồm (a) Can thiệp hành vi như hoạt hoá hành vi; giáo dục tâm lý xã hội, xây dựng hệ thống thưởng quy đổi; (b) Can thiệp nhận thức như rèn luyện tránh tái phạm, nhận diện các suy nghĩ không hợp lý; (c) Các kỹ thuật chính niệm (mindfulness).

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Jeffery Smith (2017) *Psychotherapy: A Practical Guide*. Springer International Publishing
2. Nguyễn Công Khanh (2000) *Tâm lý trị liệu (Ứng dụng trong lâm sàng và tự chữa bệnh)*. Hà Nội: NXB ĐHQGHN.
3. Võ Văn Bản (2002) *Thực hành điều trị tâm lý*. Hà Nội: NXB Y học

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Carl Rogers, 2001, *Phương pháp dạy và học hiệu quả*, NXB trẻ.
2. Edward De Bono, 2004, *Sáu chiếc mũ tư duy*, NXB Mũi Cà mau.

3. Padmasiri de Silva (2017) An Introduction to Buddhist Psychology and Counselling: Pathways of Mindfulness-Based Therapies. Palgrave Macmillan UK

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC MÔ HÌNH CAN THIỆP THỰC CHỨNG

- 1.1. Vì sao chúng ta phải quan tâm đến các can thiệp thực chứng
- 1.2. Các mô hình, kỹ thuật can thiệp thực chứng cho rối loạn hướng nội
- 1.3. Các mô hình, kỹ thuật can thiệp thực chứng cho rối loạn hướng ngoại
- 1.4. Mô hình can thiệp tổng thể theo các lý thuyết tâm lý
 - 1.4.1. Đánh giá
 - 1.4.2. Định hình
 - 1.4.3. Xác định mục tiêu
 - 1.4.4. Lên kế hoạch can thiệp
 - 1.4.5. Tiến hành can thiệp
 - 1.4.6. Chấm dứt can thiệp và quản lý ca

CHƯƠNG 2

QUY TRÌNH, KỸ THUẬT HUẤN LUYỆN HÀNH VI LÀM CHA MẸ CHO HỌC SINH RỐI LOẠN HÀNH VI HƯỚNG NGOẠI

- 2.1. Triết lý can thiệp
- 2.2. Giáo dục tâm lý về hành vi và lôi kéo sự tham gia của cha mẹ
- 2.3. Thực hành thời gian chơi đặc biệt
- 2.4. Thực hành khen – phớt lờ chủ động
- 2.5. Thực hành tạo lập hệ thống thưởng

- 2.6 Thực hành phạt tích cực (khoảng lặng, tước quyền)
- 2.7 Thực hành quản lý hành vi không phù hợp ngoài gia đình
- 2.8 Thực hành phối hợp với giáo viên quản lý hành vi không phù hợp trên lớp

CHƯƠNG 3

QUY TRÌNH, KỸ THUẬT CAN THIỆP RỐI LOẠN LO ÂU

- 3.1. Lo âu – cơ chế, yếu tố duy trì và phân loại
- 3.2. Giáo dục tâm lý trong can thiệp lo âu
- 3.3. Liệu pháp phơi nhiễm
- 3.4 Xây dựng kế hoạch phòng tái phát lo âu
- 3.5 Chiến lược thư giãn - xao nhãng trong quản lý lo âu
- 3.6 Chiến lược tái cấu trúc nhận thức trong quản lý lo âu
- 3.7 Thực hành kỹ năng

CHƯƠNG 4

QUY TRÌNH, KỸ THUẬT CAN THIỆP RỐI LOẠN TRẦM CẢM

- 4.1. Phân loại trầm cảm, các yếu tố duy trì trầm cảm và hậu quả
- 4.2. Nguyên lý và các thành phần chính trong can thiệp trị liệu cho trầm cảm
- 4.3. Giáo dục tâm lý về bệnh trầm cảm
- 4.4. Kỹ năng giao quyết vấn đề
- 4.5 Kỹ thuật kích hoạt hành vi
- 4.6 Kỹ thuật thư giãn
- 4.7 Nhận diện lối tư duy và tái cấu trúc nhận thức
- 4.8 Thực hành kỹ năng

Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THAM VẤN CHO TRẺ EM NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM

1. Tên học phần: Tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

Tiếng Việt: THAM VẤN CHO TRẺ EM NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm: Khái niệm, các vấn đề của trẻ em năng khiếu và phát triển sớm, nhà tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

- Mô tả được quy trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm nói chung và một số đối tượng trẻ em năng khiếu và phát triển sớm đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ em năng khiếu và phát triển sớm cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm để tham vấn các đối tượng trẻ em năng khiếu và phát triển sớm cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Môn học giúp sinh viên hiểu về quy trình tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ em năng khiếu và phát triển sớm và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ em năng khiếu và phát triển sớm qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ EM NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.1.1. Trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.1.2. Tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.2. Một số vấn đề của trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3.2.1. Giúp trẻ em năng khiếu và phát triển sớm nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ em năng khiếu và phát triển sớm nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ em năng khiếu và phát triển sớm nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ em năng khiếu và phát triển sớm ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tổn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN TRẺ EM NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM

2.1. Thiết lập mối quan hệ

2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề

2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện

2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ EM NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM

- 3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.1.1.1. Khái niệm
 - 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.1.2.1. Khái niệm
 - 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.34.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.1. 6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
- 3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm
 - 3.2.1. Tổ chức trò chơi
 - 3.2.2. Hồi tưởng – kể chuyện

3.2.3. Tưởng tượng – kể chuyện

3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh

3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em năng khiếu và phát triển sớm?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năng khiếu và phát triển sớm. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THAM VẤN CHO TRẺ EM CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP

1. Tên học phần: Tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

Tiếng Việt: THAM VẤN CHO TRẺ EM CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập: Khái niệm, các vấn đề của trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập, nhà tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

- Mô tả được quy trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập nói chung và một số đối tượng trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập để tham vấn các đối tượng trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Môn học giúp sinh viên hiểu về quy trình tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ EM CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.1.1. Trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.1.2. Tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.2. Một số vấn đề của trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3.2.1. Giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tổn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN TRẺ EM CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP

- 2.1. Thiết lập mối quan hệ
- 2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề
- 2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện
- 2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề
- 2.5. Lượng giá và kết thúc
- 2.6. Theo dõi

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Quyển 1, Nxb Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ EM CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP

3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

- 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.1.1.1. Khái niệm
 - 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.1.2.1. Khái niệm
 - 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.34.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập
- 3.1.6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập

3.2.1. Tổ chức trò chơi

3.2.2. Hồi tưởng – kể chuyện

3.2.3. Tương tưởng – kể chuyện

3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh

3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI TẠI CƠ SỞ

1. Tên môn học: THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI TẠI CƠ SỞ

Mã số môn học:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian

- Nghe giảng lý thuyết: 4 giờ
- Thảo luận: 4 giờ
- Thực hành: 20 giờ
- Tự học: 2 giờ

5. Các môn học tiên quyết: Tâm lý học xã hội, Các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học xã hội.

6. Mục tiêu môn học

6.1. Kiến thức:

- Nắm được đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành Tâm lý học xã hội.
- Ứng dụng được các tri thức của chuyên ngành Tâm lý học xã hội vào cuộc sống, từ đó hiểu rõ mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn của ngành học.

6.2. Kỹ năng:

- Phát hiện và phân tích được những hiện tượng tâm lý xảy ra trong các nhóm xã hội cụ thể.
- Ứng dụng được bộ công cụ nghiên cứu mang tính đặc thù của chuyên ngành để giải quyết các hiện tượng tâm lý xã hội nảy sinh trong thực tế.
- Hình thành kỹ năng tư duy, phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm...

6.3. Thái độ:

- Hình thành thái độ khách quan - khoa học trong khi phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội.

- Hình thành thái độ tích cực trong quá trình thực tập, hợp tác với các bạn cùng nhóm để hoàn thành tốt đợt thực tập.

- Xây dựng thái độ tích cực hợp tác với cơ sở thực tập và đề xuất các giải pháp phục vụ cơ sở.

7. Tóm tắt nội dung môn học:

Cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện vấn đề trong nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội, hệ thống hóa và trang bị cho người học hệ thống các phương pháp nghiên cứu đặc thù để phân tích, làm rõ các nguyên nhân nảy sinh các hiện tượng đó.

8. Nội dung chi tiết môn học:

Chủ đề về Văn hóa - Dân tộc - Tôn giáo

Các vấn đề tâm lý nảy sinh trong quá trình sáng tạo và tiếp nhận các giá trị văn hóa.

Truyền thống dân tộc.

3. Một số vấn đề tâm lý nảy sinh trong các nhóm tín đồ

Chủ đề về hoạt động tư pháp: Tội phạm và các tệ nạn xã hội:

- Các vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động tư pháp
- Diễn biến tâm lý trong quá trình hỏi cung.
- Diễn biến tâm lý trong quá trình xét xử.
- Đặc trưng tâm lý của các nhóm tội phạm (ma túy, mại dâm...)
- Thực trạng về sự gia tăng của các tệ nạn xã hội trong quá trình phát triển hiện nay.

Chủ đề về Tham vấn:

- Các kỹ năng tham vấn cơ bản
- Tiến trình cơ bản của một ca tham vấn.
- Lập hồ sơ tham vấn.
- Quy trình đánh giá một ca tham vấn.
- Cách sử dụng các trắc nghiệm tâm lý trong tham vấn
- Các hình thức tham vấn khác nhau
- + Tham vấn trực tiếp
- + .Tham vấn qua điện thoại

- + Tham vấn qua internet
- Các vấn đề cần tham vấn.
- Tham vấn HIV
- Tham vấn về bạo hành trong gia đình
- Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng, ngược đãi, lao động sớm

9. Học liệu:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Vũ Dũng- Các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học xã hội- NXBKHXH 1996, Phòng tư liệu khoa
2. Nguyễn Thơ Sinh, Tư vấn tâm lý căn bản, NXBLĐ, 2006, Phòng tư liệu khoa.
3. Lê Đức Phúc, Bài giảng Tâm lý học văn hóa, Hà Nội 2006, Phòng tư liệu khoa.
4. Nguyễn Khắc Viện, Bàn về tâm lý gia đình, NXB Kim Đồng, 1993, Phòng tư liệu khoa.

9.2. Học liệu tự chọn:

- [1] Vũ Dũng, Tâm lý học tôn giáo, NXBKHXH, 1998
- [2] Trần Hiệp, Tâm lý học xã hội, NXBKHXH, 1997.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

1. Tên học phần: **Dân số và phát triển**

Tiếng Việt: **DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

+ Hiểu, trình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về các quá trình dân số, các học thuyết về dân số, thực trạng phát triển dân số trên thế giới và ở Việt Nam

+ Phân tích được mối quan hệ giữa gia tăng dân số với phát triển bền vững và tác động của nó tới chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

+ Hiểu, phân tích được tầm quan trọng của chính sách dân số và vai trò Đoàn thanh niên trong công tác giáo dục truyền thông về dân số và phát triển cho thanh niên.

6.2. Về kỹ năng

+ Có kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước những thách thức đang đặt ra đối với vấn đề chất lượng của dân số và môi trường sống

+ Biết thiết kế mô hình, hoạt động truyền thông giáo dục về dân số -

sức khỏe- môi trường cho thanh niên và cộng đồng.

6.3. Về thái độ

+ Ý thức được vai trò quan trọng của cá nhân trong việc thay đổi hành vi tích cực về dân số- sức khỏe và bảo vệ môi trường.

+ Có ý thức vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống và công việc từ đó thay đổi các hành vi tích cực về dân số - sức khỏe và bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy gia đình và cộng đồng phát triển bền vững.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Dân số và phát triển sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quá trình dân số, chất lượng của dân số, về mối quan hệ giữa dân số với môi trường và sự phát triển bền vững một cách khoa học và có hệ thống. Bên cạnh đó còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chính sách dân số của Việt Nam, về vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục truyền thông cho thanh niên về dân số và phát triển; nhằm giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của thực hiện các chính sách dân số và thực hiện các hành vi tích cực về dân số - sức khỏe và môi trường đối với chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: An sinh xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Học viện Báo chí và tuyên truyền. Khoa Xã hội học. Giáo trình Dân số- sức khỏe sinh sản và phát triển. NXB Chính trị quốc gia, 2005.

[2]. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên. NXB Giao thông vận tải, 2005.

[3]. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ môi trường. NXB Lao động – Xã hội, 2007.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. PGS, TS. Vũ Hiền – TS. Vũ Đình Hòa. Dân số và phát triển. NXB Chính trị quốc gia, 20001

[2]. Đặng Nguyên Anh. Giáo trình Xã hội học dân số. NXB Chính trị quốc gia, 2009.

[3]. Nguyễn Tuấn Anh. Giáo trình xã hội học môi trường. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

[4]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Trung tâm xã hội học. Giáo trình dân số và phát triển. Nxb Chính trị quốc gia, 2005.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 7 tiết, thảo luận 2 tiết

I. Khái niệm và sơ lược về lịch sử của khoa học dân số, dân số và phát triển.

1.1. Khái niệm về dân số

1.2. Vài nét sơ lược về lịch sử của khoa học dân số, dân số và phát triển

2. Đối tượng nghiên cứu

3. Nội dung cơ bản của môn học

4. Các học thuyết về dân số

5. Phương pháp nghiên cứu

6. Chất lượng dân số

a. Khái niệm

b. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dân số

+ Chỉ tiêu đánh giá chất lượng dân số của Liên hợp quốc.

- Chỉ số phát triển con người

- Chỉ số khối lượng cơ thể liên quan đến chất lượng con người.

- Chỉ số phát triển giới

- Mức độ vị thế theo giới tính

- Chỉ số nghèo khổ con người

- Chỉ số thành tựu công nghệ

+ Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dân số Việt Nam.

II. Biến động tự nhiên của dân số

1. Biến động của mức sinh

a. Khái niệm

b. Một số thước đo cơ bản về mức sinh

- Tỷ suất sinh thô
- Tỷ suất sinh chung
- Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi
- Tổng tỷ suất sinh
- Mức sinh thay thế

c. Xu hướng biến động của mức sinh

d. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh

- Yếu tố tự nhiên sinh học
- Phong tục tập quán và tâm lý xã hội
- Yếu tố kinh tế- văn hóa
- Yếu tố kỹ thuật
- Chính sách dân số và các chính sách có liên quan

II. Quy mô, phân bố, cơ cấu và chất lượng dân số

1. Quy mô và phân bố dân số

a. Khái niệm

b. Quy mô và phân bố dân số thế giới

c. Quy mô và phân bố dân số Việt Nam

2. Cơ cấu dân số

a. Khái niệm

b. Cơ cấu dân số thế giới

c. Cơ cấu dân số Việt Nam

- Cơ cấu giới tính

- Cơ cấu tuổi

+ Các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu dân số theo tuổi:

*/ tỷ số phụ thuộc

*/ Tuổi trung vị của dân số

*/ Tháp dân số

- Cơ cấu dân số theo dân tộc, tôn giáo

- Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn

2. Biến động của mức chết

a. Khái niệm

b. Một số thước đo cơ bản về mức chết

- Tỷ suất chết thô

- Tỷ suất chết sơ sinh

c. Xu hướng biến động của mức chết

d. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức chết

- Mức sống dân cư

- Trình độ phát triển y học và các dịch vụ y tế

- Môi trường sống

- Cơ cấu tuổi của dân số

- Yếu tố hôn nhân và gia đình

3. Xu hướng biến động tự nhiên của dân số

a. Tăng tự nhiên của dân số

- Tỷ suất tăng tự nhiên của dân số

b. Một số học thuyết về dân số

- Học thuyết Malthus

- Học thuyết tối ưu dân số

- Học thuyết quá độ dân số

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe giảng do GV trình bày

- Làm một số bài tập về tỷ suất chết thô, tỷ suất chết đặc trưng theo nhóm tuổi, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu

- Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi...

Hình thức đánh giá:

- Hiểu được các nội dung của bài học

- Vận dụng các công thức để tính được các bài tập về mức sinh và đọc được ý nghĩa của các con số đó.

Địa điểm học: - Giảng đường nhà C

IV. Di dân và đô thị hóa

1. Di dân

a. Khái niệm và phân loại di dân

b. Một số thước đo cơ bản về di dân

c. Xu hướng biến động của di dân

d. Nguyên nhân di dân

- Nguyên nhân kinh tế

- Nguyên nhân xã hội

e. Ảnh hưởng của di dân đối với phát triển dân số và kinh tế, xã hội

- Ảnh hưởng đến phát triển dân số

- Ảnh hưởng đến phát triển xã hội

2. Đô thị hóa

a. Khái niệm và phân loại đô thị

b. Một số thước đo cơ bản về đô thị hóa

c. Đặc điểm của đô thị hóa hiện nay

d. Ảnh hưởng của đô thị hóa đối với phát triển dân số và kinh tế, xã hội

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe giảng do GV trình bày

- Thảo luận nhóm:

+ Nguyên nhân di dân

+ Ảnh hưởng của di dân đối với phát triển dân số và kinh tế, xã hội

+ Đặc điểm của đô thị hóa hiện nay

+ Ảnh hưởng của đô thị hóa đối với phát triển dân số và kinh tế, xã hội

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu
- Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi...

Hình thức đánh giá:

- Hiểu được nội dung của bài học
- Trình bày powpoint theo nhóm tại lớp .

Địa điểm học: - Giảng đường nhà C

Câu hỏi ôn tập chương I

Chương 2

ẢNH HƯỞNG CỦA DÂN SỐ TỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 8 tiết, thảo luận 1 tiết

I. Khái niệm

1. Phát triển
2. Phát triển kinh tế
3. Phát triển bền vững

II. Ảnh hưởng của dân số tới phát triển kinh tế

1. Tác động của dân số tới nguồn lao động và việc làm
 - a. Quy mô nguồn lao động
 - b. Chất lượng nguồn lao động
 - c. Nhu cầu việc làm và trình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm
2. Tác động của dân số tới tăng trưởng kinh tế
 - a. Ảnh hưởng của gia tăng dân số đến tăng trưởng kinh tế
 - b. Ảnh hưởng của kinh tế đến gia tăng dân số
3. Dân số và đói nghèo
 - a. Khoảng cách về thu nhập giữa các nhóm nước ngày càng lớn
 - b. Các dịch vụ xã hội không đáp ứng được nhu cầu phát triển của người dân

III. Ảnh hưởng của dân số tới giáo dục và y tế

1. Dân số với giáo dục
 - a. Tác động của dân số đối với giáo dục
 - b. Tác động của giáo dục đối với dân số
2. Dân số với y tế

- a. Ảnh hưởng của dân số đối với y tế
- b. Tác động của dịch vụ y tế đối với dân số

IV. Ảnh hưởng của dân số tới sức khỏe sinh sản/sức khỏe sinh sản vị thành niên

1. Sức khỏe sinh sản và chất lượng dân số
 - a. Khái niệm
 - b. Nội dung của sức khỏe sinh sản
 - c. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản
2. Chăm sóc sức khỏe ở Việt Nam
3. Sức khỏe sinh sản vị thành niên
 - a. Khái niệm
 - b. Những nội dung chăm sóc và giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên

V. Dân số với tài nguyên và môi trường tự nhiên

1. Khái niệm
 - a. Tài nguyên
 - b. Môi trường
2. Ảnh hưởng của dân số đến tài nguyên và môi trường tự nhiên
3. Tác động tiêu cực của phát triển dân số tới tài nguyên và môi trường
 - a. Cạn kiệt và suy thoái tài nguyên đất
 - b. Suy giảm tài nguyên rừng
 - c. Cạn kiệt tài nguyên khoáng sản
 - d. Suy giảm và ô nhiễm tài nguyên nước
 - e. Suy giảm tính đa dạng sinh học
 - f. Ô nhiễm không khí và làm biến đổi khí hậu toàn cầu
4. Ảnh hưởng của sự suy thoái và cạn kiệt tài nguyên, môi trường tới chất lượng cuộc sống của con người

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe giảng do GV trình bày
- Thảo luận nhóm:

+Tác động tiêu cực của phát triển dân số tới tài nguyên và môi trường

+ Ảnh hưởng của sự suy thoái và cạn kiệt tài nguyên, môi trường tới chất lượng cuộc sống của con người

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu
- Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi...

Hình thức đánh giá:

- Hiểu được nội dung của bài học
- Trình bày powpoint theo nhóm tại lớp

V. Chính sách dân số Việt Nam

1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách dân số

a. Khái niệm

b. Mục tiêu

c. Phân loại chính sách dân số

2. Vai trò của chính sách dân số và các biện pháp tổ chức thực hiện

a. Vai trò của chính sách dân số

b. Các biện pháp tổ chức thực hiện chính sách dân số

3. Chính sách dân số Việt Nam qua các thời kỳ

a. Chính sách về dân số - KHHGD từ 1961 – 2000

b. Chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010

c. Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020

nhà C

Câu hỏi ôn tập chương II

Chương 3

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SKSS CHO VỊ THÀNH NIÊN, THANH NIÊN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 9 tiết, thảo luận 3 tiết

I. Công tác giáo dục dân số- sức khỏe- môi trường của Đoàn thanh niên.

1. Quan điểm chủ trương của Đoàn Thanh niên về giáo dục dân số - sức khỏe - môi trường cho thanh niên

2. Mục đích, nhiệm vụ của Đoàn thanh niên trong công tác giáo dục dân số - sức khỏe – môi trường.

a. Mục đích

b. Nhiệm vụ

3. Nội dung giáo dục DS-SK-MT của Đoàn thanh niên

4. Vai trò của Đoàn thanh niên trong công tác giáo dục DS-SK-MT

II. Vai trò xung kích của Đoàn thanh niên trong công tác giáo dục- sức khỏe- môi trường.

1. Đoàn thanh niên là đại diện và bảo vệ quyền lợi của thanh thiếu niên đối với dân số - sức khỏe và môi trường

2. Đoàn thanh niên đóng vai trò xung kích đi đầu trong công tác giáo dục dân số- sức khỏe- môi trường.

3. Phương thức tham gia bảo vệ môi trường của đoàn thanh niên.

III. Giới thiệu một số phong trào, mô hình truyền thông giáo dục có hiệu quả của Đoàn thanh niên về dân số, sức khỏe, môi trường

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe GV giới thiệu một số mô hình hoạt động của Đoàn thanh niên

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu

- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi...

Câu hỏi ôn tập chương III và hệ thống hết môn học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC KHỞI NGHIỆP TRONG THANH NIÊN

1. Tên học phần: **Khởi nghiệp trong thanh niên**

Tiếng Việt: **KHỞI NGHIỆP TRONG THANH NIÊN**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- Hiểu được **khởi nghiệp và thanh niên khởi nghiệp**

Trình bày được **Quá trình khởi nghiệp và phẩm chất của người kinh doanh**

Phân tích được các ý tưởng khởi nghiệp và lập dự án khởi nghiệp, từ đó **lựa chọn được ý tưởng khởi nghiệp và chuẩn bị các điều kiện để khởi nghiệp.**

6.2. Về kỹ năng

Kỹ năng giải thích và phân tích **quá trình khởi nghiệp và phẩm chất của người kinh doanh**

Vận dụng các kiến thức đã học để **điều hành mô hình khởi nghiệp**

6.3. Về thái độ

Luôn ý tưởng, có tinh thần sẵn sàng với công việc, với quyết tâm trong công việc.

Thường xuyên cập nhật thông tin về chính sách mới và những thay đổi trong

chính sách về khởi nghiệp và thanh niên khởi nghiệp.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên: Khái quát về khởi nghiệp và thanh niên khởi nghiệp; Quá trình khởi nghiệp và phẩm chất của người kinh doanh; Lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp và lập dự án khởi nghiệp; Chuẩn bị các điều kiện để khởi nghiệp; Điều hành mô hình khởi nghiệp.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác-Lênin, khoa Chính trị học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Hà (2017), *Chương trình GD ĐH ngành KNkinh doanh theo định hướng nghề nghiệp*, Nxb Lao động,

[2] Ngô Công Trường (2016), *KNthông minh*, Nxb. ĐH Kinh tế quốc dân.

[3] Nguyễn Đặng Minh Tuấn (2017), *KNđổi mới sáng tạo*, Nxb. Phụ Nữ.

[4] Võ Phước Tám, Phạm Xuân Thu, Võ Văn Khôi (2016), *Khởi dậy tinh thần KN của SV các trường đại học, cao đẳng trong bối cảnh mới hội nhập kinh tế quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Khởi nghiệp, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.

[5] Trần Văn Tùng, Lý Phát Cường (2016), *Nghiên cứu các yếu tố tác động sự khởi nghiệp kinh doanh của SV mới tốt nghiệp tại các trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, trường Đại học Công nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Huỳnh Lợi (2016), *Khởi nghiệp – bài toán tổng hợp về trách nhiệm và hành động xã hội*, trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

[7] Đỗ Thị Hoa Liên (2011), *Tác động của GD ĐH đến ý định KNkinh doanh của SV – nghiên cứu trường hợp SV tại ĐH lao động xã hội*, Đại học Lao động xã hội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (*lấy một số thập phân*)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Khái quát về khởi nghiệp và thanh niên khởi nghiệp

1. Một số lý luận chung về khởi nghiệp

1.1. Khái niệm khởi nghiệp

1.2. Phân biệt giữa khởi nghiệp sáng tạo với khởi nghiệp kinh doanh truyền thống

1.3. Phân loại khởi nghiệp

1.4. Vai trò của khởi nghiệp

2. Hệ sinh thái khởi nghiệp

2.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp là gì?

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái khởi nghiệp

3. Thanh niên khởi nghiệp

3.1. Khái niệm thanh niên

3.2. Thanh niên khởi nghiệp

3.3. Đặc điểm của thanh niên ảnh hưởng đến quá trình khởi nghiệp

4. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn học

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi:

1. Thanh niên khởi nghiệp có thuận lợi và khó khăn gì?
2. Hãy nêu ý tưởng kinh doanh mà bạn đang ấp ủ và trả lời tại sao bạn lại có ý tưởng đó?

Chương 2. Quá trình khởi nghiệp và phẩm chất của người kinh doanh

1. Khái quát chung về quá trình khởi nghiệp

1.1. Khái niệm quá trình khởi nghiệp

1.2. Các giai đoạn của quá trình khởi nghiệp

1.3. Đặc điểm của quá trình khởi nghiệp

1.4. Căn cứ, cơ sở phát hiện ý tưởng/từ đâu mà có ý tưởng

1.5. Phương pháp để phát hiện ý tưởng

1.6. Những yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp

2. Một số đặc điểm cơ bản của nghề kinh doanh và những phẩm chất cơ bản của người kinh doanh

2.1. Một số đặc điểm cơ bản của nghề kinh doanh

2.2. Phẩm chất cơ bản của người kinh doanh

Câu hỏi:

1. Bạn hãy liệt kê 10 ý tưởng kinh doanh của mình đang ấp ủ. Trong các ý tưởng đó đâu là ý tưởng kinh doanh mà mình tâm đắc nhất, tại sao?

2. Làm thế nào để lựa chọn được ý tưởng kinh doanh tốt nhất?

3. Một kế hoạch kinh doanh có những nội dung cơ bản gì?

Chương 3. LỰA CHỌN Ý TƯỞNG VÀ LẬP DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP

I. LỰA CHỌN Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP

1. Cơ hội khởi nghiệp kinh doanh và nhận diện cơ hội khởi nghiệp kinh doanh

2. Ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh

2.1. Khái niệm ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh

2.2. Vai trò của ý tưởng kinh doanh:

2.3. Yêu cầu về ý tưởng khởi nghiệp:

2.4 Cách thức lựa chọn ý tưởng kinh doanh tốt

3. Sự giống và khác nhau giữa cơ hội kinh doanh và ý tưởng kinh doanh

II. LẬP DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP

1. Khái quát về lập dự án khởi nghiệp

2. Đặc điểm của dự án đầu tư khởi nghiệp

3. Vai trò của lập dự án khởi nghiệp

4. Nội dung cơ bản dự án khởi nghiệp

Câu hỏi:

1. Khởi nghiệp là gì? Trình bày những đặc điểm giống và khác nhau giữa khởi nghiệp truyền thống và khởi nghiệp sáng tạo;

2. Hãy mô tả một ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh mà anh/chị đang tâm đắc.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

SỨC KHOẺ TÂM THẦN

1. Tên học phần: Sức khỏe tâm thần

Tiếng Việt: **SỨC KHOẺ TÂM THẦN**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

Trình bày được những vấn đề lí luận về sức khỏe tâm thần, và các khái niệm, định nghĩa liên quan.

Phân tích được các khía cạnh sinh học, tâm lý, văn hoá, kinh tế, cộng đồng và các giải quyết vấn đề về sức khỏe tâm thần và bệnh tâm thần.

Phân loại được các rối loạn tâm thần chính/phổ biến.

Trình bày được các phương pháp, cách thức tiếp cận mang tính cá nhân, lâm sàng, cộng đồng để phòng ngừa, xử lý và quản lý tâm bệnh.

Diễn giải được ý nghĩa và sự khác biệt đến từ vấn đề văn hóa đa dạng liên quan đến sức khỏe tâm thần.

6.2. Về kĩ năng

Sử dụng các kỹ năng và quy trình giải quyết vấn đề có hệ thống để xem xét, lựa chọn cung cấp dịch vụ, cách thức điều trị, can thiệp, chăm sóc cho bệnh nhân và gia đình gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần.

Vận dụng kiến thức vào quá trình làm việc với người có vấn đề về sức khỏe tâm thần và các bên liên quan như gia đình, trường học, nơi làm việc, cộng đồng nói chung,...

6.3. Về thái độ

Đánh giá đúng vai trò của việc ứng dụng kiến thức sức khỏe tâm thần trong hoạt động của nhân viên CTXH

Tôn trọng các chính sách, quyền lợi, quy định, điều luật, nguyên tắc chung khi làm việc với thân chủ và các bên liên quan

Tôn trọng, lưu ý và cân nhắc đến sự khác biệt về mặt văn hóa trong quá trình tìm hiểu lý thuyết cũng như thực hành.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học cung cấp những nội dung chính gồm: những vấn đề chung về sức khỏe tâm thần, với các khái niệm cơ bản, diễn giải và phân tích các yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần (như xã hội, văn hóa, kinh tế, v.v.). Đồng thời, môn học cũng giới thiệu sơ lược về các rối loạn tâm thần, với những con số tỷ lệ dịch tễ cụ thể, rõ ràng. Người học được giới thiệu và thực hành tìm hiểu về nội dung và hình thức, so sánh các hệ thống tiêu chí chẩn đoán rối loạn tâm thần trong ICD và DSM. Cuối cùng, môn học cung cấp những kiến thức, thông tin cơ bản về cơ sở pháp lý của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần như quyền con người và các chính sách liên quan trên thế giới và tại Việt Nam.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

- [1] Bùi Đức Trình (2010), *Giáo trình tâm thần học*, NXB Đại Học Quốc Gia.
- [2] Học viện quân y, Bộ môn tâm thần và tâm lý y học (2005), *Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học)*, NXB Quân đội nhân dân.
- [3] Nguyễn Khắc Viện (2009), *Tâm lý lâm sàng trẻ em Việt Nam*, NXB Y học.
- [4] Sorel, E. (Ed.). (2012). *21st century global mental health*. Jones & Bartlett Publishers.
- [5] Hazen, E. P., Goldstein, M. A., & Goldstein, M. C. (2010). *Mental health disorders in adolescents: A guide for parents, teachers, and professionals*. Rutgers University Press.
- [6] Grant, J. E., & Potenza, M. N. (Eds.). (2010). *Young adult mental health*. Oxford University Press, USA.
- [7] Weist, M. D., Lever, N. A., Bradshaw, C. P., & Owens, J. S. (Eds.). (2013). *Handbook of school mental health: Research, training, practice, and policy*. Springer Science & Business Media.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bộ y tế (2008), *Tâm lý học Y học – Y đức*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Bộ Quốc phòng, Học viện Quân y (2016), *Giáo trình bệnh học tâm thần*, NXB Quân đội nhân dân.
- [3] Nguyễn Văn Siêm, Cao Tiên Đức (2011), *Dược lý học tâm thần, hóa liệu pháp trong một số rối loạn tâm thần ở trẻ em và thanh thiếu niên*, NXB Y Học
- [4] Trần Đình Xiêm (1986), *Tâm thần học*, ĐH Y Dược TP. HCM.
- [5] Patel, V., Minas, H., Cohen, A., & Prince, M. J. (Eds.). (2013). *Global mental health: principles and practice*. Oxford University Press.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỨC KHỎE TÂM THẦN

1.1. Khái niệm sức khỏe tâm thần

1.2. Tỷ lệ dịch tễ các vấn đề sức khỏe tâm thần toàn cầu và các vấn đề liên quan

1.2.1. Tỷ lệ dịch tễ các vấn đề sức khỏe tâm thần tại các nước trên thế giới và tại Việt Nam

1.2.2. Một số rối loạn tâm thần

1.2.3. Tác động dài hạn của các rối loạn tâm thần

1.2.4. Tác động ngắn hạn của các rối loạn tâm thần

1.2.5. Các chi phí cho điều trị rối loạn tâm thần

1.3. So sánh hệ thống chẩn đoán ICD và DSM

1.3.1. Giới thiệu về ICD và DSM trong thế kỷ XX

1.3.2. So sánh về phân loại các rối loạn trong ICD và DSM.

Chương II

CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE VÀ SỨC KHỎE TÂM THẦN

2.1. Các yếu tố xã hội trong sức khỏe tâm thần

2.1.1. Tác động của các yếu tố xã hội lên sự phát triển của não bộ trước và trong khi mang thai

2.1.2. Tác động của các yếu tố xã hội lên sự phát triển của não bộ trước và trong thời thơ ấu

2.1.3. Các yếu tố xã hội trong sức khỏe tâm thần và sự tiếp diễn của vấn đề sức khỏe tâm thần và tâm bệnh

2.2. Văn hóa, sinh học và dược lý tâm thần

2.2.1. Các yếu tố không phải sinh học ảnh hưởng đến phản ứng dược lý tâm thần

2.2.2. Các yếu tố sinh học ảnh hưởng đến phản ứng dược lý tâm thần

2.3. Các yếu tố gia đình, tâm lý xã hội, văn hóa của sức khỏe

2.3.1. Tâm thần học mang tính liên văn hóa và xã hội

2.3.2. Trẻ em và gia đình

2.3.3. Các gia đình và liệu pháp trị liệu gia đình

Chương III

SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG

3.1. Sức khỏe tâm thần trẻ em trong thế kỷ XXI

- 3.1.1. Tỷ lệ dịch tễ các rối loạn tâm thần ở trẻ em
- 3.1.2. Phòng ngừa và tuyên truyền
- 3.1.3. Phương pháp chăm sóc từ cộng đồng
- 3.1.4. Chi phí kinh tế
- 3.1.5. Văn hóa và bối cảnh
- 3.1.6. Chăm sóc tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe công cộng
- 3.1.7. Các phương pháp chăm sóc dựa vào trường học
- 3.2. Các thảm họa, thiên tai toàn cầu, chiến tranh, xung đột và các tình huống nguy cấp phức tạp: chăm sóc cho cộng đồng đặc biệt
 - 3.2.1. Tỷ lệ dịch tễ
 - 3.2.2. Stress, Sang chấn, Stress sau sang chấn và khả năng kháng cự
 - 3.2.3. Các phương pháp chăm sóc đối với stress sau sang chấn
 - 3.2.4. Các phương pháp chăm sóc đối với người có HIV/ AIDS có rối loạn tâm thần

Chương IV

QUYỀN CON NGƯỜI, VẤN ĐỀ PHÂN BIỆT KỶ THỊ, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG

- 4.1. Vấn đề phân biệt đối xử, kỳ thị và quyền con người
 - 4.1.1. Bản chất, nguồn gốc của vấn đề phân biệt đối xử, kỳ thị
 - 4.1.2. Các nhóm yếu thế
 - 4.1.3. Quyền con người
- 4.2. Xu hướng các chính sách liên quan đến sức khỏe tâm thần tại một số nước trên thế giới và Việt Nam
 - 4.2.1. Tại châu Âu
 - 4.2.2. Tại châu Mỹ - Latinh
 - 4.2.3. Tại châu Á
 - 4.2.4. Tại châu Phi
- 4.3. Sức khỏe tâm thần và hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng
 - 4.3.1. Các nội dung tuyên truyền
 - 4.3.2. Các hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

Chương V

MỘT SỐ VẤN ĐỀ SỨC KHỎE TÂM THẦN PHỔ BIẾN THEO LÚA TUỔI

5.1. Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên

5.1.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến ở trẻ em và thanh thiếu niên

5.1.1.1. Rối loạn phát triển thần kinh

5.1.1.2. Rối loạn cảm xúc - hành vi

5.1.1.3. Lạm dụng về thể chất

5.1.1.4. Rối loạn ăn uống

5.1.1.5. Nghiện/ lạm dụng chất

5.1.1.6. Các vấn đề liên quan đến trường học

5.1.2. Đánh giá, chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị, can thiệp các vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến ở trẻ em và thanh thiếu niên

5.1.2.1. Hệ thống tiêu chí chẩn đoán DSM và ICD

5.1.2.2. Các dịch vụ và phương pháp can thiệp, trị liệu dựa trên bằng chứng

5.1.2.3. Một số chương trình phòng ngừa dựa vào cộng đồng và dựa vào trường học

5.2. Sức khỏe tâm thần người trưởng thành

5.2.1. Các vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến ở người trưởng thành

5.2.1.1. Rối loạn trầm cảm

5.2.1.2. Rối loạn lo âu

5.2.1.3. Tâm thần phân liệt

5.2.1.4. Nghiện/ lạm dụng chất

5.2.1.5. Stress

5.2.2. Đánh giá, chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị, can thiệp các vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến ở người trưởng thành

5.2.2.1. Hệ thống tiêu chí chẩn đoán DSM và ICD

5.2.2.2. Các dịch vụ và phương pháp can thiệp, trị liệu dựa trên bằng chứng

5.2.2.3. Một số chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần và phòng ngừa dựa vào cộng đồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC VŨ QUỐC TẾ

1. Tên học phần: **Vũ Quốc tế**

Tiếng Việt: **VŨ QUỐC TẾ**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ ba

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Bài tập: 5 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- Sinh viên nắm vững các quy định, yêu cầu môn học.

- Nắm bài khiêu vũ tập thể 4 hướng-32 nhịp (Macarena).

- Sinh viên tập trung chú ý nắm vững nguồn gốc lịch sử, tổ hợp kỹ thuật động tác. Giáo viên phân tích và sửa kỹ thuật động tác đảm bảo các tư thế đúng.

6.2. Về kỹ năng

Sinh viên vận dụng 3 kỹ thuật cơ bản đầu tiên của Rumba kết hợp âm nhạc:

+ 1. Close basic

+ 2. New York

+ 3. Hand to hand

+4. Sport turn

6.3. Về thái độ

Sinh viên cần có thái độ tập trung, trách nhiệm, chủ động trong quá trình học tập và tiếp thu các kỹ thuật nhảy.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Vũ Quốc tế và Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức như: Sơ lược lịch sử môn khiêu vũ, khái niệm, mục đích, yêu cầu môn khiêu vũ. Đồng thời môn học cũng giới thiệu các nghi thức khi giao lưu khiêu vũ; các kỹ thuật cơ bản về bộ môn khiêu vũ gồm: Học điệu Rumba (Bước Close Basic, New York), điệu ChaChaCha (Close Basic, New York), khiêu vũ thể thao.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KHIÊU VŨ QUỐC TẾ

Sơ lược lịch sử môn Khiêu vũ.

- Các nội dung tập luyện và thi đấu trong môn Khiêu vũ.

- Khái niệm môn Khiêu vũ.
- Mục đích, yêu cầu môn Khiêu vũ.

1. Sơ lược lịch sử môn Khiêu vũ

1.1. Thế giới

1.2. Việt Nam

2. Nội dung tập luyện và thi đấu

3. Mục đích, yêu cầu

4. Giới thiệu các nghi thức khi giao lưu Khiêu vũ

Chương 2

CÁC KỸ THUẬT CƠ BẢN

I. Kỹ thuật Macarena

1. Khởi động chung:

- Tại chỗ xoay các khớp, căng ép cơ...

2. Khởi động chuyên môn

Thực hiện các tư thế cơ bản của Khiêu vũ thể thao

3. Giới thiệu nguồn gốc lịch sử điệu nhảy Macarena

4. Giới thiệu và học chuyên động cơ bản trong kỹ thuật nhảy Macarena.

5. Kết hợp động tác với Âm nhạc

II. Kỹ thuật Rumba

1. Khởi động chung:

- Tại chỗ xoay các khớp, căng ép cơ...

2. Khởi động chuyên môn

Thực hiện các tư thế cơ bản của Khiêu vũ thể thao

3. Giới thiệu nguồn gốc lịch sử điệu nhảy Rumba

4. Giới thiệu và học chuyên động cơ bản trong kỹ thuật nhảy Rumba

5. Kết hợp động tác với Âm nhạc

III. Kỹ thuật Chachacha

1. Khởi động chung:

- Tại chỗ xoay các khớp, căng ép cơ...

2. Khởi động chuyên môn

Thực hiện các tư thế cơ bản của Khiêu vũ thể thao

3. Giới thiệu nguồn gốc lịch sử điệu nhảy Chachacha

4. Giới thiệu và học chuyên động cơ bản trong kỹ thuật nhảy Chachacha

5. Kết hợp động tác với Âm nhạc

Bài tập về nhà: Tập lại các kỹ thuật đã học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Tên học phần: **Phát triển cộng đồng**

Tiếng Việt: **PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ ba

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 9 tiết

+ Bài tập: 5 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội.

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

+ Nắm vững (có thể trình bày, phân tích, lấy ví dụ được) các kiến thức cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng.

+ Trình bày được các bước của tiến trình phát triển cộng đồng, một số công cụ để tìm hiểu cộng đồng;

+ Chỉ ra được vai trò của tác viên phát triển cộng đồng;

+ Liệt kê, mô tả được qui trình xây dựng dự án phát triển cộng đồng;

+ Liệt kê, mô tả và nêu được ý nghĩa của các công cụ thường được sử dụng trong làm việc với cộng đồng.

6.2. Về kỹ năng

+ Vận dụng được kiến thức về tiến trình phát triển cộng đồng vào trong thực tế công việc.

+ Sử dụng được một số công cụ phát triển cộng đồng vào trong thực tế làm việc với cộng đồng.

+ Thiết kế được một dự án phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân.

6.3. Về thái độ

+ Đánh giá đúng vai trò của việc ứng dụng kiến thức của môn học Phát triển cộng đồng vào công việc từ đó thể hiện thái độ tích cực trong quá trình học tập.

+ Có ý thức quan tâm tới việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Phát triển cộng đồng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng bao gồm: một số vấn đề cơ bản về phát triển cộng đồng như khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng, các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng, nghề tác viên phát triển cộng đồng (phẩm chất, vai trò của tác viên phát triển cộng đồng và một số nội dung của nghề tác viên phát triển cộng đồng); các công cụ sử dụng trong thu thập thông tin và đánh giá cộng đồng và các kiến thức về quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Phương pháp Công tác xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Tài liệu chính

[1]. Trường Đại học Lao động xã hội. TS Nguyễn Kim Liên. *Giáo trình Phát triển cộng đồng*. NXB Lao động - Xã hội (2010)

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang, *Phát triển cộng đồng, Lý thuyết và vận dụng*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội (2000)

[2]. Lê Chí An, *Tài liệu hướng dẫn học tập công tác xã hội nhập môn*, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh (2006)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (*lấy một số thập phân*)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

- 1.1 Một số khái niệm cơ bản trong phát triển cộng đồng
 - 1.1.1 Cộng đồng
 - a. Khái niệm về cộng đồng
 - b. Phân loại cộng đồng
 - c. Vai trò của cộng đồng
 - d. Các yếu tố tạo thành cộng đồng
 - 1.1.1 Khái niệm phát triển cộng đồng
 - a. Một số khái niệm liên quan
 - b. Khái niệm phát triển cộng đồng
 - 1.1.3 Những yếu tố tác động đến sự phát triển của cộng đồng
 - a. Nhu cầu của cộng đồng
 - b. Đoàn kết cộng đồng và ý thức cộng đồng
 - c. Cấu trúc và thiết chế của cộng đồng
 - d. Quản lý, lãnh đạo cộng đồng
 - 1.1.4 Vấn đề của cộng đồng
 - a. Khái niệm
 - b. Nguồn gốc vấn đề của cộng đồng
 - c. Phân loại vấn đề của cộng đồng
 - d. Một số mô hình giải quyết vấn đề của cộng đồng
 - 1.1.5 Một số đặc điểm của cộng đồng ở Việt Nam

- a. Đặc điểm của cộng đồng nông thôn
- b. Đặc điểm của cộng đồng thành thị
- 1.2 Những vấn đề cơ bản của phát triển cộng đồng
 - 1.2.1 Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển cộng đồng
 - a. Trên thế giới
 - b. Ở Việt Nam
 - 1.2.2 Mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của phát triển cộng đồng
 - a. Mục tiêu của phát triển cộng đồng
 - b. Nội dung của phát triển cộng đồng
 - c. Ý nghĩa của phát triển cộng đồng
 - 1.2.3 Nguyên tắc của phát triển cộng đồng
 - a. Phát triển cộng đồng phải xuất phát từ nhu cầu đích thực của người dân
 - b. Đảm bảo sự tham gia và quyền tự quyết của người dân
 - c. Tin vào khả năng thay đổi của người dân
 - d. Tăng cường sự tham gia và quyền tự quyết của người dân
 - e. Phát huy nội lực của cộng đồng
 - f. Phát huy vai trò và liên kết các nhóm hành động
 - g. Đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch
 - h. Tuân thủ tiến trình và các phương pháp tiếp cận đặc thù
- 1.3 Tiến trình phát triển cộng đồng
 - 1.3.1 Cộng đồng yếu kém
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm của cộng đồng yếu kém
 - 1.3.2 Cộng đồng thức tỉnh
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm của cộng đồng thức tỉnh
 - 1.3.3 Cộng đồng tăng lực
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm của cộng đồng tăng cường năng lực

1.3.4 Cộng đồng tự lực, tự quyết

- a. Khái niệm
- b. Đặc điểm của cộng đồng tự lực

Chương 2

TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

2.1 Khái niệm, mục đích của tiến trình tổ chức cộng đồng

2.1.1 Khái niệm tiến trình tổ chức cộng đồng

2.1.2 Mục đích của tiến trình tổ chức cộng đồng

2.2 Các bước trong tiến trình tổ chức cộng đồng

2.2.1 Chọn cộng đồng

- a. Lựa chọn cộng đồng
- b. Tiếp cận cộng đồng

2.2.2 Thâm nhập cộng đồng

- a. Tìm hiểu cộng đồng
- b. Nhận diện những nhân tố tích cực
- c. Nghiên cứu sự tham gia

2.2.3 Phân tích cộng đồng

- a. Tổng quan về cộng đồng
- b. Phát hiện tiềm năng, thuận lợi của cộng đồng
- c. Phân tích khó khăn, cản trở của cộng đồng
- d. Xác định vấn đề của cộng đồng (Khái niệm, nguồn gốc, phân loại)
- e. Tìm hiểu nhu cầu của cộng đồng
- g. Phân tích các mối quan hệ trong cộng đồng
- h. Xác định được các nguồn lực của cộng đồng

2.2.4 Thành lập ban điều hành của cộng đồng

- a. Tổ chức họp dân
- b. Bầu chọn ban đại diện

2.2.5 Lập kế hoạch hành động của cộng đồng

- a. Xác định mục tiêu hoạt động của cộng đồng
- b. Lập kế hoạch hành động của cộng đồng

- c. Xác định trách nhiệm của các bên liên quan
 - d. Phân công nhiệm vụ
- 2.2.6 Xây dựng các nhóm hành động của cộng đồng
- a. Nhận diện các nhóm/tổ chức trong cộng đồng
 - b. Thành lập nhóm nòng cốt
 - c. Tập huấn, bồi dưỡng nhóm nòng cốt
 - d. Tin tưởng giao nhiệm vụ và phát huy năng lực của nhóm nòng cốt
 - e. Thúc đẩy các nhóm/người dân hành động
- 2.2.7 Củng cố tổ chức, phát huy vai trò các nhóm
- a. Củng cố, duy trì các nhóm hoạt động
 - b. Khích lệ động viên, khen thưởng cá nhân và nhóm
 - c. Phát huy tối đa vai trò của nhóm nòng cốt
 - d. Chuyển giao trách nhiệm cho cộng đồng
- 2.2.8 Liên kết bên trong và bên ngoài cộng đồng
- a. Liên kết và phát huy vai trò của cá nhân và các nhóm bên trong cộng đồng
 - b. Phối hợp với các nhóm và cộng đồng bên ngoài để huy động các nguồn lực
- 2.2.9 Lượng giá các hoạt động phát triển
- a. Hiệu quả của các chương trình hành động
 - b. Sự phát triển của các nhóm
 - c. Những cản trở trong việc phối hợp giữa các bên liên quan
- 2.2.10 Chuyển giao các cộng đồng tự lực
- a. Khuyến khích các cộng đồng tự lực phát triển
 - b. Tích cực chuyển giao, tiếp tục nhân rộng các cộng đồng tự lực
- 2.3 Các phương pháp cơ bản trong tổ chức cộng đồng
- 2.3.1 Các phương pháp thu thập thông tin
- a. Sơ đồ Venn
 - b. Phân tích SWOT
 - c. Công cụ phân tích vấn đề
 - d. Công cụ phân tích mục tiêu

2.3.2 Công cụ đánh giá cộng đồng có sự tham gia của người dân

- a. Khái niệm về PRA
- b. Nguyên tắc thực hiện công cụ PRA
- c. Các điều kiện cần thiết để thực hiện PRA

Một số công cụ đánh giá cộng đồng có sự tham gia của người dân

Chương 3 **TÁC VIÊN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

3.1 Nghề tác viên cộng đồng

3.1.1 Khái niệm tác viên cộng đồng

3.1.2 Các kỹ năng cần có của tác viên cộng đồng

- a. Tổ chức các cuộc họp với người dân
- b. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho người dân ở cộng đồng
- c. Xây dựng các nhóm/tổ chức của người dân
- d. Đánh giá cộng đồng
- e. Lập kế hoạch cộng đồng có sự tham gia

3.1.3 Vai trò của tác viên cộng đồng

- a. Tạo dựng các mối quan hệ trong cộng đồng
- b. Nghiên cứu
- c. Huấn luyện
- d. Lập kế hoạch/dự án
- e. Vận động nguồn lực
- f. Biện hộ

3.1.4 Phẩm chất của tác viên cộng đồng

- a. Trung thực
- b. Kiên trì, nhẫn nại
- c. Khiêm tốn, biết học hỏi từ người dân
- d. Khách quan, vô tư
- e. Có đạo đức nghề nghiệp

Chương 4

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

4.1 Các khái niệm

4.1.1 Dự án và quản lý dự án

- a. Khái niệm dự án
- b. Khái niệm quản lý dự án

4.1.2 Dự án phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân

- a. Thế nào là dự án PTCĐ?
- b. Thế nào là dự án phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân?

4.1.3 Điều kiện để xây dựng một dự án PTCĐ có sự tham gia của người dân

- a. Nhu cầu của cộng đồng
- b. Nguồn lực
- c. Các bên tham gia

4.2 Quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân

4.2.1 Khảo sát thực trạng, xác định nhu cầu của cộng đồng

- a. Tìm hiểu đặc điểm tình hình chung của cộng đồng
- b. Tìm hiểu, đánh giá nhu cầu của người dân

4.2.2 Thiết kế dự án

- a. Xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể
- b. Đánh giá nguồn lực của cộng đồng
- c. Phân tích các cơ hội và trở ngại của cộng đồng
- d. Xây dựng kế hoạch hành động theo khung logic

4.2.3 Thẩm định và phê duyệt dự án

- a. Thẩm định dự án
- b. Phê duyệt dự án

4.2.4 Triển khai thực hiện dự án

- a. Các hoạt động phối hợp
- b. Các hoạt động giám sát
- c. Các hoạt động quản lý

d. Huy động sự tham gia của người dân

4.2.5 Lượng giá dự án

a. Theo dõi, giám sát dự án

b. Đánh giá dự án

4.2.6 Kết thúc và duy trì kết quả dự án

a. Kết thúc dự án

b. Duy trì bền vững kết quả của dự án

4.2.7 Viết đề xuất dự án phát triển cộng đồng

a. Phần thông tin chung

b. Bối cảnh dự án

c. Các mục tiêu

d. Kế hoạch hoạt động của dự án

e. Dự kiến nhân sự

f. Dự trù kinh phí

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐOÀN, HỘI, ĐỘI

1. Tên học phần: Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội

Tiếng Việt: **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐOÀN, HỘI, ĐỘI**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất, thứ hai

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 35 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Với môn học này sinh viên sẽ lĩnh hội được:

+ Những cơ sở khoa học về xây dựng Đoàn;

+ Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

+ Những nội dung và phương thức cơ bản về xây dựng Đoàn.

6.2. Về kỹ năng: Hình thành, phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp hệ thống tri thức lý luận, vận dụng sáng tạo những kiến thức được học vào thực tiễn công tác thanh niên.

6.3. Về thái độ: Có thái độ nghiêm túc, khoa học trong việc tiếp thu tri thức, biết vận dụng sáng tạo lý luận và thực tiễn xây dựng Đoàn nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học Xây dựng Đoàn cung cấp có hệ thống những kiến thức cơ bản về đối tượng và những cơ sở khoa học về xây dựng Đoàn; Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Những nội dung và phương thức cơ bản về xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức,

tạo nền tảng kiến thức cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo của công tác thanh niên.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Công tác thanh niên

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh: “Ba mươi năm hoạt động của Đảng CSVN”, Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 1960.
2. C.Mác: “ Bộ Tư bản”, Q1 – T2, Nxb Sự thật, năm 1962.
3. V.I.Lênin: “Tuyển tập tập 1”, Nxb Sự thật, năm 1967.
4. Hồ Chí Minh “Về xây dựng Đảng”, Nxb Sự thật, năm 1980.
5. Ph.Ăngghen “Thư chào mừng Quốc tế sinh viên”.
6. V.I.Lênin: “Một bước tiến hai bước lùi”, Toàn tập – Tr41 – T1, năm 1978.
7. V.I.Lênin: “Nhiệm vụ của Đoàn TNCS”, Toàn tập, năm 1978 (Nxb Tiến bộ, Hà Nội, năm 1978).
8. Hồ Chí Minh: “Về giáo dục thanh niên”, Nxb Thanh niên.
9. V.I.Lenin “Nhiệm vụ của Đoàn TNCS” Toàn tập – Tr41, Nxb Tiến bộ, Hà Nội, năm 1978.
10. Án nghị quyết của ĐCSĐĐ, tháng 10 năm 1930.
11. Hồ Chí Minh “Ba mươi năm đấu tranh của Đảng” (Tạp chí vấn đề của Đảng và CNXH, số 2/1960).
12. Điều lệ Đảng CSVN, khóa XI.

13. Hồ Chí Minh – “Bài nói tại Đại hội thanh niên tích cực XHCN”. Năm 1960.

14. Hồ Chí Minh “Về xây dựng Đảng” (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 1960)

15. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

16. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA XÂY DỰNG ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thảo luận 00 tiết

1. Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tất yếu khách quan

2. Đối tượng xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

3. Quy luật khách quan về xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

4. Phương pháp nghiên cứu về xây dựng Đoàn

a. Phương pháp luận khoa học

b. Phương pháp cụ thể

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Tại sao Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tất yếu khách quan? Đối tượng và các quy luật khách quan về xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 04 tiết, thảo luận 03 tiết

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng, xây dựng Đoàn

a. Lý luận C. Mác – Ph. Ăng ghen về xây dựng Đảng.

b. V.I. Lê nin về xây dựng Đảng kiểu mới.

c. Lý luận của C. Mác – Ph. Ăng ghen về xây dựng tổ chức thanh niên cách mạng.

d. Lênin về Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên Cộng sản Nga

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản và xây dựng Đoàn

a. Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản

b. Tổ chức ra Đoàn TNCS Đông Dương

c. Xây dựng Đoàn TNCS là xây dựng Đảng trước một bước

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích lý luận C. Mác - Ph. Ăng ghen về xây dựng Đảng?

+ Nêu và phân tích quan điểm của V.I. Lê nin về xây dựng Đảng kiểu mới?

+ Phân tích lý luận của C. Mác - Ph. Ăng ghen về xây dựng tổ chức thanh niên cách mạng?

+ Nêu và phân tích quan điểm của Lê nin về nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Nga?

+ Phân tích và đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản và xây dựng Đoàn?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. C. Mác: “ *Bộ Tư bản*”, Q1 – T2, Nxb Sự thật, năm 1962.

3. V.I.Lênin: “*Tuyển tập tập 1*”, Nxb Sự thật, năm 1967.
4. V.I.Lênin: “*Nhiệm vụ của Đoàn TNCS*”, Toàn tập, năm 1978 (Nxb Tiến bộ, Hà Nội, năm 1978).
5. Hồ Chí Minh: “*Ba mươi năm hoạt động của Đảng CSVN*”, Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 1960.
6. Hồ Chí Minh “*Về xây dựng Đảng*”, Nxb Sự thật, năm 1980.

CHƯƠNG 3. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 04 tiết, thảo luận/Thực hành: 03 tiết

1. Vị trí của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
2. Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
3. Vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
4. Nguyên tắc tổ chức xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

- + Phân tích vị trí, vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh?
- + Phân tích các chức năng, nhiệm vụ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh? Hiện nay, tổ chức Đoàn các cấp đã làm gì để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ ấy?
- + Lấy ví dụ về các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.
2. *Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh* (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG ĐOÀN VỀ TƯ TƯỞNG- CHÍNH TRỊ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thảo luận/Thực hành 02 tiết

1. Giáo dục thanh niên học tập và làm theo tấm gương đạo đức, nhân cách Hồ Chí Minh
2. Chú trọng giác ngộ cách mạng cho đoàn viên, thanh niên

3. Tăng cường giáo dục truyền thống cho thanh niên
4. Đẩy mạnh hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cách mạng
5. Cổ vũ tinh thần sống theo Hiến pháp và pháp luật

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Phân tích các nội dung xây dựng Đoàn về tư tưởng - chính trị? Đánh giá thực trạng xây dựng Đoàn về tư tưởng - chính trị của Đoàn cơ sở nơi cư trú?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), sơ đồ hóa nội dung yêu cầu, phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.
2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).
3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 5. CÔNG TÁC ĐOÀN VIÊN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 03 tiết

1. Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
2. Phát triển đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của đoàn viên
4. Rèn luyện, nâng cao chất lượng đoàn viên
5. Xây dựng mô hình nhân cách đoàn viên

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là ai? Phân tích mối quan hệ giữa đoàn viên và thanh niên.

+ Phân tích quy trình phát triển đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh và lấy ví dụ cụ thể?

+ Bản thân anh (chị) đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của đoàn viên như thế nào?

+ Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh nâng cao chất lượng đoàn viên

bằng cách nào?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013)

CHƯƠNG 6. XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 03 tiết

1. Vị trí, vai trò, chức năng Đoàn cơ sở
2. Vị trí, vai trò, chức năng của chi đoàn
3. Những nhiệm vụ của chi đoàn
4. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi đoàn.
5. Những mô hình phân loại chi đoàn

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích vị trí vai trò, chức năng Đoàn cơ sở và chi đoàn?

+ Phân tích những nhiệm vụ của chi đoàn? Liên hệ chi đoàn nơi anh (chị) học tập đã thực hiện những nhiệm vụ đó như thế nào?

+ Những vấn đề hạn chế trong sinh hoạt chi đoàn hiện nay là gì? Tổ chức Đoàn cần làm gì để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi đoàn?

+ Liên hệ thực tiễn để phân tích và đánh giá các mô hình phân loại chi đoàn hiện nay?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 7. CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 00 tiết

1. Vị trí vai trò của cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

2. Nhiệm vụ của cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

3. Nâng cao phẩm chất và năng lực cán bộ của Đoàn

4. Hiệu quả hoạt động cán bộ của Đoàn

5. Phương pháp hoạt động đội ngũ cán bộ của Đoàn

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Cán bộ Đoàn là ai?

+ Cán bộ Đoàn có vị trí, vai trò như thế nào?

+ Cán bộ Đoàn thực hiện những nhiệm vụ gì?

+ Cán bộ Đoàn cần phải có những phẩm chất và năng lực gì?

+ Để thực hiện hoạt động đạt hiệu quả cao, người cán bộ Đoàn phải rèn luyện như thế nào?

+ Thực trạng công tác cán bộ Đoàn hiện nay? Giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác cán bộ Đoàn?

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nâng cao chất lượng đoàn viên bằng cách nào?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 8

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 03 tiết

1. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh – đội quân xung kích cách mạng của Đảng
2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng
3. Tích cực chủ động tham mưu cho Đảng về công tác thanh niên
4. Chủ động công tác xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng
5. Chăm sóc thiếu niên nhi đồng và xây dựng Đội

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Đảng đánh giá như thế nào về vị trí, vai trò của Đoàn trong công tác xây dựng Đảng? Phân tích những quan điểm đánh giá đó?

+ Đoàn tham gia xây dựng Đảng bằng cách nào?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 9: CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 00 tiết

1. Vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát
2. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
3. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát trong công tác Đoàn?

+ Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đoàn là gì? Liên hệ việc thực hiện những nhiệm vụ đó ở các cơ sở Đoàn hiện nay?

+ Tổ chức Đoàn cần làm gì để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 10. CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT CỦA ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 00 tiết

1. Mục đích, ý nghĩa của khen thưởng, kỷ luật trong Đoàn.

a. Mục đích, ý nghĩa của khen thưởng.

b. Mục đích, ý nghĩa của kỷ luật.

2. Các yêu cầu trong công tác khen thưởng, kỷ luật của Đoàn.

a. Yêu cầu trong công tác khen thưởng.

b. Yêu cầu trong công tác kỷ luật.

3. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật.

a. Các hình thức khen thưởng.

b. Các hình thức kỷ luật.

4. Đổi mới công tác khen thưởng, kỷ luật của Đoàn.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Khen thưởng, kỷ luật trong Đoàn nhằm mục đích gì?

+ Xóa tên có phải là hình thức kỷ luật không?

+ Xóa tên và khai trừ có phải là một không?

+ Hiện nay công tác khen thưởng, kỷ luật của Đoàn cơ sở nơi anh (chị) cư trú có vấn đề gì cần phải giải quyết không? Nếu có thì cần phải có giải pháp gì để đảm bảo hiệu quả công tác khen thưởng, kỷ luật của Đoàn?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).

3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

CHƯƠNG 11. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐOÀN

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 03 tiết

1. Khái niệm lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn.

3. Nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn.

4. Các phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn.

5. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn.

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận:

+ Phân tích khái niệm lãnh đạo, chỉ đạo?

+ Phân tích và lấy ví dụ về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn?

+ Phân tích nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn?

+ Thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đoàn hiện nay? Đề xuất giải pháp?

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*.

2. Báo cáo chính trị của BCHTW Đoàn (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2012).
3. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Nxb Sự thật, Hà Nội, năm 2013).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐOÀN HỘI ĐỘI

1. Tên học phần: **Nghiệp vụ công tác Đoàn Hội Đội**

Tiếng Việt: **NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐOÀN HỘI ĐỘI**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ ba

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 9 tiết

+ Bài tập: 5 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Phương nghiên cứu Tâm lý

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- *Nắm vững* (có thể trình bày, phân tích, lấy ví dụ được) những vấn đề chung về thanh niên và công tác thanh niên.

- *Nắm vững* (có thể trình bày, phân tích, lấy ví dụ được) những vấn đề thuộc phạm trù thanh niên và công tác thanh niên như phát triển thanh niên; phương pháp tiếp cận thanh niên; tổ chức thanh niên; đoàn viên và công tác Đoàn thanh niên; phong trào thanh thiếu niên; Quản lý Nhà nước về Công tác thanh niên.

- *Hiểu* (giải thích, phân tích, diễn đạt, tóm tắt, khái quát hóa, xây dựng, chứng minh, trình bày) quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và Công tác thanh niên.

6.2. Về kỹ năng

- Trên cơ sở các kiến thức lí luận, giúp người học có được tư duy khoa học và khả năng liên hệ được với thực tiễn thanh niên và công tác thanh niên hiện nay. Từ đó, tìm hiểu, giải thích được một số vấn đề thuộc về quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và Công tác Thanh niên.

- Hình thành cho người học kỹ năng nhận xét, đánh giá về thanh niên và Công tác thanh niên trong các hoạt động thực tiễn.

6.3. Về thái độ

- Nhận thức đúng vị trí, vai trò, nhiệm vụ của thanh niên và công tác thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Từ đó có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện, khẳng định vị trí, vai trò và thực hiện nhiệm vụ của thanh niên và công tác thanh niên.

- Trên cơ sở đó, xác định mục tiêu, phương hướng và kế hoạch rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân trong quá trình học tập.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Lý luận chung về công tác thanh niên đảm bảo cung cấp cho sinh viên ngành Công tác Thanh thiếu niên một hệ thống tri thức lí luận cơ bản. Hình thành nền tảng vững chắc về những vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính

1. Báo cáo tham luận Hội thảo Khoa học Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và Hội nhập quốc tế (3/2016). Phần thứ nhất: Những vấn đề lý luận, thực tiễn về xây dựng, phát triển tổ chức Đoàn và các phong trào thanh niên.

2. Luật Thanh niên 2005.

3. Dương Tự Đàm (1999), Phương pháp tiếp cận thanh niên hiện nay, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

4. Dương Tự Đàm (2015), Tập bài giảng môn Lý luận chung về Công tác thanh niên.

5. Trần Văn Miều (2010), Thuật ngữ công tác Đoàn, phong trào Thanh niên, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

6. Phạm Đình Nghiệp (1995), Vấn đề thanh niên nhìn nhận và dự báo, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. C.Mác – Ph.Ăngghen (1967), Bộ Tư bản, Q.1 – T2, Nxb Sự thật.
2. C.Mác – Ph.Ăngghen (1978), Bộ Tư bản, Q.2 – T1, Nxb Tiến bộ.
3. C.Mác – Ph.Ăngghen (1980), Tuyển tập, T1, 16, 20, Nxb Sự thật.
4. C.Mác – Ph.Ăngghen (1980), Toàn tập, T20, 21, Nxb Sự thật.
5. C.Mác – Ph.Ăngghen (1982), Bàn về thanh niên, Nxb Thanh niên.
6. C.Mác – Ph.Ăngghen (1967), Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản, Nxb Sự thật.
7. C.Mác – Ph.Ăngghen (1967), Nguyên lý Chủ nghĩa Cộng sản, Nxb Sự thật.
8. Ph.Ăngghen (1980), Nguồn gốc gia đình và chế độ tư hữu, Nxb Sự thật.
9. V.I Lênin (1967), Toàn tập – T7, Nxb Sự thật.
10. V.I Lênin (1967), Toàn tập – T14, Nxb Sự thật.
11. V.I Lênin (1960), Toàn tập – T40, Nxb Tiến bộ.
12. V.I Lênin (1978), Toàn tập – T41, Nxb Tiến bộ.
13. V.I Lênin – Stalin (1980), Bàn về thanh niên, Nxb Thanh niên.
14. Hồ Chí Minh (1980), Về giáo dục thanh niên (1-11 và 27- 32), Nxb Thanh niên.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

NHẬP MÔN LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học

a. Khái niệm

- b. Đối tượng nghiên cứu của môn học
- 2. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học
- II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học
- 1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học
- a. Cơ sở phương pháp luận
- b. Phương pháp nghiên cứu
- 2. Ý nghĩa của việc học tập môn học

Chương 2

NHỮNG PHẠM TRÙ CỦA THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

- I. Thanh niên
 - 1. Một số vấn đề về thanh niên
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm cơ bản
 - c. Phân loại
 - 2. Một số vấn đề thuộc phạm trù thanh niên
 - a. Phát triển thanh niên
 - b. Phương pháp tiếp cận thanh niên
 - II. Công tác thanh niên
 - 1. Một số vấn đề về công tác thanh niên
 - a. Khái niệm
 - b. Chủ thể, khách thể, đối tượng
 - c. Mục đích
 - d. Nội dung
 - 2. Một số vấn đề thuộc phạm trù công tác thanh niên
 - a. Tổ chức thanh niên
 - b. Đoàn viên và công tác Đoàn thanh niên
 - c. Phong trào thanh thiếu niên
 - d. Quản lý Nhà nước về công tác thanh niên
- Ôn tập Chương 2.

Chương 3. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN VỀ THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

- I. Vị trí, vai trò của thanh niên
 - II. Quan điểm của Mác về cách mạng hóa thanh niên
 1. Cách mạng hóa thanh niên là gì?
 2. Bản chất của chủ nghĩa Mác về chiến lược trong công tác thanh niên
 - a. Quan điểm của giai cấp phong kiến về thanh niên
 - b. Quan điểm của giai cấp tư sản về thanh niên
 - c. Chiến lược về công tác thanh niên của chủ nghĩa Mác
 3. Vấn đề xây dựng tổ chức thanh niên cách mạng
 - a. Tập hợp đoàn kết thanh niên để giác ngộ lý tưởng cách mạng và phát triển thanh niên
 - b. Tập hợp đoàn kết thanh niên trong một tổ chức cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng công nhân
 - II. Quan điểm của V.I. Lênin về giáo dục Chủ nghĩa Cộng sản cho thanh niên
 1. Nhiệm vụ “học chủ nghĩa cộng sản” của thanh niên
 2. Nhiệm vụ giáo dục của Đoàn Thanh niên Cộng sản
 - a. Đoàn Thanh niên Cộng sản là trường học giáo dục cộng sản chủ nghĩa của thanh niên
 - b. Đoàn Thanh niên Cộng sản giúp Đảng bồi dưỡng, rèn luyện thanh niên trở thành chiến sĩ cộng sản
- Ôn tập Chương 3.

Chương 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

- I. Về vị trí, vai trò của thanh niên
 1. Thanh niên với vận mệnh của dân tộc
 2. Thanh niên là người chủ tương lai của đất nước
- II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên
 1. Giáo dục và sự phát triển hoàn thiện nhân cách
 - a. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm quan trọng và cần thiết

- b. Thực hiện năm điều Bác dạy thanh niên để phát triển nhân cách toàn diện
 2. Kết hợp giáo dục và tự giáo dục
 3. Giáo dục thanh niên là quá trình kết hợp giữa xây và chống
- III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tập hợp thanh niên và công tác thanh niên
1. Tập hợp thanh niên trong một tổ chức cách mạng độc lập
 2. Tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên
 3. Xây dựng đội thiếu niên, trường học giáo dục thiếu nhi
- Ôn tập Chương 4.

Chương 5. ĐƯỜNG LỐI, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ THANH NIÊN, CÔNG TÁC THANH NIÊN

- I. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên những năm đầu đổi mới
- II. Những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác thanh niên
 1. Công tác thanh niên là bộ phận quan trọng của chiến lược cách mạng Việt Nam
 2. Công tác thanh niên nhằm mục tiêu “cách mạng hóa thanh niên”
 3. Công tác thanh niên là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và của toàn xã hội
 4. Công tác thanh niên là một vấn đề khoa học, phải được vận động theo quy luật khách quan
 5. Xây dựng Đoàn là bộ phận trọng yếu của xây dựng Đảng và là xây dựng Đảng trước một bước
- III. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác thanh niên
 1. Nội dung lãnh đạo của Đảng về công tác thanh niên hiện nay
 2. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên
 - a. Đảng lãnh đạo bằng đường lối, nghị quyết
 - b. Đảng lãnh đạo thông qua hệ thống chính trị - xã hội và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
 - c. Đảng lãnh đạo bằng sự gương mẫu, tiên phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên
 - d. Đảng lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát
 3. Một số giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong giai đoạn hiện nay

Ôn tập Chương 5.

Ôn tập và giải đáp thắc mắc cho toàn bộ chương trình học tập môn Lý luận chung về công tác thanh niên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAM VẤN CHO TRẺ BỊ LẠM DỤNG

1. Tên học phần: Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng

Tiếng Việt: THAM VẤN CHO TRẺ BỊ LẠM DỤNG

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ bị lạm dụng: Khái niệm, các vấn đề của trẻ bị lạm dụng, nhà tham vấn trẻ bị lạm dụng
- Mô tả được quy trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng nói chung và một số đối tượng trẻ bị lạm dụng đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ bị lạm dụng cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.
- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ bị lạm dụng để thực hành ca giả định
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ bị lạm dụng để tham vấn các đối tượng trẻ bị lạm dụng cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ bị lạm dụng
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp trẻ bị lạm dụng

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ bị lạm dụng cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ bị lạm dụng bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ bị lạm dụng, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ bị lạm dụng, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng. Môn học giúp sinh viên hiểu về qui trình tham vấn trẻ bị lạm dụng, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ bị lạm dụng thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ bị lạm dụng bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ bị lạm dụng làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ bị lạm dụng bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ bị lạm dụng và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ bị lạm dụng qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ BỊ LẠM DỤNG

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.1.1. Trẻ bị lạm dụng

1.1.2. Tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.2. Một số vấn đề của trẻ bị lạm dụng

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.3.2.1. Giúp trẻ bị lạm dụng nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ bị lạm dụng nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ bị lạm dụng nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ bị lạm dụng những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ bị lạm dụng ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ bị lạm dụng

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tổn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ bị lạm dụng?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng, Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng, Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN TRẺ BỊ LẠM DỤNG

- 2.1. Thiết lập mối quan hệ
- 2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề
- 2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện
- 2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề
- 2.5. Lượng giá và kết thúc
- 2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ BỊ LẠM DỤNG

- 3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng
 - 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.1.1.1. Khái niệm
 - 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
 - 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi

- 3.1.2.1. Khái niệm
- 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
- 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
- 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
- 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.34.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
- 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
- 3.1. 6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ bị lạm dụng
- 3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ bị lạm dụng
 - 3.2.1. Tổ chức trò chơi
 - 3.2.2. Hỏi tương – kể chuyện
 - 3.2.3. Tưởng tượng – kể chuyện
 - 3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh
 - 3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ bị lạm dụng?

- Phương pháp thảo luận
- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ bị lạm dụng. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

CÁC TRƯỜNG PHÁI TRONG TÂM LÝ HỌC

1. Tên học phần: **Các trường phái trong tâm lý học**

Tiếng Việt: **CÁC TRƯỜNG PHÁI TRONG TÂM LÝ HỌC**

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai, thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức

- Hiểu được cơ sở xuất phát, các luận điểm cơ bản của các lý thuyết tâm lý về nhận thức và phát triển người, các lý thuyết gồm có: Thuyết phân tâm, thuyết hành vi, thuyết nhận thức, thuyết hoạt động và cấu trúc.

- Hiểu được những vấn đề cơ bản về động cơ như: động cơ là một hiện tượng tâm lý của con người, khái niệm động cơ, bản chất của động cơ, cấu trúc của động cơ, động cơ và sự thành đạt (thành công).

- Hiểu được những vấn đề về học tập như: khái niệm, đặc điểm và mục đích của học tập, quá trình hình thành khái niệm ở người học, các kỹ năng học tập, học tập và phương pháp học tập hiệu quả.

- Hiểu được sự hình thành động cơ và hứng thú học tập, tạo thành động lực thúc đẩy trong học tập.

6.2. Về kỹ năng

Vận dụng kiến thức của học phần để phát triển vào việc nghiên cứu và tham vấn học đường, những vấn đề thực tiễn trong khoa học giáo dục

6.3. Về thái độ

Có thái độ tích cực trong việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong tham vấn học đường.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Các lý thuyết về nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy là học phần tự chọn trong các chương trình đào tạo thạc sỹ tại trường đại học giáo dục. Học phần được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về những nội dung cơ bản của các lý thuyết tâm lý học về nhận thức và phát triển tâm lý người, lý luận về động cơ, động lực thúc đẩy con người thành công, các vấn đề cơ bản về hoạt động học tập của người học, động cơ và hứng thú học tập và những lý thuyết liên quan đến trị liệu. Học viên có thể áp dụng các lý thuyết nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy vào trong công tác tham vấn học đường trong trường học hiệu quả.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: An sinh xã hội

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, 2009,
2. Tâm lý học giáo dục, NXB ĐHQGHN.
3. Phan Trọng Ngọ, 2000, TLH hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học, NXB ĐHQGHN.

10.2. Tài liệu tham khảo:

4. Carl Rogers, 2001, Phương pháp dạy và học hiệu quả, NXB trẻ.
5. Edward De Bono, 2004, Sáu chiếc mũ tư duy, NXB Mũi Cà mau.
6. Jean-Marc Denomme và Madeleine Roy, 2010, Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác, NXB Thanh niên
7. Nguyễn Hữu Lương, 2002, Dạy và Học hợp với qui luật hoạt động trí óc, NXB VHNT.

8. M MyronH. Dembo, 1981, Teaching for learning, California.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ NHẬN THỨC VÀ PHÁT TRIỂN NGƯỜI

1.1. Thuyết phân tâm

1.1.1. Cơ sở xuất phát và các phương pháp nghiên cứu

1.1.2. Những luận điểm cơ bản của Phân tâm học về sự phát triển tâm lý người

1.1.3. Những luận điểm của Phân tâm học hiện nay

1.2. Thuyết hành vi

1.2.1. Cơ sở xuất phát và các phương pháp nghiên cứu

1.2.2. Những luận điểm cơ bản của tâm lý học hành vi về sự phát triển tâm lý người

1.2.3. Các lý thuyết hành vi mới

1.3. Thuyết phát triển nhận thức của G.Piagie

1.3.1. Cơ sở xuất phát và phương pháp nghiên cứu

1.3.2. Những luận điểm cơ bản của thuyết nhận thức.

1.4. Thuyết hoạt động tâm lý

1.4.1. Cơ sở xuất phát của lý thuyết hoạt động

1.4.2. Những luận điểm cơ bản của lý thuyết hoạt động tâm lý về sự phát triển tâm lý người

1.4.3. Học thuyết lịch sử- văn hoá của L.X.Vugotxki về sự phát triển tâm lý người

1.4.4. Lý thuyết hoạt động tâm lý của A.N.Leonchev và P.Ia.Galperin

1.5. Lý thuyết cấu trúc (Gestalt)

1.5.1. Bản chất tâm lý của lý thuyết cấu trúc

1.5.2. Ứng dụng của lý thuyết trong học đường.

- 1.6. Nhận định chung về các thuyết phát triển tâm lý người
- 1.6.1. Những thành tựu và hạn chế của một số lý thuyết đã được giới thiệu
- 1.6.2. Những vấn đề đặt ra khi vận dụng các lý thuyết phát triển tâm lý người vào trong thực tiễn dạy học và giáo dục trẻ em.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỘNG CƠ

- 2.1. Động cơ hoạt động của con người như một hiện tượng tâm lý
- 2.2. Khái niệm động cơ
- 2.3. Bản chất động cơ của con người
- 2.4. Cấu trúc động cơ của con người
- 2.5. Động cơ thành đạt

Chương 3

HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

- 3.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích học tập
 - 3.1.1. Khái niệm hoạt động học
 - 3.1.2. Đặc điểm của hoạt động học
 - 3.1.3. Mục đích học tập của người học
- 3.2. Sự hình thành khái niệm ở người học
 - 3.2.1. Bản chất của khái niệm
 - 3.2.2. Sự hình thành khái niệm
 - 3.2.3. Một số yếu tố tham gia hình thành khái niệm
- 3.3. Hình thành các kỹ năng học tập
 - 3.3.1. Một số vấn đề liên quan đến kỹ năng học tập
 - 3.3.2. Quy trình chung cho việc rèn kỹ năng
 - 3.3.3. Hình thành một số kỹ năng học tập cơ bản
 - 3.3.4. Xây dựng kế hoạch học tập
- 3.4. Học tập hiệu quả và phương pháp học tập hiệu quả
 - 3.4.1. Học tập hiệu quả và đặc điểm
 - 3.4.2. Các phương pháp học tập hiệu quả

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KỸ NĂNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NHI

1. Tên học phần: Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi

Tên tiếng Việt: KỸ NĂNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THANH THIẾU NHI

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 15 tiết. Trong đó, kiểm tra/đánh giá: 02 tiết
- Thảo luận, thực hành: 60 tiết
- Tự học: 90 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng giao tiếp

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Về kiến thức

- Các tri thức cơ bản về kỹ năng công tác thiếu nhi (khái niệm, vai trò, cấu trúc, phân loại, con đường hình thành và phát triển).
- Các kỹ năng cơ bản trong công tác thiếu nhi.

6.2. Về kỹ năng

- Vận dụng có hiệu quả, sáng tạo và phù hợp những kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn công tác thiếu nhi.
- Biết xây dựng chương trình, kế hoạch, thiết kế và tổ chức các hoạt động trong công tác thiếu nhi.

6.3. Về thái độ

- Giúp người học nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động và kỹ năng công tác thiếu nhi, hình thành thái độ học tập làm việc có trách nhiệm, khoa học trong công tác thiếu nhi.
- Tâm huyết, gương mẫu, say mê, hứng thú và sáng tạo trong hoạt động thiếu nhi, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Đoàn thiếu nhi.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

- Môn học cung cấp có hệ thống những kiến thức cơ bản về kỹ năng công tác thiếu nhi, bao gồm: Những vấn đề chung về kỹ năng công tác thiếu nhi, hệ thống các kỹ năng cơ bản trong công tác thiếu nhi, con đường hình thành và phát triển kỹ năng công tác thiếu nhi cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiếu nhi.

- Để phù hợp với đối tượng và mục tiêu đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, môn học cũng đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành mà tập trung là kỹ năng tổ chức các hoạt động trong công tác thiếu nhi.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính: Tập bài giảng Kỹ năng nói

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Dương Tự Đàm (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.

3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.

5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.

6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.

7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiều nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiều nhi, HN.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 90 phút): 20%
- Điểm thảo luận, bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết tiểu luận): 50%

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ NĂNG CÔNG TÁC THANH THIẾU NHI

Phân bổ thời gian: 3 tiết lý thuyết

1.1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của môn học

1.2. Khái lược quá trình nghiên cứu kỹ năng công tác thiếu nhi

1.3. Các khái niệm cơ bản

1.3.1. Khái niệm kỹ năng

1.3.2. Khái niệm công tác thiếu nhi

1.3.3. Khái niệm kỹ năng công tác thiếu nhi

1.4. Vai trò của kỹ năng công tác thiếu nhi

1.4.1. Kỹ năng công tác thiếu nhi là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thiếu nhi

1.4.2. Kỹ năng công tác thiếu nhi là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cán bộ, tạo nguồn cán bộ cho Đảng và Nhà nước

1.4.3. Kỹ năng công tác thiếu nhi là yếu tố quan trọng góp phần trực tiếp xây dựng tổ chức và con người, xây dựng địa phương, đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện

1.5. Cấu trúc kỹ năng công tác thiếu nhi của cán bộ làm công tác thiếu nhi

1.5.1. Tri thức

a. Vai trò của tri thức trong cấu trúc kỹ năng công tác thiếu nhi

b. Phương thức tích lũy tri thức trong cấu trúc kỹ năng công tác thiếu nhi

1.5.2. Kinh nghiệm

- a. Vai trò của kinh nghiệm trong cấu trúc kỹ năng công tác thiếu nhi
- b. Phương thức tích lũy kinh nghiệm trong cấu trúc kỹ năng công tác thiếu nhi

1.5.3. Phương pháp tiến hành công tác thiếu nhi

- a. Khái niệm phương pháp công tác thiếu nhi
- b. Phân loại phương pháp công tác thiếu nhi

1.5.4. Phong cách công tác

- a. Khái niệm phong cách công tác
- b. Những đặc trưng cơ bản về phong cách công tác của cán bộ làm công tác thiếu nhi.

1, Phân tích được các vấn đề chung về công tác thiếu nhi?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Dương Tự Đàm (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.

3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.

5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.

6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.

7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

CHƯƠNG 2: NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÔNG TÁC THANH THIẾU NHI CỦA CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC THANH THIẾU NHI

Phân bổ thời gian: 3 tiết lý thuyết, 3 tiết thực hành

2.1. Đào tạo và bồi dưỡng trong hệ thống các nhà trường

2.1.1. Tự đào tạo và bồi dưỡng

2.1.2. Hoạt động thực tiễn công tác thiếu nhi và phong trào thiếu nhi

2.2. Phân loại kỹ năng công tác thiếu nhi

2.2.1. Phân loại theo hình thức hoạt động cơ bản của công tác thiếu nhi

a. Nhóm những kỹ năng tiến hành công tác giáo dục thiếu nhi

b. Nhóm những kỹ năng tiến hành công tác xây dựng các tổ chức thiếu nhi

c. Nhóm những kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể của thiếu nhi

2.2.2. Phân chia theo các nhóm tương thích trong các lĩnh vực công tác thiếu nhi

a. Nhóm kỹ năng lãnh đạo, quản lí

b. Nhóm kỹ năng sống và làm việc

2.2.3. Phân chia theo yêu cầu về năng lực, phẩm chất và nhiệm vụ công tác đối với cán bộ làm công tác thiếu nhi

a. Nhóm kỹ năng nói, giao tiếp, thuyết trình

b. Nhóm kỹ năng viết, soạn thảo và xử lí văn bản

c. Nhóm kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi

d. Nhóm kỹ năng quản lí, lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu về công tác thiếu nhi

1, Phân tích được nguồn gốc hình thành và sự phát triển của công tác thiếu nhi?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Dương Tự Đam (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.
3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.
4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.
5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.
6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.
7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Phân bổ thời gian: 9 tiết lý thuyết, 6 tiết thực hành

3.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động tập thể trong công tác thiếu nhi

3.2. Khái niệm, cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động

3.3. Hình thành, phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động cho cán bộ làm công tác thiếu nhi

3.4. Kỹ năng tổ chức một số loại hình hoạt động thiếu nhi

3.4.1. Đối thoại, hội thảo, diễn đàn

3.4.2. Hội thi thiếu nhi

3.4.3. Hội trại, lửa trại thiếu nhi

d. Hoạt động tình nguyện

e. Công trình, phần việc thiếu nhi

1, Phân tích và áp dụng được vào tình huống các kỹ năng?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Dương Tự Đàm (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.

3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.

5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.

6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.

7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THEO NHÓM

Phân bổ thời gian: 3 tiết lý thuyết, 3 tiết thực hành

4.1. Khái niệm nhóm, nhóm làm việc

4.2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của làm việc nhóm

4.3. Quy trình làm việc nhóm

4.4. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho cán bộ làm công tác thiếu nhi

1, Ứng dụng tổ chức 1 hoạt động nhóm?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Dương Tự Đàm (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.

3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.

5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.

6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.

7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG THAM MURU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Phân bổ thời gian: 3 tiết lý thuyết, 3 tiết thực hành

5.1. Khái niệm, vai trò của tham mưu

5.2. Yêu cầu của công tác tham mưu

5.3. Nội dung công tác tham mưu

5.4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả tham mưu trong công tác thiếu nhi

1, Tham mưu được một chương trình hoạt động?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 5 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cầu (1999), Luận án tiến sĩ “Đổi mới đội ngũ cán bộ Đoàn cấp huyện trong giai đoạn hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Dương Tự Đàm (2000), Phương pháp tiếp cận thiếu nhi, Nxb. Thiếu nhi, HN.

3. Thế Hùng (2011), Kỹ năng sống và làm việc, Nxb. Văn hóa - Thông tin, HN.

4. Lê Quang Huy (2000), Kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình, Nxb. Trẻ, HN.

5. Nguyễn Đồng Linh (2000), Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục “Các giải pháp quản lý nhằm hình thành kỹ năng tổ chức hoạt động thiếu nhi cho học viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục.

6. Phạm Đình Nghiệp - Lê Văn Cầu (2005), Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên, Nxb. Thiếu nhi, HN.

7. Trần Hoàng Trung (2012), Báo cáo khoa học đề tài cấp Bộ “Đổi mới công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác thiếu nhi cho cán bộ Đoàn, Hội cơ sở”, Bộ Khoa học - Công nghệ.

8. Liêu Chí Trung (2000), Phương pháp hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

9. Hoàng Xuân Việt (2000), Thuật hùng biện, Nxb. Thiếu nhi, HN.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ VÀ THAM VẤN HỌC TẬP

1. Tên học phần: Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập

Tiếng Việt: ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ VÀ THAM VẤN HỌC TẬP

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 36 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 9 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Xác định và biết các khái niệm về giám sát và mô hình trong đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập,

- Có kiến thức về quá trình và kỹ thuật xây dựng mối quan hệ đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập,

- Có kiến thức về các vấn đề đạo đức, pháp lý và chuyên môn trong đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập.

6.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng thiết lập và duy trì mối quan hệ giám sát học đường hiệu quả đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập,

- Có kỹ năng đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập hiệu quả

- Vận dụng các kiến thức về đạo đức, pháp lý có hiệu quả trong đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập,

- Đánh giá được tính chất, ưu nhược điểm của các mô hình đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập khác nhau.

6.3. Thái độ:

- Tích cực, nghiêm túc với thời gian giám sát học đường
- Tôn trọng các nguyên tắc và mối quan hệ giám sát học đường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần gồm hai nội dung cơ bản là lý thuyết và thực hành đánh giá trí tuệ và tham vấn học đường. Học phần xác định và khái niệm hoá các mô hình giám sát học đường khác nhau; sự linh hoạt, chủ động của các mối quan hệ giám sát học đường và phát triển dịch vụ tham vấn; phương pháp và kỹ thuật giám sát học đường; các vấn đề đạo đức, luật pháp và chuyên môn.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. American Association for Counselor Education & Supervision. (1995). Ethical guidelines for counseling supervisors. *Counselor Education & Supervision*, 34, 270-276.

2. Borders, L.D., & Leddick, G.R. (1987). *Handbook of counseling supervision*. Alexandria, VA: American Association for Counseling and Development.

3. Fall, M., & Sutton, Jr., J.M. (2004). *Clinical supervision: A handbook for practitioners*. Boston, MA: Pearson

4. Allyn & Bacon. Falvey, J. (2002). *Managing clinical supervision: Ethical practice and legal risk management*. Brooks/Cole:

Pacific Groves, CA. Falvey, J., Caldwell, C., & Cohen, C. (2002). Documentation in supervision: The focused risk management supervision system. Brooks/Cole: Pacific Groves, CA.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Stoltenberg, C.D., & Delworth, U. (1987). Supervising counselors and therapists: A developmental approach. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

2. Ward, C., & House, R. (1998). Counseling supervision: A reflective model. Counselor Education and Supervision, 38, 23-33.

3. Whiteley, J.M. (Ed.). (1982). Supervision in counseling I [Special issue]. The Counseling Psychologist, 10 (1).

4. Whiteley, J.M. (Ed.). (1983). Supervision in counseling II [Special issue]. The Counseling Psychologist, 11 (1).

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÁC LÝ THUYẾT ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ VÀ THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG

1.1. Khái niệm

1.2. Các lý thuyết về giám sát

1, Phân tích và lấy ví dụ về các lý thuyết giám sát cơ bản?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

1. Stoltenberg, C.D., & Delworth, U. (1987). Supervising counselors and therapists: A developmental approach. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

2. Ward, C., & House, R. (1998). Counseling supervision: A reflective model. Counselor Education and Supervision, 38, 23-33.

3. Whiteley, J.M. (Ed.). (1982). Supervision in counseling I [Special issue]. The Counseling Psychologist, 10 (1).

4. Whiteley, J.M. (Ed.). (1983). Supervision in counseling II [Special issue]. The Counseling Psychologist, 11 (1).

CHƯƠNG 2. MỐI QUAN HỆ ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ VÀ THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG

2.1. Các giai đoạn phát triển mối quan hệ giám sát học đường

2.2. Điều kiện của mối quan hệ giám sát học đường

2.3. Nguồn lực giám sát học đường

2.4. Trình độ phát triển năng lực của nhà tham vấn

1, Phân tích và vai trò của giám sát với nhà tham vấn?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Stoltenberg, C.D., & Delworth, U. (1987). Supervising counselors and therapists: A developmental approach. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

2. Ward, C., & House, R. (1998). Counseling supervision: A reflective model. Counselor Education and Supervision, 38, 23-33.

3. Whiteley, J.M. (Ed.). (1982). Supervision in counseling I [Special issue]. The Counseling Psychologist, 10 (1).

4. Whiteley, J.M. (Ed.). (1983). Supervision in counseling II [Special issue]. The Counseling Psychologist, 11 (1).

CHƯƠNG 3. CÁC KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT HỌC ĐƯỜNG

3.1. Vai trò của người giám sát

- 3.2. Bắt đầu quá trình giám sát
- 3.3. Đánh giá người giám sát
- 3.4. Định hình trường hợp
- 3.5. Can thiệp và đào tạo kỹ năng
- 3.6. Làm mẫu và đóng vai
- 3.7. Đào tạo kỹ năng cơ bản
- 3.8. Quan sát trực tiếp
- 3.9. Giám sát nhóm

1, Thực hành kỹ thuật giám sát cơ bản?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Stoltenberg, C.D., & Delworth, U. (1987). *Supervising counselors and therapists: A developmental approach*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

2. Ward, C., & House, R. (1998). *Counseling supervision: A reflective model*. *Counselor Education and Supervision*, 38, 23-33.

3. Whiteley, J.M. (Ed.). (1982). *Supervision in counseling I [Special issue]*. *The Counseling Psychologist*, 10 (1).

4. Whiteley, J.M. (Ed.). (1983). *Supervision in counseling II [Special issue]*. *The Counseling Psychologist*, 11 (1).

CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ VÀ THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG

- 4.1. Mô hình phát triển
- 4.2. Mô hình hành vi
- 4.3. Mô hình trị liệu tâm lý
- 4.4. Mô hình tích hợp
- 4.5. Mô hình hệ thống

4.6. Một số mô hình khác

1, Phân tích và lấy ví dụ về các mô hình giám sát cơ bản?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo

1. Stoltenberg, C.D., & Delworth, U. (1987). *Supervising counselors and therapists: A developmental approach*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

2. Ward, C., & House, R. (1998). *Counseling supervision: A reflective model*. *Counselor Education and Supervision*, 38, 23-33.

3. Whiteley, J.M. (Ed.). (1982). *Supervision in counseling I* [Special issue]. *The Counseling Psychologist*, 10 (1).

4. Whiteley, J.M. (Ed.). (1983). *Supervision in counseling II* [Special issue]. *The Counseling Psychologist*, 11 (1).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH VÀ CAN THIỆP

1. Tên học phần: Đánh giá nhân cách và can thiệp

Tiếng Việt: ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH VÀ CAN THIỆP

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Những kiến thức hệ thống về tiêu chuẩn đạo đức của nhân viên tham vấn.
- Kiến thức về vai trò và chức năng chuyên nghiệp của các chuyên gia tham vấn.
- Kiến thức về các tiêu chuẩn chuyên nghiệp trong đào tạo chuyên gia tham vấn.
- Kiến thức về pháp luật, các quy định, chính sách, các điều luật liên quan đến nghề nghiệp
- Những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thực hành áp dụng cho công việc tham vấn.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích các nguồn dữ liệu thu được để phát triển danh sách vấn đề
- Vận dụng các mô hình lý thuyết về trị liệu đã học để hiểu về hành vi cảm xúc của thân chủ và cá nhân hóa định hình trường hợp

- Xây dựng được kế hoạch can thiệp dựa trên định hình trường hợp

6.3. Thái độ:

- Không gây hại, từ tâm, tự chủ, công bằng, chính trực
- Có thái độ cầu thị, cởi mở và thấu cảm với học sinh và đồng nghiệp
- Ý thức trau dồi kiến thức chuyên môn và luyện tập thực hành thành thạo các kỹ năng giúp phân loại, nhận diện vấn đề nhanh chóng và đánh giá một cách chính xác

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung chính trong môn học này cung cấp cho kiến thức và kỹ năng để xây dựng một định hình trên cơ sở khoa học có lợi cho vấn đề của thân chủ. Môn học sẽ giới thiệu về khái niệm và giá trị của định hình trường hợp. Nêu các tiếp cận định hình trường hợp theo các trường phái lý thuyết tâm lý. Cung cấp kiến thức và thực hành các bước cơ bản để xây dựng định hình trường hợp. Học viên sẽ được hướng dẫn lý thuyết và thực hành trên những ca cụ thể cách (1) thu thập dữ liệu để phát triển vấn đề; (2) xây dựng chẩn đoán và chọn mô hình lý giải sự phát triển hành vi cảm xúc không thích nghi; (3) phát triển kế hoạch tham vấn cá nhân và (4) tiến hành tham vấn cá nhân bằng các kỹ thuật phù hợp.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Thơ Sinh (2006), Tư vấn tâm lý căn bản, NXB Lao động, 2006.
2. H. Thompson Prout, Alicia L. Fedewa (2015) Counseling and Psychotherapy with Children and Adolescents: Theory and Practice for School and Clinical Settings; Wiley Publishers.

3. L. Seligman & L. W. Reichenberg (Eds.) (2010). Theories of Counseling and Psychotherapy: Systems, strategies, and skills (3rd Edition). New Jersey: Pearson Education, Inc

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Farmer, R. F., & Chapman, A. L. (2008). Behavioral case formulation. In Behavioral interventions in cognitive behavior therapy: Practical guidance for putting theory into action. (pp. 53-70): Washington, DC, US: American Psychological Association.

2. Persons, J. B. (2008). The case formulation approach to cognitive-behavior therapy. New York, NY: Guilford Press

3. Hardin L. K. Coleman, Christine J. Yeh (2008) Handbook of School Counseling (Counseling and Counselor Education) Routledge: Taylor & Francis Group Publishers.

4. Jonathan H. Sandoval (2001) Handbook of Crisis Counseling, intervention, and Prevention in the Schools

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỊNH HÌNH TRƯỜNG HỢP

1.1. Định nghĩa định hình trường hợp

1.2. Các thành phần chính của định hình trường hợp

1.3. Bằng chứng nghiên cứu về giá trị và hiệu quả của định hình trường hợp

1.4. Định hình trường hợp dựa trên các lý thuyết tâm lý chính

1.4.1. Lý thuyết phân tâm học

1.4.2. Lý thuyết nhân văn – hiện sinh

1.4.3. Lý thuyết hành vi

1.4.4. Lý thuyết nhận thức

1.4.5. Lý thuyết hệ thống

1.4.6. Lý thuyết chánh niệm – tỉnh thức

1, Lựa chọn trình bày và phân tích một lý thuyết tâm đặc nhất?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo:

1. Farmer, R. F., & Chapman, A. L. (2008). Behavioral case formulation. In Behavioral interventions in cognitive behavior therapy: Practical guidance for putting theory into action. (pp. 53-70): Washington, DC, US: American Psychological Association.

2. Persons, J. B. (2008). The case formulation approach to cognitive-behavior therapy. New York, NY: Guilford Press

3. Hardin L. K. Coleman, Christine J. Yeh (2008) Handbook of School Counseling (Counseling and Counselor Education) Routledge: Taylor & Francis Group Publishers.

4. Jonathan H. Sandoval (2001) Handbook of Crisis Counseling, intervention, and Prevention in the Schools

CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH, KỸ THUẬT XÂY DỰNG ĐỊNH HÌNH TRƯỜNG HỢP TRONG THAM VẤN

2.1. Những yếu tố chung trong định hình trường hợp

2.2. Thu thập dữ liệu cho định hình trường hợp

2.3. Sử dụng các mô hình lý thuyết tâm lý – tham vấn để cá nhân hóa vấn đề của thân chủ

2.4. Phát triển kế hoạch tham vấn dựa trên định hình trường hợp

2.5. Theo dõi sự thay đổi trong tham vấn theo định hình

2.6 Thực hành xây dựng định hình trường hợp.

1, Xây dựng trường hợp ca tham vấn, có phân tích, định hướng?

- Phương pháp thảo luận
 - + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
 - + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Farmer, R. F., & Chapman, A. L. (2008). Behavioral case formulation. In Behavioral interventions in cognitive behavior therapy: Practical guidance for putting theory into action. (pp. 53-70): Washington, DC, US: American Psychological Association.
2. Persons, J. B. (2008). The case formulation approach to cognitive-behavior therapy. New York, NY: Guilford Press
3. Hardin L. K. Coleman, Christine J. Yeh (2008) Handbook of School Counseling (Counseling and Counselor Education) Routledge: Taylor & Francis Group Publishers.
4. Jonathan H. Sandoval (2001) Handbook of Crisis Counseling, intervention, and Prevention in the Schools

CHƯƠNG 3: MỐI QUAN HỆ THAM VẤN VÀ CÁC KỸ NĂNG THAM VẤN CÁ NHÂN CĂN BẢN

- 3.1. Mối quan hệ tham vấn
 - 3.1.1. Thân chủ và vấn đề của thân chủ
 - 3.1.2 Nhà tham vấn và phẩm chất của nhà tham vấn
 - 3.1.3 Mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ
 - 3.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ tham vấn và chất lượng tham vấn
- 3.2. Các kỹ năng tham vấn căn bản
 - 3.2.1 Kỹ năng quan sát
 - 3.2.2 Kỹ năng lắng nghe
 - 3.2.3 Kỹ năng phản hồi
 - 3.2.4 Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.2.5 Kỹ năng thấu cảm

3.6 Thực hành kỹ năng

1, Đóng vai và lựa chọn kỹ năng để thực hành?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Farmer, R. F., & Chapman, A. L. (2008). Behavioral case formulation. In Behavioral interventions in cognitive behavior therapy: Practical guidance for putting theory into action. (pp. 53-70): Washington, DC, US: American Psychological Association.

2. Persons, J. B. (2008). The case formulation approach to cognitive-behavior therapy. New York, NY: Guilford Press

3. Hardin L. K. Coleman, Christine J. Yeh (2008) Handbook of School Counseling (Counseling and Counselor Education) Routledge: Taylor & Francis Group Publishers.

4. Jonathan H. Sandoval (2001) Handbook of Crisis Counseling, intervention, and Prevention in the Schools

CHƯƠNG 4: THAM VẤN CÁ NHÂN DỰA TRÊN ĐỊNH HÌNH TRƯỜNG HỢP

4.1. Các giai đoạn của một quá trình tham vấn cá nhân

4.2. Các bước của một buổi tham vấn cá nhân

4.3. Tiến hành tham vấn cá nhân dựa trên định hình trường hợp

4.4. Thực hành kỹ năng

Thực hiện trọn vẹn một buổi tham vấn với thân chủ theo hình thức đóng vai

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Farmer, R. F., & Chapman, A. L. (2008). Behavioral case formulation. In Behavioral interventions in cognitive behavior therapy: Practical guidance for putting theory into action. (pp. 53-70): Washington, DC, US: American Psychological Association.

2. Persons, J. B. (2008). The case formulation approach to cognitive-behavior therapy. New York, NY: Guilford Press

3. Hardin L. K. Coleman, Christine J. Yeh (2008) Handbook of School Counseling (Counseling and Counselor Education) Routledge: Taylor & Francis Group Publishers.

4. Jonathan H. Sandoval (2001) Handbook of Crisis Counseling, intervention, and Prevention in the Schools

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAM VẤN VÀ TRỊ LIỆU NHÓM

1. Tên học phần: Tham vấn và trị liệu nhóm

Tiếng Việt: THAM VẤN VÀ TRỊ LIỆU NHÓM

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ:

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết:	25 tiết
+ Thảo luận, thực hành:	10 tiết
+ Kiểm tra/ đánh giá:	1
+ Tự học:	60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Hiểu lý thuyết cơ bản về nhóm, các đặc điểm phân biệt, tính đồng nhất
- Hiểu các nguyên tắc về động cơ của nhóm, bao gồm các thành phần trong quy trình nhóm, các lý thuyết giai đoạn phát triển, vai trò và hành vi của các thành viên nhóm và các yếu tố điều trị của nhóm
- Hiểu các lý thuyết và quy trình của các chương trình tham vấn và chăm sóc sức khỏe tâm thần có hiệu quả cho từng học sinh và nhóm học sinh
- Hiểu các nguyên tắc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần, bao gồm phòng ngừa, can thiệp, tư vấn, giáo dục và vận động, cũng như hoạt động của các chương trình và mạng lưới nhằm thúc đẩy sức khỏe tâm thần trong trường học và cộng đồng.
- Biết phương pháp điều trị dựa trên bằng chứng và các chiến lược cơ bản để đánh giá kết quả tham vấn.

6.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng xác định vấn đề, lập kế hoạch tham vấn
- Có kỹ năng làm việc hợp tác
- Có kỹ năng lựa chọn các tiêu chuẩn phù hợp, đánh giá được hiệu quả của quá trình tham vấn
- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề

6.3. Thái độ:

- Tôn trọng, chú ý các nguyên tắc đạo đức khi tham vấn nhóm
- Nhiệt tình, tích cực, cởi mở với các ý tưởng mới
- Hợp tác với người khác
- Biểu lộ cảm xúc phù hợp và hiệu quả
- Sẵn sàng chấp nhận và đưa ra phản hồi

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức về các lý thuyết và thực hành về tham vấn nhóm và quá trình tham vấn nhóm, các kiểu tương tác nhóm khác nhau ở trẻ em, vị thành niên. Học phần sẽ tập trung chủ yếu vào các nhóm trị liệu ngắn hạn, nhưng cũng gồm cả thông tin về các nhóm tâm lý - giáo dục và các nhóm trị liệu dài hạn.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. Corey, G. (2012). *Theory and practice of group counseling* (8th ed.). Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.
2. Corey, G. (2012). *Manual for theory and practice of group counseling* (8th ed.). Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

3. Jacobs, E. E., Masson, R. L., and Harvill, R. L., & Schimmel, C. J. (2012). *Group counseling: Strategies and skills* (7th ed.). Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Yalom, I. & Leszcz, M. (2005) *The theory and practice of group psychotherapy* (5th ed.). New York: Basic Books.

2. Shapiro, J.L., Peltz, L.S., & Bernadett-Shapiro, S. (1998). *Brief group treatment: Practical training for therapists and counselors*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. NHÓM VÀ THAM VẤN NHÓM

1.1. Khái niệm Nhóm

1.2. Các lý thuyết về Nhóm

1.3. Đặc điểm và phân loại nhóm

1.4. Các vấn đề của nhóm trong tham vấn

1, Nhu cầu tham vấn đối với nhóm thân chủ?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo:

1. Yalom, I. & Leszcz, M. (2005) *The theory and practice of group psychotherapy* (5th ed.). New York: Basic Books.

2. Shapiro, J.L., Peltz, L.S., & Bernadett-Shapiro, S. (1998). *Brief group treatment: Practical training for therapists and counselors*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

CHƯƠNG 2. THAM VẤN NHÓM

2.1. Khái niệm tham vấn nhóm

2.2. Đặc điểm, phân loại tham vấn nhóm

2.3. Đánh giá nhóm và lựa chọn phương thức tham vấn nhóm

2.4. Yêu cầu của hiệu quả tham vấn nhóm

1, Vai trò của tham vấn đối với nhóm thân chủ?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Yalom, I. & Leszcz, M. (2005) *The theory and practice of group psychotherapy* (5th ed.). New York: Basic Books.

2. Shapiro, J.L., Peltz, L.S., & Bernadett-Shapiro, S. (1998). *Brief group treatment: Practical training for therapists and counselors*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

CHƯƠNG 3. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN THAM VẤN NHÓM

3.1. Nguyên tắc đạo đức

3.2. Các phương pháp dựa trên bằng chứng

3.3. Liệu pháp tham vấn nhóm cho trẻ em và vị thành niên

3.4. Tham vấn khủng hoảng

3.5. Làm việc với giáo viên, phụ huynh/ gia đình

1, Những lưu ý khi tham vấn nhóm để có hiệu quả?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Yalom, I. & Leszcz, M. (2005) *The theory and practice of group psychotherapy* (5th ed.). New York: Basic Books.

2. Shapiro, J.L., Peltz, L.S., & Bernadett-Shapiro, S. (1998). *Brief group treatment: Practical training for therapists and counselors*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

CHƯƠNG 4. TRỊ LIỆU NHÓM

- 4.1. Trị liệu nhóm hoạt động
- 4.2. Trị liệu nhóm hoạt động thẩm vấn
- 4.3. Trò chơi trị liệu nhóm
- 4.4. Kết cấu trị liệu
- 4.5. Lưu ý đối với nhà trị liệu

1, Thực hành xây dựng tình huống tham vấn cho nhóm thân chủ (đối tượng tự chọn)?

- Phương pháp thảo luận

- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
- + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Yalom, I. & Leszcz, M. (2005) *The theory and practice of group psychotherapy* (5th ed.). New York: Basic Books.

2. Shapiro, J.L., Peltz, L.S., & Bernadett-Shapiro, S. (1998). *Brief group treatment: Practical training for therapists and counselors*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

11.51. Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

1. Tên học phần: Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

Tiếng Việt: THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Hiểu biết về đối tượng, nhiệm vụ của tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

- Hiểu biết các phương pháp nghiên cứu trong tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp.

- Hiểu biết về những vấn đề lý luận cơ bản về tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

- Hiểu biết về hệ thống giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam

- Hiểu biết về tâm lý con người trong hoạt động tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

- Hiểu biết tam giác hướng nghiệp trong tham vấn hướng nghiệp

- Hiểu biết về phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với tham vấn và phát triển nghề nghiệp ở nước ta hiện nay.

6.2. Kỹ năng:

- Các kỹ năng tham vấn hướng nghiệp cho học sinh

- Kỹ năng thành thạo trong việc nghiên cứu phát triển nghề nghiệp và tham vấn hướng nghiệp

6.3. Thái độ:

- Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong lúc làm việc với học sinh và phụ huynh ở trường học

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp” là học phần tự chọn trong các chương trình đào tạo thạc sỹ tại trường Đại học giáo dục. Học phần được thiết kế với thời lượng 3 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng thiết yếu trong tham vấn học đường và phát triển nghề nghiệp. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu Học phần này trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn của tham vấn hướng nghiệp, cách thức ứng dụng các kết quả nghiên cứu của tâm lý học, giáo dục học và các lĩnh vực có liên quan vào hoạt động tham vấn hướng nghiệp vào thực tiễn hướng nghiệp trong các nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề.....

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đặng Danh Ánh, *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB văn hóa thông tin, Hà nội 2010
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Danh mục nghề cho học sinh phổ thông*, Hà Nội, 1994.
3. Phạm Tất Dong (1999). *Giúp Bạn chọn nghề*. Nxb Giáo dục.
4. Phạm Tất Dong, Đặng Danh Ánh, *Sách bồi dưỡng giáo viên hướng nghiệp lớp 12*, NXB giáo dục, Hà nội, 2008.
5. Climop E.A, *Đường vào nghề*, NXB Giáo dục, Matxcova, 1974.

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

- 1.1. Lịch sử của công tác tham vấn hướng nghiệp
- 1.2. Đối tượng của tham vấn hướng nghiệp
- 1.3. Những nhiệm vụ cơ bản của tham vấn hướng nghiệp
- 1.4. Lịch sử phát triển của tham vấn hướng nghiệp

1, Vai trò của tham vấn hướng nghiệp đối với thanh niên hiện nay?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

CHƯƠNG 2: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

2.1. Phương pháp luận tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp

2.2. Các phương pháp nghiệp cứu của tham vấn hướng nghiệp

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp thực nghiệm
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp toán thống kê

1, Ứng dụng các phương pháp tham vấn có ý nghĩa như thế nào?

- Phương pháp thảo luận

- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
 - + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

3.1. Bối cảnh trong nước, quốc tế hiện nay và những vấn đề đặt ra cho hoạt động tham vấn hướng nghiệp ở nước ta

3.2. Khái niệm hướng nghiệp

3.3. Khái niệm giáo dục nghề nghiệp

3.4. Lao động và hướng nghiệp

3.5. Phân loại nghề và mô tả các đặc điểm của hoạt động nghề nghiệp

3.6. Chọn nghề trên cơ sở khoa học

1, Xác định vai trò của tham vấn và các lĩnh vực tham vấn phát triển nghề nghiệp?

- Phương pháp thảo luận

- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
 - + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

4.1. Cơ sở pháp lý để hình thành hệ thống giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam

4.2. Giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông

4.3. Giáo dục hướng nghiệp trong các trung tâm kỹ thuật thực hành học nghề

4.4. Giáo dục hướng nghiệp trong trường dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp

4.5. Giáo dục hướng nghiệp trong các trung tâm giới thiệu việc làm

1, Phân tích ưu nhược điểm của hệ thống giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam?

- Phương pháp thảo luận
 - + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
 - + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

CHƯƠNG 5: NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

- 5.1. Vai trò và ý nghĩa của các khía cạnh tâm lý trong hoạt động hướng nghiệp
 - 5.2. Nhu cầu và khát vọng thành đạt của con người
 - 5.2. Động cơ làm việc của con người
 - 5.3. Tính cách và khí chất của con người
 - 5.4. Năng lực của con người
 - 5.5. Khả năng giao tiếp của con người
 - 5.6. Khả năng thích ứng của con người với môi trường làm việc và hoàn cảnh sống
- 1, Khi tham vấn nghề nghiệp cần lưu ý những yếu tố gì về tâm lý đối tượng?

- Phương pháp thảo luận
 - + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
 - + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
 - + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
 - + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận
- Tự học: Ôn lại toàn bộ 5 chương.

CHƯƠNG 6: TAM GIÁC HƯỚNG NGHIỆP TRONG THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP

- 6.1. Những nội dung và ý nghĩa của tam giác hướng nghiệp
- 6.2. Nhu cầu và khả năng của cá nhân
- 6.3. Yêu cầu của nghề nghiệp
- 6.4. Yêu cầu của xã hội đối với nghề
- 6.5. Mối quan hệ giữa nhu cầu và khả năng của cá nhân, yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội đối với nghề trong sự lựa chọn nghề của cá nhân

1, Ứng dụng tam giác hướng nghiệp trong thực tế như thế nào?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 6 chương.

CHƯƠNG 7: PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI THAM VẤN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

7.1. Vài nét về kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay

7.2. Vai trò của thông tin nghề nghiệp trong hoạt động hướng nghiệp hiện nay

7.3. Sự thay đổi nhận thức và định hướng giá trị của cá nhân và quan hệ của nó với hoạt động hướng nghiệp

7.4. Những yêu cầu thay đổi phương pháp hướng nghiệp trong cơ sở đào tạo

7.5. Tiếp nhận các tri thức và phương pháp hướng nghiệp hiện đại của thế giới trong hoạt động hướng nghiệp ở nước ta

7.6. Sự phát triển về số lượng và chất lượng nghề và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động hướng nghiệp ở nước ta

7.7. Một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Nhà nước

1, Định hướng phát triển tham vấn nghề nghiệp ở Việt Nam?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 7 chương.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHẨN ĐOÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ CAN THIỆP CHO THANH THIẾU NHI

1. Tên học phần: Chẩn đoán đánh giá và can thiệp cho thanh thiếu nhi
Tiếng Việt: CHẨN ĐOÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ CAN THIỆP CHO THANH THIẾU NHI

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Hiểu biết về hành vi và động lực của trẻ
- Nắm vững các tiêu chuẩn pháp lý và đạo đức khi làm việc với trẻ em và vị thành niên
- Thiết kế chương trình can thiệp cho trẻ với từng trường hợp nhất định
- Hiểu được tác động của thể chất, xã hội, tình cảm, văn hoá, tinh thần, học thuật và cộng đồng / môi trường đối với trẻ em, vị thành niên và gia đình của họ
- Hiểu các mô hình lý thuyết cơ bản được áp dụng khi làm việc với trẻ em và vị thành niên

- Xác định các cách can thiệp phòng ngừa, điều chỉnh và khắc phục với trẻ em gặp khó khăn về sức khỏe tâm thần cũng như học tập

- Xác định được các cách can thiệp cá nhân, nhóm hoặc gia đình cho mỗi trường hợp cụ thể nhất định

- Biết các sử dụng các chương trình giáo dục gia đình, bố mẹ vì lợi ích cũng như sự phát triển của trẻ

- Biết cách xây dựng mối liên kết giữa gia đình, nhà trường, nhân viên tâm lý và các tổ chức xã hội khác để đưa ra phương án tốt nhất cho trẻ

- Có kiến thức tổng quan về can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên hiện nay.

6.2. Kỹ năng:

- Thực hành, sử dụng các kỹ năng cơ bản để tư vấn và giúp đỡ trẻ em và vị thành niên;

- Xác định và sử dụng được các phương pháp can thiệp thích hợp với từng trường hợp cụ thể

- Thực hành và sử dụng các hoạt động chơi trị liệu thích hợp

- Thực hiện được các kỹ năng can thiệp giáo dục phụ huynh cũng như can thiệp gia đình áp dụng cho trẻ em và vị thành niên

- Có kỹ năng can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên hiện nay.

6.3. Thái độ:

- Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong làm việc với trẻ em và vị thành niên tại trường học.

- Đảm bảo đúng tiêu chuẩn pháp lý và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình làm việc.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng thiết yếu về tham vấn tâm lý, can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho trẻ em và vị thành niên trong trường học. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu về quá trình tăng trưởng và phát triển ở trẻ em và vị thành niên, ảnh hưởng của gia đình đối với trẻ em, hành vi của trẻ và động lực hành vi; cách lắng nghe trẻ, diễn giải ý nghĩa trong câu chuyện của trẻ; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển, các mục tiêu ý thức và không ý thức của trẻ; cơ sở lý thuyết và kỹ thuật tham vấn cho trẻ em và vị thành niên; liệu pháp chơi, tổ chức các hoạt động nhóm, tư vấn gia đình, giáo dục phụ huynh. Cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp tham vấn cụ thể với trẻ em và vị thành niên.

Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar ...

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. Trần Thị Minh Đức (2009). *Giáo trình tham vấn tâm lý*. NXB ĐHQGHN
2. Báo cáo khoa học- Hội nghị Quốc tế lần thứ 2 về Tâm lý học đường ở Việt Nam (2011). Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành Tâm lý học đường tại Việt Nam. NXB Đại học Huế.
3. Halstead, R.W., Pehrsson, E.E., & Mullen, J.A. (2011). *Counseling children: A core issues approach*. Alexandria, VA: American Counseling Association.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Schaefer, C. E., & Kaduson, H. G. (2006). *Contemporary Play Therapy*. New York, NY: The Guilford Press..
2. Thompson, R. A. (2003). *Counseling techniques: Improving relationships with others, ourselves, Our families, and our environment* (2nd ed.). Washington, DC: Accelerated Development.
3. Vernon, A., & Clemente, R. (2005). *Assessment and intervention with children and adolescents: Developmental and multicultural approaches* (2nd ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association
4. National Association of School Psychologists (2006). *School psychology: A blueprint for training and practice III*.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CAN THIỆP ĐÁNH GIÁ VÀ CHẨN ĐOÁN CHO THANH THIẾU NIÊN

1.1. Khái niệm, mục đích & ý nghĩa của can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên

1.2. Các lý thuyết cơ bản

1.3. Đánh giá nhu cầu và thu thập thông tin cần thiết để can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên

1.4. Những kiến thức, kỹ năng cần có để can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên

1.5. Nguyên tắc & đạo đức nghề trong can thiệp đánh giá và chẩn đoán cho thanh thiếu niên

1, Vai trò của can thiệp đánh giá và chẩn đoán trong tham vấn tâm lý?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

1. Schaefer, C. E., & Kaduson, H. G. (2006). Contemporary Play Therapy. New York, NY: The Guilford Press..

2. Thompson, R. A. (2003). Counseling techniques: Improving relationships with others, ourselves, Our families, and our environment (2nd ed.). Washington, DC: Accelerated Development.

3. Vernon, A., & Clemente, R. (2005). Assessment and intervention with children and adolescents: Developmental and multicultural approaches (2nd ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association

4. National Association of School Psychologists (2006). School psychology: A blueprint for training and practice III.

CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP ĐÁNH GIÁ VÀ CHẨN ĐOÁN CHO THANH THIẾU NIÊN

2.1. Đánh giá bằng điểm

2.2. So sánh cặp

2.3. Quan sát

2.4. Quản trị

1, Ứng dụng của các phương pháp như thế nào?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

1. Schaefer, C. E., & Kaduson, H. G. (2006). Contemporary Play Therapy. New York, NY: The Guilford Press..

2. Thompson, R. A. (2003). Counseling techniques: Improving relationships with others, ourselves, Our families, and our environment (2nd ed.). Washington, DC: Accelerated Development.

3. Vernon, A., & Clemente, R. (2005). Assessment and intervention with children and adolescents: Developmental and multicultural approaches (2nd ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association

4. National Association of School Psychologists (2006). School psychology: A blueprint for training and practice III.

CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH CAN THIỆP ĐÁNH GIÁ VÀ CHẨN ĐOÁN CHO THANH THIẾU NIÊN

3.1. Xây dựng kế hoạch, chương trình

3.2 Những lỗi thường gặp

3.3. Thực hành

3.4. Tổng kết kinh nghiệm và những lưu ý cơ bản

1, Xây dựng một quy trình đánh giá cơ bản?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

1. Schaefer, C. E., & Kaduson, H. G. (2006). *Contemporary Play Therapy*. New York, NY: The Guilford Press..

2. Thompson, R. A. (2003). *Counseling techniques: Improving relationships with others, ourselves, Our families, and our environment* (2nd ed.). Washington, DC: Accelerated Development.

3. Vernon, A., & Clemente, R. (2005). *Assessment and intervention with children and adolescents: Developmental and multicultural approaches* (2nd ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association

4. National Association of School Psychologists (2006). *School psychology: A blueprint for training and practice III*.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG THAM VẤN

1. Tên học phần: Đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn

Tiếng Việt: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG THAM VẤN

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Những kiến thức hệ thống về tiêu chuẩn đạo đức của nhân viên tham vấn.
- Kiến thức về vai trò và chức năng chuyên nghiệp của các chuyên gia tham vấn.
- Kiến thức về các tiêu chuẩn chuyên nghiệp trong đào tạo chuyên gia tham vấn.
- Kiến thức về pháp luật, các quy định, chính sách, các điều luật liên quan đến nghề nghiệp
- Những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thực hành áp dụng cho công việc tham vấn.

6.2. Kỹ năng:

- Có khả năng nhận biết tình huống đạo đức khó xử trong thực tế.
- Có khả năng nhận biết khi nào cần giám sát lâm sàng hoặc tư vấn pháp luật.
- Có khả năng nhận biết các vấn đề liên quan đến đạo đức, pháp luật, quy định và tiêu chuẩn chuyên nghiệp.

6.3. Thái độ:

- Có thái độ tích cực, tôn trọng, áp dụng các tiêu chuẩn nghề nghiệp, nguyên tắc đạo đức và pháp lý khi thực hành nói riêng và trong công việc tham vấn học đường nói chung.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này giới thiệu những đặc điểm, vai trò và chức năng của nhân viên tham vấn chuyên nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các vấn đề pháp lý, đạo đức và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Mục tiêu của khóa học này là để giải thích các chuẩn mực về mặt đạo đức, luật pháp và các vấn đề chuyên môn có liên quan. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về các chương trình và dịch vụ tham vấn chuyên nghiệp, giúp học viên làm việc hàng ngày trong tương lai với tư cách là chuyên viên tham vấn chuyên nghiệp và sẽ có cơ sở cho việc ra quyết định và có kỹ năng tham vấn khi gặp phải những vấn đề về đạo đức.

Học phần này sẽ bao gồm các nguyên tắc, các vấn đề liên quan đến tính chuyên nghiệp và đạo đức trong tham vấn. Học phần sẽ giới thiệu và phân tích cho học viên về các nguyên tắc đạo đức, pháp lý, các hướng dẫn về mặt chuyên môn và một số vấn đề liên quan đến các nhóm đặc biệt mà nhà tham vấn có thể sẽ làm việc cùng. Đồng thời, học phần sẽ cung cấp một số kỹ năng cơ bản cho nhà tham vấn khi gặp phải những vấn đề về đạo đức.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

1. Trần Thị Minh Đức (2009), *Giáo trình tham vấn tâm lý*, NXB ĐHQGHN.
2. Remley Jr., T. P., & Herlihy B. (2016). *Ethical, legal, and professional issues in counseling* (5th ed.). Upper Saddle River, NJ: Merrill.
3. Bộ Tiêu chuẩn nghề nghiệp nhân viên Công tác xã hội học đường.pdf (NASW).
4. Counseling Competencies. Assessing Student Learning. 2009 CACREP Standards.pdf

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Gladding, S.T. (2007), *A guide to ethical conduct for the helping professions* (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), *Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases* (3E), New York: Oxford University Press.
3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), *Ethical, legal and professional issues in counseling* (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html
5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). *ACA ethical standards casebook* (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: THAM VẤN - MỘT SỰ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI

- 1.1. Những thành tựu trong quá khứ
- 1.2. Sự phát triển của tham vấn và hướng dẫn trong nền giáo dục
- 1.3. Sự phát triển và tương lai của các chương trình tham vấn
- 1.4. Các mô hình chương trình tham vấn
- 1.5. Sự phát triển nghề tham vấn ở Việt Nam

Câu hỏi thảo luận:

1, Nhận xét về các mô hình tham vấn ở trên thế giới và Việt Nam?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại chương 1.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.

3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 2: QUYỀN CỦA THÂN CHỦ

2.1.Lịch sử của bản chấp thuận trị liệu

2.2.Các mẫu bản chấp thuận trị liệu dành cho trẻ em

2.3.Trao quyền và quyền của thân chủ

2.4.Nhu cầu của nhà tham vấn

Câu hỏi thảo luận:

1, Thảo luận trường hợp vi phạm quyền của thân chủ?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.
3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html
5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ THAM VẤN – THÂN CHỦ

- 3.1. Giới thiệu về mối quan hệ giữa nhà tham vấn – thân chủ
- 3.2. Mối quan hệ sóng đôi
- 3.3. Vai trò của nhà tham vấn
- 3.4. Những giới hạn về mặt kinh tế, xã hội, tâm lý, thể chất
- 3.5. Phân tích ca

1, Thảo luận trường hợp có nảy sinh mối quan hệ tình cảm giữa thân chủ và nhà tham vấn?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.
3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 4: NĂNG LỰC CỦA NHÀ THAM VẤN

4.1. Năng lực cơ bản của nhà tham vấn

4.2. Năng lực về mặt chức năng

4.3. Duy trì kiến thức và các kỹ năng

4.4. Phân tích ca

1, Các nhóm tự xây dựng ca tham vấn cho nhóm khác

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.

3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 5: TÍNH ĐA DẠNG VÀ ĐA VĂN HÓA CỦA NĂNG LỰC

5.1. Năng lực đa văn hóa

5.2. Năng lực và các vấn đề đạo đức

5.3. Năng lực và giới tính

- 5.4. Năng lực và tôn giáo
- 5.5. Năng lực và khuynh hướng tình dục
- 5.6. Năng lực và các khuyết tật
- 5.7. Năng lực và tình trạng kinh tế - xã hội
- 5.8. Phân tích ca

1, Năng lực nào cần phải tập trung trong tham vấn?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 5 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.

3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 6: SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC

6.1. Tham vấn dựa trên công nghệ

6.2. Ghi âm

6.3. Đánh giá trên máy tính

6.4. Các nguyên tắc đạo đức

6.5. Phân tích ca

1, Đóng vai tình huống tự xây dựng về cách sử dụng các phương tiện công nghệ khi tham vấn?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 6 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.

3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 7: GIÁM SÁT VÀ ĐẠO ĐỨC

7.1. Sự phát triển của giám sát và nhà tham vấn

7.2. Năng lực giám sát

7.3. Trách nhiệm về mặt pháp lý và các nguyên tắc đạo đức dành cho giám sát

7.4. Mối quan hệ song đôi giữa người giám sát và người được giám sát

7.5. Các vấn đề về mặt văn hóa và giám sát

7.6. Phân tích ca

1, Làm thế nào để giám sát tốt quá trình tham vấn?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 7 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.
3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html
5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). ACA ethical standards casebook (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association

CHƯƠNG 8: NGUYÊN TẮC ĐẠO ĐỨC TRONG VIỆC SỬ DỤNG CÁC NGHIÊN CỨU TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH THAM VẤN

8.1. Tiếp cận thực hành dựa trên thực chứng

8.2. Bằng chứng nghiên cứu trong tham vấn: Các ví dụ về thông tin thực hành dựa trên thực chứng

1, Thảo luận về cách sử dụng nghiên cứu trong quá trình tham vấn hiệu quả?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 8 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), A guide to ethical conduct for the helping professions (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases (3E), New York: Oxford University Press.
3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), Ethical, legal and professional issues in counseling (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.
4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

5. Herlihy, B., & Corey G. (2015). *ACA ethical standards casebook* (7th ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.

CHƯƠNG 9: NGUYÊN TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ LUẬT PHÁP

9.1. Các vấn đề liên quan đến chuyên tiếp thân chủ

9.2. Báo cáo lạm dụng

9.3. Các luật, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của trẻ em và thanh thiếu niên

9.4. Các chính sách, quy định chung tại các trường PT và cao đẳng, đại học

9.5. Phân tích ca

1, Vai trò của luật pháp trong quá trình tham vấn hiệu quả?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 9 chương.

Tài liệu tham khảo:

1. Gladding, S.T. (2007), *A guide to ethical conduct for the helping professions* (2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

2. Koocher, G., & Keith-Spiegel, P.(2008), *Ethics in Psychology: Professional Standards and Cases* (3E), New York: Oxford University Press.

3. Remley, T.P., & Herlihy, B. (2009), *Ethical, legal and professional issues in counseling* (updated 2nd ed.), Upper Saddle River, NJ: Merrill.

4. 2009 CACREP standars. www.counselingcompetencies.com/page5/page5.html

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAM VẤN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Tên học phần: Tham vấn hôn nhân và gia đình

Tiếng Việt: THAM VẤN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn hôn nhân và gia đình: Khái niệm, các vấn đề của hôn nhân và gia đình, nhà tham vấn hôn nhân và gia đình

- Mô tả được qui trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình nói chung và một số đối tượng hôn nhân và gia đình đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của hôn nhân và gia đình cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn hôn nhân và gia đình để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn hôn nhân và gia đình để tham vấn các đối tượng hôn nhân và gia đình cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn hôn nhân và gia đình
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp gia đình

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn hôn nhân và gia đình cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn hôn nhân và gia đình bao gồm: khái niệm tham vấn hôn nhân và gia đình, vấn đề của gia đình, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn hôn nhân và gia đình, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình. Môn học giúp sinh viên hiểu về qui trình tham vấn hôn nhân và gia đình, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình. Ở học phần Tham vấn cơ bản, sinh viên đã được học về quy trình và kỹ năng tham vấn nói chung và đến học phần Tham vấn hôn nhân và gia đình, sinh viên sẽ được học về quy trình và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn đặc trưng dành cho đối tượng là hôn nhân và gia đình. Phần cuối cùng của học phần giới thiệu đặc điểm của một số đối tượng hôn nhân và gia đình điển hình trong và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn hôn nhân và gia đình thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho hôn nhân và gia đình bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho hôn nhân và gia đình làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho hôn nhân và gia đình bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học hôn nhân và gia đình và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý hôn nhân và gia đình qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1.1 Khái niệm tham vấn hôn nhân và gia đình

1.1.1. Hôn nhân và gia đình

1.1.2. Tham vấn hôn nhân và gia đình

1.2. Một số vấn đề của gia đình

1.2.2. Một số vấn đề tâm lý thường gặp của thành viên gia đình

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn hôn nhân và gia đình

1.3.1. Mục đích tham vấn hôn nhân và gia đình

1.3.2. Vai trò của tham vấn hôn nhân và gia đình

1.3.2.1. Giúp gia đình nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp gia đình nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp gia đình nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho gia đình những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp gia đình ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn hôn nhân và gia đình

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho gia đình

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tổn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn hôn nhân và gia đình?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

2.1. Thiết lập mối quan hệ

2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề

2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện

2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình

3.1.1. Kỹ năng lắng nghe

- 3.1.1.1. Khái niệm
- 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
- 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.1.2.1. Khái niệm
 - 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.4.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.1.6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với hôn nhân và gia đình
- 3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn hôn nhân và gia đình
 - 3.2.1. Tổ chức trò chơi
 - 3.2.2. Hội tưởng – kể chuyện
 - 3.2.3. Tưởng tượng – kể chuyện
 - 3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh
 - 3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn hôn nhân và gia đình?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

CHƯƠNG IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH CẦN THAM VẤN

4.1. Gia đình có bạo lực

a. Khái niệm bạo lực gia đình

b. Vấn đề của gia đình

c. Nguyên cơ của gia đình

d. Quy trình, kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

4.2. Gia đình nghèo

a. Khái niệm nghèo

b. Vấn đề của gia đình

c. Nguyên nhân

d. Quy trình và kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

4.3. Gia đình có người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV

a. Khái niệm HIV/AIDS

b. Vấn đề của gia đình

c. Nguyên nhân

d. Quy trình và kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

1, Thực hành quy trình tham vấn đối với mỗi vấn đề gia đình?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc hôn nhân và gia đình. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAM VẤN TRẺ EM

1. Tên học phần: Tham vấn trẻ em

Tiếng Việt: THAM VẤN TRẺ EM

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ em: Khái niệm, các vấn đề của trẻ em, nhà tham vấn trẻ em

- Mô tả được qui trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em nói chung và một số đối tượng trẻ em đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ em cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ em để tham vấn các đối tượng trẻ em cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ em

- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế

- Sẵn sàng trợ giúp trẻ

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ em cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ em bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ em, vấn đề của trẻ, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em. Môn học giúp sinh viên hiểu về quy trình tham vấn trẻ em, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em. Ở học phần Tham vấn cơ bản, sinh viên đã được học về quy trình và kỹ năng tham vấn nói chung và đến học phần Tham vấn trẻ em, sinh viên sẽ được học về quy trình và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn đặc trưng dành cho đối tượng là trẻ em. Phần cuối cùng của học phần giới thiệu đặc điểm của một số đối tượng trẻ em điển hình trong lĩnh vực CTXH và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn cho nhóm trẻ này, bao gồm: Trẻ nghiện game/ internet; trẻ nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV; trẻ lang thang; trẻ vi phạm pháp luật.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ em thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ em qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ EM

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ em

1.1.1. Trẻ em

1.1.1.1. Công ước quốc tế

1.1.1.2. Luật Việt Nam

1.1.2. Tham vấn trẻ em

1.2. Một số vấn đề tâm lý và rối nhiễu tâm lý ở trẻ em

1.2.1. Một số rối loạn phát triển ở trẻ em

1.2.1.1. Khuyết tật trí tuệ

1.2.1.2. Rối loạn giao tiếp

1.2.1.3. Chậm phát triển ngôn ngữ

1.2.1.4. Tự kỷ

1.2.1.5. Khó khăn về học

1.2.2. Một số vấn đề tâm lý thường gặp ở trẻ em

1.2.2.1. Trầm cảm

1.2.2.1. Stress sau sang chấn

1.2.2.2. Rối loạn lo âu

1.2.2.3. Rối loạn hành vi ở trẻ

1.2.2.4. Khó khăn giao tiếp, thu mình

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ em

1.3.1.1. Mục đích mức độ 1: Mục đích căn bản

1.3.1.2. Mục đích mức độ 2: Mục đích của phụ huynh

1.3.1.3. Mục đích mức độ 3: Mục đích do nhà tham vấn đề ra

1.3.1.4. Mục đích mức độ 4: Mục đích của trẻ

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ em

1.3.2.1. Giúp trẻ nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống của trẻ.

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống của trẻ.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng trẻ

1.3.3.2. Không phán xét trẻ

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin liên quan đến trẻ

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tôn trọng tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ em?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN TRẺ EM

2.1. Thiết lập mối quan hệ

2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề

2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện

2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ EM

3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ em

3.1.1. Kỹ năng lắng nghe

3.1.1.1. Khái niệm

3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi

3.1.2.1. Khái niệm

3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu

3.1.3.1. Khái niệm

3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.1.4. Kỹ năng phản hồi

3.1.4.1. Khái niệm

3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.1.5. Kỹ năng tóm lược

3.1.5.1. Khái niệm

3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.1. 6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý

3.1.6.1. Khái niệm

3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng

3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ em

3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em

3.2.1. Tổ chức trò chơi

3.2.1.1. Loại đồ chơi

3.2.1.2. Phòng trưng bày đồ chơi

3.2.1.3. Trò chơi đóng vai

3.2.2. Hỏi tường – kể chuyện

3.2.3. Tường tường – kể chuyện

3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh

3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

CHƯƠNG IV. MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG TRẺ EM CẦN THAM VẤN

4.1. Trẻ em bị xâm hại tình dục

a. Khái niệm xâm hại tình dục

- b. Vấn đề của trẻ bị xâm hại tình dục
- c. Nguy cơ trẻ bị xâm hại tình dục
- d. Quy trình, kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

4.2. Trẻ em lang thang

- a. Khái niệm trẻ em lang thang
- b. Vấn đề của trẻ em lang thang
- c. Nguyên nhân khiến trẻ em lang thang
- d. Quy trình và kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

4.3. Trẻ em có và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

- a. Khái niệm HIV/AIDS
- b. Vấn đề của trẻ em có và ảnh hưởng bởi HIV
- c. Nguyên nhân khiến trẻ em có HIV
- d. Quy trình và kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

4.4. Trẻ em nghiện game và internet

- a. Khái niệm nghiện game, internet
- b. Vấn đề của trẻ em nghiện game, internet
- c. Hậu quả khi trẻ em nghiện game, internet
- d. Quy trình và kỹ năng và kỹ thuật tham vấn

1, Thực hành xây dựng quy trình tham vấn đối với mỗi đối tượng trẻ?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 4 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THAM VẤN TRẺ CHẬM PTTT VÀ TRẺ KHUYẾT TẬT

1. Tên học phần: Tham vấn trẻ chậm phát triển trí tuệ và trẻ khuyết tật

Tiếng Việt: THAM VẤN TRẺ CHẬM PTTT VÀ TRẺ KHUYẾT TẬT

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tham vấn cơ bản, Tâm lý học phát triển

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật: Khái niệm, các vấn đề của trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật, nhà tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

- Mô tả được qui trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật nói chung và một số đối tượng trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật đặc biệt trong Công tác xã hội.

6.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề của trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật cần trợ giúp và những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến vấn đề của trẻ.

- Vận dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật để thực hành ca giả định

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật để tham vấn các đối tượng trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật cần trợ giúp gồm trẻ lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện game, trẻ có và ảnh hưởng bởi HIV.

6.3. Thái độ:

- Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế
- Sẵn sàng trợ giúp trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Môn học giúp sinh viên hiểu về qui trình tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Công tác tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật thực hành. Dịch và biên tập Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2000

[2] Kathryn Geldard và David Geldard (sách dịch). Tham vấn thanh thiếu niên. Đại học Mở - Bán công TPHCM, Khoa Phụ nữ học, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội. ???

[3] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, 2005

[4] Unicef . Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật làm trái pháp luật, 2005

[5] Unicef. Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật bị lạm dụng. 2005

[6] Nguyễn Văn Siêm. Tâm bệnh học trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật và thanh thiếu niên. NXB Đại học Quốc gia, 2007

[7] Plan - Cục V26, Bộ công an. Nhận biết tâm lý trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật qua tranh vẽ. NXB khoa học và kỹ thuật, 2009

[8] Patricia H.Miler (sách dịch). Các thuyết về tâm lý học phát triển. NXB Văn hóa – Thông tin,

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %

- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %

- Điểm bài tập cá nhân: 20%

- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THAM VẤN TRẺ CHẬM PTTT VÀ TRẺ KHUYẾT TẬT

1.1 Khái niệm tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.1.1. Trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.1.2. Tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.2. Một số vấn đề của trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3. Mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3.1. Mục đích tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3.2. Vai trò của tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3.2.1. Giúp trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật nhận ra và đối mặt với những cảm xúc tiêu cực

1.3.2.2. Giúp trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật nhận thức được sự ảnh hưởng của những trải nghiệm trong quá khứ của các em, đến cách cư xử và hành vi hiện tại

1.3.2.3. Giúp trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật nói về vấn đề của mình và xử lý bất cứ trải nghiệm trong quá khứ có ảnh hưởng tiêu cực lên cuộc sống

1.3.2.4. Chuẩn bị cho trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật những thay đổi của cuộc sống trong thời gian tới.

1.3.2.5. Giúp trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật ra quyết định phù hợp nhằm cải thiện cuộc sống.

1.3.3. Nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3.3.1. Nguyên tắc chấp nhận và tôn trọng

1.3.3.2. Không phán xét

1.3.3.3. Dành quyền tự quyết cho trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.3.3.4. Đảm bảo bí mật thông tin

1.4. Các lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

1.4.1. Phân tâm học

1.4.2. Phát triển tâm lý xã hội

1.4.3. Phát triển nhận thức của Jean Piaget

1.4.4. Thuyết nhân văn

1.4.5. Thuyết tôn thương tâm lý

1, So sánh và làm rõ được điểm đặc trưng khái niệm tham vấn nói chung và tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương II: QUI TRÌNH THAM VẤN TRẺ CHẬM PTTT VÀ TRẺ KHUYẾT TẬT

2.1. Thiết lập mối quan hệ

2.2. Giai đoạn thu thập thông tin; nhận diện và đánh giá vấn đề

2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện

2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.6. Theo dõi

1, Áp dụng các giai đoạn trong quy trình tham vấn để thực hành tham vấn cho trường hợp?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

Chương III. MỘT SỐ KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG THAM VẤN TRẺ CHẬM PTTT VÀ TRẺ KHUYẾT TẬT

3.1. Một số kỹ năng sử dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật

- 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe
 - 3.1.1.1. Khái niệm
 - 3.1.1.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.1.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 3.1.2.1. Khái niệm
 - 3.1.2.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.2.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.1.3. Kỹ năng thấu hiểu
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.3.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.1.4. Kỹ năng phản hồi
 - 3.1.4.1. Khái niệm
 - 3.1.4.1. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.4.1. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.1.5. Kỹ năng tóm lược
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.5.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.1.6. Kỹ năng khuyến khích, làm rõ ý
 - 3.1.6.1. Khái niệm
 - 3.1.6.2. Cách thực hiện kỹ năng
 - 3.1.6.3. Lưu ý khi sử dụng trong tham vấn với trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
- 3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật
 - 3.2.1. Tổ chức trò chơi
 - 3.2.2. Hỏi tương – kể chuyện
 - 3.2.3. Tưởng tượng – kể chuyện
 - 3.2.4. Vẽ tranh, tô tranh

3.2.5. Ghi chép: Nhật ký, sự kiện

1, Phân tích được những khó khăn khi thực hiện kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 3 chương.

Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Trần Thị Minh Đức. Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Giáo trình hướng dẫn đào tạo tham vấn cho giáo viên, Tổ chức Plan tại Việt Nam, 2010

[2] Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Tài liệu tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ chậm PTTT và trẻ khuyết tật. Quyển 1, NXB Lao động – Xã hội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

11.57. Thực hành tham vấn

1. Tên học phần: Thực hành tham vấn

Tiếng Việt: THỰC HÀNH THAM VẤN

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

- + Lý thuyết: 0 tiết
- + Thảo luận, thực hành: 45 tiết
- + Kiểm tra/ đánh giá: 1
- + Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- + Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tham vấn vào thực hành

6.2. Kỹ năng:

- + Thuần thục kỹ năng cơ bản
- + Tiến hành được 1 ca tham vấn cơ bản

6.3. Thái độ:

- + Có ý thức sống, học tập và thái độ chuyên nghiệp

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần nhằm củng cố kiến thức phần tham vấn tâm lý cơ bản. Nội dung thực hành gồm các kỹ năng cơ bản theo quy trình tham vấn đã được học.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Thị Minh Đức, Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB ĐHQG HN, 2009

[2]. Trần Thị Minh Đức, Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG I: THỰC HÀNH KỸ NĂNG

- 1.1. Kỹ năng quan sát
- 1.2. Kỹ năng xử lý im lặng
- 1.3. Kỹ năng thấu cảm
- 1.4. Kỹ năng xây dựng kế hoạch cùng thân chủ
- 1.5. Kỹ năng thấu cảm

1, Phân tích được được khái niệm, vai trò, đặc điểm, thành phần, những cơ sở chung, các loại kế hoạch và một số hình thức trình bày kế hoạch?

- Phương pháp thảo luận
- + Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút
- + Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút
- + Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau
- + Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trịnh Thị Chinh, Quản trị ngành Công tác xã hội, NXB Lao động – Xã hội (2012)

[2]. Lê Chí An (Biên dịch), Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh (1998)

[3]. Robert Ashton_Xuân Nguyễn dịch, 2012, Kế hoạch cuộc đời_700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn, Nhà xuất bản Trẻ, Tp.HCM.

CHƯƠNG II. THỰC HÀNH QUY TRÌNH THAM VẤN

- 2.1. Xây dựng mối quan hệ tin tưởng với thân chủ

- 2.2. Thu thập thông tin và xác định vấn đề
 - 2.3. Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện
 - 2.4. Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề
 - 2.5. Kết thúc và lượng giá
 - 2.6. Theo dõi sau kết thúc
 - 2.7. Xác định và đánh giá những rủi ro, thách thức khi thực hiện kế hoạch.
- Phương pháp thực hành

CHƯƠNG III. THỰC HÀNH LOẠI HÌNH THAM VẤN

- 3.1. Thực hành tham vấn trực tiếp
 - 3.1.1. Thực hành tham vấn cá nhân
 - 3.1.2. Thực hành tham vấn nhóm
 - 3.2. Thực hành tham vấn gián tiếp
 - 3.2.1. Thực hành tham vấn qua điện thoại
 - 3.2.2. Thực hành tham vấn qua thư, email
 - 3.2.3. Thực hành tham vấn qua mạng
- Phương pháp thực hành

CHƯƠNG III. THỰC HÀNH CA THAM VẤN

- 4.1. Các vấn đề học đường
 - 4.2. Các vấn đề hôn nhân gia đình
 - 4.3. Các vấn đề sức khỏe tâm thần
 - 4.4. Các vấn đề xung đột tâm lý
- Phương pháp thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

1. Tên học phần: Giáo dục kỹ năng sống

Tiếng Việt: GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

- Hiểu, trình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống và mối quan hệ giữa chúng

- Hiểu, phân tích và phân biệt được hệ thống các giá trị sống, kỹ năng sống cơ bản.

6.2. Kỹ năng:

- Biết suy ngẫm về ý nghĩa của từng giá trị sống, kỹ năng sống để đối thoại nội tâm một cách tích cực và hành động có trách nhiệm.

- Vận dụng được các kiến thức về giá trị sống và kỹ năng sống vào cuộc sống và học tập của cá nhân, và trong nghề công tác xã hội có hiệu quả.

- Thực hành các biện pháp giúp bản thân trở nên mạnh mẽ, tự tin và biết cách tạo dựng được mối quan hệ tích cực với người khác.

6.3. Thái độ:

- Có ý thức ứng dụng kiến thức của giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống vào cuộc sống và công việc từ đó thể hiện thái độ tích cực trong quá trình học tập và rèn luyện.

- Có cái nhìn tích cực, tôn trọng những giá trị của bản thân và của người khác, có niềm tin vào cuộc sống và định hướng tương lai.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Giáo dục kỹ năng sống thuộc khối kiến thức chuyên ngành công tác xã hội sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống bao gồm: khái niệm, vai trò, phân loại, nguyên tắc, phương pháp và lịch sử hình thành của giáo dục kỹ năng sống; giá trị sống và mối quan hệ với kỹ năng sống; hệ thống các kỹ năng sống cơ bản phù hợp cho sinh viên ngành công tác xã hội. Từ đó hình thành cho sinh viên những kỹ năng sống cơ bản trên sự tiếp cận những giá trị sống.

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thanh Bình, Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống. NXB Đại học sư phạm (2009)

[2] Bùi Ngọc Diệp, Phương Nga, Bùi Thanh Xuân: Cẩm nang giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thanh Bình, Giáo dục kỹ năng sống, giáo trình cao đẳng sư phạm. NXB Đại học sư phạm (2007)

[2]. Diane Tillman, Những giá trị sống cho tuổi trẻ. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2010)

[3]. Tổ chức PLAN tại Việt Nam, Tập huấn về kỹ năng sống cho học sinh trong trường giáo dưỡng, Tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên. NXB Lao động. (2010).

[4] Huỳnh Văn Sơn, Nhập môn kỹ năng sống, NXB Giáo dục, 2006.

[5]. Lưu Thu Thủy và nhóm tác giả, Tài liệu hướng dẫn tập huấn giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các trung tâm học tập cộng đồng, NXB Chính trị quốc gia . (2006).

[6]. Tài liệu Hội thảo về giáo dục Kỹ năng sống của các nước trong khu vực, Hội nghị Băng Cốc – Thái Lan tháng 9/2003

[7]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo dục Kỹ năng sống trong hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học phổ thông, Tài liệu dành cho giáo viên. NXB Giáo dục. (2010)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

1. Khái niệm

1.1. Kỹ năng sống

1.1.1. Kỹ năng sống là gì?

1.1.2. Đặc điểm của kỹ năng sống

1.1.3. Phân loại KNS

1.1.4. Tầm quan trọng của kỹ năng sống

1.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc hình thành kỹ năng sống

1.2. Giáo dục kỹ năng sống là gì?

1.3. Lợi ích của giáo dục KNS

1.4. Mục tiêu của giáo dục KNS

1.5. Nguyên tắc giáo dục KNS

1.6. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống

1.7. Con đường giáo dục kỹ năng sống

2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục kỹ năng sống

2.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục kỹ năng sống

2.2.Nhiệm vụ nghiên cứu của giáo dục kỹ năng sống

2.3.Phương pháp nghiên cứu của giáo dục kỹ năng sống

3. Lịch sử hình thành và phát triển giáo dục kỹ năng sống

3.1.Sự hình thành và phát triển giáo dục kỹ năng sống trên thế giới

3.2.Sự hình thành và phát triển giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe giảng do GV trình bày

- Thảo luận nhóm:

+ Vai trò của kỹ năng sống

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành KNS

+ Phân tích lợi ích, vai trò của giáo dục kỹ năng sống

+ Các nguyên tắc và phương pháp của giáo dục kỹ năng sống

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu

- Ghi chép, chuẩn bị bài thảo luận, chuẩn bị câu hỏi...

Hình thức đánh giá:

- Bảng bài powpoint trình bày tại lớp tại lớp (hoặc gửi qua mail)

CHƯƠNG 2. GIÁ TRỊ SỐNG VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG

2.1.Giá trị sống là gì?

2.1.1. Một số quan niệm về giá trị

2.1.2. Định nghĩa về giá trị sống

2.1.3. Đặc điểm của giá trị sống

2.2. Các giá trị sống

2.2.1. Các giá trị sống phổ quát

2.2.2. Các giá trị sống truyền thống

2.2.3. Các giá trị sống của thanh niên

2.3. Mối quan hệ giữa giá trị sống và kỹ năng sống

2.3.1. Giá trị sống là nền tảng để định hướng, hình thành kỹ năng sống

2.3.2. Kỹ năng sống là công cụ để thể hiện giá trị sống

Câu hỏi ôn tập chương II

Kiểm tra giữa kỳ: 1 tiết

Hình thức tổ chức dạy học:

- Tự học: Mục 2.2.2 và 2.2.3

- Nghe giảng do GV trình bày: Mục 2.1

- Bài tập: Các bài tập về giá trị sống từ cuốn tài liệu của Diane Tillman, Những giá trị sống cho tuổi trẻ. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2010)

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu: Diane Tillman, Những giá trị sống cho tuổi trẻ. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2010).

- Nghe giảng, ghi chép

- Bài tập:

+ Suu tầm các câu chuyện hoặc các trải nghiệm của bản thân về các giá trị hoà bình, yêu thương, hạnh phúc, khoan dung, tôn trọng, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, tự do, đoàn kết.

- Thảo luận:

+ Nêu, phân tích và cho ví dụ về các giá trị sống truyền thống của người Việt Nam và của thanh niên hiện nay.

+ Nêu và phân tích mối quan hệ của Giá trị sống và kỹ năng sống.

Hình thức đánh giá:

Viết bài thu hoạch: trong các giá trị sống phổ quát mà anh chị đã học, anh chị tâm đắc nhất với giá trị sống nào? Hãy xây dựng kế hoạch để hình thành cho mình giá trị đó.

CHƯƠNG III. NHỮNG KỸ NĂNG SỐNG CƠ BẢN

3.3. Nhóm kỹ năng tư duy (dựa trên trụ cột “ Học để biết,)

3.3.1. Kỹ năng tư duy phê phán

3.3.1.3. Khái niệm

3.3.1.4. Các bước của tư duy phê phán

3.3.1.5. Những câu hỏi cần đặt ra khi tư duy phê phán

3.3.1.6. Rèn luyện kỹ năng tư duy phê phán

3.3.2. Kỹ năng tư duy sáng tạo

- 3.3.2.3. Khái niệm
- 3.3.2.4. Các kiểu tư duy sáng tạo
- 3.3.2.5. Rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo
- 3.1.3. Kỹ năng tư duy tích cực
 - 3.1.3.1. Khái niệm
 - 3.1.3.2. Các bước của tư duy tích cực
 - 3.1.3.3. Rèn luyện kỹ năng tư duy tích cực
- 3.1.4. Kỹ năng ra quyết định
 - 3.1.4.1. Khái niệm
 - 3.1.4.2. Tiến trình ra quyết định
 - 3.1.4.3. Rèn luyện kỹ năng ra quyết định
- 3.1.5. Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - 3.1.5.1. Khái niệm
 - 3.1.5.2. Tiến trình ra quyết định và giải quyết vấn đề
 - 3.1.5.3. Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề
- 3.2. Nhóm kỹ năng nhận biết và sống với chính mình (dựa trên trụ cột “Học để làm người,,)
 - 3.2.1. Kỹ năng tự nhận thức
 - 3.2.1.1. Khái niệm
 - 3.2.1.2. Cách hình thành kỹ năng tự nhận thức
 - 3.2.1.3. Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức
 - 3.2.2. Kỹ năng xác định giá trị
 - 3.2.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2.2. Cách xác định và lựa chọn giá trị
 - 3.2.2.3. Rèn luyện kỹ năng xác định giá trị
 - 3.2.3. Kỹ năng kiên định
 - 3.2.3.1. Khái niệm
 - 3.2.3.2. Cách thể hiện kỹ năng kiên định
 - 3.2.3.3. Rèn luyện kỹ năng kiên định
 - 3.2.4. Kỹ năng quản lý cảm xúc

- 3.2.4.1. Khái niệm
- 3.2.4.2. Các bước để quản lý cảm xúc
- 3.2.4.3. Rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc
- 3.2.5. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng
- 3.2.5.1. Khái niệm
- 3.2.5.2. Các bước ứng phó với căng thẳng
- 3.2.5.3. Rèn luyện kỹ năng ứng phó với căng thẳng
- 3.2.6. Kỹ năng quản lý thời gian và tiền bạc
- 3.2.6.1. Khái niệm
- 3.2.6.2. Cách quản lý thời gian và tiền bạc
- 3.2.6.3. Rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian và tiền bạc
- 3.3. Nhóm kỹ năng nhận biết và sống với người khác (dựa trên trụ cột “Học để sống cùng nhau”)
- 3.3.1. Kỹ năng thiết lập và nuôi dưỡng quan hệ
- 3.3.1.1. Khái niệm
- 3.3.1.2. Cách thiết lập và nuôi dưỡng quan hệ.
- 3.3.1.3. Rèn luyện kỹ năng thiết lập và nuôi dưỡng quan hệ
- 3.3.2. Kỹ năng chấp nhận sự khác biệt
- 3.3.2.1. Khái niệm
- 3.3.2.2. Các cách để chấp nhận sự khác biệt
- 3.3.2.3. Rèn luyện kỹ năng chấp nhận sự khác biệt
- 3.3.3. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực
- 3.3.3.1. Khái niệm
- 3.3.3.2. Cách giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực
- 3.3.3.3. Rèn luyện kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực
- 3.3.4. Kỹ năng từ chối
- 3.3.4.1. Khái niệm
- 3.3.4.2. Các bước thể hiện kỹ năng từ chối
- 3.3.4.3. Rèn luyện kỹ năng từ chối
- 3.3.5. Kỹ năng thương lượng

3.3.5.1. Khái niệm

3.3.5.2. Các bước khi thương lượng

3.3.5.3. Rèn luyện kỹ năng thương lượng

3.4. Nhóm kỹ năng thực hiện công việc và các nhiệm vụ (tiếp cận theo trụ cột “Học để làm việc”)

3.4.1. Kỹ năng xác định mục tiêu

3.4.1.1. Khái niệm

3.4.1.2. Cách xác định mong muốn hiện thực và mục tiêu

3.4.1.3. Rèn luyện kỹ năng xác định mục tiêu

3.4.2. Kỹ năng lập kế hoạch

3.4.2.1. Khái niệm

3.4.2.2. Năm câu hỏi cần thiết khi lập kế hoạch

3.4.2.3. Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch

3.4.3. Kỹ năng làm việc đồng đội

3.4.3.1. Khái niệm

3.4.3.2. Các cách làm việc đồng đội có hiệu quả

3.4.3.3. Rèn luyện kỹ năng làm việc đồng đội

3.4.4. Kỹ năng sử dụng nguồn lực hiệu quả

3.4.4.1. Khái niệm

3.4.4.2. Các cách sử dụng nguồn lực hiệu quả

3.4.4.3. Rèn luyện kỹ năng sử dụng nguồn lực hiệu quả

3.4.5. Kỹ năng làm việc thiện nguyện phục vụ cộng đồng

3.4.5.1. Khái niệm

3.4.5.2. Các cách làm việc thiện nguyện phục vụ cộng đồng có hiệu quả

3.4.5.3. Rèn luyện kỹ năng làm việc thiện nguyện phục vụ cộng đồng

3.4.6. Kỹ năng lãnh đạo

3.4.6.1. Khái niệm

3.4.6.2. Các phương pháp lãnh đạo

3.4.6.3. Rèn luyện kỹ năng lãnh đạo

Câu hỏi ôn tập chương III

Hình thức tổ chức dạy học:

- Nghe giảng do GV trình bày: Mục khái niệm và cách thực hiện các kỹ năng
- Bài tập: Các bài tập về kỹ năng
- Thực hành: Rèn luyện các kỹ năng

Yêu cầu sinh viên:

- Đọc tài liệu:

[1]. Nguyễn Thanh Bình, Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống. NXB Đại học sư phạm (2009)

[2] Bùi Ngọc Diệp, Phương Nga, Bùi Thanh Xuân: Cẩm nang giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010.

- Nghe giảng, ghi chép lý thuyết về các kỹ năng
- Bài tập: Làm các bài tập kỹ năng
- Thảo luận: Cách thức thực hiện các kỹ năng
- Thực hành: Thực hành các nhóm kỹ năng

Hình thức đánh giá:

Viết bài thu hoạch: yêu cầu sinh viên chọn các tình huống thực tế trong cuộc sống và giải quyết các tình huống đó.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

1. Tên học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

Tên tiếng Việt: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 2 (1,1)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 15 tiết. Trong đó, kiểm tra/đánh giá: 02 tiết
- Thảo luận, thực hành: 15 tiết
- Tự học: 60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Về kiến thức: Với môn học này sinh viên sẽ lĩnh hội được:

- Các vấn đề cơ bản về nhóm và kỹ năng làm việc nhóm.
- Nắm được kiến thức về việc giải quyết các vấn đề trong nhóm, đánh giá hiệu quả làm việc nhóm và phát triển nhóm làm việc hiệu quả

6.2. Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc hiệu quả; Có kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả làm việc nhóm trong các hoạt động cụ thể.

6.3. Về thái độ: Hình thành thái độ làm việc phù hợp, hiệu quả trong các hoạt động làm việc nhóm, có ý thức chủ động hơn trong công tác tổ chức các hoạt động Đoàn và phong trào thanh thiếu niên.

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học Kỹ năng làm việc nhóm cung cấp những kiến thức tổng quan về nhóm và kỹ năng làm việc nhóm, giúp sinh viên nắm được các đặc tính cơ bản của nhóm, các thành7 tố cấu trúc của hoạt động làm việc nhóm. Đồng thời, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, biết cách tổ chức các hoạt động trong nhóm, giải quyết những tình huống phát sinh và đưa ra được giải pháp nhằm phát huy hiệu quả làm việc nhóm trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên.

8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Cơ sở Công tác xã hội, Khoa Công tác xã hội.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp
- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

10.1. Giáo trình bắt buộc:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), Đề cương bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm.

10.2. Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Đồng Linh (2017), Chuyên đề kỹ năng làm việc nhóm.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- | | |
|---|-----|
| - Chuyên cần: | 10% |
| - Kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian: 90 phút): | 20% |
| - Điểm thảo luận, bài tập cá nhân: | 20% |
| - Thi cuối kỳ (thi viết tiểu luận): | 50% |

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÓM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 04 tiết, thảo luận 04 tiết

1.1. Khái niệm

1.2. Các đặc điểm cơ bản của nhóm

1.3. Phân loại nhóm

1.4. Quy chế tổ chức trong nhóm

1.4.1. Người lãnh đạo nhóm

1.4.2. Người góp ý

- 1.4.3. Người bổ sung
 - 1.4.4. Người giao dịch
 - 1.4.5. Người điều phối
 - 1.4.6. Người tham gia ý kiến
 - 1.4.7. Người giám sát
 - 1.5. Thông tin trong nhóm
 - 1.5.1. Những phương pháp thông tin
 - 1.5.2. Lựa chọn những phương pháp thông tin
 - 1.5.3. Thông tin nội bộ
 - 1.5.4. Duy trì sự giao tiếp
 - 1.5.5. Tránh sự trùng lặp
 - 1.5.6. Thông tin như thác đổ
 - 1.6. Các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm
 - 1.6.1. Hình thành
 - 1.6.2. Xung đột
 - 1.6.3. Giai đoạn bình thường hóa
 - 1.6.4. Giai đoạn hoạt động trôi chảy
- Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Nhóm là gì? Phân biệt nhóm chính thức và nhóm không chính thức? Phân tích các đặc điểm cơ bản của nhóm? Phân tích các yếu tố tổ chức trong nhóm?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), Đề cương bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm.

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 04 tiết, thảo luận 04 tiết

2.1. Khái niệm

2.1.1. Kỹ năng

- 2.1.2. Làm việc nhóm
- 2.1.3. Kỹ năng làm việc nhóm
- 2.2. Các thành tố cấu trúc của hoạt động làm việc nhóm
- 2.3. Vai trò của kỹ năng làm việc nhóm đối với công tác Đoàn và phong trào thanh niên
- 2.4. Các nguyên tắc làm việc nhóm
 - 2.4.1. Nguyên tắc tạo sự đồng thuận
 - 2.4.2. Thiết lập các mối quan hệ
 - 2.4.3. Khuyến khích sự sáng tạo
 - 2.4.4. Phát sinh những ý kiến mới
 - 2.4.5. Học cách ủy thác
 - 2.4.6. Khuyến khích mọi người phát biểu
 - 2.4.7. Chia sẻ trách nhiệm
 - 2.4.8. Nguyên tắc đảm bảo tính linh hoạt
- 2.5. Quá trình làm việc nhóm
 - 2.5.1. Tại lần họp đầu tiên
 - 2.5.2. Những lần gặp sau
 - 2.5.3. Lần họp cuối cùng trước khi hoàn thành công việc

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Khái niệm kỹ năng làm việc nhóm? Phân tích các thành tố cấu trúc của hoạt động làm việc nhóm? Phân tích ví dụ về các nguyên tắc làm việc nhóm? Xây dựng một kế hoạch làm việc nhóm theo từng giai đoạn của quá trình làm việc nhóm?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), Đề cương bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm.

CHƯƠNG 3. GIẢI QUYẾT Mâu THUẬN TRONG NHÓM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 02 tiết, thảo luận/Thực hành: 03 tiết

3.1. Làm thấm nhuần tinh thần đồng đội

- 3.2. Nhận ra các vấn đề
- 3.3. Chuyện trò với từng người
- 3.4. Xử sự với người gây ra vấn đề
- 3.5. Giải quyết mâu thuẫn
- 3.6. Sử dụng cách giải thích vấn đề

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Phân tích tình huống và thực hành giải quyết các mâu thuẫn trong nhóm?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), Đề cương bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm.

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC NHÓM

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 02 tiết, thảo luận/thực hành 02 tiết

- 4.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá
- 4.2. Ý nghĩa của việc đánh giá kết quả
- 4.3. Đo lường sự thực hiện của nhân viên
 - 4.3.1. Tài chính
 - 4.3.2. Thời gian
 - 4.3.3. Chất lượng
 - 4.3.4. Sự tiến triển
- 4.4. Hiệu quả lãnh đạo
- 4.5. Hiệu quả làm việc của các thành viên trong nhóm

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Thực hành làm việc nhóm và đánh giá hiệu quả làm việc nhóm trong một hoạt động cụ thể?

- Cách thảo luận: thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm), sơ đồ hóa nội dung yêu cầu, phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2017), Đề cương bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm.

CHƯƠNG 5. PHÁT TRIỂN NHÓM LÀM VIỆC HIỆU QUẢ

Phân bổ thời gian: Lý thuyết 03 tiết, thực hành/thảo luận 03 tiết

5.1. Những khó khăn thường gặp trong hoạt động làm việc nhóm

5.1.1. Sự nể nang trong các mối quan hệ

5.1.2. Người đứng đầu áp đặt, bảo thủ

5.1.3. Sự thụ động, ỷ lại của các thành viên trong nhóm

5.1.4. Sự phân tán chú ý của các thành viên trong nhóm

5.2. Các yếu tố của một nhóm làm việc hiệu quả

5.2.1. Mục tiêu

5.2.2. Động lực

5.2.3. Sự đồng thuận giữa các thành viên trong nhóm

5.2.4. Người lãnh đạo có đủ uy tín và được mọi người tôn trọng

5.2.5. Nhận thức của các thành viên trong nhóm đối với vai trò, trách nhiệm của mình

5.3. Quy luật phát triển nhóm

5.3.1. Luôn quan tâm phát triển nhóm

5.3.2. Đề con người phát triển

5.3.3. Xây dựng sự nghiệp

Hướng dẫn thảo luận:

- Câu hỏi thảo luận: Những khó khăn thường gặp trong hoạt động làm việc nhóm? Phân tích các yếu tố của một nhóm làm việc làm hiệu quả? Trên cơ sở các quy luật phát triển nhóm, hãy đề xuất biện pháp cho cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lãnh đạo nhóm hoạt động hiệu quả.

- Cách thảo luận: Thảo luận theo nhóm (8-10 sinh viên/nhóm) từng nhóm xây dựng 01 chính sách theo yêu cầu, phân tích và trình bày kết quả, giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Tên học phần: Kỹ năng xây dựng kế hoạch

Tiếng Việt: KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Mã học phần:

2. Số tín chỉ: 1

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba, thứ tư

4. Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 10 tiết

+ Thảo luận, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra/ đánh giá: 1

+ Tự học: 60

5. Điều kiện tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức:

+ Hiểu được những kiến thức tổng quan về kế hoạch và lập kế hoạch trong công tác xã hội

+ Trình bày được qui trình xây dựng kế hoạch nói chung và kế hoạch trợ giúp cho thân chủ nói riêng.

+ Vận dụng được kiến thức vào trong quá trình xây dựng kế hoạch cho bản thân, kế hoạch trợ giúp đối tượng,....

6.2. Kỹ năng:

+ Thuần thục kỹ năng xây dựng kế hoạch

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho bản thân.

+ Kỹ năng thực hiện kế hoạch trợ giúp thân chủ.

6.3. Thái độ:

+ Có ý thức sống, học tập và làm việc theo kế hoạch.

+ Sẵn sàng học tập và làm việc theo kế hoạch

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kỹ năng xây dựng kế hoạch trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học xây dựng cho mình kế hoạch học tập, kế hoạch cho công việc phù hợp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kế hoạch hành động trợ giúp của nhân viên xã hội đối với đối tượng, cũng như mẫu kế hoạch trợ giúp cho đối tượng. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả..

8. Bộ môn phụ trách

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân được giao
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đặng Thị Diệu Hiền, 2013, Bài giảng Kỹ năng xây dựng kế hoạch, Trường ĐH SPKT TP. HCM

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trịnh Thị Chinh, Quản trị ngành Công tác xã hội, NXB Lao động – Xã hội (2012)

[2]. Lê Chí An (Biên dịch), Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh (1998)

[3]. Robert Ashton_Xuân Nguyễn dịch, 2012, Kế hoạch cuộc đời_700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn, Nhà xuất bản Trẻ, Tp.HCM.

[4]. Kim Nguyệt tuyển dịch, 2011, Click vào thời gian, Nhà xuất bản Phụ nữ.

[5]. Dr. Yan Yager_Hồ Văn Hiệp dịch, 2010, Nghệ thuật Quản Lý thời gian sáng tạo cho kỷ nguyên mới, Nxb Văn Hoá Sài Gòn.

[6]. Nguyễn Ngọc Lâm. Sách bỏ túi dành cho Nhân viên xã hội. NXB Đại học Mở- Bán Công TP.HCM

[7]. Harvard Business School Press, 2007, Quản lý thời gian – Bộ sách cẩm nang kỹ năng bỏ túi, Nxb Tri thức, 2007.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 10 %
- Điểm bài tập cá nhân: 20%
- Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 60 %

12. Thang điểm: 10 (lấy một số thập phân)

13. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LẬP KẾ HOẠCH

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm kế hoạch

1.1.2. Khái niệm kỹ năng lập kế hoạch

1.2. Vai trò, đặc điểm, thành phần của kế hoạch

1.2.1. Vai trò của kế hoạch

1.2.2. Đặc điểm của kế hoạch

1.2.3. Thành phần của kế hoạch

1.3. Cơ sở chung của việc lập kế hoạch

1.3.1. Căn cứ lập kế hoạch

1.3.2. Các nguyên tắc lập kế hoạch

1.3.3. Phương pháp xây dựng kế hoạch

1.4. Các loại kế hoạch

1.4.1. Theo thời gian

1.4.2. Theo cấp độ kế hoạch

1.4.3. Theo mục đích hoạt động

1.4.4. Theo đối tượng thực hiện

1.5. Một số hình thức trình bày kế hoạch

1.5.1. Trình bày kế hoạch theo dạng văn bản

1.5.2. Trình bày kế hoạch theo dạng bảng

1.5.3. Trình bày kế hoạch theo sơ đồ tư duy

1.5.4. Trình bày kế hoạch theo dạng sơ đồ Gantt

1, Phân tích được được khái niệm, vai trò, đặc điểm, thành phần, những cơ sở chung, các loại kế hoạch và một số hình thức trình bày kế hoạch?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ chương 1.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trịnh Thị Chinh, Quản trị ngành Công tác xã hội, NXB Lao động – Xã hội (2012)

[2]. Lê Chí An (Biên dịch), Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh (1998)

[3]. Robert Ashton_Xuân Nguyễn dịch, 2012, Kế hoạch cuộc đời_700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn, Nhà xuất bản Trẻ, Tp.HCM.

Chương II. TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

2.1. Phân tích nguồn lực và đánh giá cơ hội

2.1.1. Xác định nguồn lực

2.1.2. Đánh giá cơ hội

2.1.3. Kỹ năng phân tích nguồn lực và đánh giá cơ hội trong xây dựng kế hoạch công tác xã hội

2.2. Xác định mục tiêu

2.2.1. Các loại mục tiêu

2.2.2. Tính chất của mục tiêu

2.2.3. Yêu cầu của mục tiêu

2.2.4. Phương pháp xác định mục tiêu

2.2.5. Kỹ năng xác định mục tiêu trong xây dựng kế hoạch công tác xã hội

2.3. Xác định nội dung kế hoạch

2.3.1. Nội dung cơ bản trong kế hoạch

2.3.2. Nội dung cơ bản trong kế hoạch công tác xã hội

2.4. Xác định thời gian, địa điểm và nguồn nhân lực thực hiện

2.4.1. Xác định thời gian thực hiện

2.4.2. Xác định địa điểm thực hiện

2.4.3. Xác định nguồn nhân lực thực hiện

2.5. Xác định phương pháp tổ chức thực hiện kế hoạch

2.6. Xác định cách thức kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch

2.7. Xác định và đánh giá những rủi ro, thách thức khi thực hiện kế hoạch.

1, Đánh giá được cách phân tích nguồn lực, đánh giá cơ hội, xác định mục tiêu, xác định nội dung, xác định thời gian, địa điểm và nguồn nhân lực thực hiện, xác định phương pháp tổ chức thực hiện, xác định cách thức kiểm tra, giám sát, xác định và đánh giá những rủi ro, thách thức trong quá trình xây dựng kế hoạch.?

- Phương pháp thảo luận

+ Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong 60 phút

+ Từng nhóm lên trình bày trong 15 phút

+ Các nhóm góp ý bổ sung cho nhau

+ Giáo viên nhận xét cho từng nhóm và cho cả lớp về nội dung thảo luận

Tự học: Ôn lại toàn bộ 2 chương.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trịnh Thị Chinh, Quản trị ngành Công tác xã hội, NXB Lao động – Xã hội (2012)

[2]. Lê Chí An (Biên dịch), Quản trị ngành Công tác xã hội, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh (1998)

[3]. Robert Ashton_Xuân Nguyễn dịch, 2012, Kế hoạch cuộc đời_700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn, Nhà xuất bản Trẻ, Tp.HCM.